

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024

THÍCH ỨNG HOÀN CẢNH
CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ

Mục lục

1	GIỚI THIỆU TỔNG QUAN	6
1.1	Báo cáo thường niên năm 2024	6
1.2	Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo thường niên	6
1.3	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	8
1.4	Thông điệp của Tổng giám đốc	10
1.5	Hành trình 2024	11
1.6	Thành tựu nổi bật năm 2024	11
1.7	Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	13
1.8	Quá trình hình thành và phát triển	14
1.9	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	15
1.9.1	Lĩnh vực kinh doanh.....	15
1.9.2	Quy mô sản xuất.....	17
1.9.3	Địa bàn kinh doanh.....	18
1.10	Chuỗi giá trị của ngành dệt may	19
1.11	Triết lý kinh doanh.....	22
1.12	Mô hình kinh doanh.....	28
1.13	Vị thế của Sợi Thế Kỳ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng.....	28
1.14	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	30
1.15	Tình hình Công ty con, Công ty liên kết.....	32
2	TÌNH HÌNH KINH TẾ 2024	34
2.1	Tình hình kinh tế vĩ mô, biến đổi khí hậu và chính trị trên Thế giới	34
2.2.	Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam.....	38
3.	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	52
3.1.	Gắn kết tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững.....	52
3.2.	Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty.....	62
3.3.	Phân tích SWOT	69
3.4.	Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2027	70
4.	QUẢN TRỊ RỦI RO	72
4.1.	Mục tiêu của quản trị rủi ro.....	72
4.2.	Hệ thống quản trị rủi ro của STK	73
4.3.	Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro	75

4.4.	Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu	75
4.5.	Phạm vi công việc và kết quả kiểm toán nội bộ các năm 2023-2024	79
5.	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	80
5.1.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024	80
5.1.1.	Tình hình thực hiện so với cùng kỳ	80
5.1.2.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch	82
5.1.3.	Tình hình tài chính	83
5.2.	Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	89
5.2.1.	Đánh giá chung của Ban điều hành	91
5.2.2.	Cơ cấu tài sản – nguồn vốn hợp nhất	91
5.2.3.	Đánh giá tình hình vay nợ	93
5.2.4.	Đánh giá ảnh hưởng từ biến động của lãi vay và tỷ giá hối đoái	94
5.2.5.	Đánh giá về tình hình tài chính	94
5.2.6.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	95
5.3.	Dự báo kết quả kinh doanh năm 2025	96
5.4.	Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán	97
5.5.	Phát triển nguồn nhân lực	97
5.5.1.	Phúc lợi cho người lao động	99
5.5.2.	Công tác đào tạo	102
6.	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	104
6.1.	Tình hình thực hiện Dự án của Công ty mẹ	104
6.2.	Tình hình thực hiện Dự án của Công ty con	104
7.	CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	105
7.1.	Thông tin cổ phiếu	105
7.2.	Lý do đầu tư cổ phiếu STK	106
7.3.	Cổ phần và Cơ cấu cổ đông	106
7.4.	Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết năm 2024 113	
7.5.	Giao dịch cổ phiếu quỹ	113
7.6.	Các chứng khoán khác	113
7.7.	Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu	113
7.8.	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	115

7.9.	Chính sách chi trả cổ tức.....	115
7.10.	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	116
8.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	118
8.1.	Nguyên tắc Quản trị Công ty	118
8.2.	Mô hình quản trị.....	118
8.3.	Thông tin về Hội đồng quản trị.....	119
8.4.	Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2024.....	123
8.4.1.	Các cuộc họp HĐQT	123
8.4.2.	Các cuộc họp riêng của Thành viên HĐQT độc lập	123
8.4.3.	Các Nghị quyết của HĐQT	123
8.4.4.	Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHĐCĐ	125
8.4.5.	Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty:	127
8.4.6.	Các tiểu ban HĐQT	127
8.4.7.	Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.....	127
8.4.8.	Đánh giá hoạt động của HĐQT	129
8.4.9.	Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban điều hành.....	129
8.4.10.	Đánh giá của HĐQT về tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-lao động-xã hội	130
8.4.10.1.	Chiến lược PTBV	131
8.4.10.2.	Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững.....	132
8.4.11.	Các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra năm 2025	135
8.4.12.	Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty năm 2024	135
8.5.	Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2025.....	135
8.6.	Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2025.....	136
9.	BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	137
9.1.	Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát	137
9.2.	Hoạt động của Ban kiểm soát	137
9.3.	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát	138
9.3.1.	Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024	138
9.3.2.	Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT.....	139
9.3.3.	Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Ban điều hành	139
9.3.4.	Giám sát tình hình tài chính của Công ty	139

9.3.5.	Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2024	140
9.3.6.	Kết quả giải quyết khiếu nại của Cổ đông đối với Công ty (nếu có).....	140
9.3.7.	Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2025	140
10.	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN	140
10.1.	Ngăn ngừa xung đột lợi ích.....	140
10.2.	Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan	141
10.3.	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2024.....	142
10.4.	Giao dịch với đối tượng khác.....	142
10.5.	Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành.....	143
10.5.1.	Lương, thưởng và thù lao của HĐQT	143
10.5.2.	Lương, thưởng và thù lao của BKS.....	143
10.5.3.	Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành.....	143
11.	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI.....	144
11.1.	Chiến lược phát triển bền vững.....	144
11.2.	Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững	146
11.3.	Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường	149
11.4.	Báo cáo tác động đến môi trường	149
11.4.1.	Vật liệu sử dụng.....	150
11.4.2.	Nhiên liệu tiêu thụ	151
11.4.3.	Nước tiêu thụ	156
11.4.4.	Phát thải	157
11.4.5.	Nước thải và Chất thải.....	164
11.4.6.	Tuân thủ về môi trường	166
11.5.	Thị trường vốn xanh.....	166
12.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT.....	167

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTN	Báo cáo thường niên	GTGT	Giá trị gia tăng
BKS	Ban kiểm soát	HĐQT	Hội đồng quản trị
CBCNV	Cán bộ công nhân viên	HSX, HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
CP	Cổ phần, cổ phiếu	IMF	Quỹ tiền tệ thế giới
DN	Doanh nghiệp	POY	Partially Oriented Yarn
DTY	Drawn Textured Yarn	PTBV	Phát triển bền vững
FDY	Fully Drawn Yarn	TGD	Tổng giám đốc
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	THPT	Trung học phổ thông
GRS	Global Recycle Standard (tiêu chuẩn tái chế toàn cầu)	TNCN	Thu nhập cá nhân
GPM	Biên lợi nhuận gộp	ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu
y-o-y	So sánh với cùng kỳ năm ngoái	ROS	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu
ROA	Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản		

1 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1.1 Báo cáo thường niên năm 2024

Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ cung cấp tổng quát các thông tin tài chính và phi tài chính về môi trường, lao động và xã hội trong năm tài chính 2024.

Chúng tôi phát hành báo cáo điện tử có định dạng PDF, được lập bằng Tiếng Việt và được dịch sang Tiếng Anh nhằm tiếp cận được đa dạng đối tượng các bên liên quan. Quý nhà đầu tư có thể tìm đọc tại đường dẫn đăng trên Website của Công ty: <https://theky.vn/index.php/2020/08/31/bao-cau-thuong-nien/>.

Hoặc quét mã QR Code



BCTN 2024

**“Thích ứng hoàn cảnh
Chuyên mình mạnh mẽ”**

Một doanh nghiệp để tồn tại trong môi trường kinh doanh cạnh tranh cần hiểu rõ các yếu tố ngoại sinh và nguồn lực nội tại của doanh nghiệp.

*Chúng tôi luôn chú trọng đến sự thỏa mãn của nhu cầu khách hàng, lấy đó làm động lực và kim chỉ nan cho các kế sách, chiến lược phát triển của mình: **thích ứng hoàn cảnh để chuyên mình mạnh mẽ***

1.2 Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy và chuẩn mực áp dụng trong Báo cáo thường niên

- ✓ Thành phần của báo cáo
 - Báo cáo thường niên
 - Báo cáo Ban điều hành
 - Báo cáo ban kiểm soát
 - Báo cáo quản trị Công ty
 - Báo cáo phát triển bền vững
 - Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất
 - Báo cáo tài chính kiểm toán chuẩn quốc tế.
- ✓ Phạm vi của báo cáo
 - Niên độ năm tài chính: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- ✓ Các chuẩn mực áp dụng
 - Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS
 - Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS
 - Thẻ điểm quản trị ASEAN
 - Các quy trình theo chuẩn mực ISO
 - Chứng chỉ GRS, Oeko-Tex100
 - Chuẩn mực GRI.
- ✓ Trách nhiệm đảm bảo tính tin cậy của Báo cáo thường niên

- Dữ liệu tài chính: thống nhất với BCTC năm 2024 đã được Công ty TNHH E&Y kiểm toán độc lập.
- Dữ liệu về ngành trong nước và quốc tế: dữ liệu tổng cục Hải quan-xuất nhập khẩu của các nước đối chiếu; Cơ sở dữ liệu của Liên Hợp Quốc (UN Comtrade); các báo cáo kinh tế, ngành dệt may được đăng tải công khai.
- Dữ liệu liên quan đến hoạt động Công ty.
- Dữ liệu về HĐQT, BKS: thống nhất với Báo cáo quản trị năm 2024.
- Dữ liệu về cổ đông: Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

1.3 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, Đối tác và Toàn thể Cán bộ Nhân viên của Sợi Thế Kỷ

Năm 2024 đã khép lại với những kết quả chưa đạt như kỳ vọng. Dầu vậy, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý vị vì đã luôn đồng hành cùng Công ty trong giai đoạn đầy thách thức vừa qua. Tôi tin rằng, “sau cơn mưa, trời lại sáng”, và cùng với Ban lãnh đạo STK, tôi vững tin rằng năm 2025 sẽ là cột mốc đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ của Công ty, giúp STK từng bước phục hồi và phát triển sau những bất ổn của giai đoạn hậu Covid, trong bối cảnh chịu nhiều tác động từ diễn biến chính trị, suy giảm nhu cầu tiêu dùng, gián đoạn chuỗi cung ứng và áp lực cạnh tranh gay gắt từ sợi Trung Quốc.

Năm 2025 với sự hỗ trợ từ nhà máy Unitex, dự kiến sẽ đi vào vận hành thương mại từ Quý II/2025, chúng tôi tự tin có thể cung cấp những sản phẩm cao cấp hơn, đa dạng hơn với giá trị gia tăng cao hơn cho khách hàng.

Mặc dù doanh thu trong năm 2024 có sự suy giảm, STK vẫn duy trì được biên lợi nhuận ổn định ở mức 13.5%. Tỷ lệ đóng góp của sợi tái chế trong tổng doanh thu đạt 44.5% – tuy có giảm so với mức 49.5% của năm 2023 do nhu cầu sợi tái chế toàn cầu suy giảm và yếu tố giá cả trở thành ưu tiên hàng đầu trong năm 2024.

Trước sức ép cạnh tranh từ sợi tái chế Trung Quốc, trong năm 2024, STK đã cùng một số doanh nghiệp trong ngành đệ trình hồ sơ lên Bộ Công Thương đề nghị rà soát thuế chống bán phá giá đối với sợi có xuất xứ từ Trung Quốc nhập khẩu vào Việt Nam. Hiện tại, Bộ Công Thương đã chấp thuận tiến hành rà soát, đây là một tín hiệu tích cực đối với ngành sợi trong nước.

Về công tác quản trị, chúng tôi đang triển khai các biện pháp chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua các điều chỉnh quan trọng liên quan đến điều lệ và cơ cấu tổ chức của Công ty.

Tôi cũng rất tiếc khi kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 không thể thực hiện đúng dự kiến do sự kéo dài của kế hoạch phát hành riêng lẻ. Tuy nhiên, Công ty sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ dự kiến 45% – cao hơn đáng kể so với mức 15%/năm trong những năm trước đây.

Bên cạnh đó, trong năm 2024, STK đã thành công bán ra 1,500,000 cổ phiếu quỹ cho NĐT tự do và 1,041,650 cổ phiếu quỹ theo chương trình ESOP, tạo điều kiện cho nhân viên sở hữu cổ phần Công ty. Nhà máy Unitex cũng đã vinh dự đón tiếp nhiều nhà đầu tư cá nhân và tổ chức đến tham quan trong năm qua. Đây là nguồn động viên lớn lao và là tín hiệu tích cực cho thấy tiềm năng thu hút thêm các nhà đầu tư chiến lược. Khi đi vào hoạt động, Unitex sẽ góp phần đáng kể vào việc gia tăng công suất sản xuất của Công ty, tạo điều kiện mở rộng quy mô và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây sẽ là bước đệm quan trọng, giúp STK nắm bắt những cơ hội mới, thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu và lợi nhuận, từng bước hiện thực hóa mục tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2025.

Để đạt được những mục tiêu này, chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ từ Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý khách hàng và Đối tác. Với sự dẫn dắt của đội ngũ lãnh đạo giàu

kinh nghiệm cùng tinh thần đổi mới, sáng tạo không ngừng, tôi tin rằng STK sẽ từng bước chinh phục những cột mốc quan trọng, khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường.

Trân trọng,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẶNG MỸ LINH

1.4 Thông điệp của Tổng giám đốc

Kính thưa Quý Nhà đầu tư và các Bên liên quan,

Chúng tôi trân trọng gửi đến Quý vị Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (STK). Báo cáo này không chỉ cung cấp bức tranh toàn cảnh về tình hình xuất khẩu ngành dệt may, mà còn mang đến những thông tin quan trọng về hoạt động nội tại của Công ty trong năm qua.

Năm 2024 với nhiều biến động, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 1,210.3 tỷ đồng, giảm 15.1% nhưng biên lợi nhuận gộp vẫn duy trì ở mức 13.5% bằng các năm trước. Dù đối mặt với không ít thách thức, chúng tôi vẫn duy trì vị thế vững chắc, tiếp tục là một trong bốn nhà sản xuất sợi Polyester hàng đầu tại Việt Nam. Chúng tôi chủ động nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm sợi màu, sợi mang tính năng đặc biệt, sợi có giá trị gia tăng cao nhằm mở rộng tệp khách hàng, gia tăng doanh thu, mở rộng thị phần và cải thiện biên lợi nhuận gộp.

Những giải thưởng danh giá mà Công ty đạt được trong năm qua, bao gồm **Top 10 Doanh nghiệp Bền vững** trong khuôn khổ chương trình CSI100, **Top 2 Báo cáo Phát triển Bền vững, Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam - VNCG50**, cùng **Giải khuyến khích Hiệu quả Năng lượng trong Công nghiệp năm 2024**, là minh chứng rõ nét cho định hướng phát triển bền vững mà Công ty kiên trì theo đuổi.

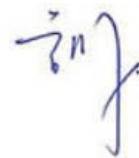
Trong bối cảnh nhiều thương hiệu lớn đẩy mạnh cam kết chống biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và hướng đến mục tiêu net-zero vào năm 2050, Công ty được các thương hiệu đánh giá cao nhờ đáp ứng xuất sắc các tiêu chí ESG. Những thành tựu này không chỉ khẳng định cam kết của chúng tôi trong việc tích hợp hoạt động kinh doanh với trách nhiệm bảo vệ môi trường mà còn giúp Công ty đáp ứng và vượt qua kỳ vọng ngày càng cao từ khách hàng.

Với nền tảng vững chắc về máy móc, thiết bị, con người và công nghệ mà STK đã xây dựng, cùng với uy tín thương hiệu đã được khẳng định, chúng tôi sẵn sàng “bứt phá” trong năm 2025. Sự kiện Nhà máy Unitex đi vào vận hành thương mại vào quý 2/2025 sẽ không chỉ giúp gia tăng năng lực sản xuất mà còn mở rộng thị phần, thu hút thêm khách hàng mới và tăng trưởng đơn hàng. Đây chính là tiền đề quan trọng để chúng tôi đặt ra mục tiêu **“thích ứng hoàn cảnh, chuyển mình mạnh mẽ”** vào năm 2025.

Chặng đường phía trước vẫn còn nhiều thách thức, nhưng với sự đồng hành và tin tưởng của Quý nhà đầu tư cùng các đối tác, chúng tôi tin có thể thực hiện được mục tiêu này.

Trân trọng

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG TRIỆU HÒA

1.5 Hành trình 2024

Tổ chức ĐHCĐ 2024	Thực hiện kiểm toán năng lực, thành lập Ban quản lý năng lực		Đưa nhà máy Unitex đi vào sản xuất thử		
	28/02/2024	02/05/2024 - 05/06/2024	Q2/2024	26/09/2024	Tháng 9/2024 26/12/2024
	Bán 1,041,650 cổ phiếu quỹ cho nhân viên và bán 1,500,000 cổ phiếu quỹ ra công chúng		Tăng vốn điều lệ tại Unitex từ 522 tỷ lên 644 tỷ		Nộp hồ sơ phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức 2023

1.6 Thành tựu nổi bật năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	Chỉ tiêu	Tỷ lệ
1	Tổng tài sản hợp nhất	3,811.2	Sợi tái chế trên Doanh thu	44.5%
2	Vốn chủ sở hữu hợp nhất	1,707.4	GPM %	13.5%
3	Tổng doanh thu bán hàng hợp nhất	1,210.3	ROS %	1.0%
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	12.4	ROA %	0.3%
5	Vốn điều lệ	966.4	ROE %	0.7%

Các giải thưởng 2024

Cuộc bình chọn top 100 Doanh nghiệp PTBV trong khuôn khổ chương trình CSI100

Top 10 trên 100 doanh nghiệp bền vững trong khuôn khổ chương trình CSI100
9 năm liên tiếp đạt giải



Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2024 do HOSE, HNX tổ chức

Giải nhì báo cáo phát triển bền vững
9 năm liên tiếp nằm trong top đầu về chất lượng Báo cáo Phát triển bền vững

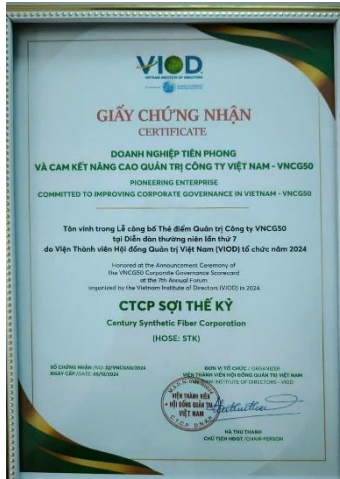


Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất - nhóm ngành phi tài chính



Diễn đàn thường niên lần thứ 7 do Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức năm 2024

Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam - VNCG50



Giải thưởng hiệu quả năng lượng trong công nghiệp - công trình xây dựng năm 2024 do Bộ Công Thương phối hợp (VECEA) tổ chức.

Đạt giải khuyến khích hiệu quả năng lượng trong công nghiệp năm 2024



1.7 Tổng quan Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ
Tên tiếng Anh	Century Synthetic Fiber Corporation.
Tên giao dịch	Century Corp.
GCNĐKDN lần thứ 21	0302018927.
Vốn điều lệ	966,369,240,000 đồng.
Vốn chủ sở hữu	1,707,355,003,808 đồng.
Địa chỉ Trụ sở chính	B1-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại	+ 84.028 3790 7565 / +84.276 389 9536.
Fax	84.028 3790 7566 / +84.276 389 9537.
Website	www.thekey.vn
Email	csf@century.vn
Mã chứng khoán	STK (HSX).
Mã số thuế doanh nghiệp	0302018927

1.8 Quá trình hình thành và phát triển

- 2000**

 - Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi ngày 01/06/2000
 - Sản phẩm chính: DTY
 - Công suất ban đầu: 4,800 tấn sợi DTY/ năm.
 - Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược
- 2005**

 - Công ty TNHH Sợi Thế Kỳ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ.
 - Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất
- 2008**

 - Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14,500 tấn POY/ năm & 15,000 tấn DTY/ năm.
 - Phát triển sản phẩm mới FDY
- 2011**

 - Mở rộng công suất toàn Công ty lên 29,500 tấn POY/năm và 37,000 tấn DTY & FDY/ năm.
 - Niêm yết trên HOSE, phát triển thành công sản phẩm mới sợi tái chế
- 2015**

 - Tổng công suất đạt khoảng 52,000 tấn DTY & FDY/năm từ nhà máy Trảng Bàng 3.
 - Bắt đầu sản xuất sợi tái chế
- 2016**

 - Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60,000 tấn DTY và FDY/năm.
- 2017**

 - Tận dụng cơ hội từ thị trường – Gặt hái thành công
 - Nâng tổng công suất lên 63,300 tấn/năm.
 - Kiên định thực hiện mục tiêu
- 2019**

 - Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20% so với cùng kỳ
- 2020**

 - Phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch
 - Đạt được mục tiêu về lợi nhuận năm 2020 sau khi điều chỉnh
 - Sản phẩm chiến lược Sợi tái chế vẫn duy trì ở mức lợi nhuận cao
 - Triển khai dự án điện mặt trời áp mái.
 - Lừa thử vàng, gian nan thử sức

- Triển khai Dự án mở rộng công suất ở Công ty con
- 2021**
 - Dự án điện năng lượng mặt trời đi vào hoạt động, giảm phát thải CO2
 - Lợi nhuận năm 2021 vượt kế hoạch.
 - Kiên trì với chiến lược kinh doanh cốt lõi
- 2022**
 - Dự án mở rộng công suất ở Công ty con đang trong quá trình xây dựng
 - Áp dụng các sáng kiến PTBV, tái chế và tái sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất sợi tái chế.
- 2023**
 - Dự án Unitex đang triển khai, nâng tổng công suất toàn Công ty lên 99,300 tấn/năm.
- 2024**
 - **Nhà máy Unitex đã hoàn thiện, chạy thử ổn định 100%. Dự kiến đi vào hoạt động thương mại từ Q2.2025**

1.9 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

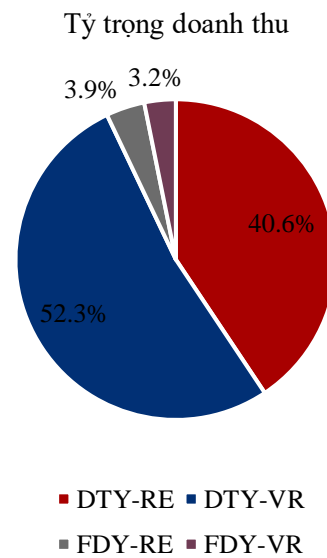
1.9.1 Lĩnh vực kinh doanh

STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài Polyester, bao gồm sợi





- DTY (Drawn Textured Yarn) và
- FDY (Fully Drawn Yarn).

Sản phẩm mới: Trong năm 2024, công ty đã sản xuất thử nghiệm thành công và sẽ ra mắt thêm một số sản phẩm mới, vừa có khả năng bảo vệ môi trường do làm từ nguyên liệu tái chế hay sợi màu vừa có giá trị gia tăng cao với các tính năng đặc biệt như:

- Sợi COOL FEEL
- Sợi **FDY 08 Mountain Flat Yarn**
- Sợi chập spandex
- Sợi 5 trong 1 (có các tính năng như mát, chống tia cực tím, chống dính, nhanh khô, hút ẩm).



Các sản phẩm đang sản xuất

DTY		FDY		Cationic Dyeable Yarn	
	Semi-Dull	Semi-Dull		CD 50%	
	Full-Dull	Full-Dull		CD 100%	
	High CR	Dope Dye Black			
	Quick Dry	Mountain Flat Yarn			
	Soft package				
	Cool Feel				
	Dope Dye Black				

Các sản phẩm mới

Special dull, Fur-like, Quick Dry

Air-Covering Yarn

Special Cool-Feeling Yarn

FDY 08 Mountain Flat Yarn



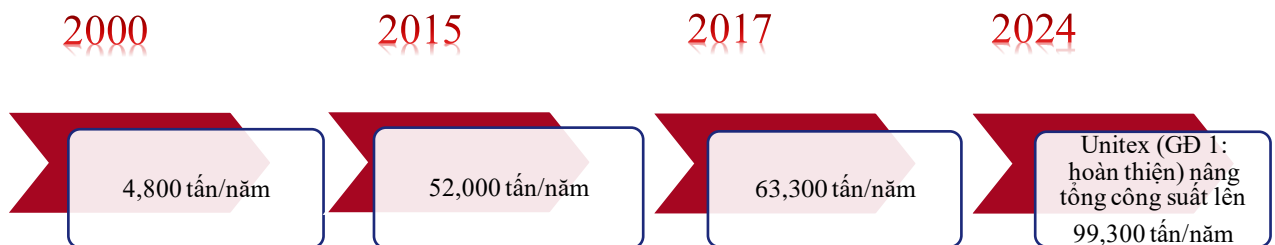


Sản phẩm sợi được sử dụng để sản xuất quần áo thể thao-dã ngoại, giày thể thao, túi vải Polyester, trang phục bơi, rèm-màn cửa, đệm bọc xe hơi, băng quấn y tế...

1.9.2 Quy mô sản xuất

Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng trên với tổng diện tích là 80,000 m².

Năm 2023, Sợi Thế Kỳ có xây dựng thêm Nhà máy Sợi, Dệt nhuộm Unitex và hoàn thiện vào năm 2024. Hiện tại Nhà máy đã được chạy thử ổn định 100% và dự kiến đi vào hoạt động thương mại từ Q2.2025, mở rộng thêm 60% công suất hiện tại. Nâng tổng công suất toàn Công ty lên 99,300 tấn/năm.





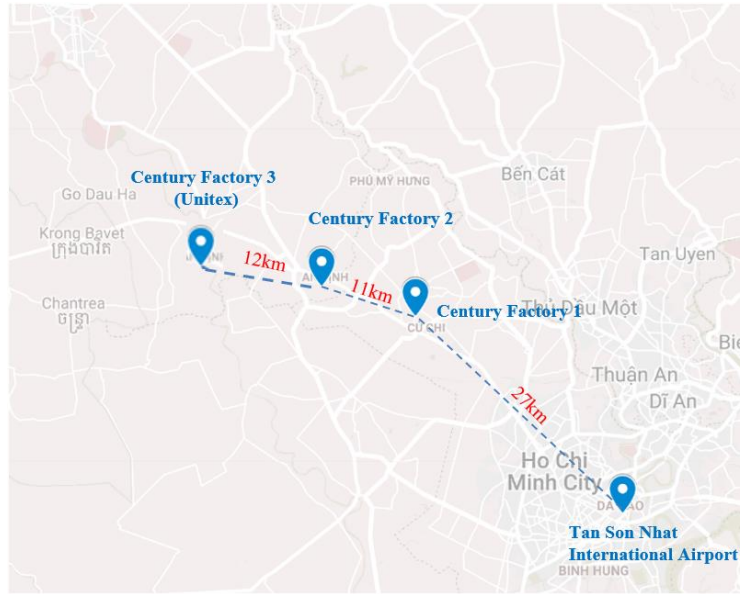
3 spinning/texturizing factories



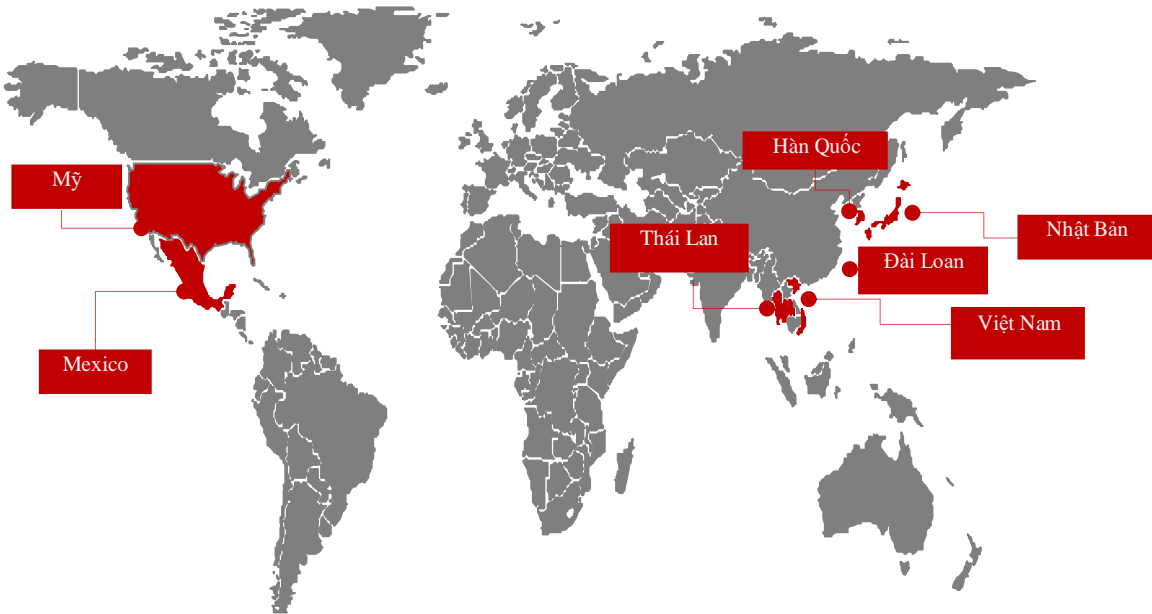
180,000 square meters

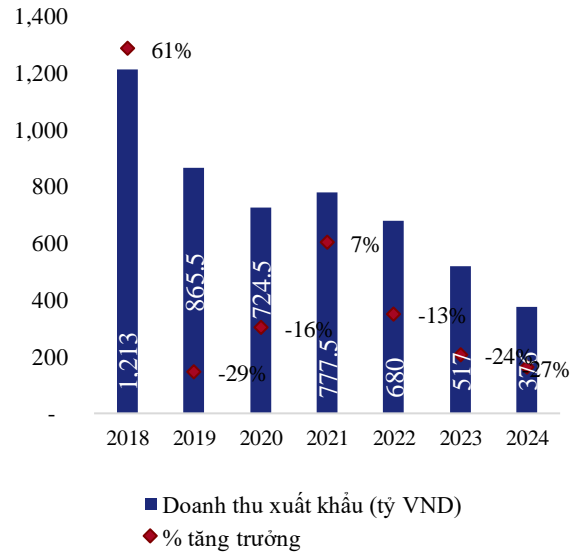
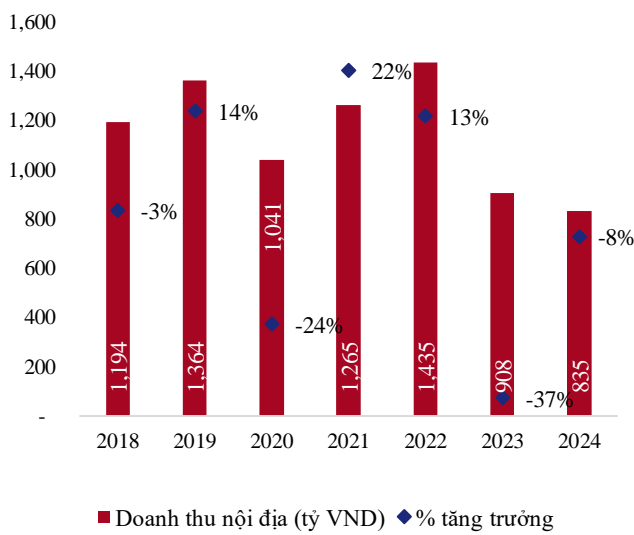


999 employees



1.9.3 Địa bàn kinh doanh



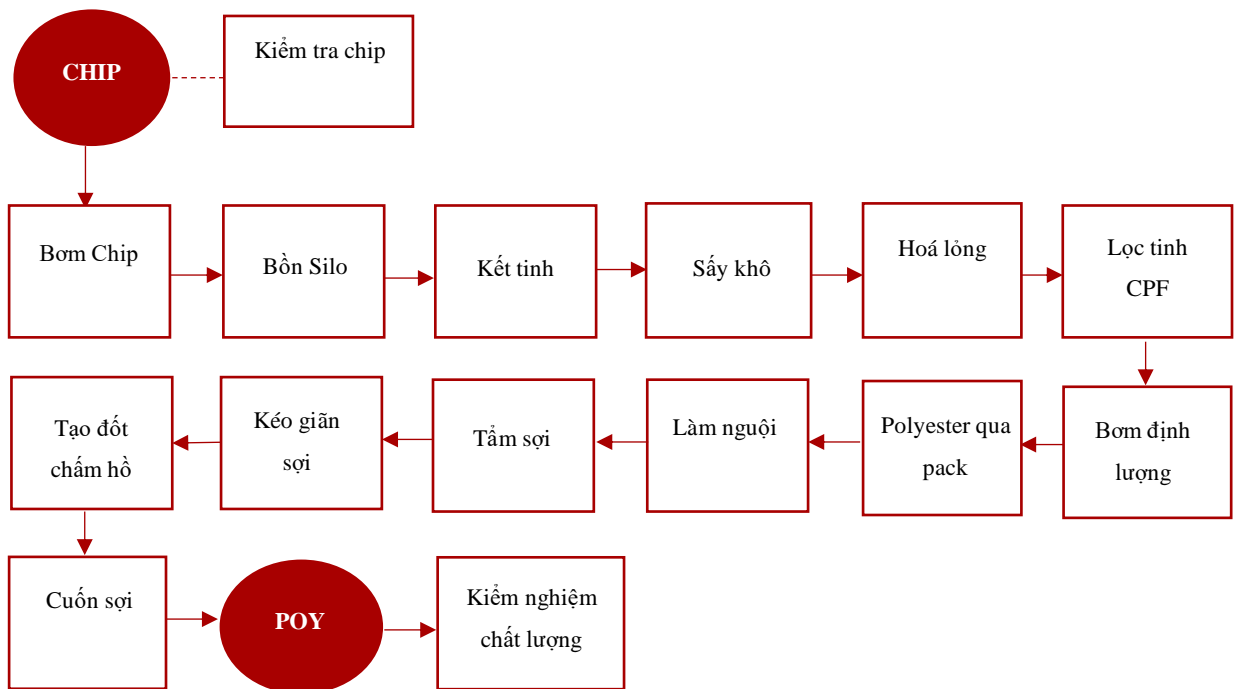


1.10 Chuỗi giá trị của ngành dệt may

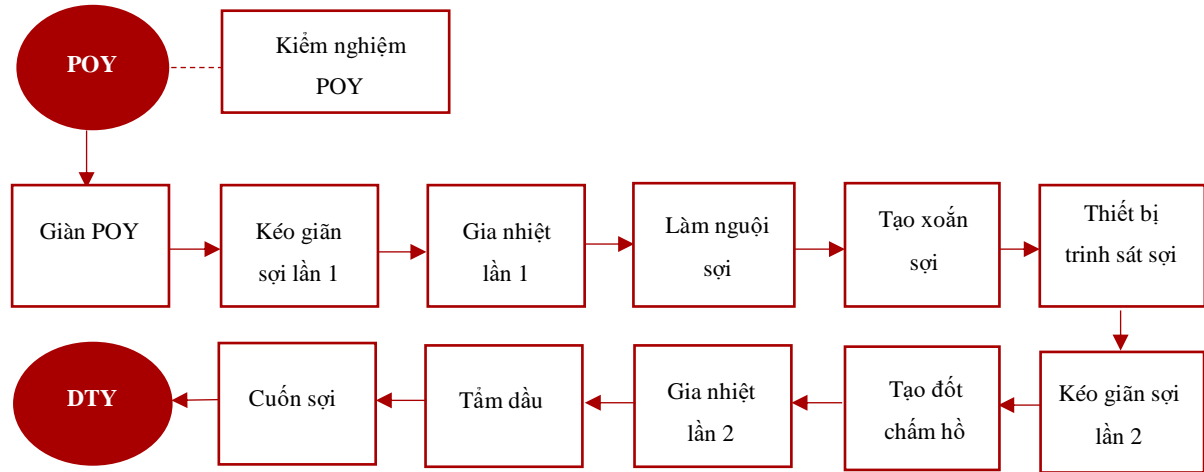


Quy trình sản xuất sợi ở Sợi Thế Kỳ

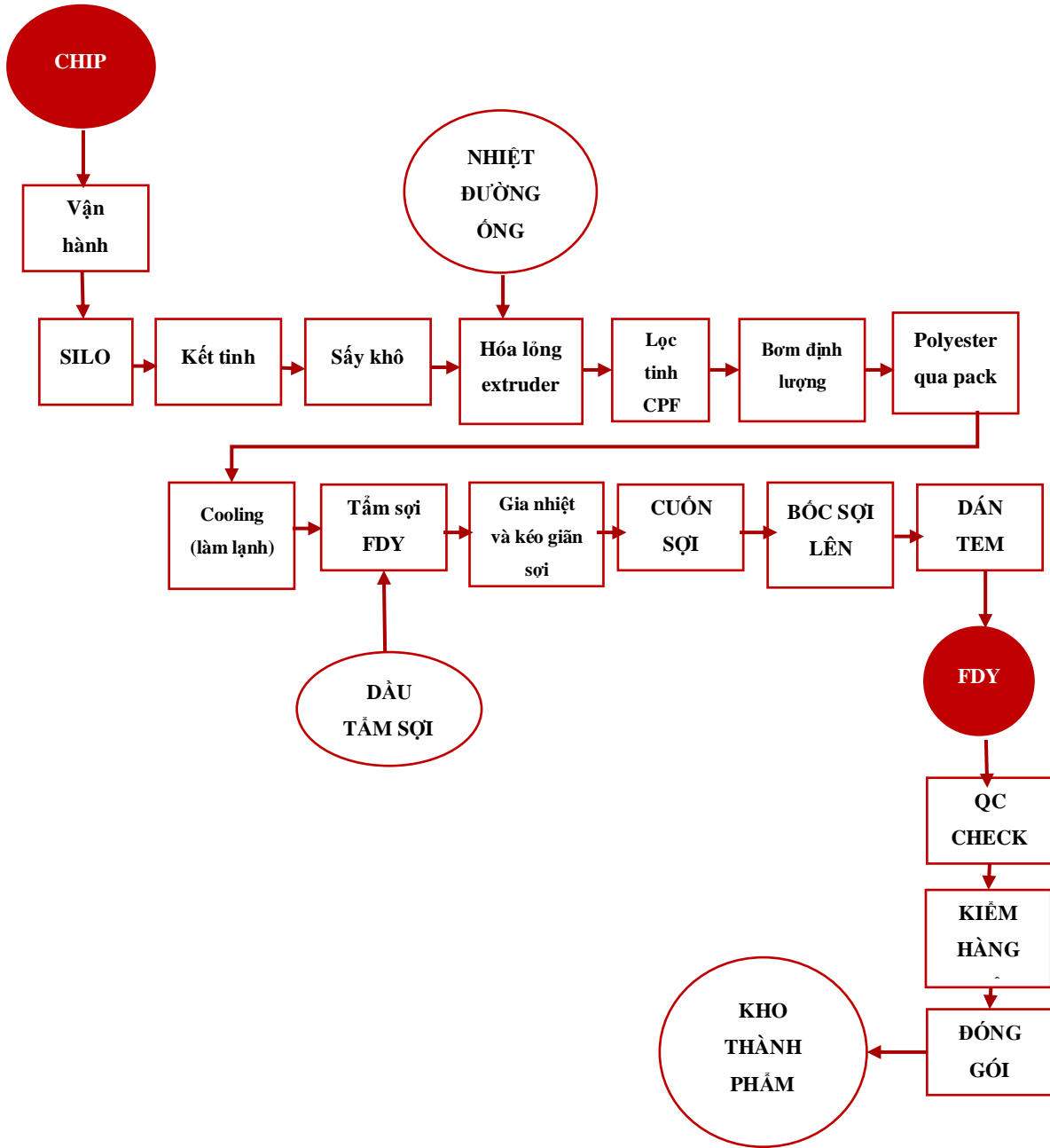
Sản xuất POY



Sản xuất DTY



Sản xuất FDY



1.11 Triết lý kinh doanh

TÂM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

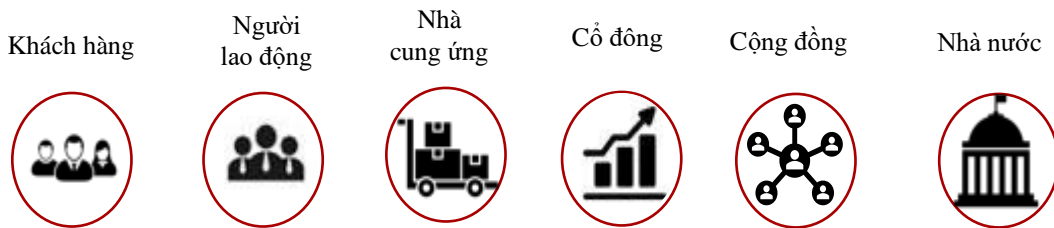
CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

CAM KẾT

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.

Gắn kết hệ giá trị mang lại lợi ích cho các bên liên quan



PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

- Mang đến cho KH các SP-DV có chất lượng cao với giá cả hợp lý;
- Sản phẩm thân thiện với môi trường;
- Quy trình sản xuất đạt chuẩn quốc tế; nguồn NVL có xuất xứ rõ ràng.

ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC

- Gắn kết chặt chẽ với các bên liên quan;
- Sử dụng các nguồn lực để mang lại giá trị cao nhất cho các bên.

LIÊN TỤC CẦU TIẾN

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, thị trường mới để gia tăng hiệu quả kinh tế;
- Áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản lý sản xuất, chi phí, lợi nhuận; các rủi ro đến từ nội bộ Công ty.

CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

- Chia sẻ lợi ích với các bên liên quan như cổ đông, người lao động: phát hành cổ tức, chào bán cổ phiếu với giá ưu đãi;
- Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng.

Gắn kết giá trị các bên liên quan

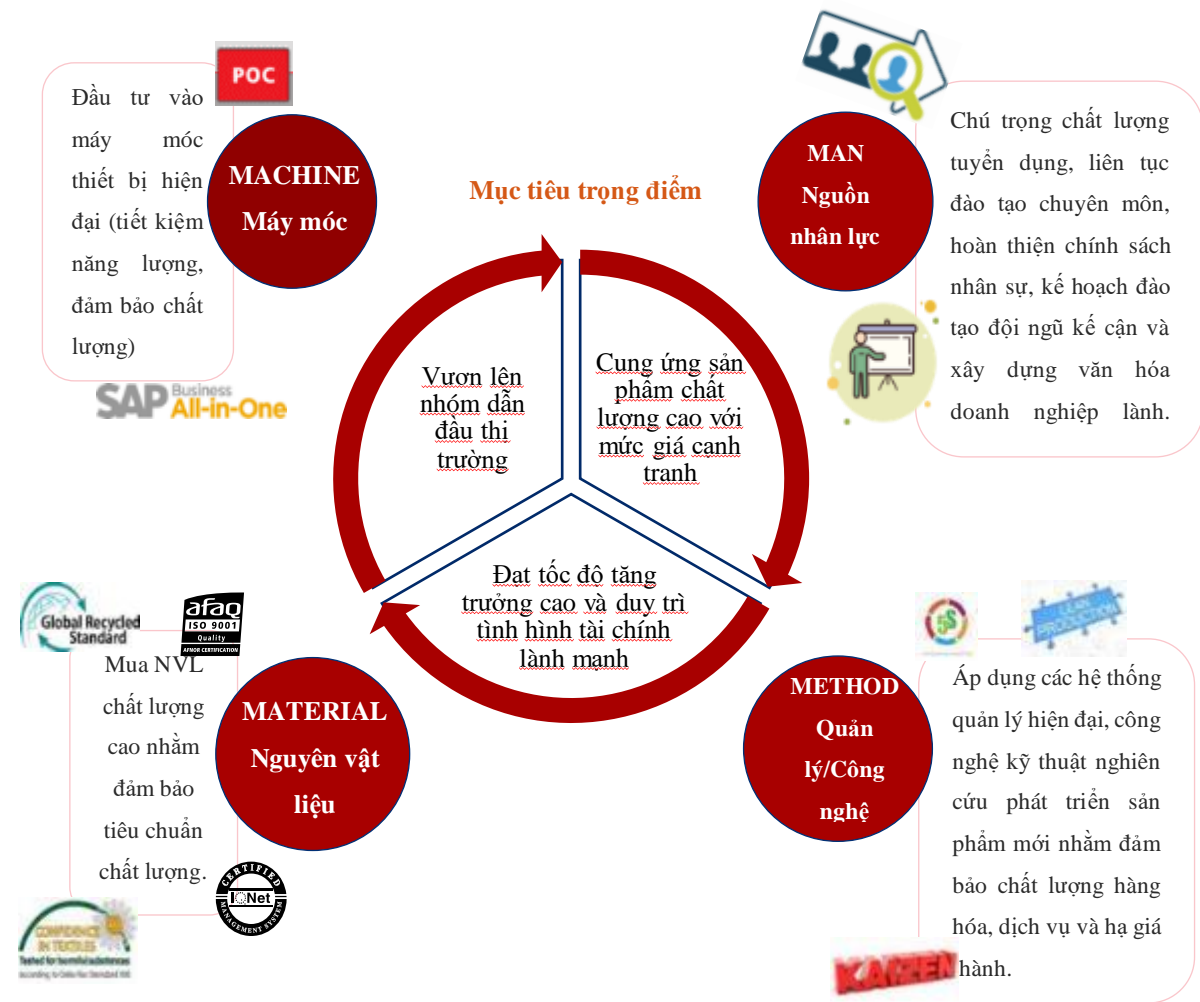
Các bên liên quan	Kênh tiếp cận với các bên liên quan	Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan	Hành động của STK 2024 để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
<p>Cổ đông</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cuộc họp ĐHCĐ. • Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư. • Hội thảo và tham quan nhà máy. • Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails. • Bản tin IR, Investor Day, Analyst’s meetings, factory visit. 	<ul style="list-style-type: none"> • Minh bạch thông tin. • Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông. • Quản trị doanh nghiệp tốt. • Định hướng phát triển lâu dài. • Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư. • Định hướng phát triển bền vững. • Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng (ESG). • Chính sách cổ tức. • Thù lao cho HĐQT, BKS, BDH. • Giá trị của doanh nghiệp. • Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư. • Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint. 	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu đạt 1,210.3 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 12.4 tỷ VND, hoàn thành lần lượt 44.8% và 4.1% và kế hoạch đề ra. • Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ. • Duy trì tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu cao 44.5% năm 2024. <p>Trong năm 2024, công ty đã sản xuất thử nghiệm thành công và sẽ ra mắt thêm một số sản phẩm mới, vừa có khả năng bảo vệ môi trường do làm từ nguyên liệu tái chế hay sợi màu vừa có giá trị gia tăng cao với các tính năng đặc biệt như: Sợi COOL FEEL, Sợi chập spandex; Sợi FDY 08 Mountain Flat Yarn, Sợi 5 trong 1 (có các tính năng như mát, chống tia cực tím, chống dính, nhanh khô, hút ẩm).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện CBTT đầy đủ và kịp thời theo quy định. • Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm. • Điều chỉnh lại phương án sử dụng vốn và giá bán trong hồ sơ đăng ký Chào bán riêng lẻ với UBCKNN và đang đợi phản hồi từ UBCK • Phối hợp với ENERTEAM thực hiện kiểm toán năng lượng và thành lập Ban quản lý năng lượng, đồng thời đơn vị tư vấn đang hỗ trợ Công ty xây dựng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001.

<p>Khách hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Trao đổi trực tiếp. • Các buổi gặp mặt, đến thăm Công ty khách hàng. • Phiếu khảo sát khách hàng. • Website Công ty • Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. • Email, điện thoại. 	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty hoạt động bền vững (ESG)- an toàn và uy tín. • Chất lượng sản phẩm- dịch vụ. • Giá cả cạnh tranh. • Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn. • Dịch vụ khách hàng vượt trội. • Công nghệ, năng lực sản xuất tốt. • Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. • Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. • Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại. • Công ty bảo vệ môi trường giảm phát thải Carbon footprint 	<ul style="list-style-type: none"> • Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuyển rất cao, tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái chế, sợi màu dope dyed. • Đảm bảo chất lượng của sản phẩm ổn định. • Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng. • Giao hàng đúng hạn và không thiếu hàng, thời gian giao hàng nhanh và linh hoạt. • Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu. • Tham gia công bố thông tin về phát triển bền vững trên các platform như CDP, đo lường tác động môi trường của sản phẩm, • Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng. • Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại • Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe. • Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard). • Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. <p>Tái chế lại phế phẩm thành nguyên liệu hạt Chip đầu vào</p>
<p>Người lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chương trình Tôn chỉ. • Các cuộc họp giao ban. • Đối thoại định kỳ với người lao động. • Hội nghị người lao động hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Môi trường làm việc thoải mái an toàn. • Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp. • Cân bằng giữa công việc và cuộc sống. • Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. • Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề. • Cơ hội thăng tiến trong công việc • Tầm nhìn của người lãnh đạo. 	<ul style="list-style-type: none"> • Chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động. • Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 12 người • Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động. • Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành. • Thực hiện cơ chế 5S, cải thiện môi trường làm việc. • Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe.

	<ul style="list-style-type: none"> • Trực tiếp trao đổi với người quản lý. • Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự. • Phiên họp thương lượng tập thể. • Khảo sát người lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> • Sự công bằng và dân chủ. • Không phân biệt đối xử. • An toàn lao động trong nơi làm việc. • Công việc ổn định và được hướng dẫn. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật. • Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm vào 17,18,19/12/2024 • Duy trì lượng đơn hàng ổn định, tạo công việc làm cho người lao động và duy trì thu nhập ổn định cho công nhân.
Nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> • Gặp gỡ trực tiếp. • Tham quan nhà máy. • Thông qua email, điện thoại. • Thu thập thông tin qua khảo sát. 	<ul style="list-style-type: none"> • Uy tín, cộng tác dài lâu. • Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. • Xây dựng chuỗi giá trị bền vững, không bị gián đoạn. • Đối tác đảm bảo các hoạt động phát triển bền vững-ESG, giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên. • Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh. • Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác lâu dài. • Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng, để đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra. • Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA. • Các văn bản hành chính của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. • Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định. • Hỗ trợ phát triển cộng đồng. • Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. • Doanh nghiệp xanh, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. • Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. • Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe. • Ủng hộ chủ trương của nhà nước. • Nộp thuế đầy đủ. • Hỗ trợ phát triển địa phương. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. • Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.

<p>Ngân hàng đối tác</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các cuộc gặp mặt trực tiếp. • Điện thoại và email. 	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty hoạt động bền vững và uy tín. • Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. • Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. • Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển. • Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay. • Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định. • Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm.
<p>Cộng đồng địa phương</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ. • Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương. • Các hoạt động xã hội cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> • Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. • Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. • Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. • Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương. • Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. • Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương. • Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương. • Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương. • Phát triển đô thị hóa nông thôn thông qua việc xây dựng cơ sở hạ tầng mới từ các dự án nhà máy mới như Unitex, Dintsun. • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. • Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.
<p>Hiệp hội ngành (VCOSA)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. • Sử dụng năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành. • Đóng góp hội phí thường niên. • Tham gia là ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA). • Sử dụng năng lượng tái tạo – năng lượng mặt trời để giảm lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình sản xuất, giúp giảm lượng khí thải nhà kính hàng năm. • Tăng tỷ lệ các sản phẩm thân thiện với môi trường để giảm tác động và bảo vệ môi trường.

1.12 Mô hình kinh doanh



Trong những năm gần đây các thương hiệu thời trang hàng đầu có xu hướng giảm thời gian giao hàng (lead time) nhằm cắt giảm tồn kho để đối phó với rủi ro thị trường và đồng thời có yêu cầu về chất lượng rất nghiêm ngặt nhằm hạn chế phải làm lại hàng. Đứng trước những thách thức đó, Công ty đang kiện toàn hoạt động kiểm soát chất lượng, triển khai dự án smart factory để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà máy.

Đầu tư các nền tảng công nghệ AI phục vụ quản lý, điều hành công việc: Smart Factory tại Trảng Bàng 3, ứng dụng AI để giám sát lỗi sản xuất, giảm hàng lỗi và tiết kiệm nguyên liệu.

1.13 Vị thế của Sợi Thế Kỷ - Yếu tố tạo động lực tăng trưởng

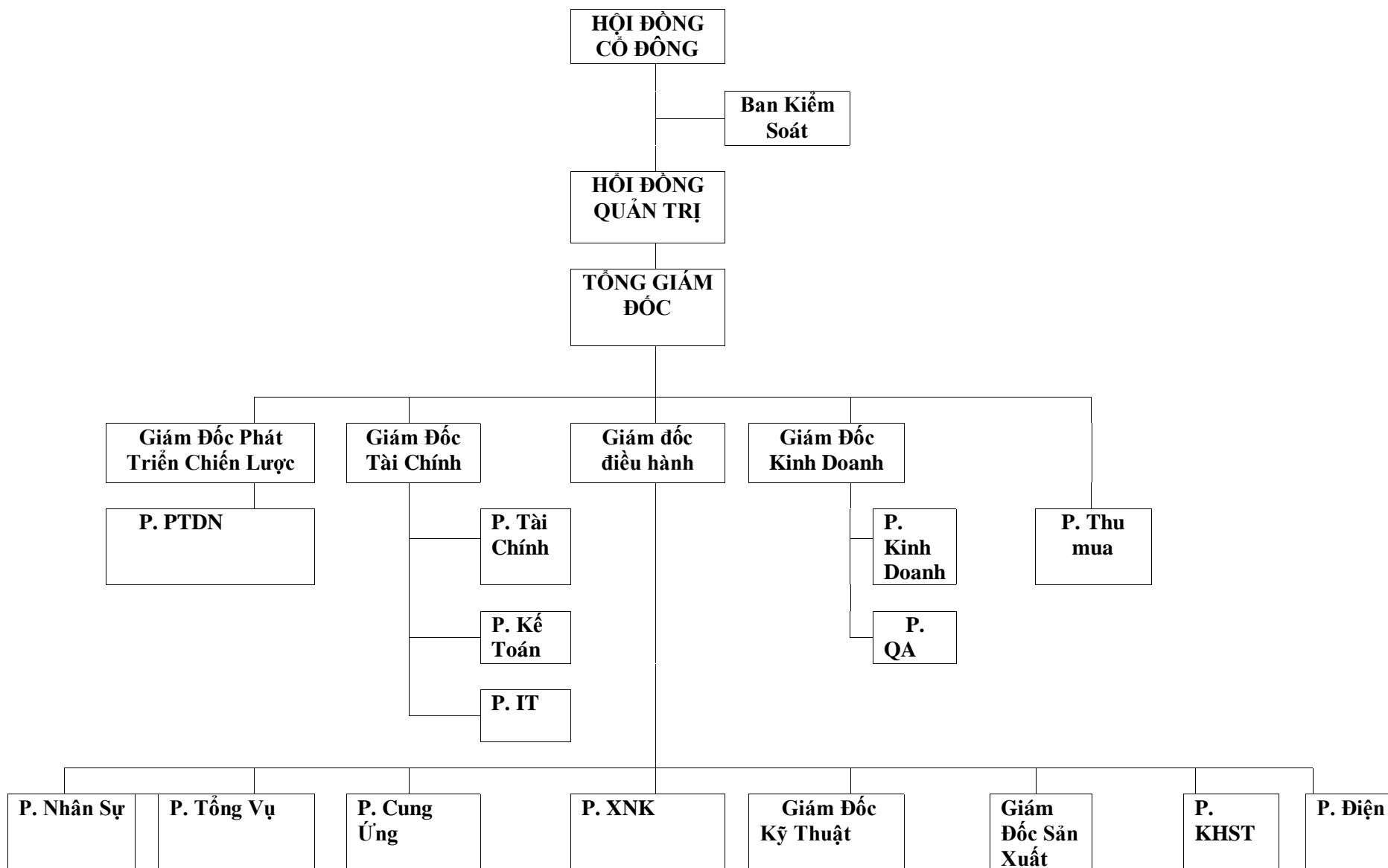
Sợi Thế Kỷ là một trong ít những doanh nghiệp sản xuất sợi Polyester Filament Việt Nam với thị trường xuất khẩu sợi Polyester lớn thứ 4 cả nước. Các sản phẩm sợi Polyester Filament của Công ty được đánh giá hàng đầu về mặt chất lượng.

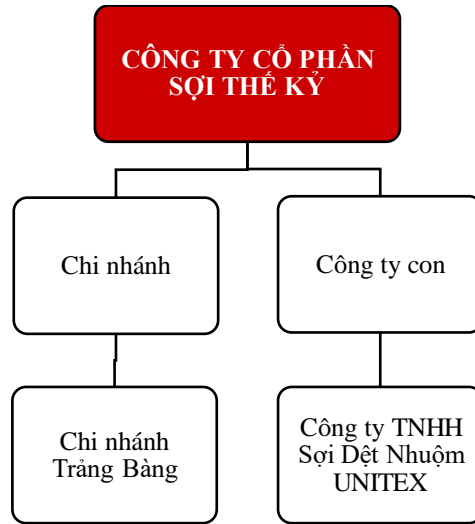
Với mục tiêu tiên phong trong ngành sợi dệt và trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu, Sợi Thế Kỷ đã và đang vươn mình ra thế giới, mang đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn cao nhất nhu cầu của khách hàng.

Các yếu tố đầu vào	Cụ thể hóa yếu tố đầu vào	Kết quả đầu ra
Nguồn lực tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông). Vốn vay từ các tổ chức tín dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng hiệu quả thông qua hoạt động đầu tư dự án, mở rộng công suất. Đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm. Tận dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý và an toàn để tài trợ cho các dự án tăng công suất, vốn lưu động, gia tăng lợi nhuận cho cổ đông. Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn.
Nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> Người lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng được đội ngũ nhân viên kế thừa lành nghề và giàu tinh thần trách nhiệm. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua tuyển dụng và đào tạo. Kiến tạo văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động. Chính sách phúc lợi hợp lý, tạo động lực cho NLĐ gia tăng hiệu quả sản xuất.
Nguồn lực sản xuất và tài sản hữu hình và vô hình	<ul style="list-style-type: none"> Công suất tối đa: 63,300 tấn/năm. Mở rộng thêm nhà máy Unitex giai đoạn 1 với công suất 36,000 tấn/năm (dự kiến đưa vào hoạt động thương mại quý 2/2025). Đưa tổng công suất toàn Công ty lên 99,300 tấn/năm Tổng tài sản (hợp nhất) đạt 3,811.2 tỷ đồng. Hệ thống Máy móc từ Oerlikon Barmag, Đức. Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động sản xuất POC. Hệ thống quản lý phần mềm 	<ul style="list-style-type: none"> Máy móc được nhập khẩu từ công nghệ châu Âu tiên tiến bậc nhất trên thế giới (Đức). Áp dụng CNTT để gia tăng hiệu quả giám sát quá trình sản xuất sản xuất, giảm giá thành sản xuất; theo dõi và rút kinh nghiệm để cải thiện chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn dẫn đầu trong ngành sợi về chất lượng cao đi đôi giá cả hợp lý, mở rộng và duy trì được mạng lưới khách hàng.

	<p>kế toán tài chính-nhân sự SAP.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mạng lưới khách hàng nội địa và xuất khẩu. • Danh tiếng và vị thế của Công ty trên thị trường. 	
Quản trị doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống quản trị rủi ro. • Mô hình quản trị áp dụng những thông lệ tốt trong nước và quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng Kiểm toán nội bộ để củng cố “hàng phòng ngự” trong việc kiểm soát rủi ro từ nội bộ. • Người phụ trách về quản trị Công ty có vai trò theo dõi và đưa ra sáng kiến cải thiện quản trị; đồng thời kết hợp với chỉ đạo từ HĐQT để giữ vững được tính minh bạch trong việc quản trị Công ty theo chuẩn mực trong nước và quốc tế.
Yếu tố xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ hội từ xu hướng thay đổi của văn hóa tiêu dùng và các yếu tố nhân khẩu học như thay đổi cơ cấu dân số theo tuổi tác, giới tính, văn hóa quốc gia vùng lãnh thổ... 	<ul style="list-style-type: none"> • Nắm bắt được những thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng để mở ra cơ hội phát triển sản phẩm mới và phân khúc thị trường mới; đón đầu được xu hướng mới trong ngành và chuỗi cung ứng trong nước và trên toàn cầu.
Yếu tố môi trường	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ hội từ xu hướng bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và xu hướng xanh hóa ngành sản xuất sợi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các sáng kiến PTBV để giảm thiểu khí thải CO2, giảm lượng tiêu thụ năng lượng không tái tạo và lượng tiêu thụ nước sạch.

1.14 Cơ cấu tổ chức Công ty





1.15 Tình hình Công ty con, Công ty liên kết

Thông tin Công ty con, công tin liên kết

Tên đơn vị	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỢI, DỆT NHUỘM UNITEX
Vốn điều lệ	522,000,000,000 đồng
Tỷ lệ sở hữu	100%
Địa chỉ	Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
Lĩnh vực kinh doanh	Sản xuất sợi

Tình hình hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỢI, DỆT NHUỘM UNITEX			
Chỉ tiêu (đồng)	Năm 2024	Năm 2023	±%
Doanh thu hoạt động tài chính	0	2,269,361,007	-100%
Chi phí tài chính	(33,654,416,380)	(1,059,456,301)	Số âm nên không so sánh
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(33,971,812,721)	(930,815,541)	Số âm nên không so sánh
Lợi nhuận sau thuế	(33,734,379,155)	436,783,550	Số âm nên không so sánh
Tài sản ngắn hạn	81,959,619,551	445,301,557,082	-81.60%
Tài sản dài hạn	2,188,162,080,124	835,852,751,889	161.80%

Nợ phải trả	1,785,377,968,134	762,676,198,275	134.10%
Vốn chủ sở hữu	484,743,731,541	518,478,110,696	-6.50%
Tổng tài sản	2,270,121,699,675	1,281,154,308,971	77.20%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty TNHH Một Thành Viên Sợi, Dệt Nhuộm Unitex

Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu (đồng)	2024	2023
Lãi tiền gửi	0	230,046,606
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	1,841,039,869
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	198,274,532
Tổng cộng	0	2,269,361,007

Chi tiết chi phí tài chính

Chỉ tiêu (đồng)	2024	2023
Chi phí lãi vay	0	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	1,059,456,301
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33,654,416,380	0
Tổng cộng	33,654,416,380	1,059,456,301

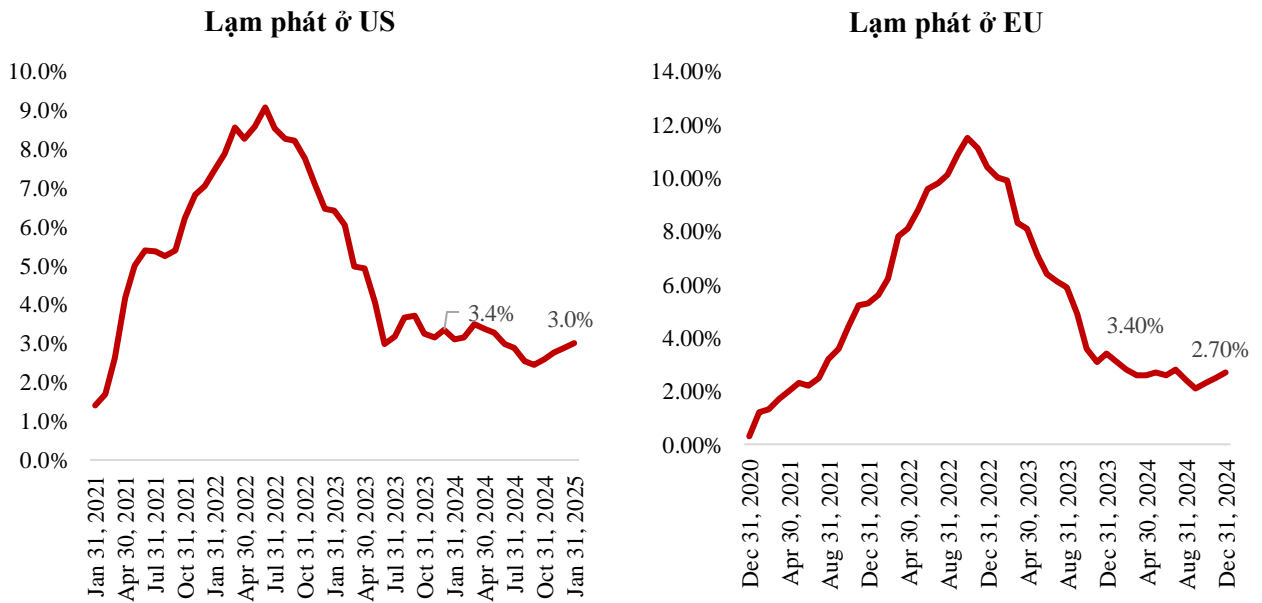
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính

Chỉ tiêu (đồng)	2024	2023
Lợi nhuận/lỗ từ hoạt động tài chính	(33,654,416,380)	1,209,904,706

2 TÌNH HÌNH KINH TẾ 2024

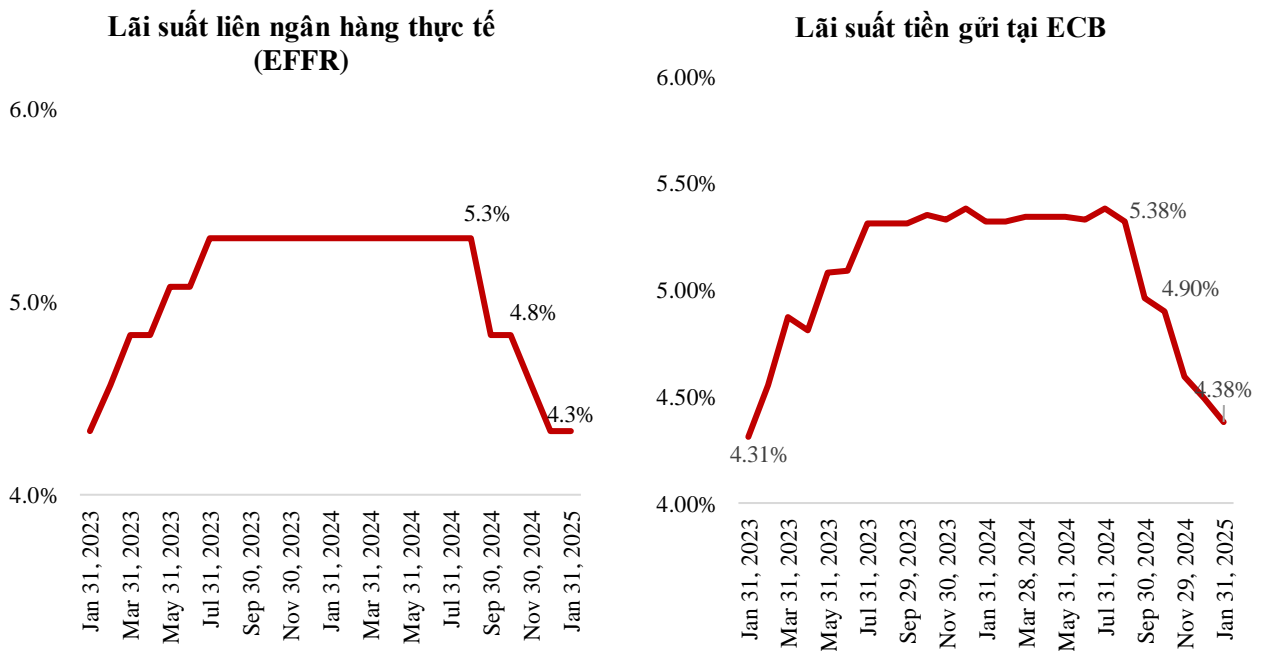
2.1 Tình hình kinh tế vĩ mô, biến đổi khí hậu và chính trị trên Thế giới

Lạm phát ở US và EU giảm từ 3.4% vào cuối năm 2023 xuống lần lượt 3% trong tháng 01/2025 và tháng 12/2024.

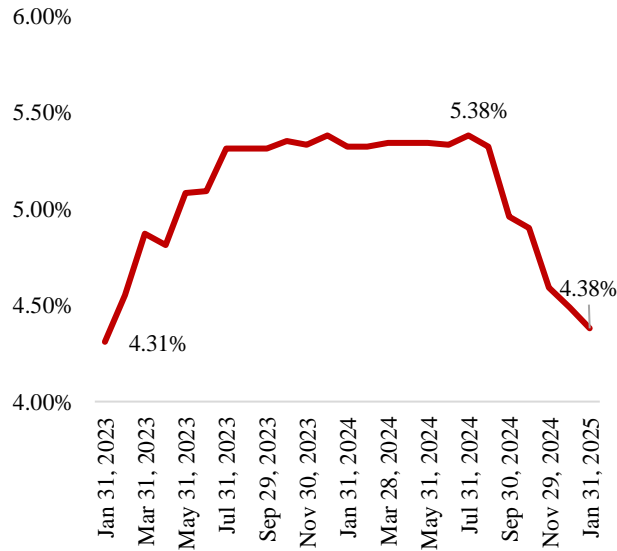


(Nguồn: ycharts.com)

Khi lạm phát giảm, ngân hàng trung ương có thể giảm lãi suất để kích thích tăng trưởng kinh tế, khuyến khích vay mượn và đầu tư.



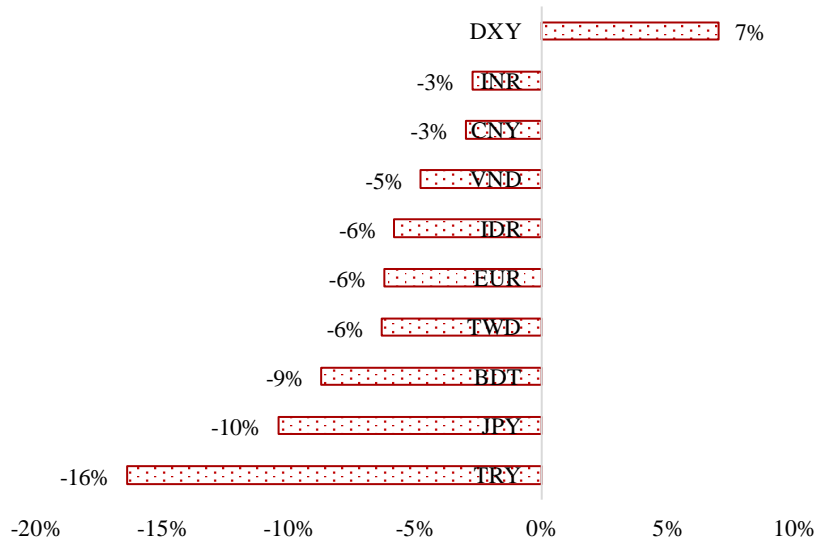
Lãi suất tài trợ có bảo đảm qua đêm (SOFR)



(Nguồn: ycharts.com)

Đồng USD lên giá mạnh trong năm 2024.

Biến động lịch sử của tiền tệ so với USD trong năm 2024



(Nguồn: ycharts.com)

Trong năm 2024, nhiệt độ bình quân của Trái Đất lần đầu tiên cao hơn nhiệt độ thời tiền công nghiệp 1.55 độ C, kèm theo đó là hàng loạt thảm họa thiên nhiên xảy ra khắp nơi trên thế giới, như các đợt nắng nóng ở Đông Á, Đông Nam Á, Trung Đông, Đông Nam Á, Trung Mỹ và nhiều khu vực ở châu Phi; hạn hán nghiêm trọng tại nhiều nơi ở châu Mỹ và châu Phi;

lượng mưa cực lớn gây ra lũ lụt nghiêm trọng ở Trung Âu, vùng Sahel của châu Phi, miền nam Brazil, Afghanistan và Đông Phi; bão tuyết ở Hàn Quốc; siêu bão Yagi và tàn dư của nó gây thiệt hại nghiêm trọng, gây nhiều thương vong tại Philippines, Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Thái Lan và Myanmar. Cháy rừng hoành hành dữ dội tại Chile, Canada và miền tây Hoa Kỳ,

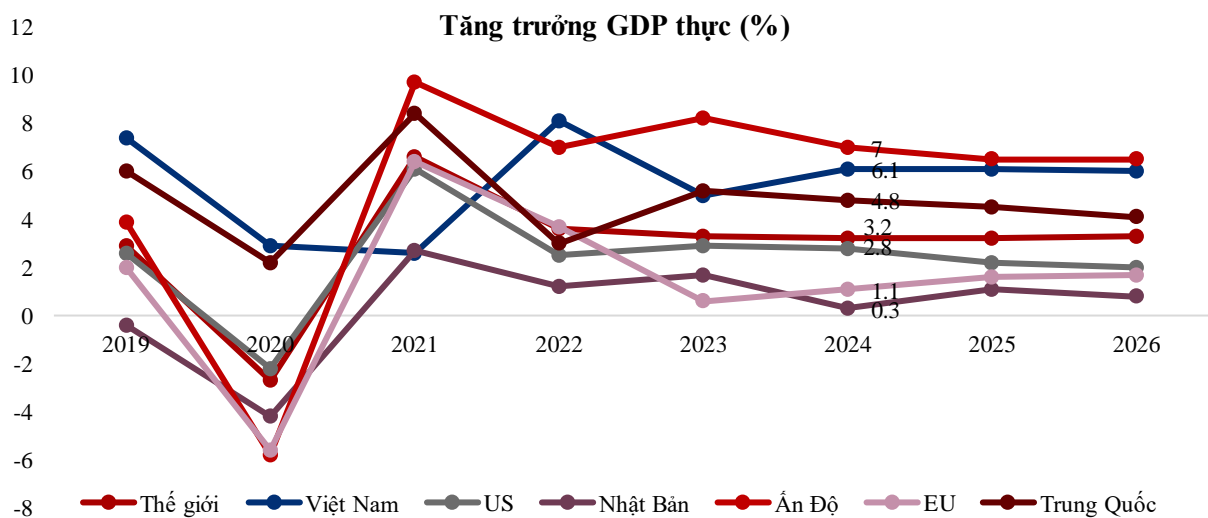
gây ra thiệt hại khủng khiếp về người và tài sản. Chính điều này góp phần làm người dân khắp nơi trên thế giới ngày càng siết chặt chi tiêu.

Về địa - chính trị, bầu cử ở Mỹ và Châu Âu với sự trỗi dậy của phe bảo thủ cực hữu và chủ nghĩa dân tộc có thể gây ra những tiêu cực đến nền kinh tế thế giới và các mục tiêu phát triển bền vững. Sau cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu năm 2024, trong đó các đảng bảo thủ và cực hữu giành được nhiều ghế hơn. Sự dịch chuyển về phía cánh hữu trong chính trường châu Âu có thể đặt ra những thách thức đáng kể cho các chính sách khí hậu của EU, đặc biệt là trong việc thực thi và mở rộng các biện pháp hiện có, cũng như thông qua các luật mới nhằm đạt được các mục tiêu khí hậu dài hạn. Tiến trình phê chuẩn các qui định về bảo vệ môi trường và

chống biến đổi khí hậu sẽ bị chậm lại và tăng thuế nhập khẩu và chiến tranh thương mại.

Song song đó, Trung Quốc phải đối mặt với số lượng kỷ lục 160 cuộc điều tra thương mại trong năm 2024, tăng đáng kể so với 69 vụ vào năm 2023. Đáng chú ý, các quốc gia đang phát triển như Ấn Độ, Brazil và Thổ Nhĩ Kỳ dẫn đầu trong việc khởi xướng các cuộc điều tra này, chủ yếu tập trung vào các ngành như sắt thép và hóa chất. Nguyên nhân chính được cho là do lo ngại về tình trạng dư thừa công suất sản xuất của Trung Quốc, dẫn đến việc xuất khẩu hàng hóa với giá thấp, gây ảnh hưởng đến các nhà sản xuất nội địa của các quốc gia này.

Về tăng trưởng kinh tế toàn cầu, kinh tế thế giới vẫn đạt mức tăng trưởng khoảng 3.2% trong năm 2024.



(Nguồn: Dữ liệu của IMF)

Sự phát triển của AI ngày càng mạnh mẽ vừa tạo ra cơ hội cũng như rủi ro cho nhân loại. Đối với ngành xơ sợi và dệt may, AI giúp tối ưu hóa sản xuất, tự động hóa, quản lý chuỗi cung ứng thông minh, kiểm soát chất lượng, và giảm lãng phí, ... Tuy nhiên, việc sử dụng AI cũng có một số rủi ro như triển khai AI chưa hiệu quả, bị tấn công mạng hoặc rò rỉ dữ liệu.

Dự báo tăng trưởng kinh tế cho năm 2025

Tốc độ tăng GDP toàn cầu năm 2025 được dự báo không thay đổi nhiều so với 2024. Trong khi tốc độ tăng trưởng ở Mỹ dự kiến suy giảm so với 2024 thì tốc độ tăng trưởng GDP của EU và Nhật bản được dự kiến có cải thiện trong 2025.

Dự báo của IMF	2024	2025	2026	Dự báo của Ngân hàng thế giới	2024	2025	2026
Thế giới	3.2%	3.2%	3.3%	Thế giới	2.7%	2.7%	2.7%
US	2.8%	2.2%	2%	US	2.8%	2.3%	2.0%
EU	1.1%	1.6%	1.7%	Euro area	0.7%	1%	1.2%
Japan	0.3%	1.11%	0.8%	Japan	0.0%	1.2%	0.9%

(Nguồn: Dữ liệu của IMF và World Bank's Global Economic Prospect – Jan. 2025)

Các yếu tố tác động đến dự báo tăng trưởng toàn cầu trong ngắn hạn

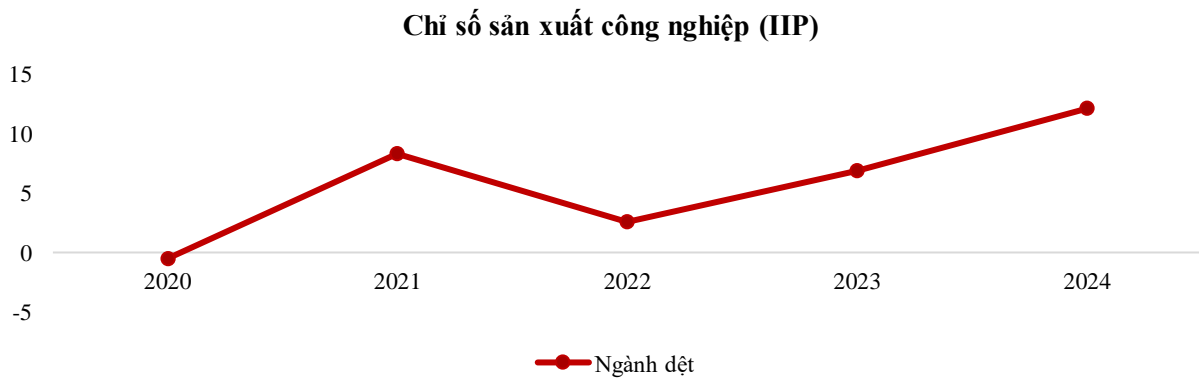
	Tác động tăng	Tác động giảm
Lãi suất		Do các ngân hàng trung ương (Fed, ECB) bắt đầu nói lỏng chính sách tiền tệ
Giá dầu	Xung đột địa chính trị tại Trung Đông có thể gây ra biến động giá đột biến.	Dự kiến giảm 11.7% năm 2025 do nhu cầu yếu từ Trung Quốc và nguồn cung dồi dào từ các nước ngoài OPEC
Giá hàng hóa phi nhiên liệu (Thực phẩm, Kim loại):	Tăng 2.5% trong năm 2025 do: + Xung đột Ukraine- Nga tiếp diễn + Điều kiện thời tiết bất lợi (hạn hán, lũ lụt) ảnh hưởng đến sản lượng nông nghiệp của các nước xuất khẩu lớn + Áp lực từ việc tổng thống Mỹ Donald Trump tăng thuế	
Chi phí vận chuyển	Có thể duy trì ở mức cao do xung đột vũ trang ở Vùng Vịnh làm gián đoạn chuỗi cung ứng.	
Nhu cầu tiêu dùng	- Chi phí vay mượn giảm, thúc đẩy đầu tư và tiêu dùng - Mỹ cắt giảm thuế thu nhập và tăng đầu tư hạ tầng	Châu Âu thắt chặt tài khóa để kìm hãm lạm phát.
Khối lượng thương mại		Dự kiến tăng trưởng chậm lại do: + Gia tăng rào cản thương mại: Các biện pháp bảo hộ, thuế quan mới và hạn chế xuất khẩu giữa các nền kinh tế lớn + Chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn do hậu quả của căng thẳng địa chính trị

Đồng USD	Dự kiến mạnh lên do chênh lệch lãi suất và chính sách thương mại
----------	--

2.2. Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam

GDP Việt Nam năm 2024 ước tính tăng 7.09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024¹. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.27%, đóng góp 5.37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8.24%, đóng góp 45.17%; khu vực dịch vụ tăng 7.38%, đóng góp 49.46%.²

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của ngành dệt tăng 12.1% năm 2024 cho thấy ngành dệt may Việt Nam năm 2024 có nhiều sự khởi sắc.³



(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

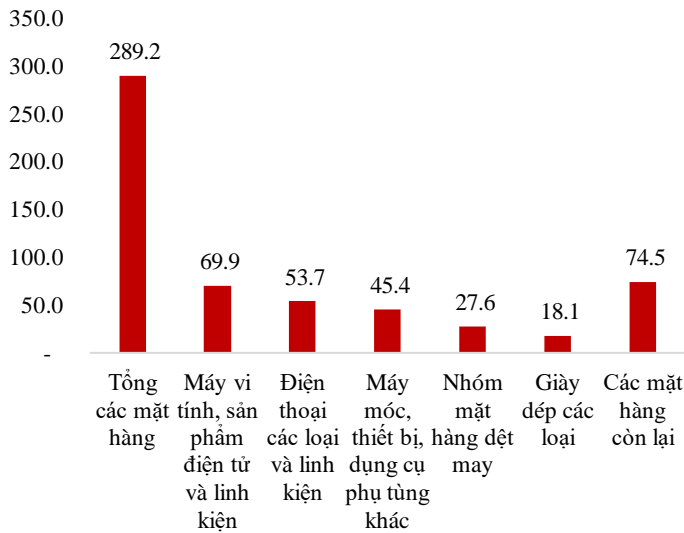
Dệt may tiếp tục là một trong những lĩnh vực thu hút đầu tư FDI hàng đầu của Việt Nam, xếp sau thiết bị điện tử, linh kiện và máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác.

¹ Tốc độ tăng GDP các năm 2011-2024 lần lượt là: 6.41%; 5.50%; 5.55%; 6.42%; 6.99%; 6.69%; 6.94%; 7.47%; 7.36%; 2.87%; 2.55%; 8.54%; 5.07% và 7.09%

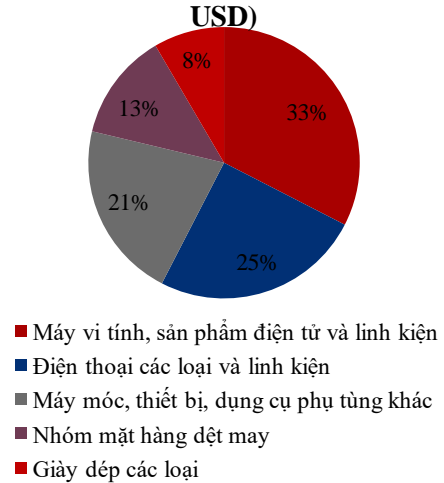
² Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam

³ Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam

Trị giá các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của các doanh nghiệp có vốn FDI 2024 (tỷ USD)



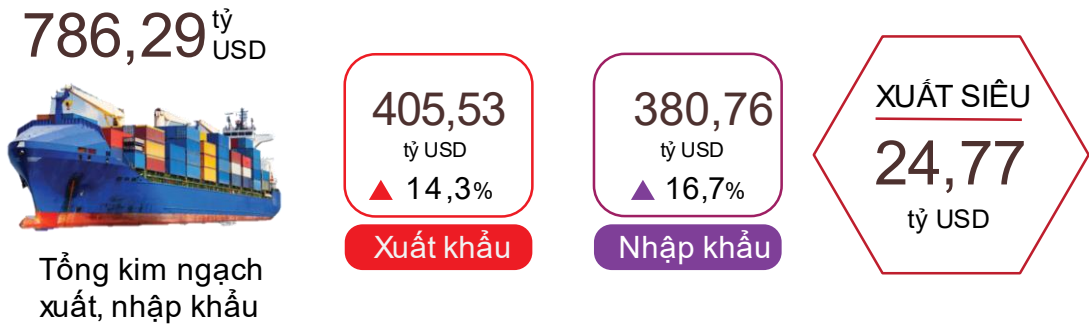
Thị phần các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của các doanh nghiệp có vốn FDI 2024 (tỷ USD)



(Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam và STK tính toán)

Kim ngạch XNK

Tính chung cả năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786.29 tỷ USD, tăng 15.4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14.3%; nhập khẩu tăng 16.7%⁴. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24.77 tỷ USD.



(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

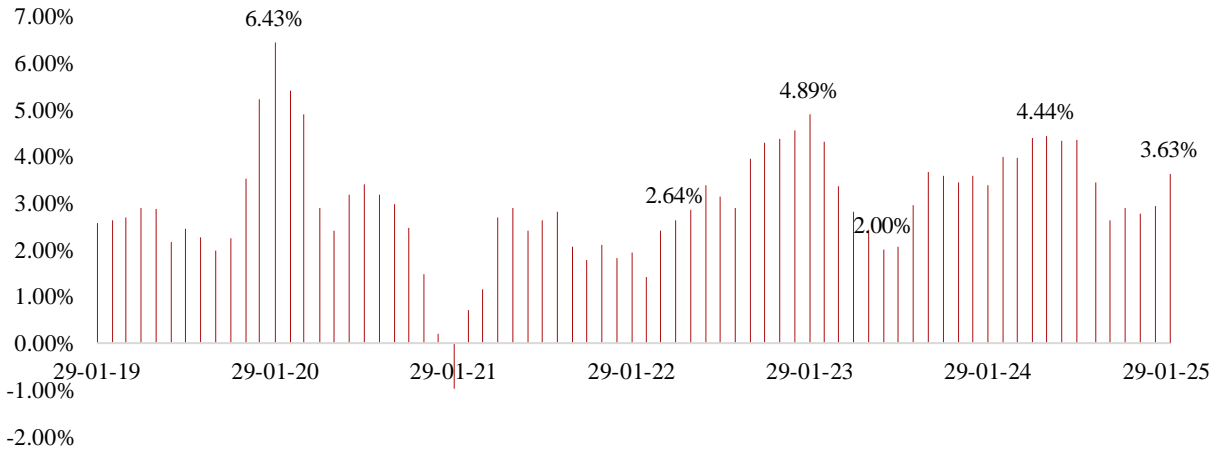
Lạm phát

Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2.71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3.63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ

⁴ Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2023 đạt 681.1 tỷ USD, giảm 6.9% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 354.7 tỷ USD, giảm 4.6%; nhập khẩu đạt 326.4 tỷ USD, giảm 9.2%.

bản. Như vậy, CPI năm 2024 đạt mức 3.63%, thấp hơn mức CPI mục tiêu 4% do Quốc hội đề ra.

CPI của Việt Nam qua các năm



(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

Mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2025 của Quốc hội là giữ mức tăng CPI bình quân trong khoảng 4.5-5%, với định hướng cụ thể là khoảng 4.15% theo chỉ đạo của Chính phủ.

Tình hình lãi suất năm 2024

Giai đoạn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất tái cấp vốn
19/06/2023 - nay	3%	4.5%
25/05/2023 – 18/06/2023	3.5%	5%
03/04/2023 – 24/05/2023	3.5%	5.5%
15/03/2023 – 02/04/2023	3.5%	6%
25/10/2022 – 14/03/2023	4.5%	6%
23/09/2022 – 24/10/2022	3.5%	5%
01/10/2020 - 22/09/2022	2.5%	4%
13/05/2020 – 30/09/2020	3%	5%
17/03/2020 – 12/05/2020	3.5%	5%
16/09/2019 – 16/03/2020	4%	6%

(Nguồn: Website Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

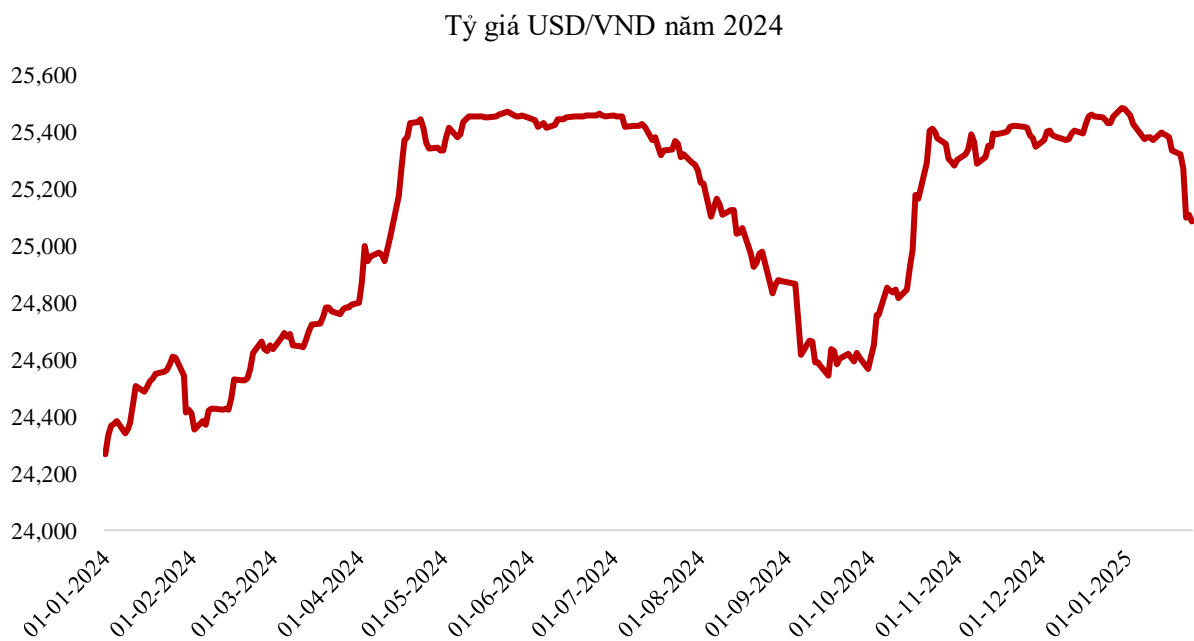
Năm 2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành và chỉ đạo các ngân hàng thương mại (NHTM) tiết giảm chi phí để hạ lãi suất cho vay, qua đó hỗ trợ kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhờ đó, mặt bằng lãi suất cho vay năm 2024 có xu hướng

giảm, với lãi suất bình quân cho các khoản vay mới và cũ còn dư nợ dao động từ **6.7 - 9.0%/năm**, trong khi lãi suất cho vay ngắn hạn với lĩnh vực ưu tiên khoảng **3.8%/năm**, thấp hơn mức trần 4% theo quy định của NHNN.

Tỷ giá trung tâm năm 2024 cơ bản ổn định nhờ NHNN điều hành linh hoạt và can thiệp thị trường phù hợp, hạn chế biến động bất thường. Tính đến ngày **31/12/2024**, tỷ giá trung tâm VND/USD đạt **24,355 đồng**, tăng **1.97%** so với cuối năm 2023, góp phần ổn định thị trường ngoại tệ và đáp ứng nhu cầu hợp pháp của nền kinh tế.

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)

Tình hình tỷ giá VND/USD



(Nguồn: Bloomberg)

Do đồng USD mạnh lên cùng với những bất ổn của thị trường tài chính Việt Nam, tỷ giá VND/USD đã tăng 4.8% so với đầu năm 2024.

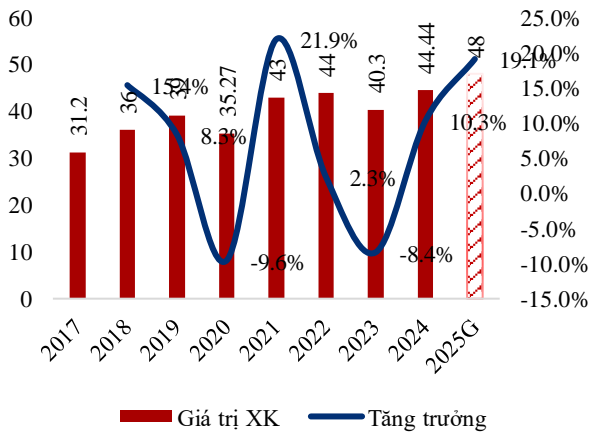
Để đối phó với các rủi ro tài chính như biến động tỷ giá, lãi suất, giá cả, Công ty đã kiện toàn công tác kế hoạch để tối ưu hóa việc mua hàng, quản lý tồn kho, sử dụng các nguồn vốn một cách linh hoạt để trả nợ nhằm hạn chế chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá.

2.3. Tổng quan ngành dệt may Việt Nam

Xuất khẩu hàng dệt may và giày dép

Trong năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dệt may (bao gồm xơ, sợi, hàng dệt may, vải mảnh và vải kỹ thuật) đạt 44.44 tỷ USD, tăng 10.3% so với cùng kỳ năm trước. Với những kết quả tích cực của năm 2024, năm 2025, ngành dệt may đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 48 tỷ USD, tăng 8.1% so với 2024

Kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam

Dự báo tăng trưởng ngành thời trang thế giới năm 2025

Ngành thời trang thế giới năm 2025 dự kiến tăng trưởng chậm nhưng khả quan hơn năm 2024.



(Nguồn: Báo cáo “The State of Fashion 2025” của McKinsey)

Ở Châu Âu và Trung Quốc, hàng không xa xỉ dự kiến tăng trưởng tốt hơn hàng xa xỉ, đặc biệt ở Trung Quốc hàng xa xỉ có thể tăng trưởng âm trong năm 2025 (trong khoảng -3% đến 0%). Đối với Mỹ, dự kiến tốc độ tăng trưởng của hàng không xa xỉ và hàng xa xỉ ở mức lần lượt 3-4% và 3-5%.

Năm 2024, mặc dù đối mặt với áp lực giảm giá, yêu cầu chất lượng cao, các tiêu chí bền vững, chi phí đầu vào tăng và thiếu hụt lao động... song mặt hàng giày dép vẫn đạt tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 27 tỷ USD, tăng khoảng 3 tỷ so với năm 2023. Sang năm 2025, ngành giày da đặt mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu 10% so với năm 2024, đạt kim ngạch khoảng 29 tỷ USD.

Các yếu tố thúc đẩy chính:

- Phục hồi kinh tế vĩ mô;
- Tăng trưởng mạnh hơn trong lĩnh vực trang phục thể thao và trang phục ngoài trời do sự thay đổi lối sống hướng tới sức khỏe và tinh thần lành mạnh, ranh giới mờ nhạt giữa thời trang và trang phục thể thao, khả năng tiếp cận nội dung và sự kiện thể thao ngày càng tăng, cùng với du lịch thể thao toàn cầu.

Rủi ro chính:

- Chiến tranh thương mại;
- Bất ổn địa chính trị và biến động kinh tế;
- Áp lực biên lợi nhuận và cạnh tranh về giá;
- Thảm họa thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu.

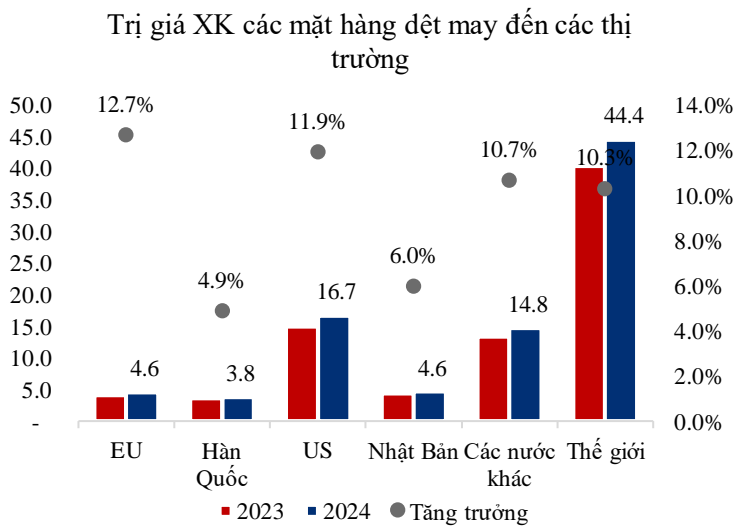
2.4. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng dệt may và giày dép đến các thị trường chủ yếu

2.4.1. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng dệt may của Việt Nam đến các thị trường chủ yếu

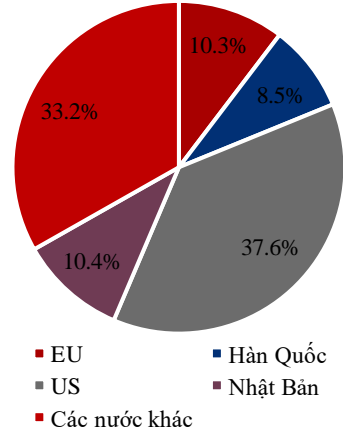
Trong năm 2024, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu các mặt hàng dệt may hàng đầu của Việt Nam. Xuất khẩu các mặt hàng dệt may sang Mỹ đạt 16.7 tỷ USD, tăng 11.9% so với 2023 và chiếm 37.6% thị phần xuất khẩu.

Trị giá xuất khẩu các mặt hàng dệt may sang EU, Hàn Quốc và Nhật Bản lần lượt đạt 4.6 tỷ USD, 3.77 tỷ USD và 4.6 tỷ USD, tăng trưởng lần lượt 12.7%, 4.9%, 6% so với cùng kỳ, chiếm thị phần lần lượt 10.3%, 8.5% và 10.4%.

(Ghi chú: Ở đây, các mặt hàng dệt may bao gồm: Hàng dệt, may; Vải màn, vải kỹ thuật khác; Xơ, sợi dệt các loại; Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày).



Đóng góp kim ngạch XK hàng dệt may của Việt Nam năm 2024 theo thị trường



(Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam)

Dự báo tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam

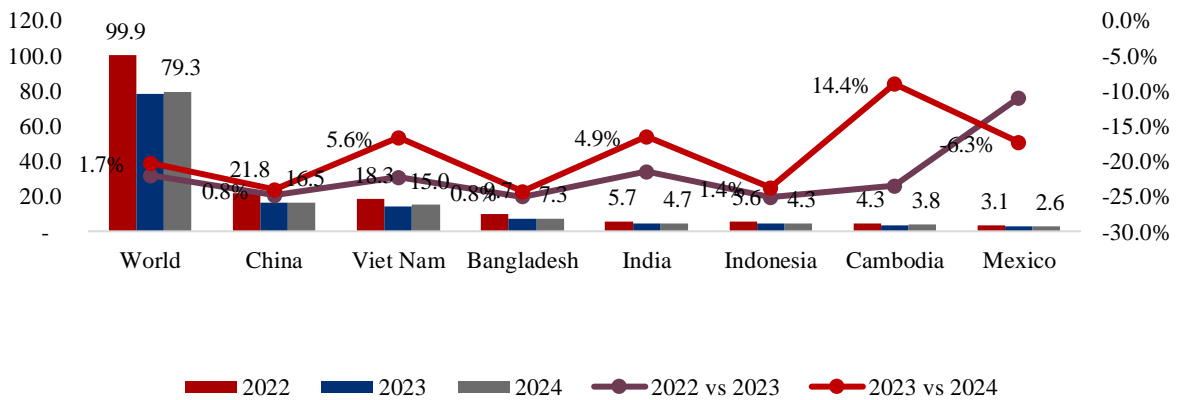
<u>Hàng dệt may</u>	2025	2030
Mục tiêu xuất khẩu	47-48 tỷ USD	68-70 tỷ USD
Tăng trưởng so với cùng kỳ	8.1% y-o-y	

(Nguồn: VITAS)

Xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang các thị trường chủ yếu (Mỹ, EU, Nhật Bản) so với các quốc gia đối thủ chính

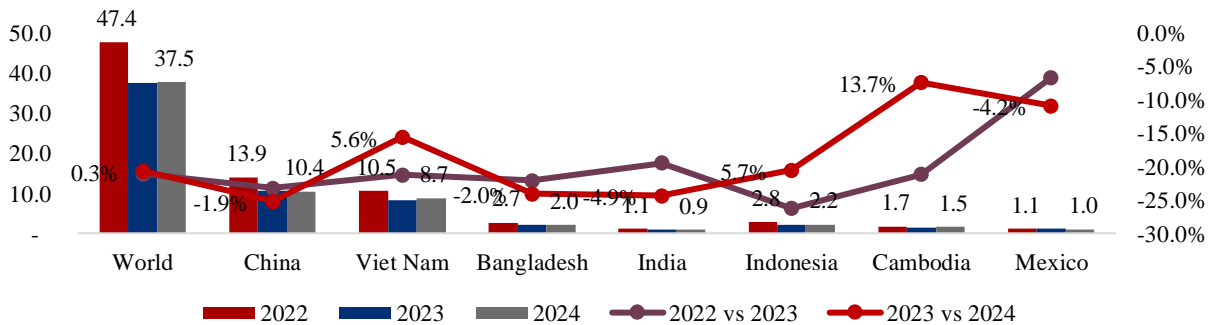
Xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang Mỹ có mức tăng trưởng năm 2024 cao so với các quốc gia khác (5.6%), ngoại trừ Campuchia ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc trong năm 2024 (14.4%). Ấn Độ cũng có mức tăng trưởng tốt (4.9%), trong khi các quốc gia còn lại ghi nhận sụt giảm hoặc tăng trưởng rất ít.

Nhập khẩu hàng may mặc của Mỹ theo nhà cung cấp (tỷ USD)



(Nguồn: UNComtrade)

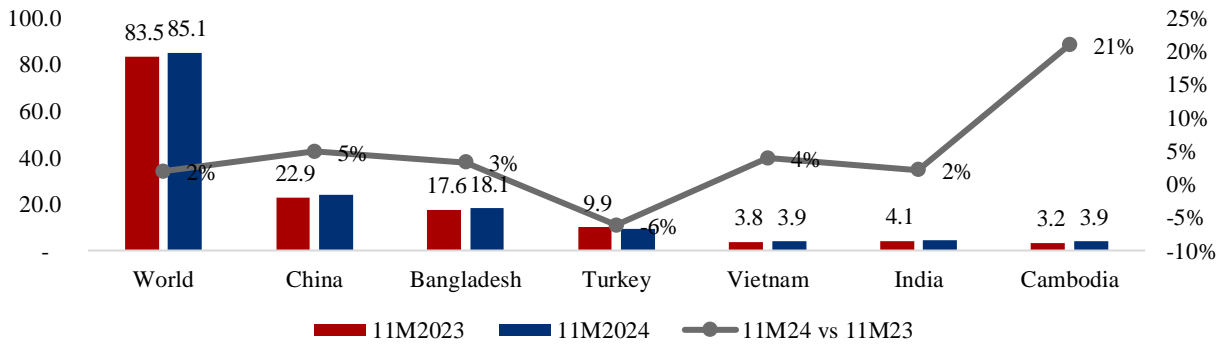
Giá trị nhập khẩu hàng may mặc sợi nhân tạo của Mỹ theo từng nhà cung cấp (tỷ USD)



(Nguồn: UNComtrade)

Xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang EU có mức tăng trưởng năm 2024 tương đối cao so với các quốc gia khác (4%), ngoại trừ Campuchia ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc trong năm 2024 (21%) và Trung Quốc có mức tăng trưởng tốt hơn Việt Nam (5%).

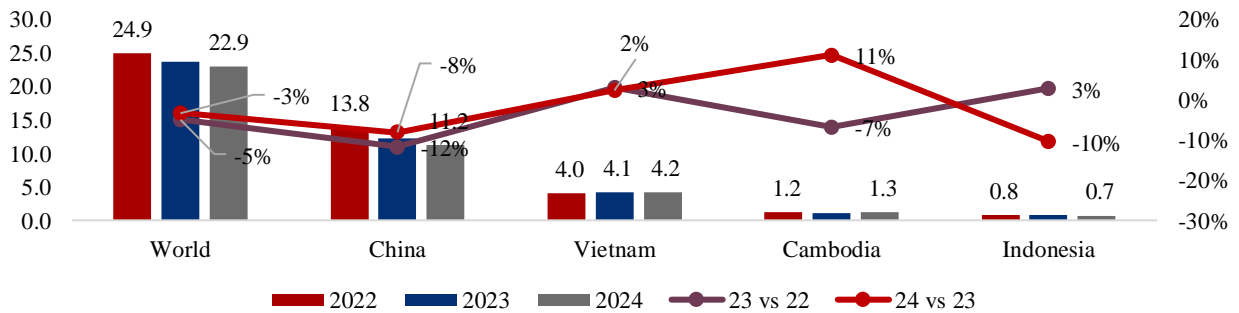
Giá trị nhập khẩu hàng may mặc của EU theo từng nhà cung cấp (tỷ USD)



(Nguồn: UNComtrade)

Xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang Nhật Bản có mức tăng trưởng năm 2024 dương (2%) trong khi tăng trưởng trung bình của thế giới âm (-3%), ngoại trừ Campuchia ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc trong năm 2024 (11%), trong khi Indonesia và Trung Quốc có mức giảm sâu lần lượt là -10% và -8%.

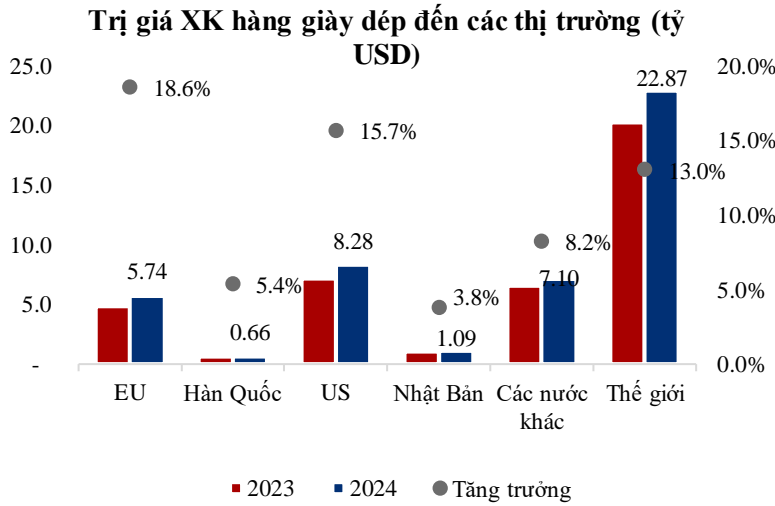
Giá trị nhập khẩu hàng may mặc của Nhật Bản theo từng nhà cung cấp (tỷ USD)



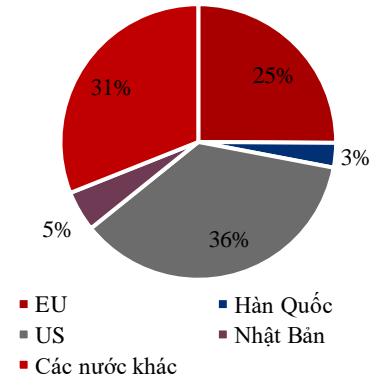
(Nguồn: UNComtrade)

2.4.2. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng giày dép của Việt Nam đến các thị trường chủ yếu

Nhìn chung, kim ngạch xuất khẩu giày dép có sự tăng trưởng tốt trong năm 2024, đạt 22.9 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2023. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu giày dép sang Mỹ và EU lần lượt đạt 8.28 tỷ USD và 5.74 tỷ USD, tăng 15.7% và 18.6% so với năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu giày dép sang Hàn Quốc và Nhật Bản năm 2024 tăng trưởng lần lượt 5.4% và 3.8% so với cùng kỳ.



Đóng góp kim ngạch XK hàng giày dép của Việt Nam năm 2024



(Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam)

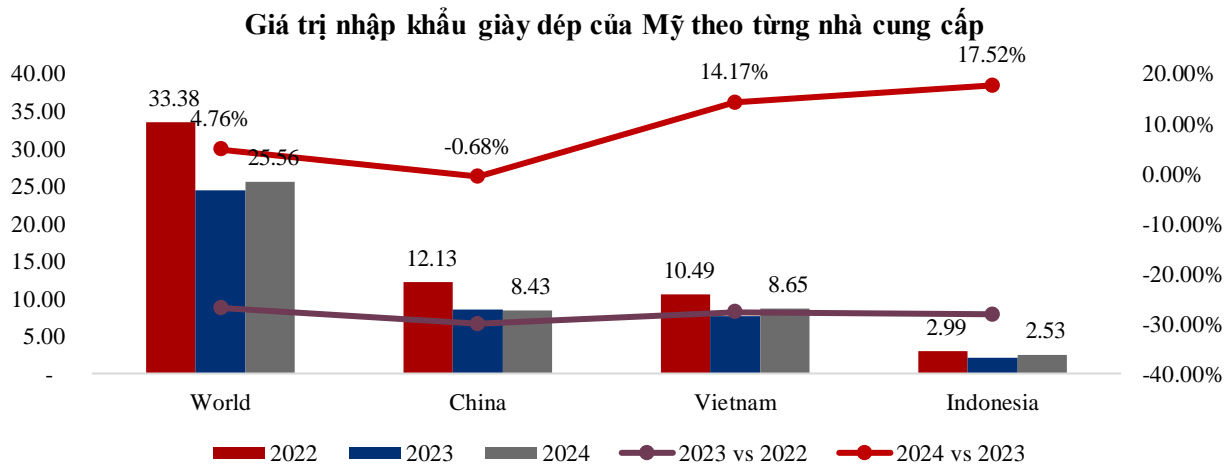
Dự báo tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng giày dép túi xách và đồ du lịch của Việt Nam

Giày dép, túi xách và đồ du lịch	2025	2030
Mục tiêu xuất khẩu	29 tỷ USD	38-40 tỷ USD
Tăng trưởng so với cùng kỳ	10% y-o-y	

(Nguồn: LEFASO)

Xuất khẩu hàng giày dép của Việt Nam sang các thị trường chủ yếu (Mỹ, EU, Nhật Bản) so với các quốc gia đối thủ chính

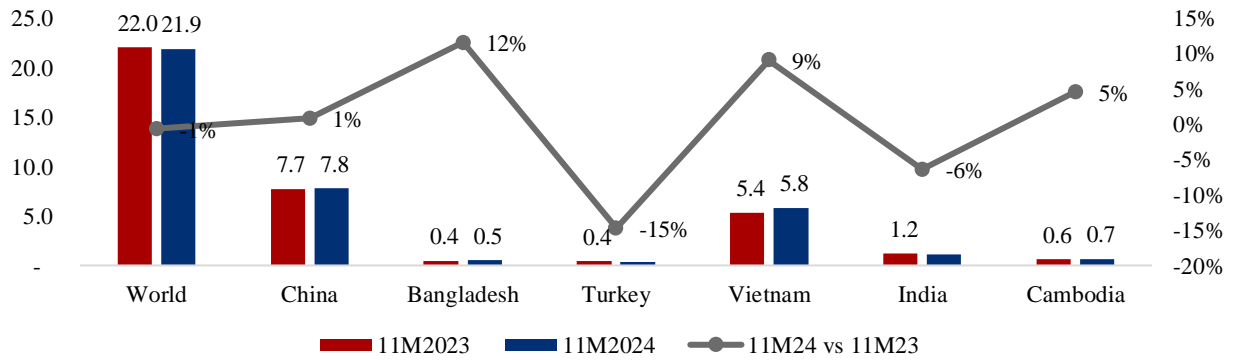
Xuất khẩu hàng giày dép Việt Nam sang Mỹ năm 2024 có mức tăng trưởng cao ấn tượng (14.17%) so với mức trung bình của thế giới (4.76%), nhưng vẫn thấp hơn Indonesia (17.52%). Trung Quốc ghi nhận sụt giảm nhẹ (-0.68%).



(Nguồn: UNComtrade)

Xuất khẩu hàng giày dép Việt Nam sang EU năm 2024 có mức tăng trưởng cao (9%), trong khi mức trung bình của thế giới sụt giảm nhẹ (-1%). Tuy nhiên, mức tăng trưởng của Việt Nam vẫn thấp hơn Bangladesh (12%). Turkey và Ấn Độ sụt giảm mạnh, lần lượt -15% và -6%.

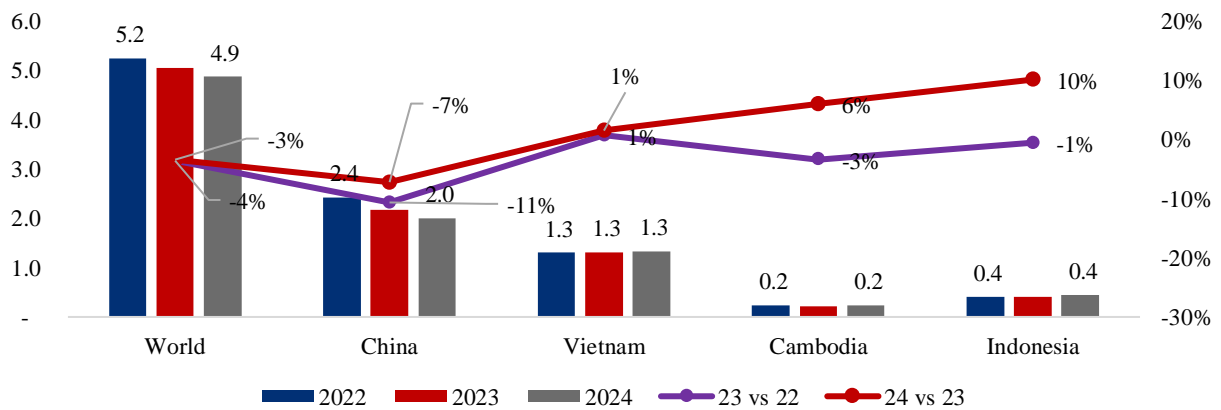
Giá trị nhập khẩu giày dép của EU theo từng nhà cung cấp



(Nguồn: UNComtrade)

Xuất khẩu hàng giày dép Việt Nam sang Nhật Bản năm 2024 có sự tăng trưởng nhẹ (1%), trong khi mức trung bình của thế giới sụt giảm (-3%). Indonesia và Campuchia tăng trưởng tốt, lần lượt 10% và 6%, trong khi Trung Quốc sụt giảm (-7%).

Giá trị nhập khẩu giày dép của Nhật Bản theo từng nhà cung cấp



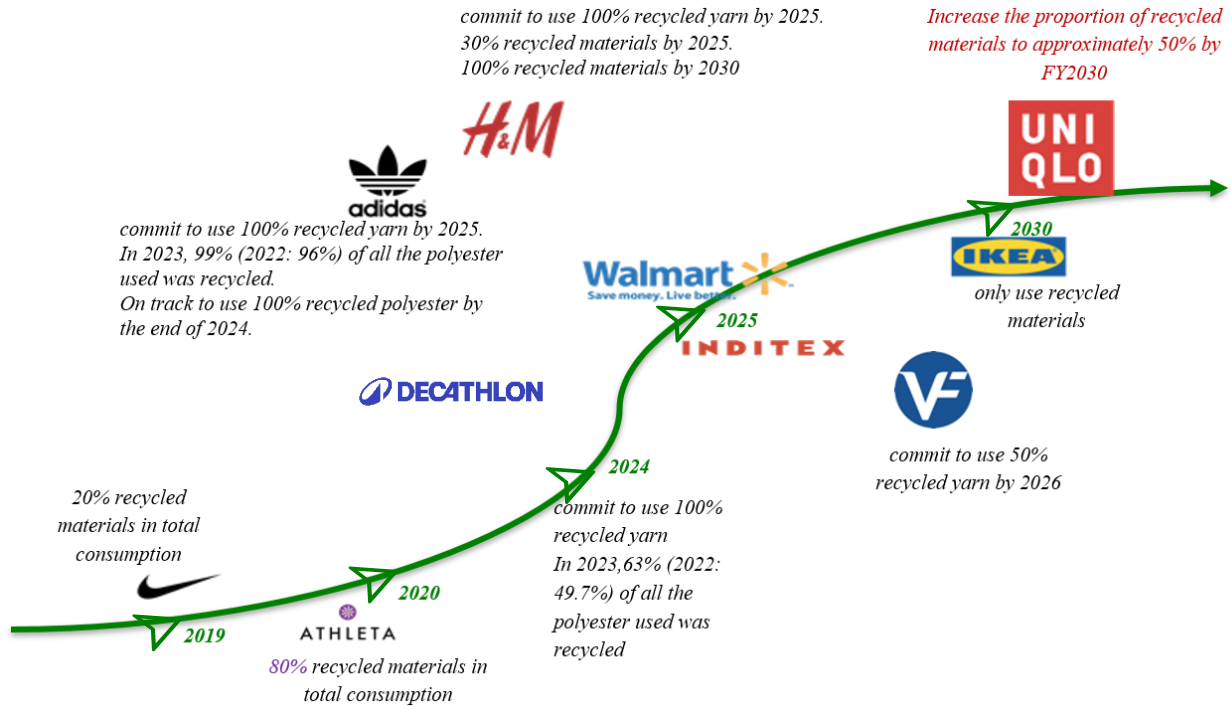
(Nguồn: UNComtrade)

2.5. Quy mô ngành sợi và các xu hướng chính của ngành

Theo số liệu của the Fiber Year Report 2024, Năm 2023 tổng sản lượng sợi là 121.9 triệu tấn (tăng 2.3% so với 2022). Trong khi đó khối lượng sợi được đưa vào chuỗi cung ứng là 123.07 triệu tấn (tăng 3.3% so với 2022), trong đó sợi Cellulosic tăng 8%, synthetic fiber tăng 6.7%, sợi tự nhiên giảm 6.2%. Năm 2023, sản lượng sợi polyester là 68.4 triệu tấn, trong đó polyester filament đạt 53.3 triệu tấn, tăng 3.9%. Polyester filament chiếm 43.7% tổng khối lượng sợi sản xuất). Trung Quốc chiếm 84.7% trong tổng sản lượng sợi polyester filament.

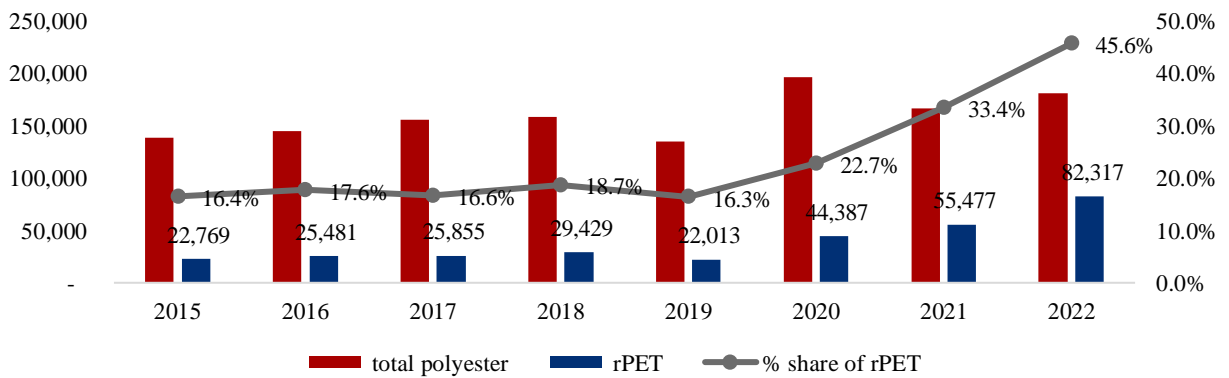
Theo báo cáo the Material Market Report 2024 của Textile Exchange, Sợi tái chế recycled polyester tăng từ 8.6 triệu tấn (2022) lên 8.9 triệu tấn (2023), chiếm 12.5 % trong tổng khối lượng sợi polyester filament sản xuất trong năm 2023 (giảm từ mức 13.6% của năm 2022).

Cam kết của các thương hiệu trong sử dụng sợi tái chế

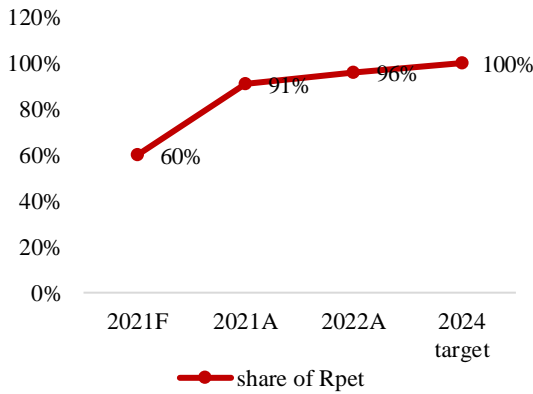


Tình hình sử dụng polyester tái chế của các thương hiệu

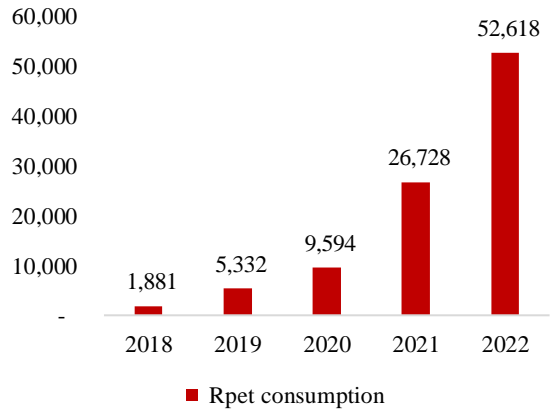
Mức tiêu thụ polyester của Nike



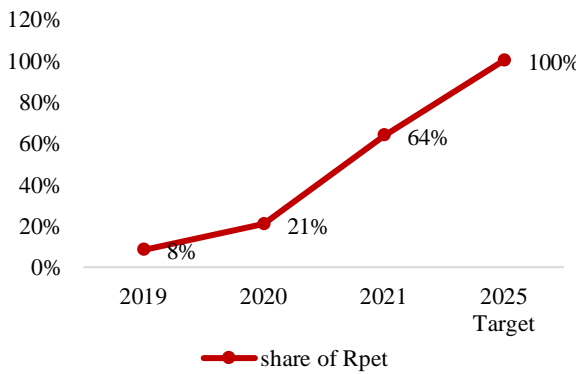
Mức tiêu thụ rPET của Adidas



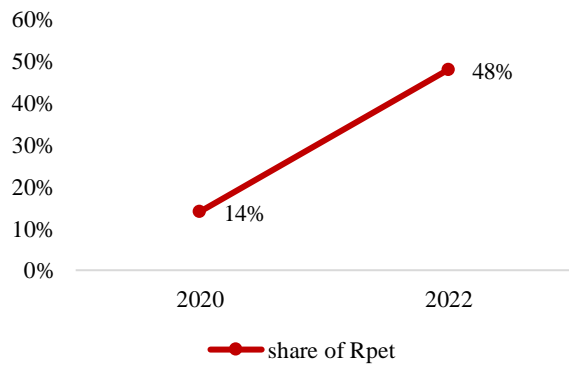
Mức tiêu thụ rPET của Inditex



Mức tiêu thụ rPET của H&M



Mức tiêu thụ rPET của Puma



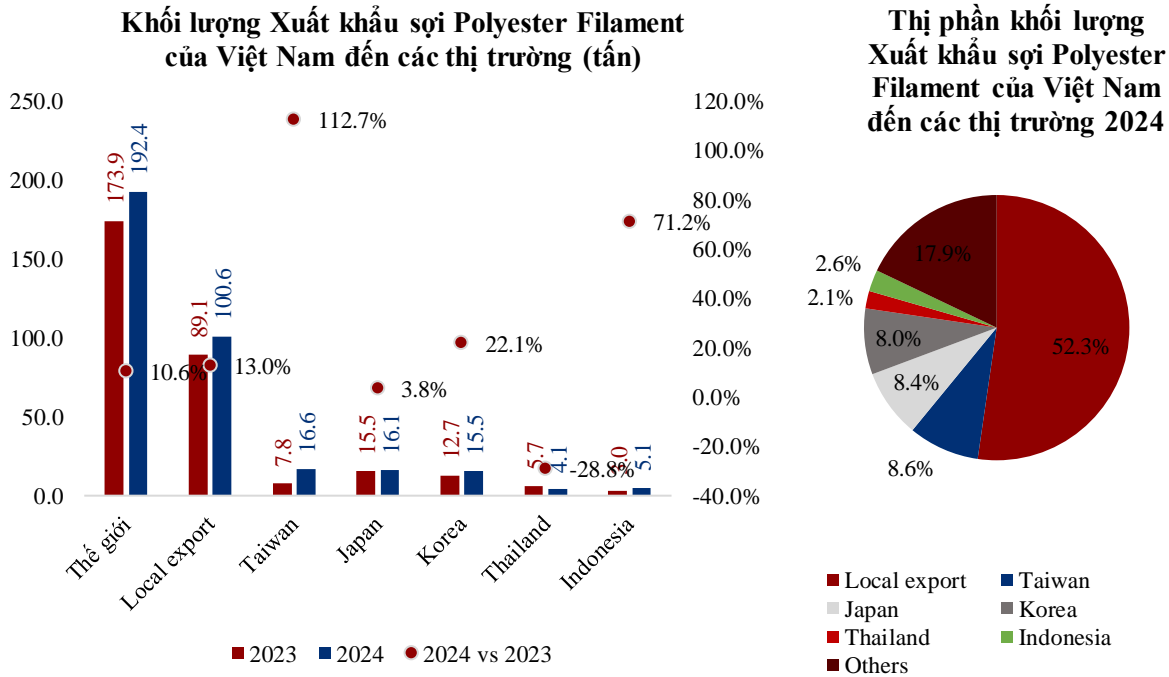
2.6. Tình hình xuất, nhập khẩu sợi polyester filament của Việt Nam

2.6.1. Tình hình xuất khẩu sợi polyester filament của Việt Nam

Trong năm 2024, khối lượng xuất khẩu sợi Polyester Filament tăng 10.6% so với 2023, đạt 192.4 ngàn tấn và tăng mạnh ở các thị trường chủ chốt.

Trong đó, xuất khẩu tại chỗ (Việt Nam) tăng 13% đạt 100.6 ngàn tấn, chiếm thị phần 52.3%. Thị trường Đài Loan với mức tăng ấn tượng 112.7% đạt 16.6 ngàn tấn, thị phần đạt 8.6%. Thị trường Hàn Quốc tăng 22.1%, đạt 15.5 ngàn tấn trong năm 2024.

Trái ngược với diễn biến tích cực tại các thị trường Việt Nam, Đài Loan, Hàn Quốc, khối lượng xuất khẩu sợi Polyester trong năm 2024 giảm nhẹ ở các thị trường Thái Lan, Hồng Kông và giảm mạnh ở thị trường Mexico, các thị trường này chiếm thị phần nhỏ trong tổng thị phần xuất khẩu sợi Polyester.

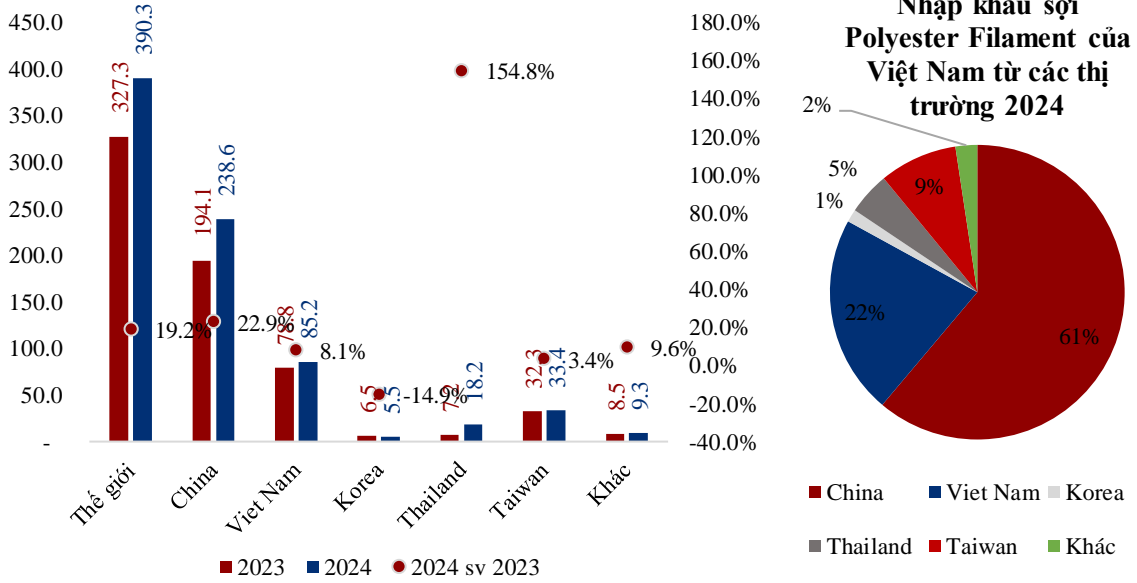


(Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam và STK tính toán)

2.6.2. Tình hình nhập khẩu sợi polyester filament của Việt Nam

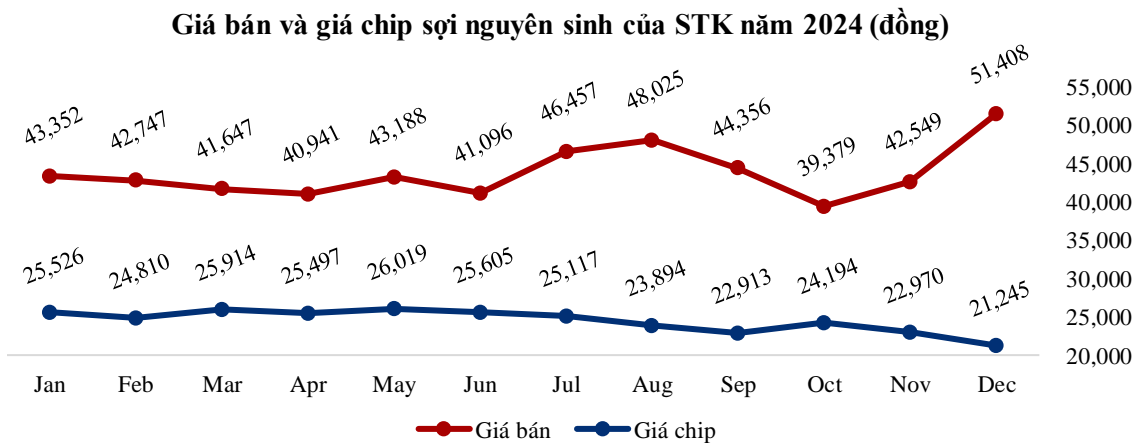
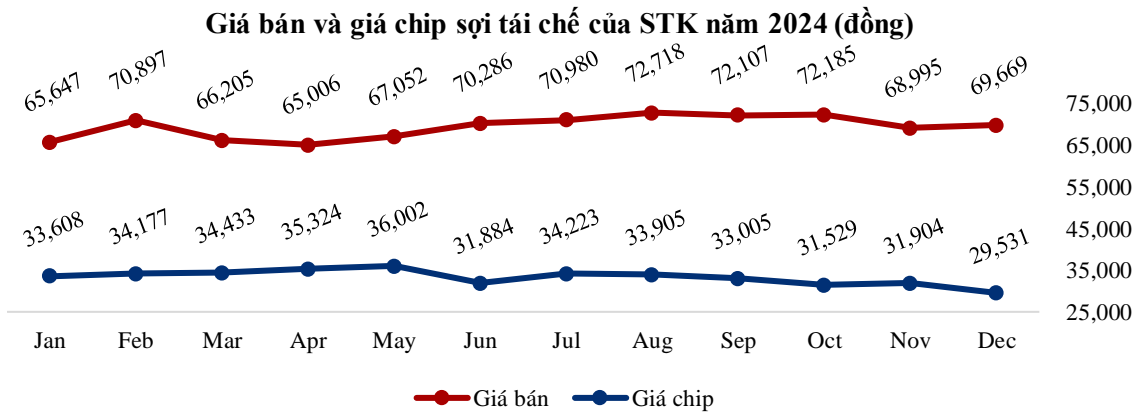
Trong năm 2024 khối lượng nhập khẩu sợi Polyester Filament tăng gần 19.2% đạt 390.3 ngàn tấn, chủ yếu đến từ nhập khẩu tại chỗ (Việt Nam) và nhập khẩu từ Trung Quốc. Cụ thể, nhập khẩu tại chỗ (từ Việt Nam) tăng gần 8.1% đạt 85.2 ngàn tấn, chiếm thị phần quanh mức 22%. Nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 19.2% đạt 238.6 ngàn tấn, chiếm thị phần quanh mức trên 61%. Thị phần nhập khẩu sợi Polyester từ các thị trường khác cũng ghi nhận sự tăng trưởng nhưng chiếm thị phần không đáng kể, trong đó phải kể đến sự tăng trưởng mạnh từ thị trường Thái Lan, giá trị nhập khẩu từ thị trường này đạt 18.2 ngàn tấn, tăng 154.8% so với cùng kỳ, thị phần đạt 5%.

Khối lượng Nhập khẩu sợi Polyester Filament của Việt Nam từ các thị trường (tấn)



(Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam và STK tính toán)

Price gap của sợi polyester filament nguyên sinh và tái chế của STK năm 2024



(Nguồn: Số liệu nội bộ Công ty)

Giá hạt nhựa bình quân năm 2024 giảm so với năm 2023, trong đó giá hạt nhựa nguyên sinh giảm 4.1%, giá hạt nhựa tái chế tăng 12.4%.

Giá bán thành phẩm bình quân năm 2024 tăng so với năm 2023, trong đó giá bán trung bình sợi nguyên sinh tăng 0.94% so với đầu năm, giá bán trung bình sợi tái chế tăng 5.58% so với đầu năm.

Có thể thấy, giá bán sợi nguyên sinh có xu hướng tăng vào những tháng cuối năm và có thể vẫn sẽ duy trì mức giá cao này trong năm 2025.

3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

3.1. Gắn kết tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững

Phát triển bền vững đang là xu hướng mũi nhọn ở Việt Nam và trên toàn thế giới nói chung, đối với ngành dệt may nói riêng.

- Trong những năm gần đây, sự quan tâm của người tiêu dùng đối với các vấn đề môi trường, quyền con người và trách nhiệm xã hội ngày càng gia tăng. Họ không chỉ tìm kiếm những sản phẩm chất lượng mà còn mong muốn các thương hiệu cam kết sản xuất bền vững, minh bạch và có trách nhiệm với cộng đồng. Trước xu hướng này, các thương hiệu thời trang hàng đầu đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, từ việc sử dụng nguyên liệu tái chế, cải thiện điều kiện lao động đến áp dụng mô hình sản xuất thân thiện với môi trường, nhằm đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của người tiêu dùng và duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- "Xanh hóa" ngành dệt may là xu thế toàn cầu, không chỉ riêng tại Việt Nam. Hiện nay, yếu tố "xanh" không còn là lựa chọn mà đang dần được luật hóa tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm của dệt may Việt Nam. Các chuyên gia dự báo rằng trong 2-4 năm tới, ngành dệt may sẽ chịu tác động từ hơn 35 luật mới về phát triển bền vững, được ban hành tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ. Những quy định này đặt ra yêu cầu khắt khe hơn về tiêu chuẩn môi trường, trách nhiệm xã hội và nguồn gốc nguyên liệu. Nếu doanh nghiệp không kịp thích ứng, nguy cơ mất đơn hàng và suy giảm doanh thu là khó tránh khỏi. Trước đây, các tiêu chuẩn chủ yếu tập trung vào hóa chất và thuốc nhuộm sử dụng trên vải. Giờ đây, chúng mở rộng sang yêu cầu về tỷ lệ nguyên liệu tái chế, khả năng tuần hoàn và tuổi thọ sản phẩm. Những tiêu chí này đang thúc đẩy quá trình "xanh hóa" trở thành mục tiêu cốt lõi của ngành nhằm nâng cao sức cạnh tranh và thu hút đơn hàng.

Cụ thể một số điều luật ở châu Âu, châu Mỹ và tác động của các điều luật này đến ngành dệt may.

Các điều luật ở châu Âu.

Điều luật	Ngày hiệu lực	Nội dung chính của điều luật	Tác động đến ngành dệt may
Chỉ Thị Thẩm Định Tính Bền Vững Của Doanh Nghiệp- Corporate Sustainability Due Diligence Directive (CSDDD)	Có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2024.	<ul style="list-style-type: none"> - Minh bạch chuỗi cung ứng: Theo dõi nguồn gốc nguyên liệu và quy trình sản xuất để đảm bảo không vi phạm quyền con người hoặc gây hại môi trường. - Tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững: Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, như giảm phát thải và ô nhiễm nước. - Tăng cường báo cáo: Thiết lập cơ chế giám sát và báo cáo về các hoạt động thẩm định của mình. - Các công ty thuộc phạm vi điều chỉnh là “các công ty TNHH và công ty hợp danh lớn của EU” với hơn 1,000 nhân viên và doanh thu 450 triệu euro trên toàn cầu. Ngoài ra, phạm vi này còn bao gồm các công ty lớn ngoài EU có doanh thu là 450 triệu euro tại EU. - Tóm lại, CSDDD yêu cầu các công ty phải xác định, ngăn chặn và giải quyết các tác động tiêu cực đến nhân quyền và môi trường trong toàn bộ chuỗi giá trị của họ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành dệt may, với chuỗi cung ứng rộng lớn và thường thiếu minh bạch, đang chịu sự giám sát chặt chẽ hơn theo Chỉ thị này. - Do áp lực từ Chỉ thị, các thương hiệu dệt may tại Châu Âu có thể siết chặt yêu cầu đối với toàn bộ chuỗi cung ứng của họ. Nếu nhà cung cấp đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe, họ sẽ tiếp tục hợp tác; ngược lại, đơn hàng có thể bị cắt giảm hoặc chấm dứt.
Chỉ Thị Báo Cáo Phát Triển Bền Vững Của Doanh Nghiệp-	Có hiệu lực kể từ ngày 5 tháng 1 năm 2023	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm của các công ty về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ niêm yết, sẽ 	<ul style="list-style-type: none"> - Các công ty dệt may sẽ phải thu thập và báo cáo dữ liệu chi tiết về tác động môi trường và xã hội của sản phẩm, bao gồm việc sử dụng tài nguyên, phát thải khí nhà kính, và điều kiện lao động.

<p>Corporate Sustainability Reporting Directive (CSRD)</p>		<p>phải báo cáo thông tin về phát triển bền vững.</p> <p>- Các công ty ngoài EU cũng bị ảnh hưởng nếu họ có doanh thu ròng trên 150 triệu EUR tại thị trường EU.</p>	<p>- Sự đa dạng trong các tiêu chuẩn và quy định hiện hành đang tạo ra sự phức tạp, tốn kém và kém hiệu quả trong quá trình báo cáo chuỗi cung ứng của ngành thời trang.</p>
<p>Quy định về thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững- Ecodesign for Sustainable Products Regulation (ESPR)</p>	<p>Có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2024</p>	<p>- Quy định về Sản phẩm Bền vững (ESPR) nhằm cải thiện tính tuần hoàn, hiệu suất năng lượng và các khía cạnh bền vững môi trường khác của các sản phẩm được đưa vào thị trường EU.</p> <p>- ESPR là một phần của gói biện pháp quan trọng để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch Hành động Kinh tế Tuần hoàn 2020 (CEAP - Circular Economy Action Plan).</p>	<p>- Hộ chiếu sản phẩm số (Digital Product Passport - DPP): ESPR yêu cầu các sản phẩm dệt may phải có DPP, cung cấp thông tin chi tiết về hiệu suất kỹ thuật, nguồn gốc vật liệu, hoạt động sửa chữa, khả năng tái chế và tác động môi trường trong vòng đời của sản phẩm. Điều này tăng cường tính minh bạch trong chuỗi cung ứng và giúp người tiêu dùng đưa ra quyết định mua sắm bền vững hơn.</p> <p>- Cấm hủy bỏ sản phẩm chưa bán: ESPR cấm việc hủy bỏ các sản phẩm dệt may và giày dép chưa bán được, yêu cầu các công ty lớn phải công khai thông tin hàng năm về số lượng và trọng lượng sản phẩm bị loại bỏ, cũng như lý do cho việc này. Điều này khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm giải pháp thay thế như quyên góp hoặc tái chế sản phẩm chưa bán.</p> <p>- Thúc đẩy đổi mới vật liệu: ESPR khuyến khích sử dụng các vật liệu bền vững và thúc đẩy đổi mới trong sản xuất dệt may, hướng tới việc áp dụng các công nghệ</p>

			giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên và ô nhiễm.
Sửa đổi Quy định về nhãn hàng dệt may của EU- EU Textile Labelling Regulation Revision	Đang tiến hành	Là một phần của Kế hoạch Hành động Kinh tế Tuần hoàn (CEAP), Ủy ban Châu Âu đang trong giai đoạn lập kế hoạch để sửa đổi Quy định Ghi nhãn Dệt may của EU hiện hành. Các sửa đổi dự kiến sẽ yêu cầu bao gồm các thông tin về tính bền vững và kinh tế tuần hoàn, đồng thời điều chỉnh các yêu cầu của quy định hiện tại cho phù hợp với Quy định về Thiết kế Sinh thái cho Sản phẩm Bền vững (ESPR) mới được thông qua.	Quy định Ghi nhãn Dệt may hiện hành đã yêu cầu các nhà nhập khẩu và sản xuất sản phẩm dệt may tại EU phải ghi rõ thành phần sợi của sản phẩm. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, các quốc gia thành viên đã thêm vào các yêu cầu ghi nhãn chéo liên quan đến nhiều vấn đề khác. Cùng với sự mở rộng ghi nhãn sản phẩm theo Quy định ESPR, Quy định Ghi nhãn Dệt may cần được sửa đổi để đảm bảo tính đồng nhất và đơn giản hóa các yêu cầu cho các nhà bán lẻ.
Chỉ thị về yêu cầu xanh- Green Claims Directive	Đang tiến hành	<ul style="list-style-type: none"> - Ngăn chặn hiện tượng "greenwashing" (tẩy xanh⁵) và đảm bảo tính minh bạch trong các tuyên bố môi trường của doanh nghiệp. - Chỉ thị này yêu cầu các công ty cung cấp bằng chứng khoa học và minh bạch khi đưa ra các tuyên bố về tính bền vững hoặc lợi ích môi trường của sản phẩm hoặc dịch vụ của họ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành dệt may thường bị chỉ trích vì các tuyên bố môi trường không chính xác hoặc thiếu minh bạch. Với Chỉ thị này, các thương hiệu và nhà sản xuất dệt may phải cung cấp bằng chứng cụ thể và có thể kiểm chứng về các tuyên bố xanh của họ, từ việc sử dụng vật liệu bền vững đến quy trình sản xuất thân thiện với môi trường. Điều này không chỉ giúp người tiêu dùng đưa ra quyết định mua sắm thông minh hơn mà còn thúc đẩy ngành dệt may chuyển hướng sang các thực hành bền vững hơn.

⁵ Tẩy xanh-Greenwashing: là khái niệm ám chỉ hành vi các thương hiệu thời trang sử dụng thời trang bền vững là hình thức tiếp thị cho doanh nghiệp của mình nhưng lại không cam kết toàn diện với các quy chuẩn nghiêm ngặt của thời trang bền vững

<p>Sửa đổi Chỉ thị Khung về Chất thải-Waste Framework Directive Revision</p>	<p>Đang tiến hành</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là một phần trong chiến lược của Liên minh Châu Âu (EU) nhằm cải thiện quản lý chất thải và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. - Mục tiêu chính của việc sửa đổi này là tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất đối với việc thu gom, tái chế và xử lý chất thải từ sản phẩm của họ, bao gồm cả sản phẩm dệt may. 	<ul style="list-style-type: none"> - Với việc sửa đổi Chỉ thị Khung về Chất thải, các nhà sản xuất dệt may sẽ phải chịu trách nhiệm nhiều hơn đối với việc thu gom và tái chế sản phẩm sau khi sử dụng, khuyến khích họ thiết kế sản phẩm dễ tái chế và giảm thiểu chất thải. - Điều này không chỉ giúp giảm tác động môi trường mà còn thúc đẩy ngành dệt may chuyển hướng sang các thực hành bền vững hơn.
---	-----------------------	---	--

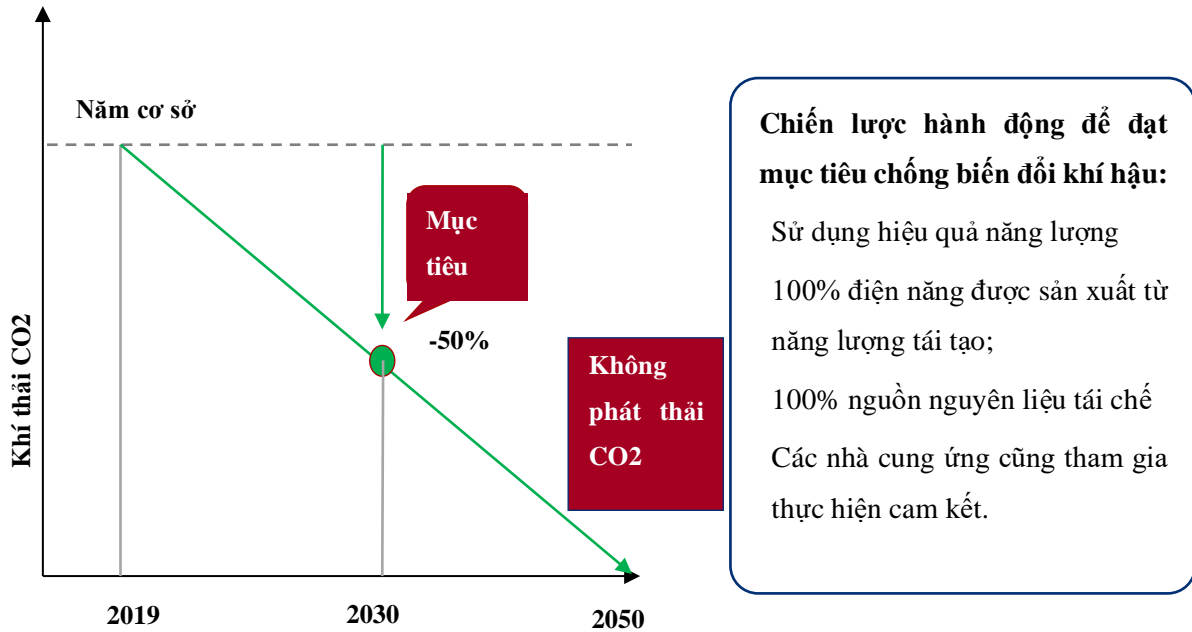
Các điều luật ở Mỹ.

Điều luật	Ngày hiệu lực	Nội dung chính của điều luật	Tác động đến ngành dệt may
<p>California Senate Bill 253 (SB 253) - The Climate Corporate Data Accountability Act</p>	<p>Tháng 10 năm 2023</p>	<p>Dự luật này yêu cầu các công ty lớn tại California phải công bố thông tin về lượng phát thải khí nhà kính (GHG) của họ, bao gồm cả phát thải trực tiếp và gián tiếp từ chuỗi cung ứng. Mục tiêu là cung cấp cho người tiêu dùng và nhà đầu tư thông tin rõ ràng về đóng góp của các công ty vào biến đổi khí hậu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với ngành dệt may, việc thông qua SB 253 có ảnh hưởng quan trọng. Ngành dệt may, vốn có chuỗi cung ứng phức tạp và thường xuyên bị chỉ trích vì tác động môi trường, sẽ phải công bố thông tin về lượng phát thải khí nhà kính từ toàn bộ chuỗi cung ứng, bao gồm cả việc sản xuất nguyên liệu như bông, quy trình nhuộm và vận chuyển. - Tuy nhiên, điều này thúc đẩy các công ty chuyển sang các phương pháp sản xuất bền vững hơn và giảm thiểu phát thải.
<p>New York Fashion Sustainability and Social</p>	<p>Đang tiến hành</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu công bố thông tin: Các thương hiệu thời trang có doanh thu toàn cầu trên 100 triệu USD và 	<ul style="list-style-type: none"> - Các công ty dệt may sẽ phải công bố thông tin chi tiết về tác động môi trường và xã hội

<p>Accountability Act, hay còn gọi là Fashion Act</p>		<p>bán hàng tại New York phải công bố thông tin về tác động môi trường và xã hội của họ, bao gồm lượng phát thải khí nhà kính, sử dụng hóa chất và các điều kiện lao động trong chuỗi cung ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi chuỗi cung ứng: Thương hiệu phải theo dõi ít nhất 50% chuỗi cung ứng của họ để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm 	<p>của họ, thúc đẩy việc áp dụng các phương pháp sản xuất bền vững hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc theo dõi và báo cáo về chuỗi cung ứng sẽ giúp các công ty nhận diện và giải quyết các vấn đề liên quan đến điều kiện lao động và tác động môi trường trong toàn bộ chuỗi cung ứng. - Các công ty dệt may sẽ phải tuân thủ các quy định mới, tránh bị phạt và duy trì uy tín thương hiệu
<p>California SB 707- Đạo luật phục hồi hàng dệt may có trách nhiệm năm 2024-California SB 707- Responsible Textile Recovery Act of 2024</p>	<p>Đang tiến hành</p>	<p>Dự luật thiết lập một chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility - EPR), yêu cầu các nhà sản xuất triển khai và tài trợ cho một chương trình nhằm thúc đẩy tái sử dụng, sửa chữa và tái chế quần áo cũng như sợi dệt. SB 707, cùng với chương trình EPR mà nó đề ra, hướng tới mở rộng thị trường tái chế và tái sử dụng quần áo, sợi dệt, vốn vẫn còn kém phát triển. Dự luật cũng củng cố các sáng kiến hiện có của bang nhằm khuyến khích sửa chữa và tái sử dụng hàng dệt may.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu rác thải dệt may: Luật nhằm giảm lượng rác thải dệt may đổ vào bãi rác bằng cách thúc đẩy việc sửa chữa, tái sử dụng và tái chế sản phẩm, từ đó giảm tác động môi trường của "thời trang nhanh". - Tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất: Các nhà sản xuất sẽ phải đầu tư vào cơ sở hạ tầng và quy trình để quản lý sản phẩm sau tiêu dùng, khuyến khích thiết kế sản phẩm bền vững và dễ tái chế hơn.
<p>Các luật khác đang trong quá trình tiến hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạo luật công nhân thời trang 	<p>Đang tiến hành</p>	<p>Các đạo luật này đều hướng đến việc tăng cường trách nhiệm và tính bền vững trong ngành thời trang về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi của người lao động trong ngành thời trang. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các công ty sẽ cần công bố dữ liệu về tác động môi trường và điều kiện lao động, tạo áp lực lớn lên chuỗi cung ứng.

<p>- Đạo luật về việc tạo ra trách nhiệm giải trình và xây dựng sự thay đổi thực sự về thể chế – “Đạo luật FABRIC”-</p> <p>- Dự luật Hạ viện 2068 – Đạo luật Washington liên quan đến tác động môi trường của thời trang</p>	<p>- Trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.</p> <p>- Giảm thiểu tác động môi trường của ngành dệt may.</p>	<p>- Ngành dệt may sẽ phải chuyển đổi sang các quy trình thân thiện với môi trường, sử dụng nguyên liệu tái chế và giảm thiểu chất thải.</p> <p>- Góp phần định hình lại ngành thời trang theo hướng công bằng hơn cho người lao động và bền vững hơn với môi trường, nhưng cũng đặt ra thách thức lớn về tuân thủ.</p>
--	--	---

- Trước những yêu cầu ngày càng cao của các khách hàng về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, trách nhiệm xã hội, Công ty đã chuyển sang sử dụng nguyên liệu tái chế, năng lượng tái tạo, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường trong những năm qua. Bên cạnh đó, STK định hướng mở rộng phát triển dòng sợi tái chế từ nguyên liệu T-2-T (Textile-to-Textile), tận dụng vải vụn, quần áo cũ và sản phẩm lỗi để tạo ra sợi mới. Đây là giải pháp tiên tiến giúp giảm phụ thuộc vào nguyên liệu thô, hạn chế rác thải dệt may và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. So với sản xuất từ nguyên liệu nguyên sinh, T-2-T không chỉ giảm lượng rác thải mà còn tiết kiệm đáng kể nước, năng lượng và cắt giảm khí nhà kính.
- Hiện nay, nhiều thương hiệu thời trang hàng đầu đang tích cực ứng dụng mô hình này để đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững, nâng cao uy tín thương hiệu và thu hút nhóm khách hàng quan tâm đến môi trường. Việc STK đẩy mạnh phát triển dòng sợi T-2-T không chỉ giúp doanh nghiệp đón đầu xu hướng xanh hóa ngành dệt may mà còn mở ra cơ hội hợp tác với các đối tác toàn cầu có cùng định hướng bền vững.

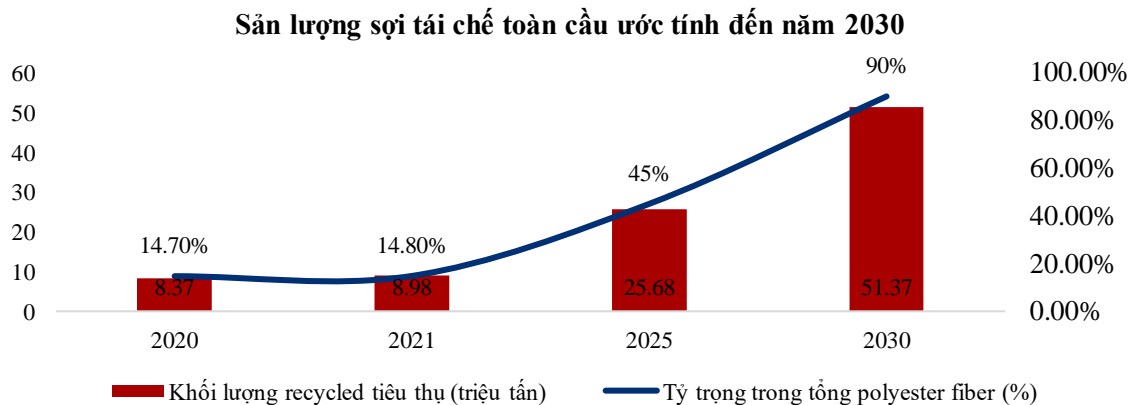


Nguồn: FICCA

Để đạt được cam kết chống biến đổi khí hậu nói trên, vào tháng 4 năm 2021 các thương hiệu đã đưa ra cam kết nâng tỷ trọng sợi Polyester tái chế trong tổng lượng Polyester sử dụng từ 14.7% (năm 2020) lên 45% (năm 2025). Như vậy khối lượng sợi Polyester recycle dự kiến sẽ tăng từ 8.37 triệu tấn (2020) lên 25.68 triệu tấn (2025).

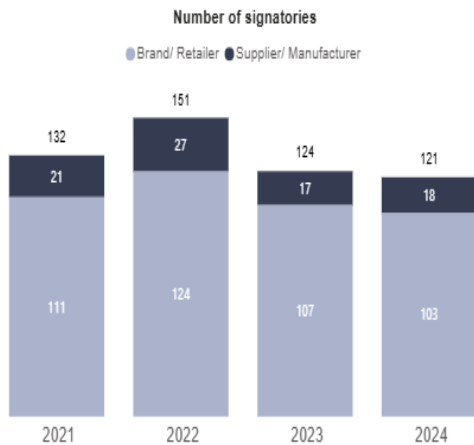
Theo báo cáo “Materials Market Report 2024” của Textile Exchange, Sản lượng sợi polyester đã tăng từ 63 triệu tấn vào năm 2022 lên 71 triệu tấn vào năm 2023, chiếm 57% tổng sản lượng sợi toàn cầu, cho thấy polyester vẫn là loại sợi được sản xuất nhiều nhất. Trên toàn cầu, sản lượng sợi polyester tái chế đã tăng từ khoảng 8.6 triệu tấn vào năm 2022 lên khoảng 8.9 triệu tấn vào năm 2023.

Tuy nhiên, do sản lượng polyester nguyên sinh tăng, thị phần của polyester tái chế trong tổng sản lượng polyester toàn cầu đã giảm từ khoảng 13.6% vào năm 2022 xuống còn khoảng 12.5% vào năm 2023.



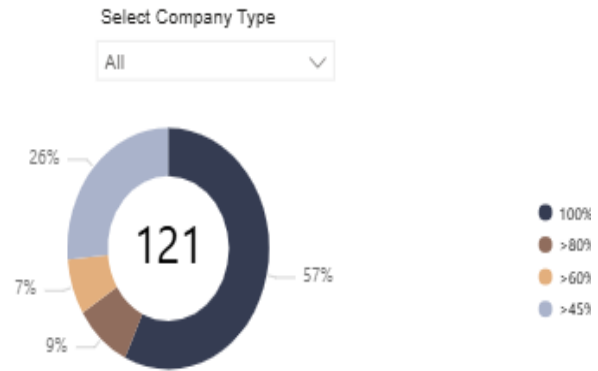
Nguồn: Textile Exchange

Tính đến năm 2024, đã có 121 thương hiệu bao gồm Adidas, Puma, Inditex, Old Navy, New Balance, H&M, Lululemon, VFGroup, Decathlon, Gap, Kering, Kmart đã cam kết vào lộ trình nâng cao tỷ trọng sử dụng sợi recycle cho đến 2025.



Nguồn: Textile Exchange

Signatories' commitments (%) in sourcing recycled polyester



Nguồn: Textile Exchange

- Số lượng thương hiệu và nhà cung cấp tham gia Thử thách Polyester Tái chế (Recycled Polyester Challenge) đến năm 2024 là 121 giảm nhẹ so với năm 2023 chủ yếu do các công ty không thực hiện báo cáo bị loại khỏi danh sách ký kết.
- Tất cả các đơn vị ký kết đã cam kết báo cáo hàng năm về tiến độ đạt mục tiêu sử dụng Polyester tái chế vào năm 2025.
- Các đơn vị ký kết đã cam kết đặt mục tiêu sử dụng từ 45% đến 100% polyester tái chế vào năm 2025.
- 57% các đơn vị ký kết đã cam kết chuyển đổi hoàn toàn sang 100% polyester tái chế vào năm 2025.

Bên cạnh đó các thương hiệu đã cam kết giữ mức nhiệt độ toàn cầu gia tăng không vượt quá 1.5% so với thời kỳ tiền công nghiệp, giảm 50% KNK vào năm 2030 và hướng tới net-zero tới năm 2050 để đạt được các mục tiêu đó các thương hiệu đang có những chiến lược như: sử dụng năng lượng hiệu quả, hướng tới sử dụng 100% điện tái tạo, hướng tới sử dụng 100% nguyên liệu tái chế, khuyến khích các nhà cung ứng đồng hành thực hiện mục tiêu chung cho phát triển bền vững.

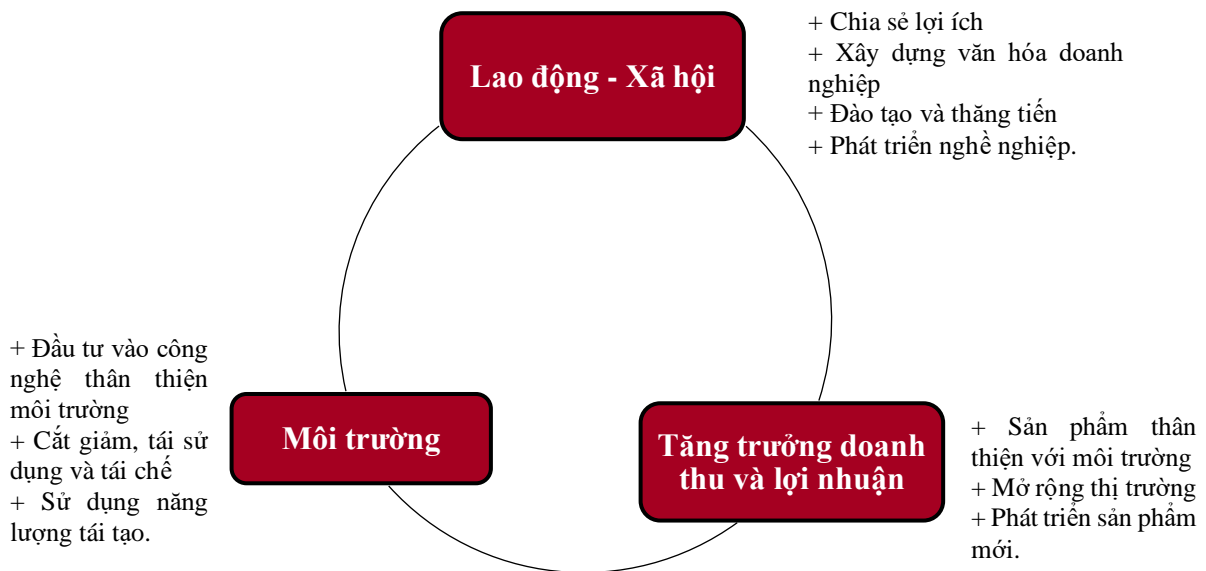
Để bảo vệ nguồn nước, các thương hiệu cũng cam kết không thải hóa chất độc hại ra môi trường theo sáng kiến của chương trình Zero Discharge Hazardous Chemical (“ZDHC”). Do đó, các sản phẩm giúp các thương hiệu cắt giảm việc tiêu thụ nước và hóa chất như sợi màu cũng sẽ có cơ hội phát triển.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo các yêu cầu về quyền con người, các quyền của người lao động như không phân biệt đối xử, không sử dụng lao động cưỡng bức, đảm bảo môi trường lao động an toàn, đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, v.v, các thương hiệu tiến hành kiểm toán định kỳ các nhà cung ứng trong chuỗi cung ứng của họ.

Trong định hướng chiến lược của STK, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận phải luôn gắn kết với việc bảo vệ môi trường, hài hòa lợi ích với các bên có liên quan và phát triển xã hội.

Chiến lược phát triển bền vững của STK bao gồm 3 mục tiêu chính:

- Mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: Để đạt được mục tiêu này, Công ty chú trọng phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và khách hàng đánh giá cao, mở rộng thị trường và khách hàng.
- Mục tiêu bảo vệ môi trường: Để đạt được mục tiêu này, Công ty
 - (i) đầu tư vào những công nghệ thân thiện với môi trường, có hiệu suất cao, hạn chế phế phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu;
 - (ii) áp dụng các biện pháp để cắt giảm, tái sử dụng và tái chế nguyên vật liệu, điện, nước;
 - (iii) sử dụng năng lượng tái tạo.
- Mục tiêu phát triển con người và xã hội: Các chính sách lương, thưởng phúc lợi của Công ty được xây dựng trên cơ sở Công ty luôn chia sẻ lợi ích với người lao động, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên có liên quan. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo ra môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và quan tâm đào tạo người lao động cũng như trao cho họ những cơ hội thăng tiến trong công việc.



Sợi tái chế vẫn là sản phẩm chiến lược của STK trong các năm sắp tới, sản phẩm này có biên lợi nhuận cao và xu hướng giá cả ổn định. Mục tiêu đến năm 2026-2027 STK sẽ tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 60%-70% trong tổng doanh thu của các nhà máy hiện hữu.

Tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường

2025 trở đi

*Sợi tái chế cộng chức năng như co giãn cao, hút ẩm, chống tia cực tím, v.v (sợi màu dope dye đen / trắng / xám)
Sợi hiệu ứng Melange.
Định hướng phát triển sợi làm từ nguyên liệu T-2-T (Textile-to-Textile)*



3.2. Cơ hội và thách thức tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty

Những yếu tố chính từ ngành và thị trường tác động đến Sợi Thép Kỳ trong năm 2024 và dự báo cho năm 2025

- +**: có tác động tích cực đến Công ty
- : có tác động tiêu cực đến Công ty
- ++**: tiếp tục có tác động tích cực
- : tiếp tục có tác động tiêu cực

Các yếu tố tác động	2024	2025	Ghi chú
Dự báo ngành thời trang tiếp tục tăng trưởng chậm, với doanh thu dự kiến ổn định ở mức một chữ số thấp vào năm 2025.	-	--	Tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ duy trì ổn định, dù ở mức thấp. Với mức 3.3% trong cả năm 2025 và 2026, dự báo tăng trưởng thấp hơn mức trung bình lịch sử (2000–2019) là 3.7%. Tăng trưởng GDP của Mỹ dự kiến chỉ đạt 2.7% vào năm 2025 và 2.1% vào năm 2026. GDP năm 2024 dự báo đạt 2.8%. IMF nhận định tăng trưởng GDP của khu vực đồng Euro năm 2025

			dự kiến đạt 1% vào 2025 và 1.4% vào 2026.
Xu hướng sourcing gần chuỗi cung ứng (near-shoring) nhằm tiết giảm chi phí của các thương hiệu thời trang	-	--	<p>Tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành sản xuất may mặc tại các khu vực gần thị trường tiêu thụ đã tăng 20 điểm phần trăm trong 5 năm qua đối với Mỹ và 8 điểm phần trăm đối với EU.</p> <p>Nhập khẩu hàng may mặc và dệt may từ các điểm gần thị trường của Mỹ và EU dự kiến sẽ tăng lần lượt 2 điểm phần trăm và 3 điểm phần trăm vào năm 2030.</p> <p>Khu vực Mỹ Latinh đang nổi lên như một trung tâm sản xuất gần thị trường quan trọng đối với Mỹ, trong khi Thổ Nhĩ Kỳ đóng vai trò tương tự đối với châu Âu.</p>
Xu hướng dịch chuyển nơi sourcing khỏi Trung Quốc của doanh nghiệp US và EU để bớt phụ thuộc vào Trung Quốc, đa dạng hóa quốc gia sourcing để giảm thiểu đứt gãy chuỗi cung ứng.	+	++	Nhập khẩu hàng may mặc và dệt may của Mỹ đang đa dạng hóa khỏi Trung Quốc với tốc độ nhanh nhất kể từ năm 2010, giảm 6 điểm phần trăm vào năm 2023 so với năm 2019.
<p>Chuyển Dịch Từ Cao Cấp Sang Bình Dân: Lần đầu tiên kể từ năm 2010, phân khúc thời trang không xa xỉ dự kiến sẽ dẫn đầu về lợi nhuận kinh tế.</p> <p>Ngoài trừ thị trường cao cấp Nhật Bản đã tăng trưởng 25-30% trong nửa đầu 2024, nhờ động lực tăng trưởng là sự yếu đi của đồng JPY và sự tăng đột biến của khách du lịch đến Nhật, dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2025.</p>	+	--	

Xu hướng phát triển bền vững và quan tâm đến ESG của các thương hiệu thời trang và của xã hội.	+	++	Cam kết của các thương hiệu thời trang hàng đầu về chống biến đổi khí hậu. Sợi tái chế vẫn được các nhãn hàng chú trọng, nhu cầu tiêu thụ dự báo vẫn được duy trì.
Tỷ giá đồng USD vẫn cao, dự đoán tăng nhẹ so với 2024	-	--	
Ưu tiên chọn quốc gia để sourcing có các hiệp định thương mại về ưu đãi thuế, tình hình chính trị ổn định.	+	++	Việt Nam đều thỏa mãn 2 yếu tố này nên vẫn được xem là nơi sourcing tốt của các nhãn hàng ở châu Á.
Tăng giá cước vận chuyển đường biển từ Châu Á đi Hoa Kỳ và giá cước đường biển qua các tuyến đường thương mại ở Trung Đông	-	--	
Tăng giá nguyên vật liệu do xung đột vũ trang và khủng hoảng dầu mỏ.	-	--	
Rào cản thương mại và đứt gãy nguồn cung ngày càng nhiều	-	--	Các rào cản thương mại và gián đoạn chuỗi cung ứng đã tăng gấp 5 lần kể từ năm 2015, với khoảng 3,000 biện pháp hạn chế thương mại được áp đặt trong năm 2023.
Chi phí nhân công có xu hướng tăng lên ở Trung Quốc so với các quốc gia Châu Á khác như Việt Nam, Ấn Độ, Bangladesh.	+	++	Chi phí nhân công của Trung Quốc tăng 38% từ năm 2010 đến 2021.
Bất ổn chính trị tại Bangladesh	+	++	
63% các nhãn hàng thời trang cần tăng cường nỗ lực cắt giảm phát thải để đạt mục tiêu năm 2030 nên các nhãn hàng ưu tiên chọn quốc gia sourcing có hệ số phát thải trong sản	+	++	

xuất vải thấp. Ví dụ như Pakistan có hệ số phát thải trong sản xuất vải chỉ bằng một nửa của Trung Quốc.			
Cấu trúc đa cực của thế giới, ngày càng nhiều quốc gia tham gia vào thương mại thế giới, nhu cầu đa dạng hóa nguồn hàng nhập khẩu của Mỹ, EU, bớt nhập khẩu từ Trung Quốc.	+	++	
Tổng thống Donald Trump đắc cử và chiến tranh thương mại.	+	++	Donald Trump dự kiến áp thêm thuế lên mặt hàng dệt may của Trung Quốc trên nền thuế hiện hành, khiến mức thuế tăng cao, gây nên xu hướng chuyển dịch đơn hàng từ Trung Quốc sang các nước khác với mức thuế suất thấp hơn như Việt Nam, Ấn Độ, Campuchia.

Hành động của Sợi Thế Kỳ trước cơ hội và thách thức

✓ **Các nhãn hàng khắt khe hơn trong việc lựa chọn nơi sourcing**

Việt Nam vẫn là quốc gia có nhiều ưu thế trong việc trở thành nơi sourcing cho các nhãn hàng.

Những năm gần đây Việt Nam đã và đang chuyển mình để trở thành trung tâm sản xuất lớn toàn cầu. Đặc biệt sau đại dịch Covid-19 và những bất ổn về kinh tế, chính trị, nhiều tập đoàn, kênh buôn bán đang đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa, đảm bảo nguồn cung bền vững và Việt Nam là địa điểm chiến lược trong chuỗi cung ứng toàn cầu của họ.

- Việt Nam có nhiều ưu đãi thuế quan, giúp giảm giá sản phẩm xuất khẩu sang các nước trong khu vực và các thị trường trọng điểm.
- Chuỗi sản xuất dệt may của Việt Nam đang dần hoàn thiện với đầy đủ các khâu sợi, dệt nhuộm, may mặc, góp phần rút ngắn thời gian giao hàng, tăng khả năng linh hoạt để đáp ứng yêu cầu của các thương hiệu.
- Việt Nam có nền chính trị tương đối ổn định và kiểm soát dịch bệnh tương đối tốt hơn so với các nước châu Á khác.
- Các doanh nghiệp dệt may ở Việt Nam ngày càng chú trọng đến việc lồng ghép các yếu tố PTBV vào hoạt động kinh doanh của mình.

Việt Nam được xem là một điểm đến tìm nguồn cung ứng cân bằng theo hầu hết các tiêu chí tìm nguồn cung ứng chính

Quốc gia	Tốc độ ra thị trường		Chi phí tìm nguồn cung ứng		Tính linh hoạt & nhanh nhẹn		Rủi ro về lao động & tuân thủ xã hội		Rủi ro về tuân thủ môi trường		Tổng	
	2023	2024	2023	2024	2023	2024	2023	2024	2023	2024	2023	2024
Mexico	4	4	2.5	3	3.5	3.5	3	3	3	3	16	16.5
China	3.5	3.5	3.5	4	4	4	1.5	2	2.5	2	15	15.5
Việt Nam	3	3	3.5	3.5	4	3.5	2.5	3	2.5	3	15.5	16
Bangladesh	2	2	4.5	4	3.5	3	2.5	2.5	2.5	2.5	15	14
Indonesia	2.5	2.5	4	3.5	3.5	3.5	3	3	3	2.5	16	15
India	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3	2.5	2.5	2.5	15	14.5
Sri Lanka	2.5	2	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3	3	3	16	15
Cambodia	2.5	2.5	3.5	3.5	3	3	2.5	2.5	3	2.5	14.5	14
Turkey	3	3	3	3	3.5	3.5	3	3	3	3	15.5	15.5

Nguồn: US-FIA 2023, 2024 Benchmarking survey

Region	Sourcing destination	Speed to market	Sourcing cost	Flexibility and agility	Minimum order quantity (MOQ)	Vertical integration	Risk of labor and social compliance	Risk of environmental compliance	Geopolitical risk
Western Hemisphere	USA	● 4.0	◆ 1.5	▲ 3.0	● 4.0	◆ 2.5	● 4.0	● 4.0	● 4.0
	Mexico	● 4.0	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0
	CAFTA-DR	● 4.0	▲ 3.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5
	Colombia	▲ 3.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5
Asia	China	▲ 3.5	● 4.0	● 4.0	▲ 3.5	● 4.5	◆ 2.0	◆ 2.0	◆ 1.5
	Vietnam	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0
	Bangladesh	◆ 2.0	● 4.0	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	◆ 2.5	◆ 2.5	▲ 3.0
	Indonesia	◆ 2.5	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.5
	India	◆ 2.5	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	● 4.0	◆ 2.5	◆ 2.5	▲ 3.5
	Sri Lanka	◆ 2.0	▲ 3.5	▲ 3.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5
	Cambodia	◆ 2.5	▲ 3.5	▲ 3.0	◆ 2.5	◆ 2.5	◆ 2.5	◆ 2.5	▲ 3.0
Rest of the world	Europe	▲ 3.5	◆ 2.0	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.0	● 4.0	● 4.0	● 4.0
	Türkiye	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.5	▲ 3.0	● 4.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0
	AGOA	◆ 1.5	● 4.0	◆ 2.5	◆ 2.5	◆ 1.5	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0
	Egypt	▲ 3.0	● 4.0	▲ 3.0	◆ 2.5	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0	▲ 3.0

● : được đánh giá mức độ cao

▲ : được đánh giá mức độ trung bình

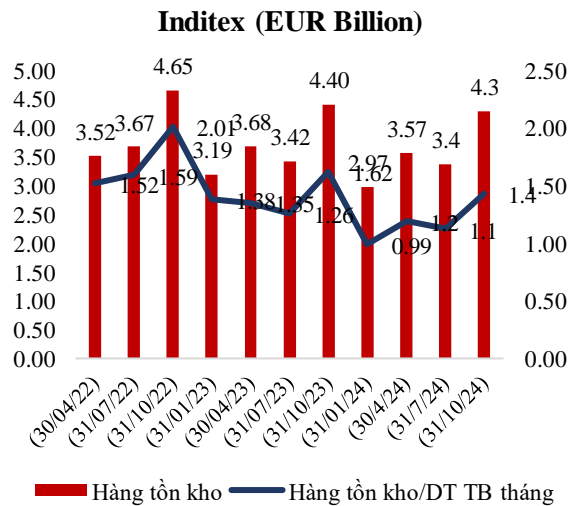
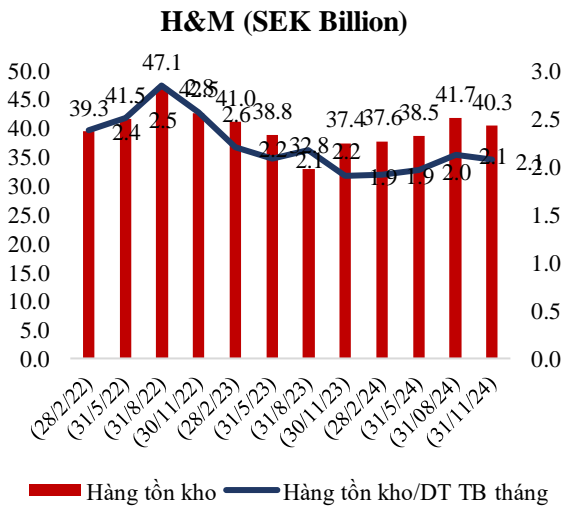
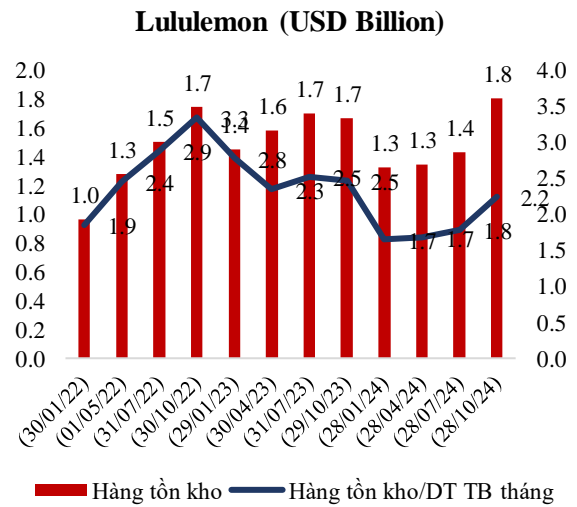
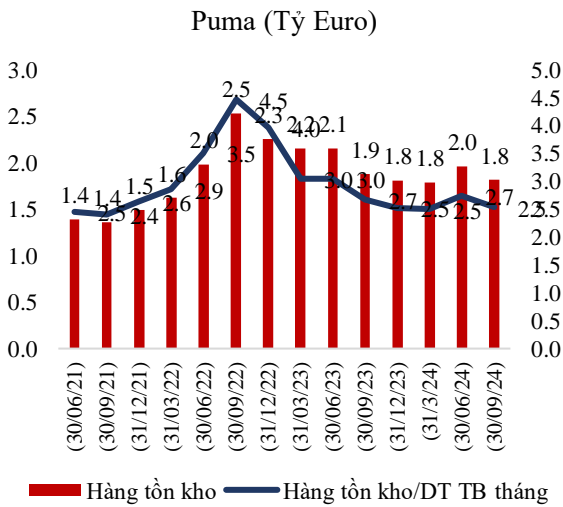
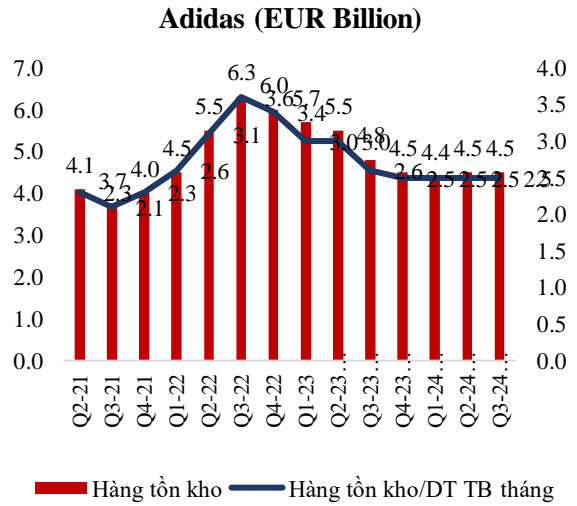
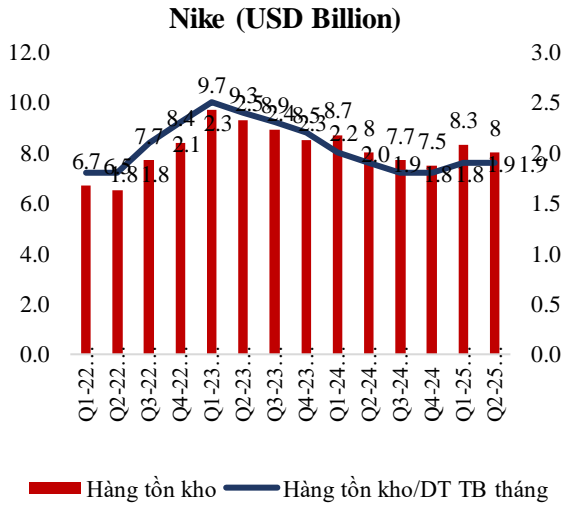
◆ : được đánh giá mức độ thấp

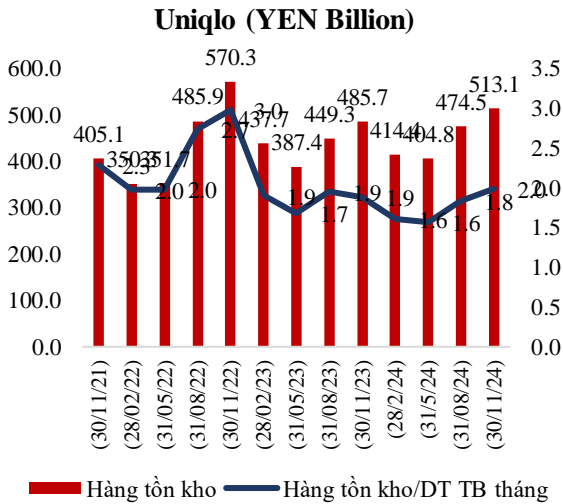
Nguồn: US-FIA 2024 benchmarking study

Theo Benchmarking survey, khảo sát của các thương hiệu và nhà bán lẻ đánh giá mức độ cạnh tranh của các nhà cung ứng cũng cho thấy, Việt Nam đạt tổng điểm là 16, cao thứ 2 trong số các quốc gia được khảo sát (Mexico, China, **Việt Nam**, Bangladesh, Indonesia, India, Sri Lanka, Cambodia, Turkey) và có cải thiện hơn so với năm 2023, được đánh giá cao hơn đối thủ Trung Quốc ở điểm: Rủi ro về lao động & tuân thủ xã hội và Rủi ro về tuân thủ môi trường.

Có thể thấy Việt Nam nhìn chung được đánh giá cao trong khu vực châu Á trên nền 08 yếu tố đánh giá với điểm số trung bình ở tất cả các yếu tố.

Tích lũy hàng tồn kho đã qua thời kỳ lập đỉnh và bắt đầu tăng nhẹ





Có thể thấy, lượng hàng tồn kho của các nhãn hàng đã ổn định và đang có dấu hiệu nhập hàng lại:

- Nike (giảm từ 9.6 tỷ USD 8/2022 xuống 7.9 tỷ USD tháng 12/2023, tháng 9/2024 giữ quanh mức 8 tỷ USD).
- Adidas (giảm từ 6.3 tỷ Euro 9/2022 xuống còn 4.8 tỷ Euro 9/2023, hiện tại đang đi ngang ở mức 4.5 tỷ Euro).
- Puma (giảm từ 3.5 tỷ Euro tháng 9/2022 và hiện tại đang giữ quanh mức 2.5-2.7 tỷ Euro năm 2024).
- Lululemon tồn kho tăng gần bằng thời kỳ 2022, quanh mức 1.8 tỷ USD
- H&M, Inditex, Uniqlo cũng đều tăng tồn kho về mức gần trước đại dịch Covid.

Việc gia tăng hàng tồn kho của các thương hiệu cho thấy họ đang có xu hướng tích lũy thêm sản phẩm, đồng thời phản ánh tín hiệu phục hồi khi hoạt động đặt hàng dần trở lại trạng thái bình thường như trước đại dịch Covid.

Qua đó, kỳ vọng xuất khẩu hàng may mặc sẽ cải thiện hơn.

Kỳ vọng ngành công nghiệp thời trang năm 2025 không chắc chắn.

Theo Khảo sát Điều hành của BoF-McKinsey “The State of Fashion”, "sự không chắc chắn" tiếp tục là cảm nhận phổ biến nhất trong giới lãnh đạo ngành thời trang. Chỉ 20% người tham gia khảo sát kỳ vọng điều kiện thị trường sẽ cải thiện so với năm 2024, 41% dự đoán tình hình sẽ giữ nguyên, trong khi 39% cho rằng điều kiện sẽ xấu đi.

Động lực tăng trưởng năm 2025 chủ yếu ở sản lượng

Các nhà điều hành tiếp tục tập trung vào tăng trưởng doanh số trong năm tới, với gần 75% lãnh đạo ngành thời trang ưu tiên tăng doanh thu hơn là cắt giảm chi phí – tăng nhẹ so với năm 2024.

Tuy nhiên, động lực tăng trưởng đang thay đổi. Những năm gần đây, tăng trưởng sản lượng chậm lại hoặc giảm ở các khu vực như Mỹ và châu Á - Thái Bình Dương. Hiện nay, các lãnh đạo dự đoán tăng trưởng sẽ được thúc đẩy bởi sản lượng thay vì giá cả.

- Số lãnh đạo kỳ vọng tăng giá đã giảm 17 điểm phần trăm so với năm trước.

- Gần hai phần ba lãnh đạo dự đoán sản lượng tăng vào năm 2025, chủ yếu ở mức thấp.
- Người tiêu dùng đã mệt mỏi với việc tăng giá, đặc biệt là nhóm thu nhập trung bình và thấp, khiến các thương hiệu có ít quyền định giá hơn do sự không chắc chắn về sức mua của khách hàng.

Nguồn: Mc.Kinsey

3.3. Phân tích SWOT

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung kinh doanh ngành nghề cốt lõi; - Chất lượng sản phẩm vượt trội, có thể cung cấp đa dạng các sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng - Chiến lược kinh doanh tập trung vào thị trường niche, giúp tránh cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm từ sợi Trung Quốc, đẩy mạnh bán các sản phẩm sợi có giá trị gia tăng cao - Thương hiệu vững mạnh được khách hàng đánh giá cao nhờ chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ chăm sóc chuyên nghiệp; - Đáp ứng tốt các tiêu chí về ESG, trở thành Nhà cung cấp uy tín cho các thương hiệu thời trang - Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển bền vững; - Máy móc, công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực lâu năm và lành nghề; <p>Tình hình tài chính ổn định và minh bạch.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nhân lực cấp cao và cấp trung còn thiếu kinh nghiệm quản lý và đào tạo nguồn nhân lực cấp thấp hơn; - Là doanh nghiệp xuất khẩu nhưng vẫn còn phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu; - Công ty ghi nhận các khoản vay ngắn và dài hạn bằng đồng ngoại tệ USD nên phải thiết lập dự phòng lỗ chênh lệch tỷ giá khi VNĐ mất giá so với USD, ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Công ty. - Việc vận hành cả STK và Unitex sẽ đòi hỏi Công ty có chính sách quản lý hiệu quả, để cân bằng nguồn lực tốt cho cả Công ty mẹ và Công ty con, do đó nếu làm không tốt, đây có thể trở thành điểm yếu của STK.
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Sợi Polyester nói chung và sợi Polyester Filament nói riêng vẫn chiếm ưu thế lớn nhất trong cơ cấu của ngành sợi; dù năm 2024 nhu cầu sợi thân thiện với môi trường có sụt giảm, nhưng về dài hạn, nhu cầu về sợi tái chế vẫn được kỳ vọng tiếp tục tăng cao; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh kinh tế suy thoái và nhu cầu sụt giảm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty; - Tác động của lãi suất cao và sức chi tiêu của người tiêu dùng suy yếu (ngân sách chi tiêu

<ul style="list-style-type: none"> - Xu hướng dịch chuyển đơn hàng dệt may sang Việt Nam để tận dụng các ưu thế về giá cả, chất lượng và mức độ đa dạng sản phẩm, khả năng đáp ứng nhanh và linh hoạt cũng như thành tích ESG của Việt Nam.; - Tình hình địa chính trị ổn định và chi phí nhân công rẻ hơn Trung Quốc cũng giúp Việt Nam trở thành một trong những nơi sourcing chủ đạo cho dệt may US và EU, bên cạnh Ấn Độ và Bangladesh - Chi phí PET chip có thể giảm do dự báo áp lực giảm giá dầu sẽ kéo dài trong phần lớn hai năm tới, do sản lượng dầu toàn cầu dự kiến sẽ tăng nhanh hơn nhu cầu dầu. Ước tính giá dầu thô Brent sẽ trung bình ở mức 74 USD/thùng vào năm 2025, giảm 8% so với năm 2024, và tiếp tục giảm thêm 11% xuống còn 66 USD/thùng vào năm 2026. 	<ul style="list-style-type: none"> giảm), chỉ số mức độ tự tin của người tiêu dùng giảm; - Rủi ro Công ty xuất khẩu có khả năng bị kiện chống bán phá giá ở các thị trường xuất khẩu; - Giá cước vận tải biển tăng - Cạnh tranh giá cả đối với mặt hàng sợi tái chế từ Trung Quốc; - Hiệu ứng Bullwhip khiến doanh nghiệp thượng nguồn bị ảnh hưởng nhiều hơn khi thị trường sụt giảm. - Xu hướng rút ngắn thời gian giao hàng và yêu cầu chất lượng sản phẩm ngày càng khắt khe - Các thương hiệu yêu cầu giảm giá nguyên liệu đầu vào - Các yêu cầu ngày càng khắt khe về bảo vệ môi trường - Áp lực từ chính phủ và khách hàng trong việc cắt giảm tiêu thụ điện và phát thải
--	---

3.4. Chiến lược trung và dài hạn đến năm 2027

Tăng cường nội lực và mở rộng thị phần	Quản trị rủi ro hoạt động và rủi ro PTBV
<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư vào phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường: sợi tái chế, sợi màu, sợi đặc biệt khác...; • Kiện toàn hệ thống, tối ưu hóa quy trình hoạt động để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm; • Nâng cao trình độ kỹ năng cho cấp quản lý khối sản xuất nói riêng và người lao động nói chung; • Khai thác lợi thế về quy mô thông qua việc mở rộng công suất thêm 60,000 tấn/năm (Nhà máy mới Unitex); • + Giai đoạn 1: +36,000 tấn/năm (Dự kiến quý 2.2025 đi vào hoạt động), 	<ul style="list-style-type: none"> • Áp dụng cơ chế Kiểm toán nội bộ để kiểm soát rủi ro nhất là trong vận hành sản xuất và hệ thống giá thành...; • Cải thiện chính sách phúc lợi, cơ chế thưởng-phạt, KPIs, điều kiện làm việc để thu hút và giữ chân người lao động lành nghề, có tinh thần trách nhiệm cao;

<ul style="list-style-type: none"> • + Giai đoạn 2: +24,000 tấn/năm; • Áp dụng tự động hóa và công nghệ thông tin để giảm bớt sự phụ thuộc vào thao tác thủ công và kinh nghiệm của người vận hành (Kho tự động, Tự động hóa POY, ...) • Tìm kiếm khách hàng mới, cho các dòng sản phẩm mới để tận dụng lợi thế của nhà máy Unitex với các máy móc hiện đại, công nghệ sản xuất tân tiến. • Tập trung vào thị trường niches: Phát triển các loại sợi mới với các tính năng mới, từ đó thu hút các tệp khách hàng mới, định hướng phát triển sợi textile-to-textile recycling. • Cạnh tranh mạnh mẽ về giá: Trong năm 2025, STK sẽ hạ giá một số sản phẩm sợi tái chế để gia tăng thị phần • Tận dụng, tối ưu ưu đãi thuế suất 0% của Công ty con Unitex trong vòng 4 năm 	<ul style="list-style-type: none"> • Thường xuyên nâng cao tay nghề, tăng cường đào tạo đến các đối tượng người lao động khác nhau; • Kiểm soát rủi ro từ môi trường, áp dụng triệt để các sáng kiến PTBV để tiết giảm lượng tiêu thụ năng lượng không tái tạo và nước sạch; áp dụng phương pháp LCA (Life Cycle Assessment) để đo lường mức độ gây tác động đến môi trường (phát thải khí CO2 trên một kilogram sản phẩm). • Thực hiện báo cáo kiểm toán năng lượng, báo cáo kiểm kê khí nhà kính cho nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi. • Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.
--	--

Trong những năm vừa qua, Sợi Thép Kỹ là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực PTBV, được khách hàng và đối tác đánh giá cao ở các khía cạnh:

- Sử dụng nguồn nguyên liệu từ chai nhựa đã qua sử dụng (Sợi tái chế);
- Phát triển sợi màu để giảm thiểu lượng tiêu thụ nước sạch;
- Lắp đặt và vận hành hệ thống điện mặt trời áp mái và có kế hoạch mở rộng công suất;
- Tái chế lại sợi thứ cấp để giảm việc thải nhựa ra môi trường.

Do đó, trong năm 2025

Chiến lược ngắn hạn và kế hoạch phát triển của Công ty là:

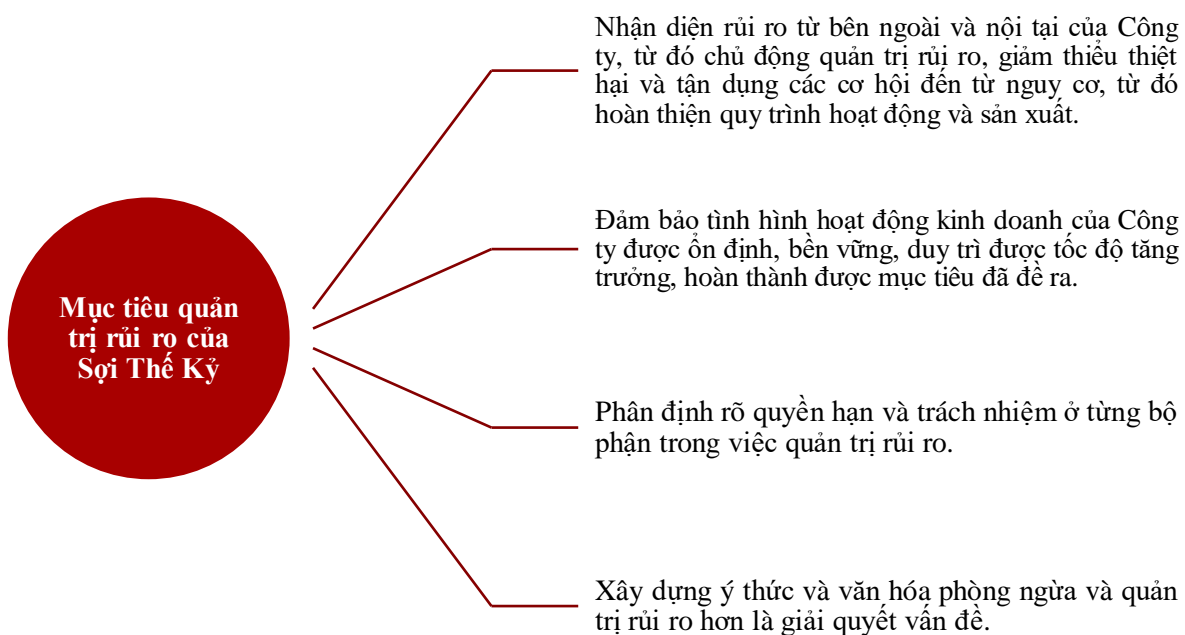
- Đưa nhà máy Unitex vào sản xuất thương mại vào quý 2/2025;
- Duy trì tỷ trọng sợi tái chế cao trong doanh thu, dự kiến 60.8% trong năm 2025;
- Quản trị tình hình tài chính của Công ty theo hướng cân đối lợi ích giữa các bên liên quan;
- Hoàn thiện hệ thống Kiểm toán nội bộ để kiểm soát rủi ro một cách triệt để.

Xem thêm Chiến lược phát triển bền vững, mục Báo cáo tác động môi trường, lao động, xã hội, trang 60 Báo cáo thường niên 2024.

4. QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong bối cảnh doanh nghiệp luôn đối mặt với những thách thức và nguy cơ không dự báo trước được của nền kinh tế vĩ mô và điều kiện kinh doanh, việc quản trị rủi ro càng trở nên quan trọng đối với sự tồn tại của doanh nghiệp và là điều kiện tiên quyết để chứng minh khả năng cải thiện hay xoay chuyển trong nghịch cảnh của doanh nghiệp đó.

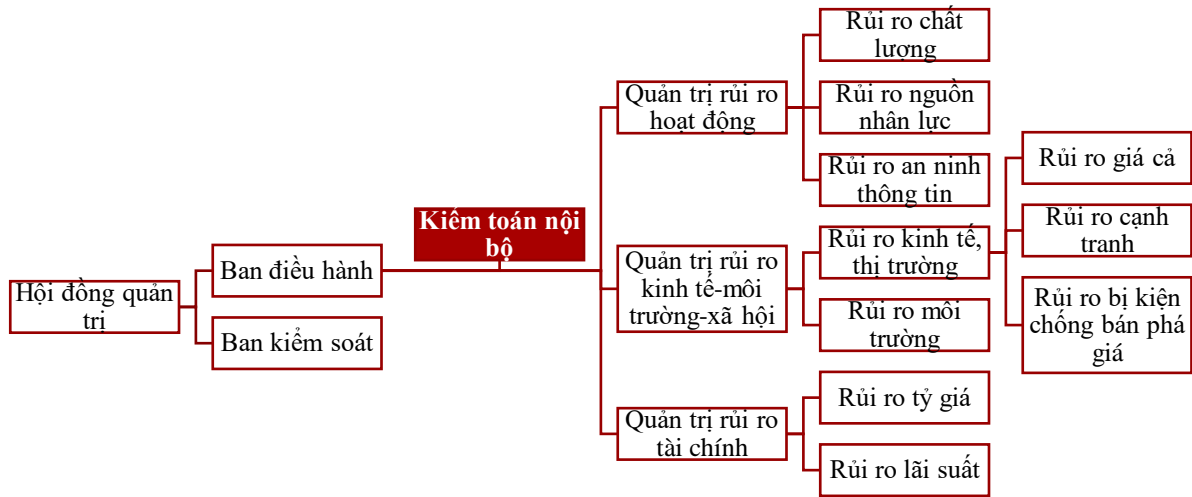
4.1. Mục tiêu của quản trị rủi ro



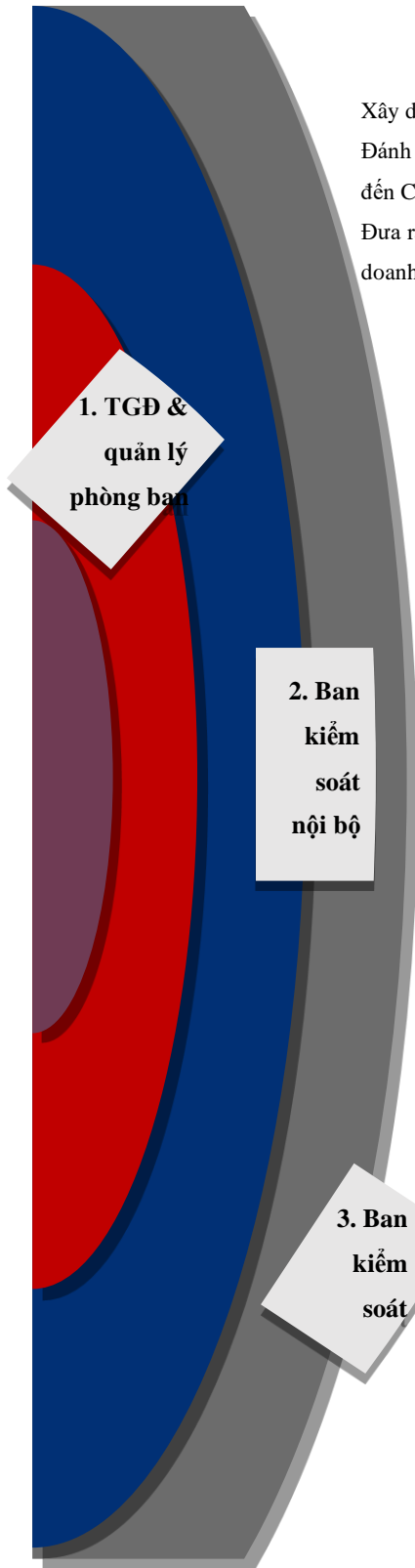
Trong năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với đơn vị tư vấn AFC để thực hiện kiểm toán nội bộ, nhằm đánh giá và cải thiện hệ thống kiểm soát doanh nghiệp. Tuy nhiên, do hệ thống dữ liệu trên POC chưa đồng bộ với hệ thống dữ liệu trên SAP nên AFC chưa thể hoàn thành được một số công việc kiểm toán, dẫn đến việc AFC chưa thể triển khai các bước tiếp theo. Bước sang năm 2025, Công ty sẽ cố gắng hoàn thiện các điều chỉnh theo tư vấn của AFC, đồng thời duy trì hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đánh giá toàn diện các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Quản lý rủi ro hiệu quả có tầm quan trọng đối với việc thực hiện mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh của mình.

Chúng ta thường xuyên phải đối mặt với những điều kiện kinh doanh không thuận lợi nhưng với một chính sách quản trị rủi ro hiệu quả có thể giúp cho doanh nghiệp có khả năng đề ứng phó, giảm thiểu rủi ro và phát hiện cơ hội từ những rủi ro đó.

4.2. Hệ thống quản trị rủi ro của STK



Hàng phòng vệ trong quản trị rủi ro tại Sợi Thế Kỷ



1. TGD & quản lý các phòng ban

Xây dựng ma trận rủi ro cho từng bộ phận và toàn Công ty.

Đánh giá và xếp hạng rủi ro sau khi đã được nhận diện theo mức độ ảnh hưởng đến Công ty.

Đưa ra những cải tiến nhằm hạn chế rủi ro trong từng hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

2. Ban kiểm soát nội bộ

Xem xét những cơ chế quản trị rủi ro của các phòng ban, từ đó xây dựng nên các chỉ tiêu để làm cơ sở đánh giá.

Theo dõi, rà soát hoạt động có đúng như những chỉ tiêu đã đề ra hay không.

Kịp thời ngăn chặn và xử lý khi có sai phạm, hoặc các nguy cơ có thể xảy ra.

Mặc dù hiện nay Công ty chưa thành lập riêng Ban Kiểm Soát Nội Bộ nhưng từ năm 2022 Công ty đã thuê công ty kiểm toán AFC thực hiện công tác kiểm toán nội hàng năm

Trong năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với đơn vị tư vấn AFC để thực hiện kiểm toán nội bộ, nhằm đánh giá và cải thiện hệ thống kiểm soát doanh nghiệp.

Do hệ thống dữ liệu trên POC chưa đồng bộ với hệ thống dữ liệu trên SAP nên AFC chưa thể hoàn thành một số công việc kiểm toán Bước sang năm 2025, Công ty sẽ cố gắng hoàn thiện các điều chỉnh theo tư vấn của AFC, đồng thời duy trì hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đánh giá toàn diện các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Trong năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với đơn vị tư vấn AFC để thực hiện kiểm toán nội bộ, nhằm đánh giá và cải thiện hệ thống kiểm soát doanh nghiệp.

Do hệ thống dữ liệu trên POC chưa đồng bộ với hệ thống dữ liệu trên SAP nên AFC chưa thể hoàn thành một số công việc kiểm toán Bước sang năm 2025, Công ty sẽ cố gắng hoàn thiện các điều chỉnh theo tư vấn của AFC, đồng thời duy trì hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đánh giá toàn diện các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Công ty đã thuê Công ty kiểm toán AFC thực hiện công tác kiểm toán nội hàng năm.

3. Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát nội bộ có hiệu quả và kịp thời hay không.

Đưa ra những giải pháp cải tiến, hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro.

4.3. Xác định mức độ trọng yếu của rủi ro

Thông qua hoạt động của các phòng ban, Ban điều hành và đơn vị kiểm toán nội bộ đã lập ra ma trận rủi ro và đánh giá, xếp hạng theo mức độ trọng yếu của rủi ro đối với Sợi Thế Kỳ.



4.4. Phân tích và đánh giá rủi ro trọng yếu

Rủi ro giá cả	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may có tác động lớn đến giá cả. Biến động giá cả nguyên vật liệu trên thị trường hàng hóa (giá dầu) có thể gây ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Giá cước vận tải biển tăng do chiến tranh, xung đột (chiến tranh Biển Đỏ) có thể gây ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi các yếu tố vĩ mô để dự đoán xu hướng nền kinh tế, ngành dệt may. Tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để giữ chân khách hàng thân thiết. Chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt được các thương hiệu thời trang thể thao ưa dùng. Đa dạng hóa nhà cung cấp và danh mục khách hàng cũng như cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm nhằm duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa Polyester chip.

	<ul style="list-style-type: none"> Hợp lý hóa hoạt động sản xuất để nâng cao hiệu quả, kiểm soát chi phí nhằm hạ giá thành.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng kinh doanh và Phòng thu mua.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2024	Tăng.

Rủi ro cạnh tranh	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Xu hướng dịch chuyển đơn hàng sản xuất dệt may từ Trung Quốc, Bangladesh, Myanmar sang Việt Nam sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn hơn trong ngành sản xuất sợi.	Tăng cường lợi thế cạnh tranh về giá và chất lượng.
Các đối thủ chuyển sang phân khúc cao cấp hoặc sản xuất sợi tái chế.	Thiết lập các rào cản về công nghệ, quản lý chất lượng, quản lý sản xuất, nhãn hiệu để tạo sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới có mang tính ứng dụng, phù hợp với thị hiếu khách hàng
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng kinh doanh và Quản lý nhà máy.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2025	Không đổi.

Rủi ro bị kiện chống bán phá giá	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Trong bối cảnh tự do hóa Thương mại hiện nay, các biện pháp phòng vệ thương mại (như kiện bán phá giá, kiện chống trợ cấp) thường được chính phủ các nước nhập khẩu áp dụng để bảo vệ nền sản xuất nội địa của nước họ.	Áp dụng chính sách giá cả hợp lý cho thị trường xuất khẩu và nội địa và có hệ thống báo cáo đầy đủ để có thể chứng minh là STK không bán phá giá.
Các yêu cầu áp dụng các biện pháp phòng vệ Thương mại này của các nhà sản xuất nội địa đôi khi rất phi lý và để bác bỏ các yêu cầu phi lý đó đòi hỏi nhiều công sức và thời gian.	Đa dạng hóa thị trường, không tập trung doanh thu quá nhiều vào 1 thị trường.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng xuất nhập khẩu, Phòng kinh doanh.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2025	Duy trì.

Rủi ro chất lượng sản phẩm	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> Chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu của Công ty, chất lượng không đạt sẽ ảnh hưởng lớn đến khách hàng, dẫn đến việc Công ty bị khiếu nại hoặc bồi thường thiệt hại, bị mất khách hàng, mất đơn hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty thiết lập các quy trình, cơ chế kiểm soát chéo chất lượng ở từng khâu sản xuất. Nâng cao tay nghề, kỹ năng tác nghiệp cho người lao động. Đa dạng hóa nhà cung cấp nguyên vật liệu. Đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ.

<ul style="list-style-type: none"> Chất lượng nguyên liệu đầu vào chính và các nguyên liệu phụ cũng có thể tác động đến chất lượng sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp nền tảng công nghệ, tự động hóa ở một số khâu sản xuất để giảm bớt thao tác thủ công. Tận dụng máy móc mới từ nhà máy mới (Unitex) để gia công các đơn hàng sợi tái chế vì máy móc của Unitex được thiết kế để tối ưu hóa cho sợi tái chế.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Khối sản xuất và Phòng thu mua.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2025	Tăng.

Rủi ro chất lượng nguồn nhân lực	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
Nguồn nhân lực không đủ hoặc không đủ năng lực cũng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất-kinh doanh nhất là cấp quản lý cấp trung và cấp cơ sở.	Chú trọng tuyển dụng nguồn lao động, đào tạo, huấn luyện phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc.
Môi trường làm việc không tích cực, phúc lợi xã hội không đầy đủ có thể làm tăng tỷ lệ nghỉ việc.	Đảm bảo các chính sách lương thưởng, phúc lợi, chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động. Tháng 4/2024, STK tăng lương 10% ở hầu hết các cấp bậc và vị trí Phòng Phát triển doanh nghiệp có làm khảo sát NLD về mức độ hài lòng của thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến công việc để đưa ra các giải pháp hợp lý gỡ bỏ các khó khăn, thắc mắc của người lao động
Phân công phạm vi công việc quá lớn hoặc không phù hợp với nhân viên và người quản lý có thể dẫn đến năng suất kém, việc quản lý kém hiệu quả.	Tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa.
Bố trí nhân lực chưa phù hợp ở các phòng ban, nhiệm vụ và chức năng phòng ban chưa rõ ràng, còn chồng chéo, chưa hiệu quả.	Phân công phạm vi công việc cụ thể, khối lượng công việc phù hợp đối với nhân viên và quản lý.
	Bố trí cơ cấu chức năng các phòng ban không bị chồng chéo, đảm bảo chuyên môn hóa phù hợp với nhiệm vụ và chức năng của phòng ban.
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng nhân sự và Phòng tổng vụ.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2025	Tăng.

Rủi ro biến động tỷ giá	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
<ul style="list-style-type: none"> Tỷ giá biến động có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tỷ giá tăng lên sẽ làm tăng lỗ tỷ giá chưa thực hiện, làm giảm lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp; đồng thời làm chi phí lãi vay cũng tăng lên do Công ty sử dụng nợ vay chủ yếu bằng đồng USD. 	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì tỷ trọng doanh thu bằng tiền USD để có dòng tiền nhập nguyên vật liệu và trả nợ ngoại tệ. Quản lý các khoản phải thu và phải trả một cách tối ưu để có thể phần nào bù trừ chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến các khoản phải thu cho chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến các khoản phải trả. Trả sớm nợ vay để hạn chế rủi ro phải trích lập dự phòng chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện mặc dù khoản dự phòng này không ảnh hưởng tới dòng tiền của doanh nghiệp.

<ul style="list-style-type: none"> Năm 2025 dự kiến tỷ giá sẽ ổn định hơn so với 2024, do đó, mức độ tác động của rủi ro này cũng giảm tương ứng. 	
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng kinh doanh và Phòng tài chính kế toán.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2025	Đi ngang

Rủi ro về môi trường	
Mô tả rủi ro	Giải pháp hạn chế rủi ro
NVL chính của STK là PET chip - là chế phẩm của dầu mỏ - và NVL phụ là ống giấy và thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các quy định và chính sách trên thế giới về môi trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.	STK đã thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như sợi Recycled (sử dụng Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa Polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ), sợi màu (giảm lượng nước sử dụng và không dùng đến các hóa chất độc hại) và phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng).
Trong quá trình sản xuất và hoạt động của Công ty có thể gây ra tác động đến môi trường như các chất thải rắn và lỏng, khí thải, nước thải, tiếng ồn và bụi; việc sử dụng điện năng liên tục 24 tiếng/ngày cũng có thể gây tăng lượng khí thải nhà kính ra môi trường.	<p>Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 7.4 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Trong thời gian tới, Công ty sẽ có kế hoạch nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo thông qua việc ký kết với đối tác chiến lược triển khai các dự án điện mặt trời áp mái ở nhà máy Unitex và các dự án DDPA ở nhà máy Trảng Bàng và Unitex.</p> <p>Đối với nước thải: có hệ thống thu gom nước thải để xử lý trước khi đưa vào mạng lưới xử lý nước thải của Khu công nghiệp.</p> <p>Đối với chất thải độc hại và không độc hại: phân loại và thu gom tập trung tại nơi quy định cho từng loại chất thải.</p> <p>Đối với tiếng ồn và bụi: Công ty sử dụng các máy móc tân tiến, hiện đại, có bộ phận chứa bụi và giảm tiếng ồn, giảm tối đa tác động đến môi trường.</p>

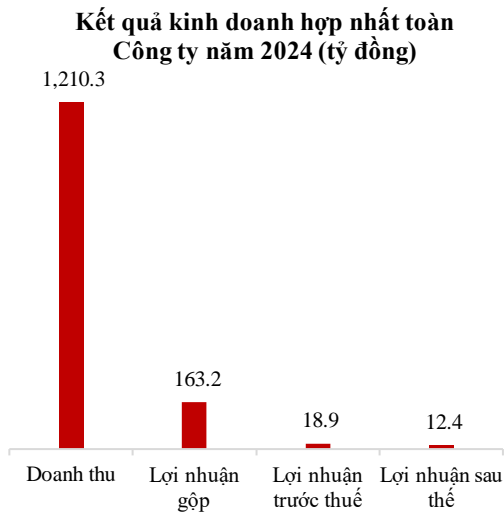
	<p>Biện pháp phòng chống cháy nổ, phòng ngừa sự cố môi trường: Thực hiện lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy; thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra; thành lập đội phòng cháy chữa cháy; định kỳ tập huấn và thực hành thao tác phòng cháy chữa cháy theo quy định. Khi có sự cố xảy ra, ngắt điện kịp thời trong và ngoài khu vực cơ sở; thông báo cho cơ quan có chức năng thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy kịp thời hỗ trợ và ngăn chặn đám cháy lây lan.</p> <p>Công ty còn đưa ra các cam kết, ban hành Sổ tay môi trường và các chính sách hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.</p>
Bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro	Phòng tổng vụ, Phòng thu mua, Phòng Cơ điện và Khói sản xuất.
Mức độ tác động rủi ro trong năm 2025	Không đổi.

4.5. Phạm vi công việc và kết quả kiểm toán nội bộ các năm 2023-2024

Năm	2023	2024
Phạm vi công việc kiểm toán nội bộ	Báo cáo sơ bộ 2023 quy trình quản lý tồn kho nguyên vật liệu, linh kiện, bán thành phẩm và thành phẩm.	Trong năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với đơn vị tư vấn AFC để thực hiện kiểm toán nội bộ, nhằm đánh giá và cải thiện hệ thống kiểm soát doanh nghiệp.
Tiến độ	Đang thực hiện	Do hệ thống dữ liệu trên POC chưa đồng bộ với hệ thống dữ liệu trên SAP nên AFC chưa thể hoàn thành một số công việc kiểm toán
Kết quả		Bước sang năm 2025, Công ty sẽ cố gắng hoàn thiện các điều chỉnh theo tư vấn của AFC, đồng thời duy trì hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm đánh giá toàn diện các rủi ro hiện hữu và tiềm ẩn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

5. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

5.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024



Năm 2024 do ảnh hưởng suy yếu chung của ngành dệt may, doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 của Công ty đạt 1,210.3 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt được 163.2 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 18.9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 12.4 tỷ đồng. Công ty vẫn đẩy mạnh chiến lược bán hàng linh hoạt, phát triển đơn hàng và khách hàng mới; đồng thời nỗ lực ổn định giá bán

Giá nguyên vật liệu chính 2024 (hạt nhựa PET) trung bình 12 tháng giảm 5.2%, doanh số bán hàng giảm 15.1%, khiến lợi nhuận gộp giảm 15%, lợi nhuận sau thuế giảm 85.9% so với 2023.

Trong năm 2024, mặc dù thị trường xuất khẩu gặp khó khăn nhưng Công ty vẫn duy trì được đơn hàng nội địa nhờ chất lượng sản phẩm ổn định và các sản phẩm giá trị gia tăng nên tỷ trọng doanh thu từ thị trường trong nước đã tăng từ 49% (năm 2023) lên 60% (năm 2024). Số lượng khách hàng mới đã phát triển trong năm 2024 là 35 khách hàng.

Tỷ trọng sợi tái chế năm 2024 đạt 44.5% trên doanh thu, giá bán trung bình sợi tái chế tăng 6.9%; biên lợi nhuận gộp sợi tái chế đạt 23.7%. Đây là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và đội ngũ kinh doanh trong việc duy trì lợi nhuận bền vững của mảng sợi tái chế.

Năm 2024	Sợi tái chế	Sợi nguyên sinh
Tỷ trọng trên doanh thu	44.5%	55.5%
Biên lợi nhuận gộp	23.7%	4.3%

5.1.1. Tình hình thực hiện so với cùng kỳ

Kết quả kinh doanh Hợp nhất:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	+/- %
Doanh thu thuần	1,210.3	1,425.1	-15.1%
Lợi nhuận gộp	163.2	192.1	-15.0%
Biên lợi nhuận gộp (%)	13.49%	13.48%	0.1%
Lợi nhuận trước thuế	18.9	91.0	-79.2%
Lợi nhuận sau thuế	12.4	87.8	-85.9%

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ			
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	+/- %
Doanh thu thuần	1,249.3	1,425.1	-12.3%
Lợi nhuận gộp	155.0	192.1	-19.3%
Biên lợi nhuận gộp (%)	12.4%	13.5%	-8.0%
Lợi nhuận trước thuế	58.4	90.6	-35.5%
Lợi nhuận sau thuế	51.5	87.4	-41.0%

Trong năm 2024, kết quả hợp nhất doanh thu và lợi nhuận đạt được khá khiêm tốn. Trong đó, doanh thu đạt 1,210.5 tỷ đồng giảm 15.1%. Lợi nhuận gộp đạt được 163.2 tỷ đồng, giảm 15% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức 13.5%. Lợi nhuận trước thuế đạt 18.9 tỷ đồng, giảm 79.2%. Lợi nhuận sau thuế đạt 12.4 tỷ đồng, giảm 85.9% so với cùng kỳ.

Nhìn chung, hầu hết các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận năm 2024 đều giảm so với năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu suy yếu của ngành dẫn đến sản lượng bán hàng giảm và giá bán giảm.

Trong bối cảnh thị trường khó khăn, đơn hàng sụt giảm, Công ty đã nỗ lực phát triển những sản phẩm có giá trị gia tăng cao như sản phẩm sợi màu, các loại sợi đặc biệt (CD, FD, HCR, QD) để đáp ứng nhu cầu của các khách hàng

thuộc phân khúc cao cấp để duy trì được doanh thu và lợi nhuận.

Ngoài ra, Công ty vẫn kiên định với tầm nhìn phát triển bền vững và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường. Trong năm 2024, công ty đã sản xuất thử nghiệm thành công và sẽ ra mắt thêm một số sản phẩm mới, vừa có khả năng bảo vệ môi trường do làm từ nguyên liệu tái chế hay sợi màu vừa có giá trị gia tăng cao với các tính năng đặc biệt như:

- Sợi chập spandex
- FDY 08 Mountain Flat Yarn
- Sợi 5 trong 1 (có các tính năng như mát, chống tia cực tím, chống dính, nhanh khô, hút ẩm) từ đó thu hút các thương hiệu, khách hàng làm hàng cho thương hiệu, cải thiện tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty để đạt được mục tiêu đề ra trong năm 2025

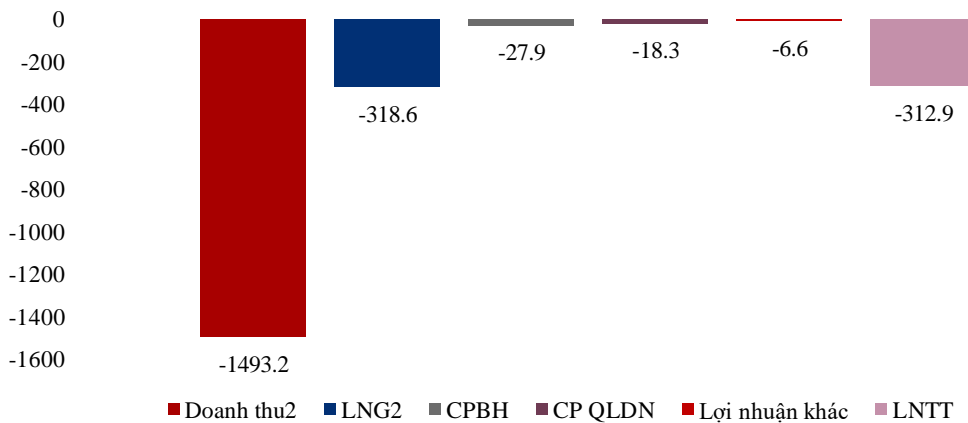
5.1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2024	Dự báo năm 2024	Thực hiện/Dự báo
Doanh thu thuần	1,210.3	2,703.5	44.8%
Lợi nhuận trước thuế	18.9	331.8	5.7%
Lợi nhuận sau thuế	12.4	300.6	4.1%

Trước những khó khăn chung của ngành, Công ty không đạt được kết quả so với kế hoạch đề ra.

Cụ thể, trong năm 2024 kết quả hợp nhất doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 44.8%, 5.7% và 4.1% so với kế hoạch đề ra.

Phân tích nguyên nhân không đạt được kế hoạch (tỷ đồng).



Nguyên nhân chính không đạt mục tiêu lợi nhuận là do:

Doanh thu bán hàng thấp hơn kế hoạch 1,493.2 tỷ đến từ việc doanh số thấp hơn kế hoạch 27.9 ngàn tấn, dẫn đến lợi nhuận gộp thấp hơn kế hoạch 318.6 tỷ, lợi nhuận sau thuế thấp hơn kế hoạch 312.9 tỷ.

Điều này đã khiến lợi nhuận không đạt được kỳ vọng đề ra.

5.1.3. Tình hình tài chính

Tổng quan về Tình hình tài chính Hợp nhất và của Công ty mẹ năm 2024 so sánh với cùng kỳ năm 2023

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2024	2023	%tăng/ giảm	2024	2023	%tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	3,811.2	2,973.9	28.2%	2,631.7	2,396.0	9.8%
Doanh thu thuần	1,210.3	1,425.1	-15.1%	1,249.3	1,425.1	-12.3%
Lợi nhuận gộp	163.2	192.1	-15.0%	155.0	192.1	-19.3%
LN HDKD	25.5	89.0	-71.3%	64.9	89.9	-27.8%
Lợi nhuận khác	(6.6)	2.0		6.5	0.7	902.7%
Lợi nhuận trước thuế	18.9	91.0	-79.2%	58.4	90.6	-35.5%
Lợi nhuận sau thuế	12.4	87.8	-85.9%	51.5	87.4	-41.0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0.0	0.0	0.0%	-	-	

Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất và của Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2024	2023	%tăng/ giảm	2024	2023	%tăng/ giảm
Nợ phải trả	2,103.9	1,345.0	56.4%	881.7	763.6	15.5%
Nợ ngắn hạn	1,311.2	935.6	40.1%	881.4	763.4	15.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	377.7	237.8	58.8%	320.7	237.3	35.1%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.2	39.2	-43.3%	22.2	39.2	-43.3%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.9	3.0	132.1%	6.9	3.0	132.4%
Phải trả người lao động	20.4	25.6	-20.4%	18.0	24.9	-27.6%
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.4	8.0	31.1%	8.3	7.9	4.4%
Phải trả ngắn hạn khác	7.6	5.2	46.5%	7.4	5.2	43.4%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	857.6	609.5	40.7%	489.8	438.6	11.7%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.3	7.3	13.8%	8.1	7.3	11.3%
Nợ dài hạn	792.7	409.4	93.6%	0.3	0.3	0.5%
Phải trả dài hạn khác	-	-		-	-	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	792.5	409.1	93.7%	-	-	
Dự phòng phải trả dài hạn	0.3	0.3	0.5%	0.3	0.3	0.5%
Vốn chủ sở hữu	1,707.4	1,628.9	4.8%	1,750.0	1,632.4	7.2%
Vốn góp của chủ sở hữu	966.4	966.4	0.0%	966.4	966.4	0.0%
Thặng dư vốn cổ phần	64.5	40.8	57.9%	64.5	40.8	57.9%
Cổ phiếu quỹ	-	(42.4)	-100.0%	-	(42.4)	-100.0%
Quỹ đầu tư phát triển	1.2	1.2	0.0%	1.2	1.2	0.0%

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	675.3	662.9	1.9%	718.0	666.4	7.7%
Tổng cộng nguồn vốn	3,811.2	2,973.9	28.2%	2,631.7	2,396.0	9.8%

Chi tiết vay ngắn hạn

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2024	2023	%tăng/ giảm	2024	2023	%tăng/ giảm
Vay ngắn hạn	857.6	609.5	40.7%	489.8	438.6	11.7%
Các khoản vay ngân hàng	505.1	441.0	14.5%	489.8	438.6	11.7%
Vay dài hạn đến hạn trả	352.5	168.6	109.1%	-	-	
Vay và nợ dài hạn	792.5	409.1	93.7%	-	-	
Vay ngân hàng	792.5	409.1	93.7%	-	-	
Tổng cộng	1650.1	1018.6	62.0%	489.8	438.6	11.7%

Trong năm 2024, khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn tăng từ 237.8 tỷ (2023) lên 377.7 tỷ (năm 2024) tăng 58.8% là do nhà cung cấp thay đổi thời hạn tín dụng.

Nợ vay ngắn hạn tăng từ 609.5 tỷ (2023) lên 857.6 tỷ (2024), tăng 40.7% nguyên nhân là do các khoản vay dài hạn đến hạn trả tăng 109.1% (từ 168.6 tỷ năm 2023, lên 352.5 tỷ năm 2025) và các khoản vay ngân hàng tăng 14.5%, từ 441 (năm 2023), lên 505.1 tỷ (năm 2024).

Nợ dài hạn tăng 93.7% từ 409.1 tỷ (2023) lên 792.5 tỷ (2024) là do công ty vay 45.3 triệu USD thời hạn 5 năm từ 30/03/2025 đến 17/01/2028 để tài trợ dự án nhà máy Unitex.

Do lợi nhuận thấp nên vốn chủ sở hữu chỉ tăng khiêm tốn 4.8%.

Trong năm 2024 Công ty đã bán 2,541,650 cổ phiếu quỹ, trong đó bán cổ phiếu quỹ cho người lao động (chương trình ESOP) số lượng 1,041,650 cổ phiếu với giá 20,000 VND/CP và bán 1,500,000 cổ phiếu quỹ còn lại ra đại chúng theo công văn số 188-24/CV-CTTK

Cơ cấu tài sản hợp nhất và của Công ty mẹ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2024	2023	%tăng/ giảm	2024	2023	%tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	997.1	1,395.9	-28.6%	951.2	1,131.9	-16.0%
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.6	109.5	-3.5%	94.7	108.6	-12.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn		54.1	-100.0%			
Các khoản phải thu ngắn hạn	105.3	450.1	-76.6%	125.8	277.4	-54.7%
Hàng tồn kho	616.1	615.0	0.2%	584.6	614.7	-4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	170.0	167.2	1.7%	146.1	131.2	11.3%
Tài sản dài hạn	2,814.2	1,577.9	78.3%	1,680.5	1,264.1	32.9%
Các khoản phải thu dài hạn						
Tài sản cố định	560.7	642.4	-12.7%	560.7	642.4	-12.7%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,111.1	783.1	169.6%	15.0	25.3	-40.7%

Đầu tư tài chính dài hạn	13.8	13.8	0.0%	535.8	535.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	128.6	138.7	-7.3%	50.2	60.6	-17.2%
Tổng cộng tài sản	3,811.2	2,973.9	28.2%	2,631.7	2,396.0	9.8%

Chi tiết Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2024	2023	%tăng/ giảm	2024	2023	%tăng/ giảm
Các khoản phải thu ngắn hạn	105.3	450.1	-76.6%	125.8	277.4	-54.7%
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	92.7	91.3	1.6%	100.5	91.3	10.1%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.1	354.5	-98.0%	1.0	1.0	4.9%
Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.5	3.5	0.0%	3.5	182.3	-98.1%
Phải thu ngắn hạn khác	2.0	0.8	140.1%	20.8	2.9	628.7%

- Các khoản Phải thu ngắn hạn giảm 76.6%, từ 450.1 tỷ (2023) xuống còn 105.3 tỷ (2024), chủ yếu là do khoản mục Trả trước cho người bán giảm mạnh 98% từ 354.5 tỷ (2023) xuống còn 7.1 tỷ (2024) do Công ty đã gần hoàn thành dự án Unitex. Do đó, tài sản ngắn hạn giảm 28.6% từ 1,395.9 (2023) xuống còn 997.1 tỷ (2024).

Trong khi đó, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng từ 783.1 tỷ (2023) lên 2,111.1 tỷ (2024) tăng 169.6% do chi phí đầu tư dự án Unitex được ghi nhận, làm cho tổng tài sản tăng lên từ 2,973.9 tỷ (2023) lên 3,811.2 tỷ (2024) tăng 28.2%.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	2024	2023	2024	2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.81	0	4.81	0
Thuế xuất, nhập khẩu		0.17		
Thuế thu nhập cá nhân	0.34	0.297	0.34	0,29
Thuế giá trị gia tăng	1.74	2,5	1.74	2,5
Tổng cộng	6.84	2.97	6.89	2.97

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... theo các quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2024	2023
Quỹ đầu tư và phát triển	1.2	1.2

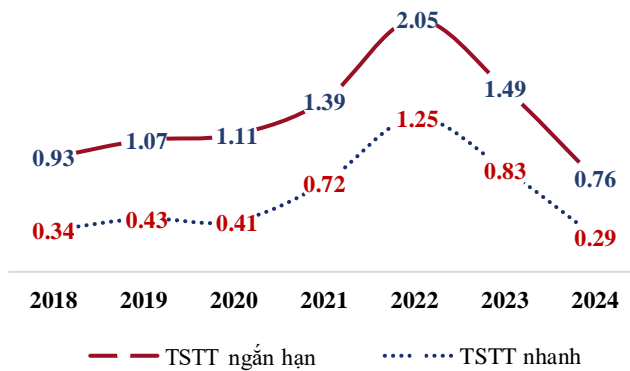
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Đơn vị	Hợp nhất			Công ty mẹ		
		2024	2023	+/-	2024	2023	+/-
Khả năng thanh toán							
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0.76	1.49	(0.73)	1.08	1.48	(0.40)
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.29	0.83	(0.54)	0.42	0.68	(0.26)
Cơ cấu vốn							
Hệ số Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1.23	0.83	0.41	0.50	0.47	0.04
Hệ số Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0.55	0.45	0.10	0.34	0.32	0.02
Cơ cấu nợ vay (vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + dài hạn)							
Hệ số nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.97	0.63	0.34	0.50	0.47	0.04
Hệ số nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0.43	0.34	0.09	0.34	0.32	0.02
Năng lực hoạt động							
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	1.70	2.28	(0.58)	1.82	2.28	(0.46)
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0.36	0.55	(0.19)	0.50	0.63	(0.13)
Vòng quay khoản phải thu	Lần	13.15	17.74	-4.58	13.03	17.74	(4.71)
Khả năng sinh lời							
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	2.1%	6.2%	-4.1%	5.2%	6.3%	-1.1%
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	1.0%	6.2%	-5.1%	4.1%	6.1%	-2.0%
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0.3%	3.0%	-2.6%	2.0%	3.6%	-1.7%
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0.7%	5.4%	-4.7%	2.9%	5.4%	-2.4%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	130	933	(803.1)		1,003	

Các chỉ số năng lực hoạt động của Công ty năm 2024 đều giảm so với năm 2023.

Vòng quay khoản phải thu, vòng quay hàng tồn kho năm 2024 đều giảm so với năm 2023 là do giá trị khoản phải thu khách hàng và giá trị hàng tồn kho giảm theo tỷ lệ thấp hơn tỷ lệ sụt giảm doanh thu nên các vòng quay khoản phải thu và vòng quay hàng tồn kho giảm so với 2023. Trong khi đó nợ phải trả người bán ngắn hạn tăng nên vòng quay khoản phải trả giảm.

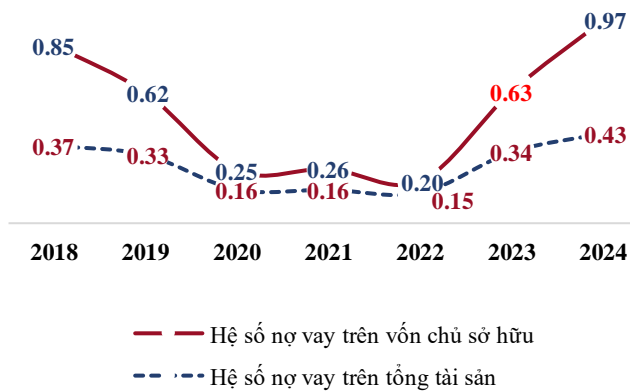
Chỉ số khả năng thanh toán



Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2024 đạt 0.76 lần, do tài sản ngắn hạn giảm 28.6% trong khi nợ ngắn hạn tăng 40.1%.

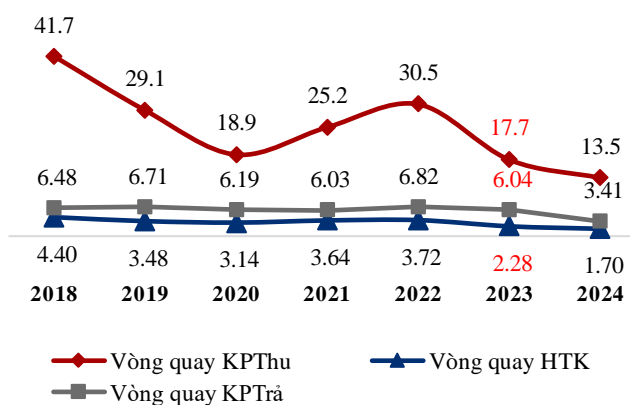
Hệ số thanh toán nhanh năm 2024 cũng giảm so với năm 2023, đạt 0.29 lần tương tự như hệ số thanh toán ngắn hạn.

Cơ cấu nợ vay (vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn + dài hạn)



Trong năm 2024, nợ vay ngắn hạn tăng 40.7% so với cùng kỳ, nợ vay dài hạn tăng 93.7%, trong khi vốn chủ sở hữu chỉ tăng 4.8%, tổng tài sản tăng 28.2% dẫn đến hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu và nợ vay trên tổng tài sản tăng mạnh, lần lượt đạt 0.97 lần và 0.43 lần.

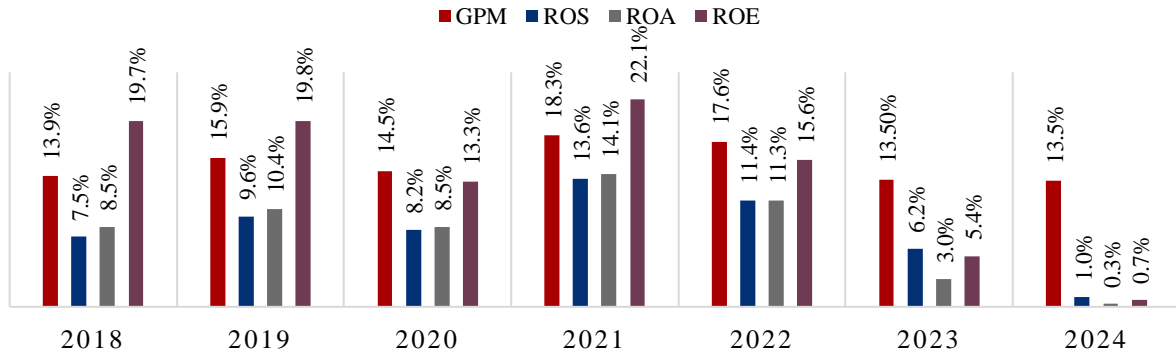
Chỉ số năng lực hoạt động



Các chỉ số năng lực hoạt động của Công ty năm 2024 đều giảm so với năm 2023.

Vòng quay khoản phải thu, Vòng quay khoản trả, vòng quay hàng tồn kho lần lượt đạt 13.15 lần, 3.41 lần và 1.7 lần.

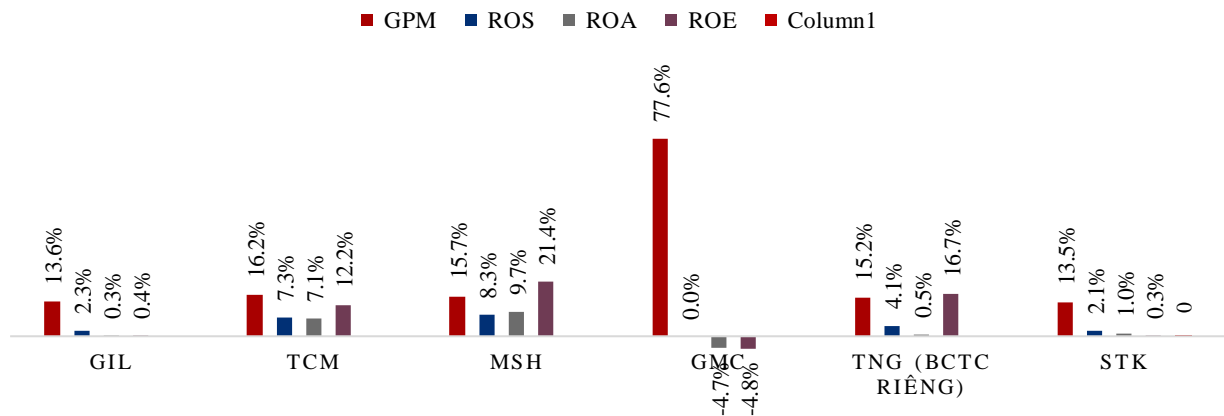
Tỷ suất sinh lời



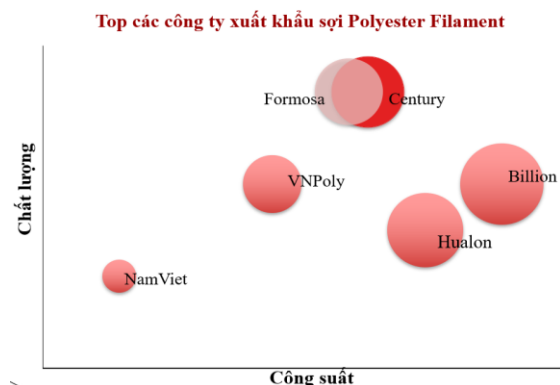
Do doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2024 giảm so với cùng kỳ 2023, nên các chỉ số tỷ suất sinh lời đều giảm so với cùng kỳ.

Các chỉ số biên lợi nhuận gộp (GPM), lợi nhuận ròng trên doanh thu (ROS), lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA), lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) lần lượt đạt 13.5%, 1.0%, 0.3%, và 0.7%. Lợi nhuận thấp nên các chỉ tiêu GPM, ROS, ROA, ROE của công ty thấp hơn so với các công ty như TCM, TNG, MSH.

So sánh tỷ suất sinh lời của STK với các doanh nghiệp niêm yết cùng ngành năm 2024



Vị thế Công ty so với doanh nghiệp cùng ngành



Năm 2024 là năm khó khăn đối với ngành dệt may nói chung và các doanh nghiệp xuất khẩu sợi Polyester nói riêng, nhưng Công ty vẫn giữ vững vị thế là một trong những nhà xuất khẩu sợi Polyester hàng đầu với thị phần doanh số xuất khẩu sợi đứng thứ 4 Việt Na

5.2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Danh sách Ban điều hành



Ông Đặng Triệu Hòa

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1969

Trình độ học vấn: Quản trị kinh doanh.

Quá trình làm việc:

02/2020 – nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại STK.

06/2000 – 02/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại STK.

1995 - 2000: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.

1991 - 1995: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 14.57%.



Bà Nguyễn Phương Chi

Giám đốc Chiến lược, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin

Năm sinh: 1972

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng.

Quá trình làm việc:

1/2015-nay: Giám đốc Chiến lược tại STK.

3/2008-12/2014: Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.

4/2005-2/2008: Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.

10/2004-2/2005: Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông (“MPDF”).

10/2002-10/2004: Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.

3/1997-3/2000: Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0.083%.

 <p>Ông Phan Như Bích Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng</p>	<p>Năm sinh: 1970 Trình độ học vấn: MBA. Quá trình làm việc: 10/2016 - nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK 11/2010: Kế toán trưởng tại STK. 03/2004 - 03/2010: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công. 1997 - 03/2004: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước. Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0.12%.</p>
 <p>Ông Nguyễn Ngọc Lâm Giám đốc điều hành</p>	<p>Năm sinh: 1975 Trình độ học vấn: Th. Sỹ Quản Trị Kinh Doanh/ Kỹ sư Hóa Học Quá trình làm việc: 11/2024 đến nay: Giám Đốc Điều Hành, tại STK. 11/2023 -6/2024: Giám Đốc Sản xuất, tại GTI Việt Nam. 4/2001 -6/2023: Giám đốc Kỹ Thuật, tại Nissei Electric Việt Nam Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu STK: 0.00%.</p>

Sở hữu cổ phiếu của Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cá nhân/Tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Triệu Hòa	Tổng giám đốc	14,078,944	14.57%	20,863,760	21.59%
2	Phan Như Bích	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng	112,000	0.12%	0	0.00%
3	Nguyễn Phương Chi	Giám đốc chiến lược	80,000	0.083%	0	0.00%
4	Nguyễn Ngọc Lâm	Giám đốc điều hành	0	0	0	0.00%

Thay đổi nhân sự Ban điều hành trong năm 2024: Trong năm 2024, công ty có mở rộng đội ngũ lãnh đạo, tuyển dụng vị trí Giám đốc Điều hành, người sẽ chịu trách nhiệm dẫn dắt và điều hành hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả.

5.2.1. Đánh giá chung của Ban điều hành

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2024	So sánh với thực hiện năm 2023	% đạt dự báo KQKD năm 2024
Doanh thu thuần	1,210.3	-15.1%	44.8%
Lợi nhuận trước thuế	18.9	-79.2%	5.7%
Lợi nhuận sau thuế	12.4	-85.9%	4.1%

Kết quả đã đạt được

Trước những khó khăn của ngành, Ban điều hành vẫn giữ chân được khách hàng hiện hữu và mở rộng thêm 35 khách hàng mới.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đã giảm 23.6%, từ 80 tỷ xuống còn 64.8 tỷ. Điều này phản ánh nỗ lực kiểm soát chi phí hiệu quả của Công ty, góp phần tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

Điểm chưa đạt được

Các chỉ tiêu về lợi nhuận, tỷ suất sinh lời, chỉ tiêu tài chính, cơ cấu tài sản và nguồn vốn, hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn vốn đều diễn biến xấu hơn trong năm 2024.

5.2.2. Cơ cấu tài sản – nguồn vốn hợp nhất

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Tỷ trọng 2024	2024	2023	+/-
Tài sản ngắn hạn	26.2%	997.1	1,395.9	-28.6%
Tài sản dài hạn	73.8%	2,814.2	1,577.9	78.3%
Tổng tài sản	100.0%	3,811.2	2,973.9	28.2%
Nợ phải trả	55.2%	2,103.9	1,345.0	56.4%
Nợ ngắn hạn	34.4%	1,311.2	935.6	40.1%
Nợ dài hạn	20.8%	792.7	409.4	93.6%
Vốn chủ sở hữu	44.8%	1,707.4	1,628.9	4.8%
Tổng nguồn vốn	100.0%	3,811.2	2,973.9	28.2%

➤ **Tình hình tăng trưởng tài sản hợp nhất**

Tổng tài sản năm 2024 tăng 28.2% so với cùng kỳ năm 2023. Chủ yếu tăng ở mục:

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn chiếm 55.4% tổng tài sản và ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể, từ 783.1 tỷ đồng năm 2023 lên 2,111.1 tỷ đồng năm 2024, tương ứng với mức tăng 169.6%. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc đẩy mạnh đầu tư xây dựng nhà máy Unitex trong việc mở rộng quy mô và phát triển bền vững của Công ty

➤ **Tình hình tăng trưởng nguồn vốn hợp nhất**

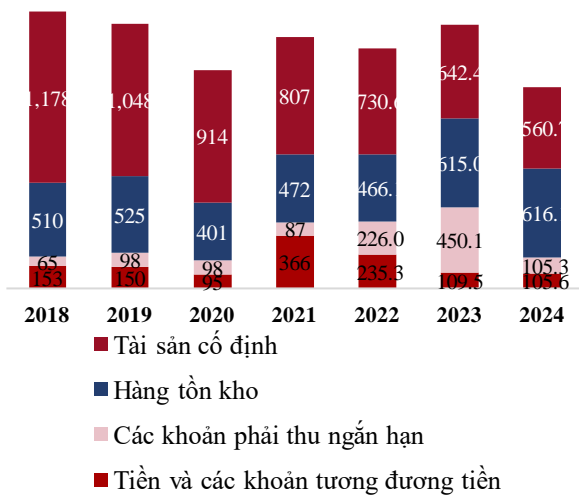
Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm 55.2%, tăng 56.4%, từ 1,345 tỷ đồng năm 2023 lên 2,103.9 tỷ đồng năm 2024, cụ thể chi tiết tăng ở các khoản mục:

- Nợ vay ngắn hạn tăng 40.7%, từ 609.5 tỷ năm 2023 lên 857.6 tỷ năm 2024, chiếm 22.5% trong cơ cấu tổng nguồn vốn
- Nợ vay dài hạn tăng 93.7%, từ 409.1 tỷ năm 2023 lên 792.5 tỷ năm 2024, chiếm 20.8% trong cơ cấu tổng nguồn vốn

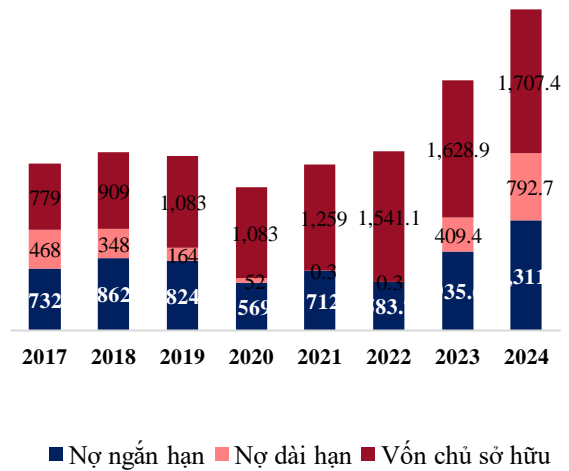
Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ 4.8%, từ 1,628.9 tỷ năm 2023 lên 1,707.4 tỷ năm 2024, chiếm 44.8% trong cơ cấu tổng nguồn vốn

Những biến động này phản ánh sự mở rộng quy mô tài chính của Công ty, với sự gia tăng đáng kể của các khoản vay nhằm phục vụ cho việc xây dựng nhà máy Unitex

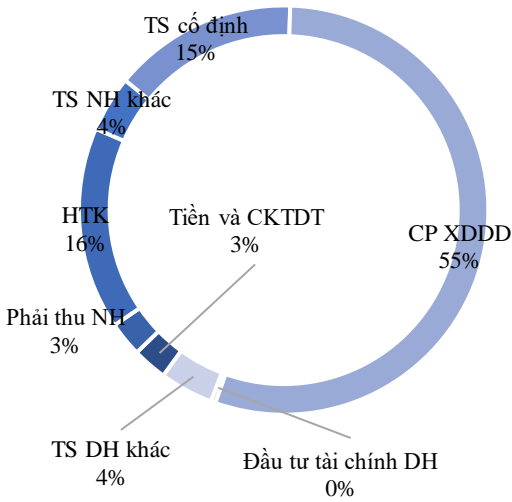
Tình hình tăng trưởng tài sản (Tỷ đồng)



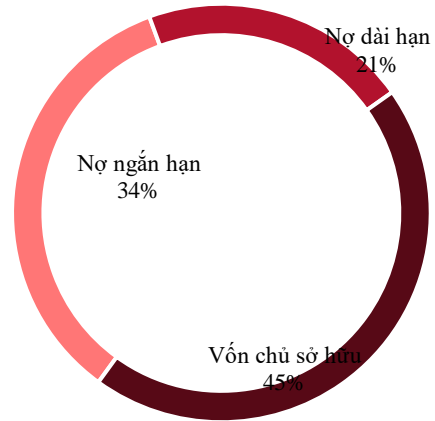
Tình hình tăng trưởng nguồn vốn (Tỷ đồng)



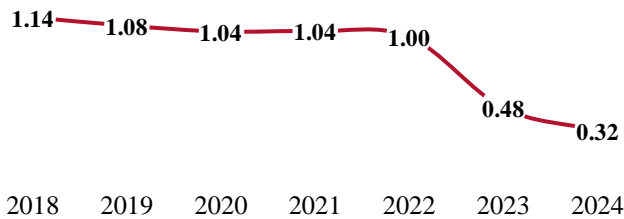
Cơ cấu tài sản năm 2024



Cơ cấu nguồn vốn 2024



**Hiệu suất sử dụng tài sản
(Doanh thu thuần/Tổng tài sản)**



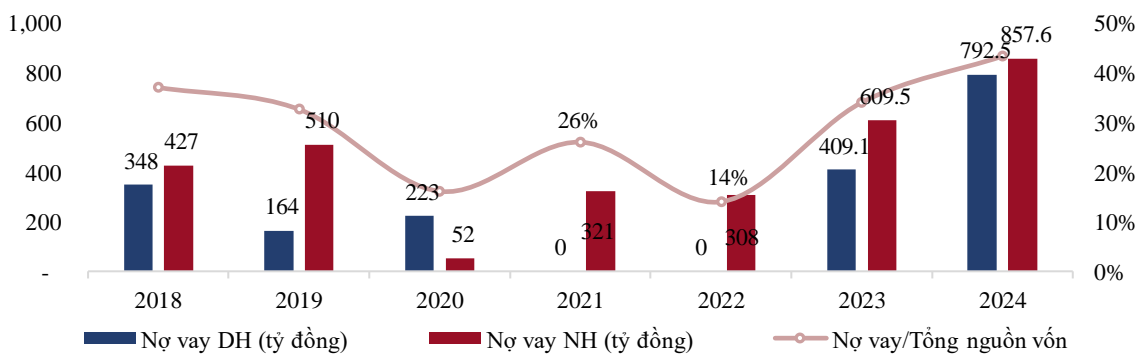
Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2024 đạt 0.32 lần, giảm từ mức 0.48 lần vào năm 2023.

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu

Tình hình nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm: Không có.

5.2.3. Đánh giá tình hình vay nợ

Tỷ trọng nợ vay (hợp nhất) trên tổng nguồn vốn



Năm 2024, tổng nợ vay của Công ty đạt 1,650.1 tỷ đồng, chiếm 43% trong tổng nguồn vốn, tăng 62% so với cùng kỳ. Chủ yếu do vay nợ để tài trợ cho dự án nhà máy mới Unitex.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2024	2023	+/-
Nợ vay ngắn hạn	857.6	609.5	40.7%
Nợ vay dài hạn	792.5	409.1	93.7%
Tổng nợ vay	1,650.1	1,018.67	62.0%

Trong năm 2024, Công ty không ghi nhận khoản nợ phải trả quá hạn.

5.2.4. Đánh giá ảnh hưởng từ biến động của lãi vay và tỷ giá hối đoái

So sánh chỉ tiêu doanh thu tài chính và chi phí tài chính năm 2024 với cùng kỳ

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2024	2023	+/- (%)
Doanh thu tài chính	12.9	31.1	-58.5%
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.5	20.2	-37.9%
▪ Lãi tiền gửi	0.4	10.7	-96.7%
Chi phí tài chính	85.8	54.1	58.7%
▪ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	68.6	36.7	86.9%
▪ Lãi tiền vay	17.1	17.3	-1.2%
Lợi nhuận/lỗ tài chính	-72.9	-23.0	217.0%
▪ <u>Thu nhập/chi phí</u> từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-56.1	-16.4	243.3%
▪ <u>Thu nhập/chi phí</u> từ lãi tiền gửi	-16.8	-6.6	152.3%

Tỷ giá VND/USD chốt ngày 31/12/2024 là 25,251 đồng, tăng 4.86% so với tỷ giá chốt ngày 31/12/2023 là 24,080 đồng.

Nhờ nguồn doanh thu bằng USD đủ để chi trả cho việc nhập khẩu nguyên vật liệu và trả lãi và nợ vay ngoại tệ nên phần lớn lỗ chênh lệch tỷ giá của Công ty là lỗ chưa thực hiện, liên quan đến việc đánh giá lại các khoản vay ngoại tệ vào cuối kỳ kế toán.

5.2.5. Đánh giá về tình hình tài chính

Năm	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Khả năng thanh toán nhanh	Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	ROS	ROA	ROE
2018	0.93	0.34	0.37	8%	8.50%	19.70%
2019	1.07	0.43	0.62	9.62%	10.35%	19.80%
2020	1.11	0.41	0.25	8.18%	8.47%	13.33%
2021	1.38	0.72	0.26	13.63%	14.12%	22.12%

2022	2.05	1.25	0.20	11.5%	11.4%	15.7%
2023	1.49	0.83	0.63	6.2%	3.0%	5.4%
2024	0.76	0.29	0.97	1.0%	0.3%	0.7%

Các chỉ tiêu tài chính khả năng thanh toán, các chỉ tiêu sinh lời đều thấp hơn 2023

Mặc dù nợ vay tăng nhưng hệ số nợ vay/vốn chủ sở hữu vẫn thấp hơn 1, cho thấy Công ty thận trọng trong việc quản lý rủi ro tài chính.

Phương án phát triển trong tương lai

Ngắn hạn:

Đưa giai đoạn 1 của Nhà máy Unitex chính thức đi vào sản xuất thương mại vào quý 2 năm 2025, đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển và mở rộng của Công ty, nâng lên 99,300 tấn, góp phần gia tăng năng lực cung ứng và khẳng định vị thế trên thị trường

Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới với tính năng vượt trội như **sợi Recycle Plus, Quick Dry (hút ẩm), sợi CD, Soft Package và hàng AMA, sợi FDY 08 Mountain Flat Yarn**, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Mở rộng danh mục sản phẩm, phát triển thêm các màu mới cho **sợi mẫu Dope Dyed**, hướng đến các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường, góp phần vào xu hướng sản xuất bền vững.

Tập trung đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ sản xuất.

Sử dụng hiệu quả chức năng Kiểm toán nội bộ để phát hiện và có phương án cải thiện những rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ.

Trung và dài hạn:

Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex, Liên minh Sợi - Dệt - May) nhằm tối ưu hóa lợi thế về quy mô, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Công ty đẩy mạnh **ứng dụng công nghệ AI trong sản xuất**, tiên phong triển khai **phần mềm POC – Trung tâm điều khiển sản xuất** tại nhà máy **POY và DTY**. Việc này không chỉ giúp **tối ưu hóa quy trình vận hành**, nâng cao **hiệu suất sản xuất**, đảm bảo **chất lượng sản phẩm vượt trội** mà còn góp phần **giảm thiểu tỷ lệ phế phẩm**, hướng tới một hệ thống sản xuất thông minh và bền vững

Phát triển các dự án để mở rộng chuỗi cung ứng cũng như phát triển các sản phẩm có giá trị tăng cao.

Ổn định nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ kế thừa trong sản xuất.

5.2.6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Áp dụng kiểm toán nội bộ để kiến toàn hệ thống quản trị rủi ro của Công ty

Với góc nhìn khách quan của đơn vị Kiểm toán nội bộ bên ngoài, Ban điều hành đã rà soát lại các quy trình và chuẩn mực và đưa ra phương án cải thiện sao cho phù hợp với tình hình thực tế.

Thiết lập KPIs chất lượng cho từng loại sản phẩm, từ đó tìm ra nguyên nhân dẫn tới KPIs không đạt. Ngoài ra, đối với mỗi đơn hàng, bộ phận sản xuất cũng đánh giá và điều chỉnh điều kiện sản xuất cho phù hợp nhằm đạt hiệu quả cao hơn. Bộ phận sản xuất kết hợp với đơn vị Kế toán để kiểm soát định mức tiêu hao của từng loại sản phẩm. Đây cũng là cơ sở kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm, gia tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện Quy trình kiểm kê tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm... từng ngày, quản lý việc nhập xuất hàng, tránh thất thoát và chênh lệch giữa số liệu sổ sách và tồn kho thực tế.

5.3. Dự báo kết quả kinh doanh năm 2025

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Dự báo 2025	Thực hiện 2024	Dự báo 2025 so với Thực hiện 2024
Công ty mẹ			
Doanh thu thuần	1,932.7	1,249.3	154.7%
Lợi nhuận gộp	442.9	153.0	285.8%
Hợp nhất			
Doanh thu thuần	3,270.0	1,210.3	270.2%
Lợi nhuận gộp	601.0	163.2	368.2%
LNST	300.6	12.4	2,423.4%

Ước tính kết quả kinh doanh năm 2025 có thể được điều chỉnh theo sự phê duyệt và thông qua của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

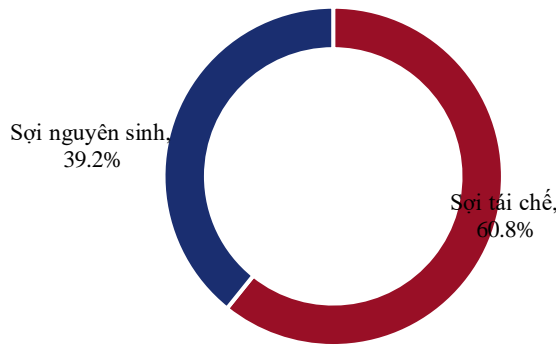
Một số giả định cho dự báo kết quả kinh doanh năm 2025

Đối với Công ty mẹ:

- Doanh thu tăng 170.2% so với thực hiện năm 2024, trong đó doanh thu từ sợi nguyên sinh và sợi tái chế tăng lần lượt là 91.1% và 268.7%.
- Doanh số tăng 160.5% so với thực hiện năm 2024, trong đó doanh số của sợi nguyên sinh và sợi tái chế tăng lần lượt là 68% và 343.3%.
- Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu dự kiến đạt khoảng 60.8% trong năm 2025, do dự kiến chuyển nhiều đơn hàng sợi tái chế cho Công ty con Unitex.
- Giá bán bình quân tăng 3.7% so với thực hiện năm 2024, trong đó giá bán của sợi nguyên sinh tăng 13.7% và giá bán sợi tái chế giảm 16.8%.
- Giá hạt chip dự kiến giảm 5.4% so với thực hiện năm 2024, trong đó giá chip nguyên sinh tăng 4.5% và giá chip tái chế giảm 5.5%.
- Chênh lệch giữa giá bán và giá hạt nhựa bình quân dự kiến sẽ tăng 1.8% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, chênh lệch giữa giá bán và giá hạt nhựa nguyên sinh tăng 26%, chênh lệch giữa giá bán và hạt nhựa tái chế giảm 27.6%.

- Biên lợi nhuận gộp năm 2025 dự kiến đạt 18.4%.
- Chi phí bán hàng, chi phí chung và chi phí quản lý doanh nghiệp dự kiến chiếm 3.7% trong tổng doanh thu.
- Tỷ giá hối đoái tại ngày chốt 31/12/2025 dự kiến tăng 2% so với tỷ giá tại ngày chốt 31/12/2024;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bình quân dự kiến khoảng 11.9%.

Doanh thu thuần dự kiến năm 2025 theo sản phẩm (Hợp nhất)



5.4. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

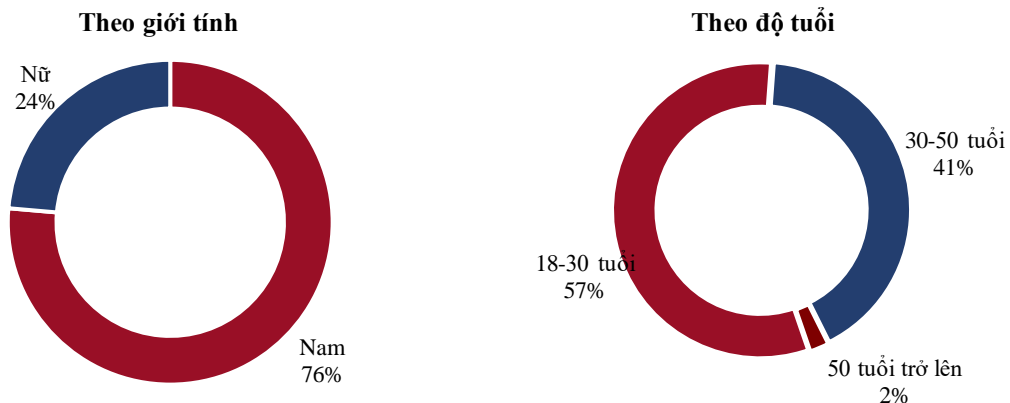
Công ty Kiểm toán E&Y không có ý kiến không chấp thuận đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2024.

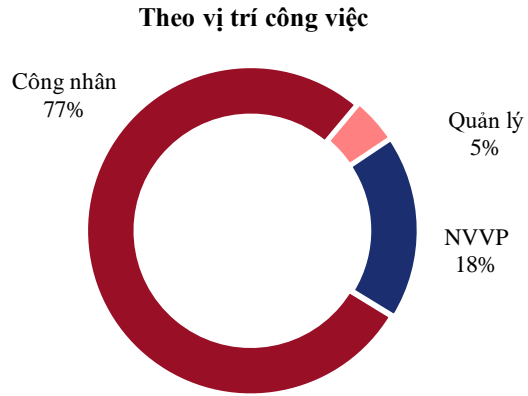
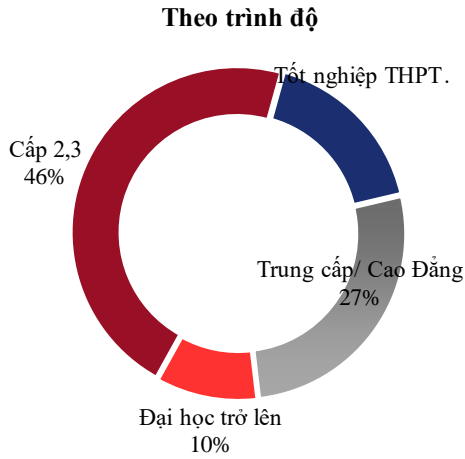
5.5. Phát triển nguồn nhân lực

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển bền vững, Ban điều hành luôn đặt con người vào trọng tâm của sự phát triển. Công ty không ngừng đẩy mạnh tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, xây dựng một đội ngũ kế thừa giàu kinh nghiệm, bản lĩnh vững vàng và luôn sẵn sàng cống hiến cho Công ty

Cơ cấu nhân sự

Tổng số người lao động năm 2024: 999 người



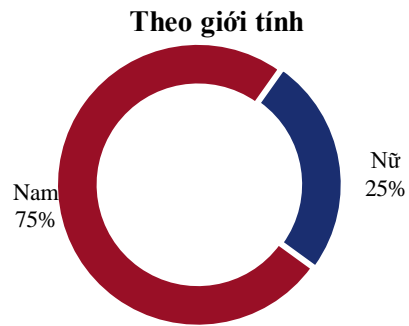


Tình hình tuyển dụng năm 2024

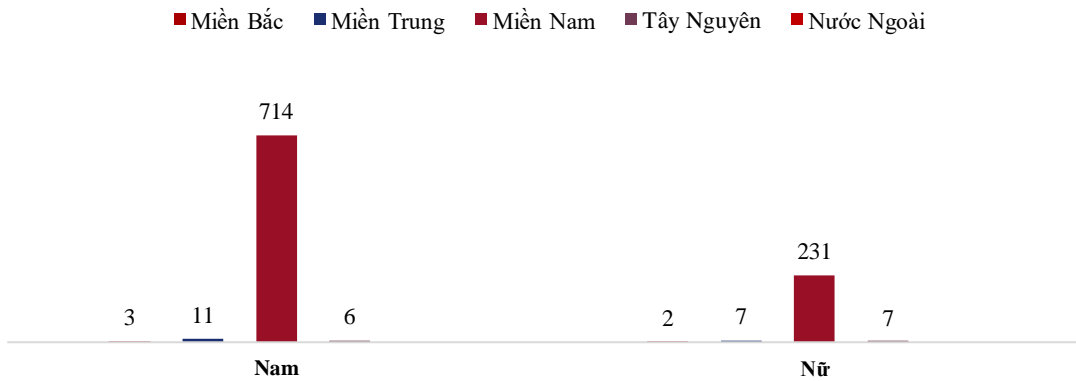
Chính sách tuyển dụng của STK chú trọng quá trình sàng lọc và đánh giá người ứng tuyển một cách toàn diện, không chỉ về năng lực, phẩm chất mà còn về tinh thần học hỏi, trách nhiệm, cầu tiến và sự phù hợp với văn hóa Công ty. Mỗi cá nhân dù ở bất kỳ vị trí nào cũng được tạo điều kiện để phát triển năng lực và thăng tiến, mỗi cá nhân đều được xem là một mảnh ghép không thể thiếu, có ý nghĩa đối với việc thực hiện mục tiêu chung của Công ty.

Một trong những mục tiêu của phát triển bền vững là duy trì được nguồn nhân lực ổn định và có thể bổ sung thêm người lao động khi Công

ty có nhu cầu. Trong năm 2024, Công ty đã tuyển dụng thêm 981 lao động mới, trong đó ứng viên Nam chiếm 75%, Nữ chiếm 25%, tập trung chủ yếu ở miền Nam.



Theo địa lý



5.5.1. Phúc lợi cho người lao động

Chính sách lương cơ bản

Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.

Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.

Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật Công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

Chính sách thưởng – phạt

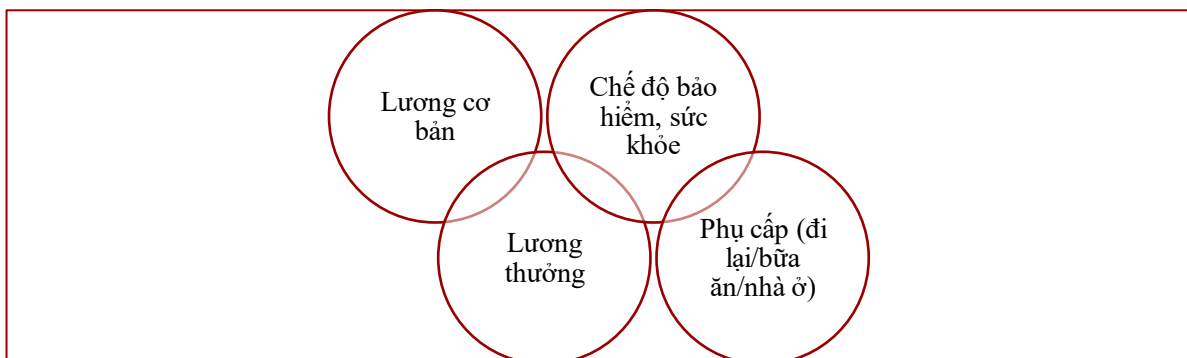
Công ty luôn ban hành Quy chế thưởng, phạt vào mỗi năm trên tinh thần công khai, minh bạch, thưởng-phạt rõ ràng, thông báo trước cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động gia tăng hiệu quả làm việc và thực hiện đúng quy định của Công ty.

Hàng tháng, người lao động đạt chuẩn về kết quả công việc sẽ được thưởng thêm 1 phần thu nhập như thưởng do hoàn thành nhiệm vụ; thưởng do chấp hành nội quy Công ty; các mức thưởng cụ thể theo từng đặc thù của từng phòng

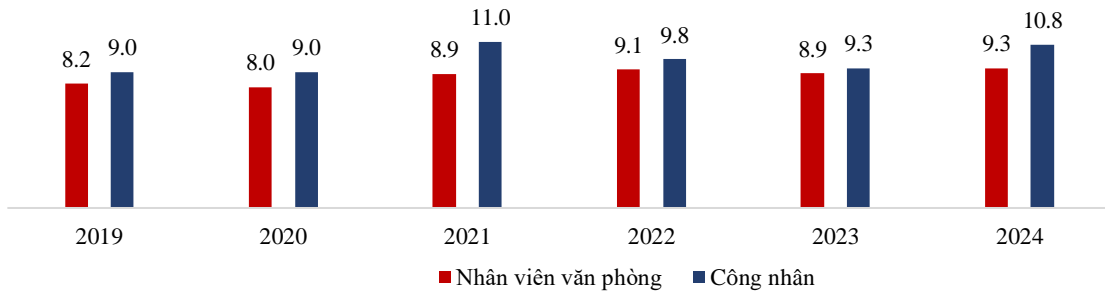
ban; các khoản phụ cấp khác như xăng xe,... và cấp trang thiết bị cần thiết cho công việc như laptop cá nhân cho nhân viên sử dụng,...

Định kỳ hàng năm, ngoài lương tháng 13 và thưởng Tết, Ban điều hành Công ty còn chia sẻ thành quả hoạt động với người lao động, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh trong năm và chiến lược năm sau, người lao động sẽ được nhận thêm 1 khoản thu nhập tương đương từ 1 tháng thu nhập trung bình.

Hệ thống phúc lợi tại Sợi Thế Kỷ



**Thu nhập bình quân của người lao động
(triệu đồng/người/tháng)**



Nguồn: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ, bộ phận Nhân sự⁶

Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của toàn Công ty tăng so với năm 2023, trong đó thu nhập công nhân tăng 16.7%, nhân viên văn phòng tăng 4.1%.

Công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả lương thưởng đúng hạn cho người lao động, nhằm giúp người lao động yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống.

Nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động

Công ty xây dựng hệ thống quản lý chất lượng làm việc của từng cá nhân trong từng đơn vị. Mỗi phòng ban đều có bảng thực hiện mục tiêu (KPIs) theo từng năm, quý và tháng. Các phòng ban đều có trách nhiệm nâng cấp KPIs sau mỗi quý và đánh giá lại tính phù hợp đối với KPIs của phòng ban đó. Đối với khối sản xuất từ tác nghiệp viên cho đến cấp quản lý đều có check-list công việc hàng ngày và ghi nhận năng suất làm việc hàng ngày dựa trên hệ thống SAP và POC. Bên cạnh đó, chính sách phúc lợi của Công ty cũng được xây dựng vào hiệu quả làm việc của từng người lao động, ngoài thu nhập cơ bản, Công ty còn có chế độ lương thưởng đối với các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ mỗi tháng.

⁶ NVVP: nhân viên văn phòng; CN: công nhân

Những thay đổi chính sách lao động trong năm 2024

Phân định KPIs cho từng vị trí công việc để có chế độ đánh giá và thưởng phạt hợp lý.

Điều chỉnh chính sách phúc lợi để thu hút và giữ chân người lao động.

Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ và kỹ năng cho người lao động.

Trong năm qua, công ty đã thực hiện **chính sách tăng lương** nhằm ghi nhận sự đóng góp của đội ngũ nhân sự, nâng cao đời sống người lao động. Cụ thể, mức lương tại hầu hết các vị trí đã được điều chỉnh tăng **10% vào tháng 4 năm 2024**, thể hiện cam kết của công ty trong việc chăm lo và tạo động lực phát triển bền vững cho nhân viên.

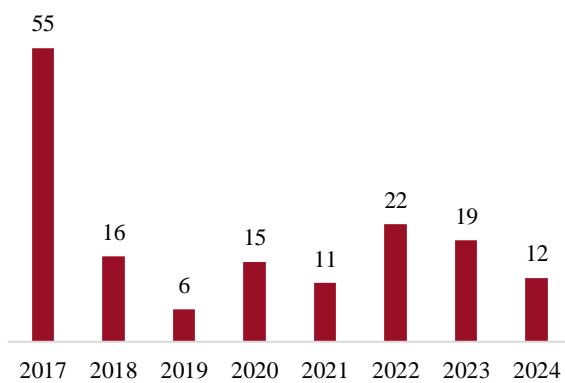
Chính sách thăng tiến

Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách thăng tiến hợp lý, bổ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.

Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cung cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.

Trong năm 2024 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là **12** lao động.

Số nhân viên được thăng tiến



Đảm bảo an toàn & sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động

Không những quan tâm đến chính sách phúc lợi của người lao động, Sợi Thế Kỷ còn ưu tiên đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, phòng chống cháy nổ và tai nạn lao động.

STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm môi trường để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Năm 2024, Công ty phối hợp với Công ty cổ phần sức khỏe môi trường miền Nam thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các

nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

100% người lao động được huấn luyện về an toàn lao động đặc biệt đối với những công việc đặc thù (bóc xếp, lái xe nâng, phụ trách kho bãi, vệ sinh máy móc), và an toàn phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc.

Công ty tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp định kỳ cho công nhân ở những khu vực có tiếng ồn cao. Công ty có phòng y tế và nhân viên y tế để chăm sóc sức khỏe và có mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho cán bộ công nhân viên.

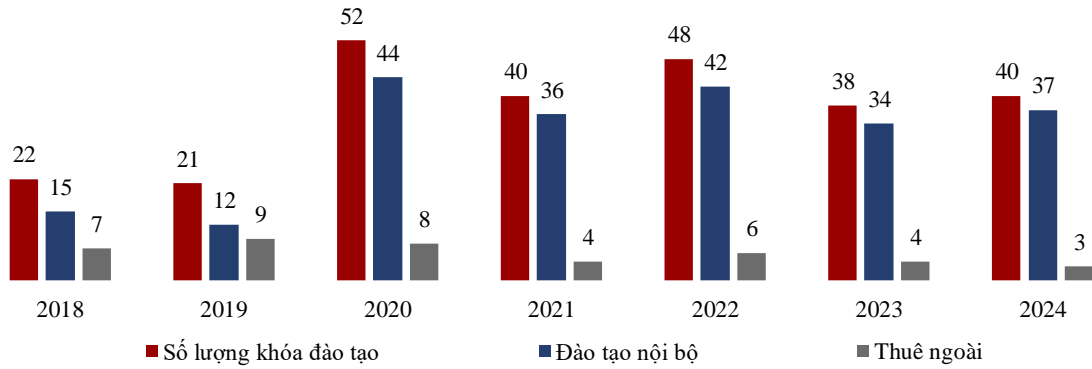
Trong năm 2024, không xảy ra trường hợp tai nạn lao động.

5.5.2. Công tác đào tạo

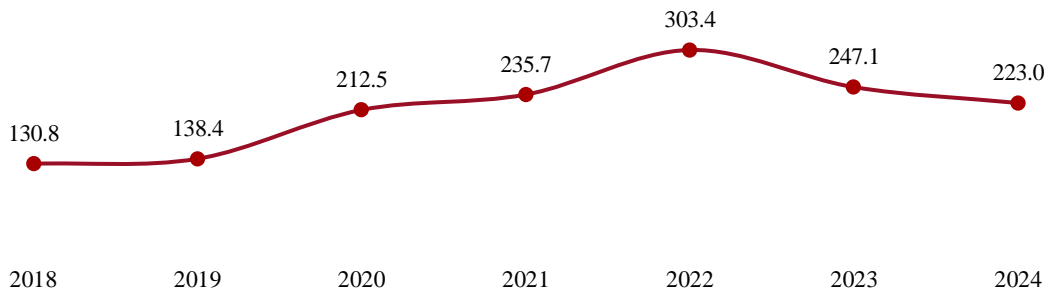
Đi đôi với công tác tuyển dụng, Công ty luôn đánh giá cao việc đào tạo đối với người lao động: đào tạo trước khi làm việc, đào tạo trong khi làm việc và đào tạo để người lao động có cơ hội thử thách ở vị trí cao hơn.

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau.

Số lượng khóa đào tạo



Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)



	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Ngân sách dành cho đào tạo (triệu đồng)	184.9	205.8	133.9	183.4	186.8	141.9	96.5
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng)	51.4	43.4	17.5	24.2	53.7	88.4	36.92
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	28%	21%	13%	13%	29%	62%	38
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	130.83	138.4	206.33	235.07	303.4	247.07	223

Số lượng và thời gian đào tạo theo phân loại nhân viên

Quản lý		Nhân viên văn phòng		Công nhân	
SL	TG	SL	TG	SL	TG
20	40	285	367	2,972	222,499.50

Các chương trình nâng cao kỹ năng cho người lao động

Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn lao động	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn hóa chất	Đào tạo các tiêu chuẩn An toàn phòng chống cháy nổ	Đào tạo các tiêu chuẩn về 5S, Tôn trọng sản phẩm
Chính sách xã hội	Huấn luyện PCCC	Huấn luyện Sơ cấp cứu	Đào tạo nghề và nâng cao, đa tay nghề
Đào tạo đối với nhân viên lái xe nâng	Huấn luyện ATLĐ các nhóm 1 - 4	Đào tạo về kỹ năng tuyển dụng	Đào tạo về quy trình sản xuất

Các khóa đào tạo cấp quản lý

Tên khóa đào tạo	Đơn vị được đào tạo	Thời gian đào tạo (giờ/ người)	Số lượng tham gia (người)	
			Quản lý	
			SL	TG
Đào tạo NQCT, ATLĐ, ATHC, PCCC, 5S, TTSP cho người mới	CB-CNV	2.0	20	40

Khoản mục	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động	107.8	107.6	113.2	120.0	101.8	98.9
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1,484.6	953.6	1,321.4	1,452.3	994.4	1,392.2
+ Trong đó giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa là	197.4	93.3	140.0	216.6	175.6	327.7
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT thuế XNK Thuế TNDN Thuế TNCN Thuế Tài nguyên và các loại thuế khác...)	167.8	68.5	116.6	152.7	113.0	152.1

Trao học bổng năm 2024

Tên trường	Số lượng	Kinh phí (đồng)
TCN Củ Chi	1	7,000,000
CĐN Tây Ninh	1	7,000,000
TC KTKT Tây Ninh	1	7,000,000
Tổng cộng		21,000,000

Công ty cấp học bổng cho sinh viên các trường học nghề.

Chống tham nhũng - hối lộ

Ban điều hành Công ty luôn chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc. Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn

đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động. Kể từ năm 2016 Công ty đã ban hành Bộ quy tắc ứng

xử với những quy tắc đạo đức cơ bản mà các thành viên Công ty bao gồm TV của HĐQT, BKS, Ban điều hành và CBCNV cần phải tuân thủ. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

Dựa trên những nguyên tắc cơ bản ban đầu, Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử. Tại Sợi Thế Kỷ, bộ phận nhân sự và phòng phát triển doanh nghiệp là những đơn vị chủ trì trực tiếp đến các báo cáo và những quan ngại về Bộ quy tắc ứng xử.

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

6.1. Tình hình thực hiện Dự án của Công ty mẹ

Dự án liên minh từ sợi đến may mặc

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Công ty đã đầu tư vào công ty TNHH Dintsun Việt Nam là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam.

Hoạt động chính theo giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT) của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Tỉ lệ sở hữu vốn của Công ty tại Công ty này là 5%; tương ứng vốn góp 13,800,000,000 VNĐ.

6.2. Tình hình thực hiện Dự án của Công ty con

Dự án “Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex”.

Thông tin về dự án:

- Công suất tối đa: 60,000 tấn/năm; gồm 2 giai đoạn, (Giai đoạn 1: 36,000 tấn; Giai đoạn 2: 24,000 tấn)
- **Tổng vốn đầu tư:** 120 triệu USD (Giai đoạn 1: 75 triệu USD, Giai đoạn 2: 45 triệu USD)
- Địa điểm xây dựng: Lô A17.1 đường C1, Khu Công nghiệp Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích dự án: 100,183 m².
- Sản phẩm của dự án: các loại Sợi DTY bao gồm sợi tái chế (Recycle), các loại sợi đặc biệt có giá trị gia tăng cao và các loại sợi khác.

Hiện tại công ty đã hoàn thiện giai đoạn 1 của dự án

Xây dựng: Kết cấu nhà máy đã hoàn thành; đang tiếp tục hoàn thiện và xây dựng cơ sở hạ tầng xung quanh, dự kiến hoàn thành sớm

Máy móc và thiết bị chính trong sản xuất: Toàn bộ máy POY, DTY, hệ thống phụ trợ và kho tự động đã được lắp đặt đầy đủ và đang vận hành ổn định 100%; Unitex đã bước vào giai đoạn sản xuất thử nghiệm và hiện đang gia công cho STK

Phê duyệt xây dựng và hệ thống phòng cháy chữa cháy: Dự kiến sẽ được các cơ quan chức năng phê duyệt cuối cùng vào Quý 2/2025.

- Tổng giá trị đã góp vốn tại Công ty con “Công ty TNHH Sợi Dệt Nhuộm Unitex” tính đến cuối năm 2024: 522,000,000,000 đồng.



7. CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

7.1. Thông tin cổ phiếu

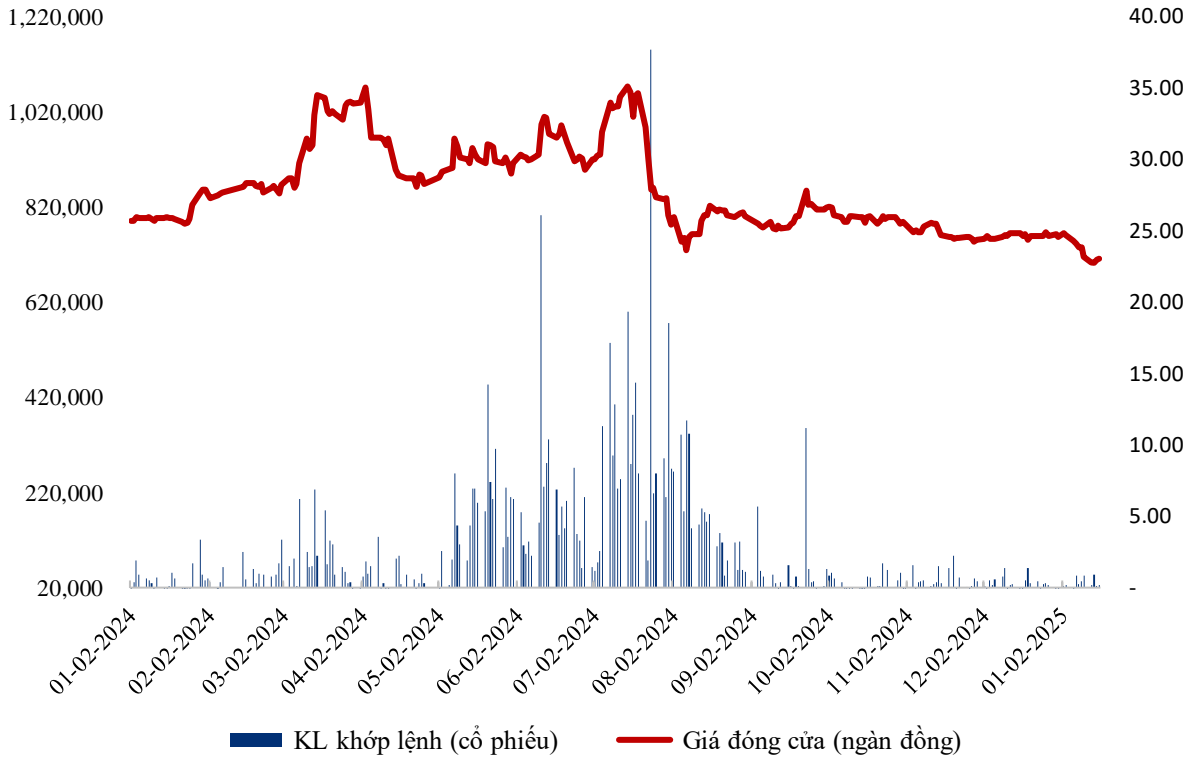
Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ	
Mã cổ phiếu	STK	
Sàn giao dịch	HOSE	
Vốn hóa thị trường	2,570.54	Tỷ đồng
KLCP đang niêm yết	96,636,924	Cổ phiếu
KLCP đang lưu hành	96,636,924	Cổ phiếu

Lịch sử trả cổ tức

Thời gian	Tỷ lệ
04/07/2023	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 15%
04/08/2022	Bán ưu đãi, tỷ lệ 20%
22/04/2022	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
13/07/2021	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
16/07/2020	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
17/06/2019	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 15%
24/04/2019	Bán ưu đãi, tỷ lệ Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 7%
28/03/2019	Phát hành cho CBCNV 00
14/06/2018	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 8%
24/07/2017	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 12%

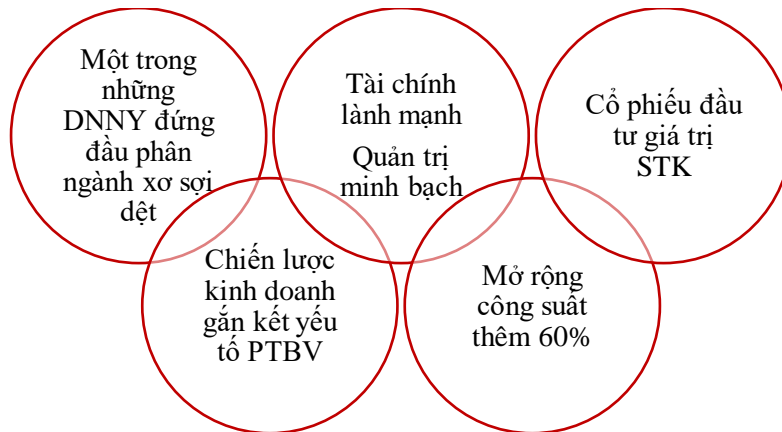
30/06/2017	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 3%
01/06/2016	Thưởng bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 5%
	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10%
19/04/2016	Cổ tức bằng Tiền, tỷ lệ 5%
03/11/2015	Thưởng bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10%

Diễn biến giao dịch cổ phiếu STK trong năm 2023 (đồng)



Nguồn: Fiinpro

7.2. Lý do đầu tư cổ phiếu STK



7.3. Cổ phần và Cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31/12/2023, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký (VND)	966,369,240,000
---------------------------	------------------------

Tổng số cổ phần niêm yết	96,636,924
Tổng số cổ phần lưu hành	96,636,924
Tổng số lượng cổ phiếu quỹ	0
Giá trị vốn hóa trên thị trường	2,570.54 tỷ đồng (07/03/2025)
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	0
Tổng số cổ phần tự do chuyển nhượng	96,636,924
Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0

Thống kê danh sách cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/02/2025)

Theo loại cổ phần			
Loại cổ phiếu	Số quyền biểu quyết tương ứng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ phiếu phổ thông	01 cổ phiếu: 01 quyền biểu quyết	96,636,924.0	100,0%
Cổ phiếu ưu đãi		0	0,0%
Cổ phiếu quỹ		0	0,0%
Tổng cộng		96,636,924	100,0%

Phân loại CD trong nước và CD nước ngoài

Phân loại CD trong nước và CD nước ngoài	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ số lượng cổ đông
Nước ngoài	16,101,450	16.7%	82	4.2%
Cá nhân	1,269,837	1.3%	60	3.0%
<i>Không phải CD lớn</i>	<i>1,269,837</i>	<i>1.3%</i>	<i>60</i>	<i>3.0%</i>
Tổ chức	14,831,613	15.3%	22	1.1%
<i>Không phải CD lớn</i>	<i>14,831,613</i>	<i>15.3%</i>	<i>22</i>	<i>1.1%</i>
Trong nước	80,535,474	83.3%	1,884	95.8%
Cá nhân	60,192,817	62.3%	1,870	95.1%
<i>CD lớn</i>	<i>34,942,704</i>	<i>36.2%</i>	<i>3</i>	<i>0.2%</i>
<i>Không phải CD lớn</i>	<i>25,250,113</i>	<i>26.1%</i>	<i>1,867</i>	<i>95.0%</i>
Tổ chức	20,342,657	21.1%	14	0.7%
<i>CD lớn</i>	<i>19,509,877</i>	<i>20.2%</i>	<i>1</i>	<i>0.1%</i>
<i>Không phải CD lớn</i>	<i>832,780</i>	<i>0.9%</i>	<i>13</i>	<i>0.7%</i>
Tổng cộng	96,636,924	100.0%	1,966	100.0%

Phân loại theo cá nhân và tổ chức

Phân loại theo cá nhân và tổ chức	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ số lượng cổ đông
Cá nhân	61,462,654	63.6%	1,930	98.2%
Nước ngoài	1,269,837	1.3%	60	3.0%
<i>Không phải CD lớn</i>	<i>1,269,837</i>	<i>1.3%</i>	<i>60</i>	<i>3.0%</i>
Trong nước	60,192,817	62.3%	1,870	95.1%
<i>CD lớn</i>	<i>34,942,704</i>	<i>36.2%</i>	<i>3</i>	<i>0.2%</i>
<i>Không phải CD lớn</i>	<i>25,250,113</i>	<i>26.1%</i>	<i>1,867</i>	<i>95.0%</i>

Tổ chức	35,174,270	36.4%	36	1.8%
Nước ngoài	14,831,613	15.3%	22	1.1%
Không phải CĐ lớn	14,831,613	15.3%	22	1.1%
Trong nước	20,342,657	21.1%	14	0.7%
CĐ lớn	19,509,877	20.2%	1	0.1%
Không phải CĐ lớn	832,780	0.9%	13	0.7%
Tổng cộng	96,636,924	100.0%	1,966	100.0%

Phân loại theo CĐ lớn và không phải CĐ lớn

Phân loại theo CĐ lớn và không phải CĐ lớn	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ số lượng cổ đông
CĐ lớn	54,452,581	56.3%	4	0.2%
Trong nước	54,452,581	56.3%	4	0.2%
Cá nhân	34,942,704	36.2%	3	0.2%
Tổ chức	19,509,877	20.2%	1	0.1%
Không phải CĐ lớn	42,184,343	43.7%	1,962	99.8%
Nước ngoài	16,101,450	16.7%	82	4.2%
Cá nhân	1,269,837	1.3%	60	3.0%
Tổ chức	14,831,613	15.3%	22	1.1%
Trong nước	26,082,893	27.0%	1,880	95.6%
Cá nhân	25,250,113	26.1%	1,867	95.0%
Tổ chức	832,780	0.9%	13	0.7%
Tổng cộng	96,636,924	100.0%	1,966	100.0%

Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% cổ phần Công ty) và tình hình thay đổi sở hữu của cổ đông lớn trong năm 2024

Tên cổ đông	Cá nhân/Tổ chức	Quốc tịch	Đầu kỳ		Cuối kỳ		Thay đổi sở hữu trong kỳ
			Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	Cổ phiếu sở hữu	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức là quỹ đầu tư	VN	19,509,877	20.19%	19,509,877	20.19%	0.0%
Đặng Hướng Cường	Cá nhân	VN	6,878,420	7.12%	6,878,420	7.12%	0.0%
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	13,985,340	14.47%	13,985,340	14.47%	0.0%
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	13,454,126	13.92%	14,078,944	14.57%	0.65%
Tổng cộng			53,827,763	55.70%	54,452,581	56.35%	0.65%

Danh sách người nội bộ, người liên quan

STT	Mã CK	Họ Và Tên	Chức vụ tại Công ty niêm yết/mối quan hệ với người nội bộ (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ
1	2	3	5	10	11	12
1	STK	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	13,985,340	14.47%	30/3/2023
1.1	STK	Công ty CP TM & ĐT Liên An	Tổ chức có liên quan (TGD)			30/3/2023
1.2	STK	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Tổ chức có liên quan (TGD)			30/3/2023
1.3	STK	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Hưng Lợi	Tổ chức có liên quan (Chồng là TGD)			30/3/2023
1.4	STK	Đặng Kim Hoa	Cha ruột			30/3/2023
1.5	STK	Triệu Hung Moi	Mẹ ruột			30/3/2023
1.6	STK	Hứa Minh Nghĩa	Cha chồng			30/3/2023
1.7	STK	Âu Phụng San	Mẹ chồng			30/3/2023
1.8	STK	Hứa Vĩ Hòa	Chồng			30/3/2023
1.9	STK	Đặng Thừa Hiến	Con ruột			30/3/2023
1.10	STK	Đặng Thừa Khánh	Con ruột			30/3/2023
1.11	STK	Đặng Triệu Hòa	Phó CT HĐQT, Anh ruột	14,078,944	14.57%	30/3/2023
1.12	STK	Đặng Hương Cường	TV HĐQT, Em ruột	6,878,420	7.12%	30/3/2023
1.13	STK	Trịnh Phụng Mỹ	Chị dâu			30/3/2023
1.14	STK	Dang Vicky	Em dâu			30/3/2023
2	STK	Đặng Triệu Hòa	Phó chủ tịch HĐQT, TGD	14,078,944	14.57%	30/3/2023
2.1	STK	Đặng Kim Hoa	Cha ruột			30/3/2023
2.2	STK	Triệu Hung Moi	Mẹ ruột			30/3/2023
2.3	STK	Trịnh Phụng Mỹ	Vợ			30/3/2023
2.4	STK	Đặng Gia Hân	Con ruột			30/3/2023
2.5	STK	Đặng Gia Doanh	Con ruột			30/3/2023
2.6	STK	Đặng Gia Huệ	Con ruột			30/3/2023
2.7	STK	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT, Em ruột	13,985,340	14.47%	30/3/2023
2.8	STK	Đặng Hương Cường	TV HĐQT, Em ruột	6,878,420	7.12%	30/3/2023
2.9	STK	Hứa Vĩ Hòa	Em rể			30/3/2023
2.10	STK	Dang Vicky	Em dâu			30/3/2023
3	STK	Đặng Hương Cường	TV HĐQT	6,878,420	7.12%	30/3/2023

3.1	STK	Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Tổ chức có liên quan (GD)			30/3/2023
3.2	STK	Đặng Kim Hoa	Cha ruột			30/3/2023
3.3	STK	Triệu Hưng Mối	Mẹ ruột			30/3/2023
3.4	STK	Dang Vicky	Vợ			30/3/2023
3.5	STK	Trịnh Hoài Thanh	Cha vợ			30/3/2023
3.6	STK	Trình Anh To	Mẹ vợ			30/3/2023
3.7	STK	Dang Tiffany	Con ruột			30/3/2023
3.8	STK	Dang Christina	Con ruột			30/3/2023
3.9	STK	Đặng Bryan	Con ruột			30/3/2023
3.10	STK	Đặng Triệu Hòa	Phó chủ tịch HĐQT, TGD, Anh ruột	14,078,944	14.57%	30/3/2023
3.11	STK	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT, Chị ruột	13,985,340	14.47%	30/3/2023
3.12	STK	Hứa Vĩ Hòa	Anh rể			30/3/2023
3.13	STK	Trình Phụng Mỹ	Chị dâu			30/3/2023
4	STK	Cao Thị Quế Anh	TV HĐQT			30/3/2023
4.1	STK	Công ty Cổ phần Thực Phẩm Xanh	Tổ chức có liên quan (TGD)	686,268	0.71%	30/3/2023
4.2	STK	Cao Xuân Uy	Cha ruột			30/3/2023
4.3	STK	Nguyễn Thị Đan Quế	Mẹ ruột			30/3/2023
4.4	STK	Trình Văn Trụ	Cha chồng			30/3/2023
4.5	STK	Trần Thị Lộc	Mẹ chồng			30/3/2023
4.6	STK	Trình Văn Tuấn	Chồng			30/3/2023
4.7	STK	Trình Thị Mai Anh	Con ruột			30/3/2023
4.8	STK	Trình Mai Linh	Con ruột			30/3/2023
4.9	STK	Trình Mai Phương – Paula	Con ruột			30/3/2023
4.10	STK	Trình Mai Vân	Con ruột			30/3/2023
4.11	STK	Cao Quế Lâm	Em ruột			30/3/2023
4.12	STK	Cao Quế Phong	Em ruột			30/3/2023
4.13	STK	Cao Quế Sơn	Em ruột			30/3/2023
4.14	STK	Bùi Thị Thu Hà	Em dâu			30/3/2023
4.15	STK	Đào Mai Hương	Em dâu			30/3/2023
4.16	STK	Nguyễn Thị Thu Trang	Em dâu			30/3/2023
5	STK	Võ Quang Long	TV HĐQT	5	0.00%	30/3/2023
5.1	STK	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ HƯỚNG VIỆT	Tổ chức có liên quan (TGD)	19,509,877	20.19%	30/3/2023
5.2	STK	Võ Quang Trùng	Cha ruột			30/3/2023
5.3	STK	Nguyễn Thị Lưu Huệ	Mẹ ruột			30/3/2023
5.4	STK	Võ Thị Thanh Giang	Vợ			30/3/2023
5.5	STK	Võ Quang Đa	Cha vợ			30/3/2023
5.6	STK	Nguyễn Thị Bích Thủy	Mẹ vợ			30/3/2023
5.7	STK	Võ Quang Trí	Con ruột			30/3/2023
5.8	STK	Võ Quang Nhân	Con ruột			30/3/2023
5.9	STK	Võ Thị Kim Loan	Chị ruột			30/3/2023
5.10	STK	Nguyễn Anh Tuấn	Anh rể			30/3/2023

5.11	STK	Võ Thị Kim Nhựt	Chị ruột			30/3/2023
5.12	STK	Nguyễn Văn Sỹ	Anh rể			30/3/2023
5.13	STK	Võ Thị Minh Châu	Chị ruột			30/3/2023
5.14	STK	Võ Thị Kim Châu	Chị ruột			30/3/2023
5.15	STK	Võ Thị Minh Hiếu	Chị ruột			30/3/2023
5.16	STK	Châu Tấn Thi	Anh rể			30/3/2023
5.17	STK	Võ Quang Khải	Anh ruột			30/3/2023
5.18	STK	Tổng Thị Mỹ Dung	Chị dâu			30/3/2023
5.19	STK	Võ Quang Phú	Anh ruột			30/3/2023
5.20	STK	Võ Thị Mỹ Liên	Chị dâu			30/3/2023
5.21	STK	Võ Quang Quý	Anh ruột			30/3/2023
5.22	STK	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Chị dâu			30/3/2023
5.23	STK	Võ Quang Thắng	Anh ruột			30/3/2023
5.24	STK	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Chị dâu			30/3/2023
5.25	STK	Võ Quang Trị	Em ruột			30/3/2023
5.26	STK	Lý Như Quỳnh	Em dâu			30/3/2023
6	STK	Chen Che Jen	TV HDQT			30/3/2023
6.2	STK	Chen Lan Chao	Mẹ ruột			30/3/2023
6.3	STK	Chang Feng Ying	Vợ			30/3/2023
6.4	STK	Chen Ju Fang	Con ruột			30/3/2023
6.5	STK	Chen Chih Yu	Con ruột			30/3/2023
6.6	STK	Chen Huang Jen	Em trai			30/3/2023
7	STK	Nguyễn Quốc Hương	TV HDQT			30/3/2023
7.1	STK	Nguyễn Mạnh Khôi	Cha ruột			30/3/2023
7.2	STK	Lê Thị Thoa	Mẹ ruột			30/3/2023
7.5	STK	Nguyễn Lê Quốc Anh	Con ruột			30/3/2023
7.6	STK	Nguyễn Trần Như Ý	Con ruột			30/3/2023
7.7	STK	Nguyễn Vinh Quang	Anh ruột			30/3/2023
7.8	STK	Nguyễn Mạnh Hà	Anh ruột			30/3/2023
7.9	STK	Nguyễn Minh Hải	Anh ruột			30/3/2023
7.10	STK	Phan Thị Thu Hiền	Chị dâu			30/3/2023
7.11	STK	Nguyễn Xuân Yên	Chị dâu			30/3/2023
8	STK	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS			30/3/2023
8.1	STK	Nguyễn Văn Phả	Cha ruột			30/3/2023
8.2	STK	Nguyễn Thị Côn	Mẹ ruột			30/3/2023
8.3	STK	Nguyễn Văn Âu	Cha vợ			30/3/2023
8.4	STK	Nguyễn Thị Quế	Mẹ vợ			30/3/2023
8.5	STK	Nguyễn Kim Sang	Vợ			30/3/2023
8.6	STK	Nguyễn Minh Lương	Anh ruột			30/3/2023
8.7	STK	Nguyễn Hòa Hiệp	Chị ruột			30/3/2023
8.8	STK	Nguyễn Thị Thu Thủy	Em ruột			30/3/2023
8.9	STK	Nguyễn Thị Thu Hằng	Em ruột			30/3/2023
8.10	STK	Trần Bạch Tuyết	Chị dâu			30/3/2023
8.11	STK	Daniel Dupree	Anh rể			30/3/2023
8.12	STK	Phan Hồng Thái	Em rể			30/3/2023
8.13	STK	Nguyễn Đức Tuấn	Em rể			30/3/2023
8.14	STK	Nguyễn Kim Phụng	Chị vợ			30/3/2023
8.15	STK	Nguyễn Hữu Phú	Em vợ			30/3/2023
8.16	STK	Nguyễn Ngọc Như Ý	Con ruột			30/3/2023
8.17	STK	Nguyễn Thành Long	Con rể			30/3/2023

8.18	STK	Nguyễn Tự Cường	Con ruột			30/3/2023
9	STK	Hà Kiệt Trân	TV BKS			30/3/2023
9.1	STK	Hà Nghiệp Từ	Cha ruột			30/3/2023
9.2	STK	Đặng Tú Phương	Mẹ ruột			30/3/2023
9.3	STK	Hà Kiệt Thuận	Em ruột			30/3/2023
10	STK	Đình Ngọc Hoa	TV BKS	15,009	0.016%	30/3/2023
10.1	STK	Đình Văn Tiêu	Cha ruột			30/3/2023
10.2	STK	Võ Thị Sớ	Mẹ ruột			30/3/2023
10.3	STK	Phạm Văn Tư	Chồng			30/3/2023
10.4	STK	Đình Văn Sen	Em ruột			30/3/2023
10.5	STK	Đình Văn Thuận	Em ruột			30/3/2023
10.6	STK	Đình Văn Lợi	Em ruột			30/3/2023
10.7	STK	Phạm Thảo Ly	Con ruột			30/3/2023
10.8	STK	Phạm Gia Nguyên	Con ruột			30/3/2023
10.9	STK	Thị Gái	Em dâu			30/3/2023
10.10	STK	Lê Phượng Bảo Giang	Em dâu			30/3/2023
10.11	STK	Phạm Văn Tiếng	Cha chồng			30/3/2023
10.12	STK	Phan Thị Um	Mẹ chồng			30/3/2023
11	STK	Phan Như Bích	GDTC, Kế toán trưởng	112,000	0.12%	26/10/2016
11.1	STK	Phan Văn Đồng	Cha ruột			26/10/2016
11.2	STK	Nguyễn Thị Thu	Mẹ ruột			26/10/2016
11.3	STK	Ngô Văn Ne	Cha vợ			26/10/2016
11.4	STK	Hà Thị Hạnh	Mẹ vợ			26/10/2016
11.5	STK	Ngô Thùy Nhung	Vợ			26/10/2016
11.6	STK	Phan Tây Thy	Con ruột			26/10/2016
11.7	STK	Phan Ngọc Hân	Con ruột			26/10/2016
11.8	STK	Phan Thanh Vũ	Anh ruột			26/10/2016
11.9	STK	Phan Thanh Trang	Anh ruột			26/10/2016
11.10	STK	Phan Thanh Trung	Em ruột			26/10/2016
11.11	STK	Phan Thanh Càng	Em ruột			26/10/2016
11.12	STK	Phan Thị Thu Sang	Em ruột			26/10/2016
11.13	STK	Phan Thị Kiều Oanh	Chị dâu			26/10/2016
11.14	STK	Hoàng Thị Đông Trang	Em dâu			26/10/2016
11.15	STK	Nguyễn Quang Đức	Em rể			26/10/2016
12	STK	Nguyễn Phương Chi	NUQ CBTT, NPTQT, GD chiến lược	80,000	0.083%	09/10/2019
12.1	STK	Nguyễn Văn Vinh	Cha ruột			09/10/2019
12.2	STK	Nguyễn Thị Phương	Mẹ ruột			09/10/2019
12.3	STK	Nguyễn Vinh Quang	Anh ruột			09/10/2019
12.4	STK	Nguyễn Phúc An	Con ruột			09/10/2019

7.4. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết năm 2024

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	9	0%	15,009	0.016%	Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP)
2	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT	13,454,126	13.92%	14,078,944	14.57%	Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP)
3	Nguyễn Phương Chi	GD Chiến lược/Người phụ trách QTCT	13,800	0.01%	80,000	0.083%	Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP)
4	Phan Như Bích	Giám đốc tài chính kiêm KTT	82,036	0.08%	112,000	0.116%	Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP)

7.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ

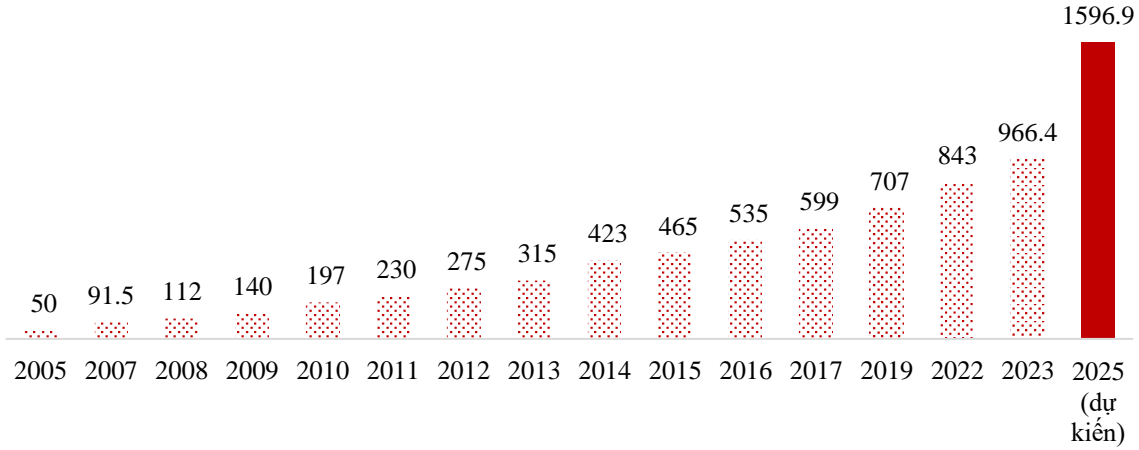
Trong năm 2024, Công ty đã bán thành công 1,041,650 cổ phiếu quỹ cho nhân viên vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 và bán thành công 1,500,000 cổ phiếu quỹ ra công chúng vào ngày 5 tháng 6 năm 2024 và đã được UBCKNN chấp thuận kết quả bán cổ phiếu quỹ.

7.6. Các chứng khoán khác

Không có.

7.7. Quá trình tăng vốn điều lệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Quá trình tăng vốn điều lệ của Sợi Thế Kỳ (tỷ đồng).



Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)
05/2005	Cổ phần hóa: VDL ban đầu.	-	50
05/2007	Cổ đông sáng lập; Người lao động.	15	65
09/2007	Cổ đông hiện hữu; Đối tác chiến lược.	26.5	91.5
01/2008	Đối tác chiến lược.	8.5	100
12/2008	Cổ đông hiện hữu • (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 12%).	12	112
11/2009	Cổ đông hiện hữu • (phát hành thêm tỷ lệ: 25%).	28	140
01/2010	Đối tác chiến lược • (phát hành riêng lẻ).	40	180
09/2010	Cổ đông hiện hữu • (cổ phiếu thưởng tỷ lệ: 10%).	17.3	197.3
06~07/2011	Cổ đông hiện hữu • (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); Người lao động • (ESOP 2010).	32.6	229.9
05/2012	Cổ đông hiện hữu • (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%).	45	274.9
06/2013	Cổ đông hiện hữu • (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%).	40.5	315.4
06/2014	Cổ đông hiện hữu • (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%); • (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%).	77.6	393.1
12/2014	Đấu giá ra công chúng.	30.0	423.1
12/2015	Cổ đông hiện hữu	42.3	465.4

	<ul style="list-style-type: none"> (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%) 		
06/2016	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 10%); (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 05%). 	69.8	535.2
09/2017	Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 12%)	64.2	599.4
05/2019	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 7%); (cổ phiếu chào bán ra công chúng: 10%); (cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV: 0.1%). 	107.9	707.3
09/2022	Cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> (chào bán ra công chúng: 20%). 	136.3	843.6
04/07/2023	Cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 15%.	122.7	996.4

7.8. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2024, Công ty đã bán cổ phiếu quỹ cho người lao động theo chương trình ESOP và bán cổ phiếu quỹ ra công chúng

Tên cổ phiếu: Công ty Cổ Phần Sợi Thê Kỳ.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

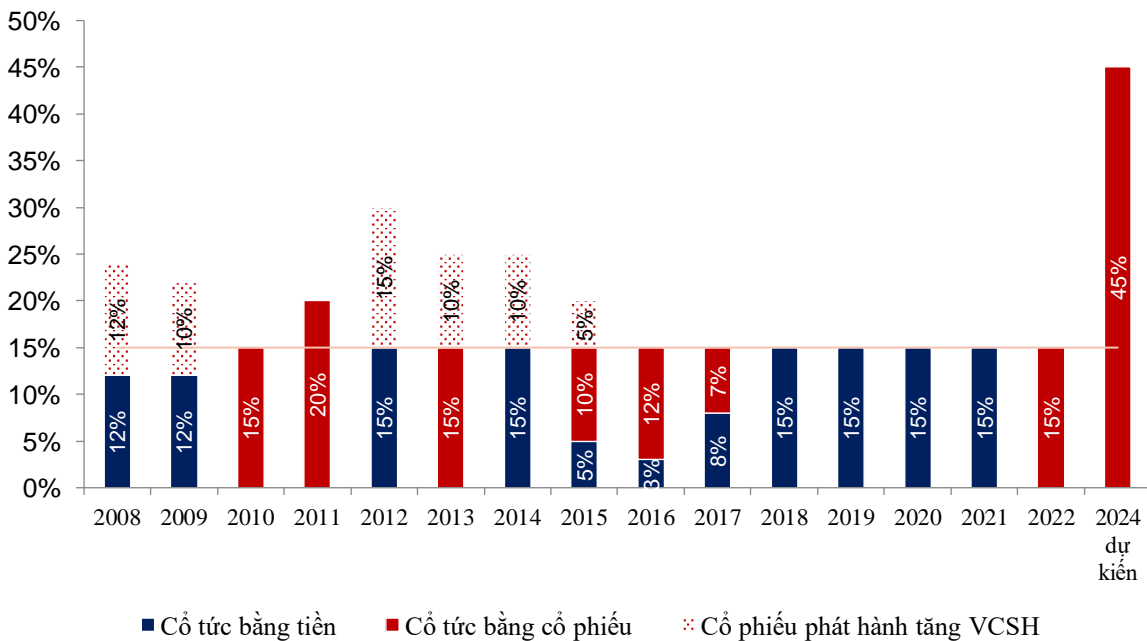
Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi bán cổ phiếu quỹ: 94,095,274 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ đã bán: 2,541,650 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi bán cổ phiếu **96,636,924** cổ phiếu.

Vốn cổ phần (cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết) 966,369,240,000 đồng.

7.9. Chính sách chi trả cổ tức



Chính sách cổ tức của Sợi Thế Kỷ luôn ổn định và duy trì mức chi trả cổ tức trên mệnh giá là 15% cho cổ đông. Tùy theo kết quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm, cổ tức chi trả có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu và tỷ lệ này có thể lớn hơn hoặc bằng 15% nhưng không nhỏ hơn 15%. Trong năm 2024, Công ty đã nộp hồ sơ xin trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tuy nhiên, do hồ sơ Phát hành thêm đang trong quá trình chờ phê duyệt, công ty chưa thể thực hiện việc chi trả cổ tức cho năm tài chính 2023 như dự kiến.

Trong năm 2025, Công ty đã trả cổ tức cho năm tài chính 2024 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 45% nếu được đại hội đồng cổ đông thông qua

7.10. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Ngoài mục tiêu chính nhằm đệ trình ĐHCĐ những định hướng và kế hoạch hoạt động trong năm, đây là cơ hội để HĐQT và Ban điều hành lắng nghe và trao đổi trực tiếp với cổ đông, từ đó có phương án để đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

Đã tổ chức ĐHCĐTN 2024 vào ngày 30 tháng 03/2024.

Hoàn thành CBTT đúng hạn yêu cầu về tài liệu họp ĐHCĐ, BB&NQ ĐHCĐ thông qua sau ĐHCĐ....



Các bài viết, báo cáo phân tích

Hàng quý, Công ty đều phát hành “Bản tin IR” để cập nhật tình hình ngành dệt may và phân ngành sợi đến quý cổ đông và nhà đầu tư.

Công bố:

- bản tin IR kỳ 37 (vào tháng 04/2024);
- bản tin IR kỳ 38 (vào tháng 07/2024);
- bản tin IR kỳ 39 (vào tháng 10/2024).
- bản tin IR kỳ 40 (vào tháng 01/2025).

Ngoài ra, đội ngũ IR còn cung cấp thông tin để các chuyên viên phân tích, cơ quan báo chí viết bài trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trả lời phỏng vấn báo VIETNAM FINANCE và Vietnambiz về chủ đề ESG.

Tiếp đón VTV đến quay phóng sự và phỏng vấn TGD.



Cuộc họp với nhà đầu tư

Công ty cũng định kỳ hàng quý kết nối với các Công ty chứng khoán để tổ chức họp công bố kết quả kinh doanh quý (Earnings call) để giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư một cách kịp thời và đầy đủ nhất.

Tổ chức STK Earnings call với các quỹ/nhà đầu tư cập nhật thông tin hàng quý, đồng thời tham dự Earning calls của các công ty chứng khoán như HSC, SSI...

- Tổ chức earning call Q4.2023 với HSC vào 02.02.2024.
- Tổ chức earning call Q4.2023 với các công ty chứng khoán khác vào 06.02.2024.
- Tổ chức earning call Q1.2024 với HSC vào 24.04.2024.
- Tổ chức earning call Q1.2024 với các công ty chứng khoán khác vào 03.05.2024.
- Tổ chức earning call Q2.2024 với HSC vào 31.07.2024.
- Tổ chức earning call Q2.2024 với các công ty chứng khoán khác vào 01.08.2024.
- Tổ chức earning call Q3.2024 với HSC vào 29.10.2024.
- Tổ chức earning call Q3.2024 với các công ty chứng khoán khác vào 30.10.2024.
- Tổ chức earning call Q4.2024 với HSC vào 13.02.2025.
- Tổ chức earning call Q4.2024 với các công ty chứng khoán khác vào 14.02.2025.

Đội ngũ IR cũng thường xuyên tổ chức các chuyên tham quan Công ty cho nhà đầu tư; các cuộc họp trực tiếp và trực tuyến.

- Tham gia VietNam Access Day của VietCap vào 27.02.2024 tại khách sạn the Reverie.
- Tham gia Emerging 2024 do HSC tổ chức 20.06.2024 tại khách sạn Le Meridien Saigon.
- Tổ chức Teleconference với SSI vào 11.06.2024.
- Đón tiếp các quỹ đầu tư đến thăm nhà máy TB theo chương trình Vietnam Factory Relocation Tour do SSI tổ chức vào 03.06.2024.
- Gặp gỡ các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước, factory tour: 09 lần (VinaCapital, Chứng khoán Bảo Việt, FPTIS, Lion Global Investor,...).
- Tiếp đón CTCK FPTIS đến tham quan nhà máy vào 26.09.2024.
- 2024 Vietnam Corporate Day, đồng tổ chức bởi Goldman Sachs và SSI Securities vào ngày 03.10.2024.
- Tiếp đón quỹ Lion Global Investor đến tham quan nhà máy Unitex vào 22.11.2024.

Cập nhật Website Công ty

- Hoạt động công bố thông tin và các tin tức liên quan đến ngành, Công ty được cập nhật nhanh chóng tại Chuyên mục Quan hệ cổ đông trên Website Công ty với cả 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; đảm bảo đưa thông tin đến nhà đầu tư chính xác, minh bạch và kịp thời.
- Thực hiện liên tục cập nhật và điều chỉnh các hình ảnh, thông tin Công ty, thông tin ngành, thông tin tuyển dụng, thông tin tài chính, CBTT lên website.

Công bố thông tin

- Đã cập nhật thông tin trên website.
- Thực hiện CBTT đầy đủ theo quy định cho UBCKNN, HOSE.

8. QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1. Nguyên tắc Quản trị Công ty

Sợi Thế Kỹ đã xây dựng Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững, tạo dựng niềm tin và hình ảnh của Công ty đối với các bên liên quan như cơ quan nhà nước, nhà đầu tư, đối tác, nhà cung ứng, khách hàng, người lao động. Công ty cam kết thực hiện tốt Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty của Việt Nam.



8.2. Mô hình quản trị

Sợi Thế Kỹ đang được tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) và Tổng Giám đốc (“TGD”), Ban điều hành (“BDH”), các bộ phận chức năng, các phòng nghiệp vụ chuyên môn.

Tại STK, ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Các vấn đề được

ĐHĐCĐ thông qua được qui định tại Điều 15 Điều lệ của Công ty và theo qui định của pháp luật hiện hành.

HĐQT là cơ quan quản trị tại Công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được qui định tại Điều 27 Điều lệ của Công ty. HĐQT có nhiệm vụ triển khai, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của Công ty.

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra với chức năng thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của BKS (bao gồm việc giám sát HĐQT và TGD, yêu cầu HĐQT và TGD giải trình về

tình hình tài chính của Công ty) được qui định tại Điều 36 Điều lệ của Công ty. BKS của STK có 3 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm.

Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc được qui định tại Điều 30 Điều lệ của Công ty.

Ban Điều Hành gồm 04 thành viên sẽ hỗ trợ Tổng Giám Đốc trong việc điều hành hoạt động của Công ty Công ty có bổ nhiệm 1 người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

Vui lòng xem thêm mục **Cơ cấu tổ chức** trang 30 Báo cáo thường niên 2024

Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, không có thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị.

8.3. Thông tin về Hội đồng quản trị

Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản trị																			
	<p>Bà Đặng Mỹ Linh (53 tuổi) Trình độ văn hóa: Cao học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1993-1999</td> <td>Worldtex Enterprise Co, .Ltd</td> <td>Trợ lý TGD</td> </tr> <tr> <td>2000-2020</td> <td>CTCP Sợi Thế Kỷ</td> <td>Thành viên HĐQT</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">2001-nay</td> <td>CTCP đầu tư thương mại Liên An</td> <td>TGD</td> </tr> <tr> <td>Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến</td> <td>Chủ tịch</td> </tr> <tr> <td>2020-nay</td> <td>CTCP Sợi Thế Kỷ</td> <td>Chủ tịch HĐQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>			Đơn vị công tác	Chức vụ	1993-1999	Worldtex Enterprise Co, .Ltd	Trợ lý TGD	2000-2020	CTCP Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT	2001-nay	CTCP đầu tư thương mại Liên An	TGD	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Chủ tịch	2020-nay	CTCP Sợi Thế Kỷ	Chủ tịch HĐQT
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
1993-1999	Worldtex Enterprise Co, .Ltd	Trợ lý TGD																	
2000-2020	CTCP Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT																	
2001-nay	CTCP đầu tư thương mại Liên An	TGD																	
	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	Chủ tịch																	
2020-nay	CTCP Sợi Thế Kỷ	Chủ tịch HĐQT																	
	<p>Ông Đặng Triệu Hòa (56 tuổi) Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1991 - 1995</td> <td>Công ty TNHH TM-DV Việt Phú</td> <td>Giám Đốc</td> </tr> <tr> <td>1995 - 2000</td> <td>Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á</td> <td>Giám Đốc</td> </tr> <tr> <td>2000 - 3/2023</td> <td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ</td> <td>Chủ tịch HĐQT kiêm TGD</td> </tr> <tr> <td>03/2023 nay</td> <td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ</td> <td>Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>			Đơn vị công tác	Chức vụ	1991 - 1995	Công ty TNHH TM-DV Việt Phú	Giám Đốc	1995 - 2000	Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á	Giám Đốc	2000 - 3/2023	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	03/2023 nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD		
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
1991 - 1995	Công ty TNHH TM-DV Việt Phú	Giám Đốc																	
1995 - 2000	Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á	Giám Đốc																	
2000 - 3/2023	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD																	
03/2023 nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD																	
	<p>Ông Đặng Hướng Cường (49 tuổi) Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2004-nay</td> <td>CT TNHH P.A.N Châu Á</td> <td>Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>2005-nay</td> <td>CTCP Sợi Thế Kỷ</td> <td>Thành viên HĐQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>			Đơn vị công tác	Chức vụ	2004-nay	CT TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc	2005-nay	CTCP Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT								
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
2004-nay	CT TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc																	
2005-nay	CTCP Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT																	

	<p>Bà Cao Thị Quế Anh (59 tuổi) Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá thực phẩm. Quá trình công tác</p> <table border="1" data-bbox="539 347 1369 672"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1991-2003</td> <td>Cộng Hoà Ba Lan</td> <td>Kinh doanh tự do</td> </tr> <tr> <td>2003-2008</td> <td>Thành phố Hồ Chí Minh</td> <td>Kinh doanh tự do</td> </tr> <tr> <td>2008 - nay</td> <td>Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh</td> <td>TGD</td> </tr> <tr> <td>2009-2012</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế</td> <td>TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT</td> </tr> <tr> <td>2015-nay</td> <td>Công ty Sợi Thế Kỷ</td> <td>TV HĐQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	1991-2003	Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do	2003-2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do	2008 - nay	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGD	2009-2012	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT	2015-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
1991-2003	Cộng Hoà Ba Lan	Kinh doanh tự do																	
2003-2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do																	
2008 - nay	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Xanh	TGD																	
2009-2012	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế	TV Hội đồng đầu tư, TV HĐQT, CT HĐQT																	
2015-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT																	
	<p>Ông Võ Quang Long (47 tuổi) Trình độ văn hóa: Cao học Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh. Quá trình công tác</p> <table border="1" data-bbox="539 907 1369 1265"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2006-2009</td> <td>Công ty quản lý quỹ ACB</td> <td>Trưởng phòng đầu tư</td> </tr> <tr> <td>1/2010-9/2010</td> <td>HD Bank</td> <td>Trưởng phòng đầu tư</td> </tr> <tr> <td>10/2010-01/2018</td> <td>OCB</td> <td>Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư</td> </tr> <tr> <td>02/2018-nay</td> <td>CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt</td> <td>TGD</td> </tr> <tr> <td>2018-nay</td> <td>Công ty Sợi Thế Kỷ</td> <td>TV HĐQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	2006-2009	Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư	1/2010-9/2010	HD Bank	Trưởng phòng đầu tư	10/2010-01/2018	OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư	02/2018-nay	CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGD	2018-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
2006-2009	Công ty quản lý quỹ ACB	Trưởng phòng đầu tư																	
1/2010-9/2010	HD Bank	Trưởng phòng đầu tư																	
10/2010-01/2018	OCB	Phó GD Kinh doanh tiền tệ và đầu tư																	
02/2018-nay	CTCP tư vấn đầu tư Hướng Việt	TGD																	
2018-nay	Công ty Sợi Thế Kỷ	TV HĐQT																	
	<p>Ông Chen Che Jen (61 tuổi) Trình độ văn hóa: Đại học Trình độ chuyên môn: Công nghệ Quá trình công tác</p> <table border="1" data-bbox="539 1507 1369 1709"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1990-1997</td> <td>Formosa Taffeta Co., Ltd</td> <td>Kinh doanh</td> </tr> <tr> <td>1997-1999</td> <td>Formosa Taffeta HK</td> <td>Giám đốc</td> </tr> <tr> <td>2002-nay</td> <td>Formosa Taffeta VN</td> <td>Giám đốc Marketing</td> </tr> <tr> <td>2018-nay</td> <td>Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ</td> <td>Thành viên HĐQT</td> </tr> </tbody> </table> <p>Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023</p>		Đơn vị công tác	Chức vụ	1990-1997	Formosa Taffeta Co., Ltd	Kinh doanh	1997-1999	Formosa Taffeta HK	Giám đốc	2002-nay	Formosa Taffeta VN	Giám đốc Marketing	2018-nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT			
	Đơn vị công tác	Chức vụ																	
1990-1997	Formosa Taffeta Co., Ltd	Kinh doanh																	
1997-1999	Formosa Taffeta HK	Giám đốc																	
2002-nay	Formosa Taffeta VN	Giám đốc Marketing																	
2018-nay	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	Thành viên HĐQT																	



Ông Nguyễn Quốc Hương (54 tuổi)

Trình độ văn hóa: Cao học

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013-2014	Ngân hàng Eximbank	Tổng giám đốc
2014-2017	Ngân hàng Eximbank	Phó Tổng giám đốc
2018	Kinh doanh tự do	

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập

Thời gian bổ nhiệm: 30/03/2023

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ (nhiệm kỳ 2023-2028) gồm 07 thành viên, trong đó:

- 01 thành viên là thành viên HĐQT có điều hành;
- 06 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

7/7 thành viên HĐQT của STK đều đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên HĐQT năm 2024 (nhiệm kỳ 2023-2028)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cá nhân/Tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong HĐQT của các Công ty khác	Số lượng thành viên HĐQT tham gia (trừ STK)	Tên công ty tương ứng tham gia vào HĐQT (trừ STK)
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	13,985,340	14.47%	20,957,364	21.69%	Có	1	Công ty cổ phần TM & ĐT Liên An
2	Đặng Triệu Hòa	Phó CT.HĐQT	14,078,944	14.57%	20,863,760	21.59%	Không có	0	
3	Đặng Hương Cường	TV.HĐQT	6,878,420	7.12%	28,064,284	29.04%	Không có	0	
4	Cao Thị Quế Anh	TV.HĐQT	0	0.00%	686,268	0.71%	Có	1	Công ty CP Thực Phẩm Xanh
5	Võ Quang Long	TV.HĐQT	5	0.00%	19,509,877	20.19%	Có	5	Công ty CP Tư vấn đầu tư Hướng Việt Công ty CP Quốc Lộc Phát Công ty CP Gateway Thủ Thiêm Công ty CP Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh Công ty CP Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam
6	Chen Che Jen	TV.HĐQT độc lập	0	0.00%	0	0.00%	Không có	0	
7	Nguyễn Quốc Hương	TV.HĐQT độc lập	0	0.00%	0	0.00%	Không có	0	

8.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2024

8.4.1. Các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành 27 cuộc họp thông qua hình thức trực tiếp và gửi thư xin ý kiến để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 29 Nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm 2024.

Biên bản và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS.

Các cuộc họp của HĐQT đều có mời Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đặng Mỹ Linh	27/27	100%	
2	Ông Đặng Triệu Hòa	27/27	100%	
3	Ông Đặng Hướng Cường	26/27	96.3%	Bận lịch công tác
4	Bà Cao Thị Quế Anh	26/27	96.3%	Bận lịch công tác
5	Ông Võ Quang Long	27/27	100%	
6	Ông Chen Che Jen	27/27	100%	
7	Ông Nguyễn Quốc Hương	27/27	100%	

8.4.2. Các cuộc họp riêng của Thành viên HĐQT độc lập

Không có.

8.4.3. Các Nghị quyết của HĐQT

ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-2024/NQHĐQT	15/01/2024	Điều chỉnh một số nội dung trong Nghị quyết Hội đồng quản trị Số 23-2023/NQHĐQT ngày 09/11/2023	100%
2	02-2024/NQHĐQT	15/01/2024	Thông qua cho vay Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex	100%
3	03-2024/NQHĐQT	15/01/2024	Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
4	04-2024/NQHĐQT/TK	15/01/2024	Sửa đổi quy chế ESOP	100%
5	05-2024/NQHĐQT/TK	31/01/2024	Thông qua giá bán cổ phiếu quỹ của Công ty	100%
6	05A-2024/NQHĐQT	02/02/2024	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM 2024	100%
7	06-2024/NQHĐQT	05/02/2024	Thông qua ngày chốt quyền tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
8	07-2024/NQHĐQT/TK	06/03/2024	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ TN 2024	100%
9	07A-2024/NQHĐQT	15/03/2024	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng Phương Đông 2024	100%

10	08-2024/NQHĐQT/TK	19/03/2024	Thông qua việc xử lý cổ phiếu quỹ không phân phối hết theo chương trình ESOP	100%
11	09-2024/NQHĐQT/TK	30/03/2024	Thông qua kết quả sử dụng cổ phiếu quỹ để bán cho người lao động	100%
12	10-2024/NQHĐQT/TK	30/03/2024	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
13	11-2024/NQHĐQT/TK	30/03/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
14	12-2024/NQHĐQT	04/04/2024	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng Phương Đông (OCB) cho Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex 2024	100%
15	13-2024/NQHĐQT	20/05/2024	Thông qua việc sử dụng hạn mức tín dụng và cho phép chi nhánh Công ty CP Sợi Thế Kỷ được sử dụng hạn mức tín dụng của Công ty CP Sợi Thế Kỷ tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – chi nhánh Sài Gòn năm 2024	100%
16	14-2024/NQHĐQT	20/06/2024	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng Vietcombank 2024	100%
17	15-2024/NQHĐQT	08/07/2024	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho FY2024	100%
18	16-2024/NQHĐQT	09/08/2024	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – chi nhánh Sài Gòn 2024	100%
19	17-2024/NQHĐQT	12/08/2024	Thông qua việc triển khai phương án CBRL	100%
20	18-2024/NQHĐQT	12/08/2024	Thông qua tăng vốn điều lệ tại Unitex	100%
21	19-2024/NQHĐQT	13/08/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký CBRL	100%
22	21-2024/NQHĐQT	20/08/2024	Thông qua việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Unitex	100%
23	22-2024/NQHĐQT	26/09/2024	Bổ sung nội dung trong Nghị quyết Hội đồng quản trị Số 17-2024/NQHĐQT ngày 12/08/2024	100%
24	23-2024/NQHĐQT	26/09/2024	Thông qua tăng vốn điều lệ tại Unitex	100%
25	24-2024/NQHĐQT	27/09/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký CBRL	100%
26	25-2024/NQHĐQT	23/12/2024	Thông qua giao dịch với bên liên quan – Unitex.	100%

27	26-2024/NQHĐQT	23/12/2024	Thông qua việc trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024.	100%
28	27-2024/NQHĐQT	26/12/2024	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức FY2023.	100%
29	28-2024/NQHĐQT	27/12/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức FY2023.	100%

8.4.4. Tình hình triển khai các nghị quyết ĐHCĐ

Hình thức họp: Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngày họp: 28/03/2024

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHCĐ 2023	Kết quả thực hiện
1	Thông qua Phương án chia cổ tức 2023: Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15%/cổ phiếu đang lưu hành.	Chưa thực hiện chi trả cổ tức cho năm tài chính 2023. Lý do: Kế hoạch chi trả cổ tức FY2023 chưa thực hiện được do kế hoạch chào bán riêng lẻ của Công ty chưa triển khai được theo dự kiến. Theo trình tự các phương án đã được ĐHCĐ 2024 thông qua thì Công ty phải hoàn thành chào bán riêng lẻ xong thì mới thực hiện chi trả cổ tức cho FY2023. Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức cho FY2023 và FY2024 trong năm 2025 sau khi đã hoàn thành đợt phát hành riêng lẻ.
2	Thông qua dự báo kết quả kinh doanh năm 2024. - Doanh thu: 2,703.5 tỷ đồng. - Lợi nhuận sau thuế: 300.6 tỷ đồng.	Kết quả thực hiện năm 2024:/ - Doanh thu: 1,210 tỷ đồng (đạt 44.8% kế hoạch) - Lợi nhuận sau thuế: 12.4 tỷ đồng (đạt 4.1% kế hoạch).
3	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2024.	Đã lựa chọn Công ty kiểm toán E&Y Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2024.
4	Thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023.	Chưa thực hiện (xem mục 1 của bảng này)
	Thông qua thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024. - Tổng thù lao cho HĐQT năm 2024 là: 1.2 tỷ đồng. - Tổng thù lao cho BKS năm 2024 là: 180 triệu đồng.	Đã thực hiện chi trả ngày 31/12/2024.

Tiến độ thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 - 2023

STT	Nội dung thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022	Kết quả thực hiện
1.	Thông qua Phương án sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động.	Trong năm 2024, Công ty đã thành công sử dụng nguồn cổ phiếu quỹ để phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động (1,041,650 cổ phiếu) và được UBCKNN chấp thuận kết quả phát hành.
2.	Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ.	Trong năm 2024 và đầu năm 2025, Công ty đã soạn Công văn phản hồi UBCKNN về bộ hồ sơ CBRL đề nộp cho UBCK với 2 điểm sửa đổi chính: Giá phát hành và mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành. Công ty sẽ thực hiện phương án phát hành riêng lẻ khi được UBCK chấp thuận hồ sơ.
3.	Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ.	Trong năm 2024, Công ty đã bán thành công 1,041,650 cổ phiếu quỹ cho nhân viên vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 và bán 1,500,000 cổ phiếu quỹ ra công chúng vào ngày 5 tháng 6 năm 2024 và đã được UBCKNN chấp thuận kết quả bán cổ phiếu quỹ.

8.4.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty:

Có 4/7 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2023-2028), 2/3 thành viên Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2023-2028) đã được cấp chứng chỉ về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước công nhận. Công ty luôn tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên, do thời gian các khóa đào tạo thường trùng với lịch công tác của Ban Quản trị nên các thành viên không tham gia khóa học được. Bên cạnh đó, STK có 01 thành viên HĐQT là người nước ngoài, do khóa học không hỗ trợ ngôn ngữ thứ hai cho nên cũng ảnh hưởng đến việc hoàn thành chứng chỉ Quản trị Công ty theo quy định.

Danh sách thành viên HĐQT, BKS đã được đào tạo về quản trị Công ty:

1. Đặng Mỹ Linh – Chủ tịch HĐQT
2. Đặng Triệu Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Đặng Hướng Cường – Thành viên HĐQT
4. Cao Thị Quế Anh - Thành viên HĐQT
5. Nguyễn Tự Lực – Trưởng BKS
6. Đinh Ngọc Hoa – Thành viên BKS

8.4.6. Các tiểu ban HĐQT

Công ty chưa thành lập các tiểu ban HĐQT nên không có hoạt động của các tiểu ban HĐQT.

8.4.7. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT đóng vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban điều hành một cách khách quan, đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan; gia tăng tính công bằng, hiệu quả chức năng đưa ra định hướng chiến lược, quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản xuất.

Các TVHĐQT không điều hành đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, tài chính và quản trị.

Các thành viên luôn tích cực tham gia góp ý cho việc xây dựng chiến lược kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Ông Chen Che Jen có kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh sợi, ông thường xuyên theo dõi các chỉ tiêu chất lượng để đưa ra những giải pháp, kinh nghiệm quản trị rủi ro xảy ra trong hoạt động sản xuất.
- Ông Nguyễn Quốc Hương có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ông luôn giám sát tình hình luân chuyển vốn lưu động, tình hình nợ vay và các chính sách phân phối lợi nhuận của Công ty.

Dưới đây là đánh giá của các TVHĐQT độc lập về các hoạt động của HĐQT:

Các buổi họp của HĐQT

- Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể và theo đúng các qui định về tổ chức cuộc họp.
- Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý... đều được thảo luận/trao đổi thường xuyên giữa HĐQT và Ban Điều Hành.
- Các dự án đầu tư mới đều được nghiên cứu, thảo luận và phản biện trong các cuộc họp HĐQT và Ban Điều Hành.

- Các giao dịch với bên có liên quan đều được HĐQT xem xét kỹ lưỡng và thông qua trước khi thực hiện.

Vai trò giám sát ban điều hành của HĐQT

- HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Điều Hành, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát để đi đúng hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời khi thực tiễn yêu cầu.
- HĐQT thường xuyên theo dõi và định hướng tiến trình điều hành của TGD và Ban Điều Hành, đảm bảo tuân thủ các quyết định về phân

quyền và các chính sách, kế hoạch của HĐQT, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật.

- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản lý rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban Điều Hành nhận diện sớm vấn đề, giúp Công ty duy trì tính bền vững và ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

- Các công việc của HĐQT đã thực hiện năm 2024 theo đúng nghị quyết ĐHCĐ và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các chuẩn mực về quản trị Công ty.
- Tất cả các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm và có tính chuyên nghiệp cao và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò bảo vệ lợi ích của Công ty
- Các thành viên HĐQT đã đề xuất, tham mưu về việc nâng cao năng lực quản trị Công ty, các chính sách quản lý và các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã định hướng nhiều giải pháp hiệu quả giúp Ban Điều Hành vượt qua một số thách thức trong quá trình vận hành Công ty.
- HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc xem xét, phê chuẩn và giám sát việc triển khai các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh (kết quả hoạt động và tài chính)
- HĐQT hoạt động hiệu quả trong việc đánh giá các cán bộ quản lý cấp cao.
- HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng môi trường quản trị doanh nghiệp đảm bảo việc CBTT kịp thời và hiệu quả, trách nhiệm giải trình đối với hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, các tiêu chuẩn đạo đức ở mức độ cao và tuân thủ các qui định hiện hành.
- HĐQT đã hiệu quả trong việc xây dựng cơ cấu quản trị doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho HĐQT hoàn thành các nghĩa vụ.
- HĐQT đã hiệu quả trong việc chất vấn, tư vấn và hỗ trợ các cán bộ quản lý cao cấp của Công ty.
- STK có thực hiện phân tích trọng yếu để xác định các vấn đề ESG quan trọng nhất.
- Các bên liên quan, như khách hàng hoặc nhà đầu tư được tham gia vào quá trình xây dựng chiến lược PTBV.
- STK có thiết lập rõ ràng các mục tiêu PTBV dài hạn gắn với tầm nhìn chiến lược của công ty.
- Công ty có áp dụng hệ thống KPIs cụ thể để đo lường tiến độ thực hiện các mục tiêu PTBV.
- Các phòng ban và nhân viên tại STK được đào tạo để hiểu rõ vai trò của họ trong việc thực hiện chiến lược PTBV.
- Công ty có hợp tác với các tổ chức tư vấn hoặc chuyên gia bên ngoài để triển khai các sáng kiến phát triển bền vững (ENERTEAM, WWF).
- STK có thực hiện đánh giá hiệu quả chiến lược PTBV định kỳ hàng năm.
- Công ty có tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan để cải thiện chiến lược PTBV và báo cáo PTBV.
- STK có áp dụng các biện pháp khắc phục nếu phát hiện lỗ hổng hoặc thất bại trong quá trình thực hiện chiến lược PTBV.

8.4.8. Đánh giá hoạt động của HĐQT

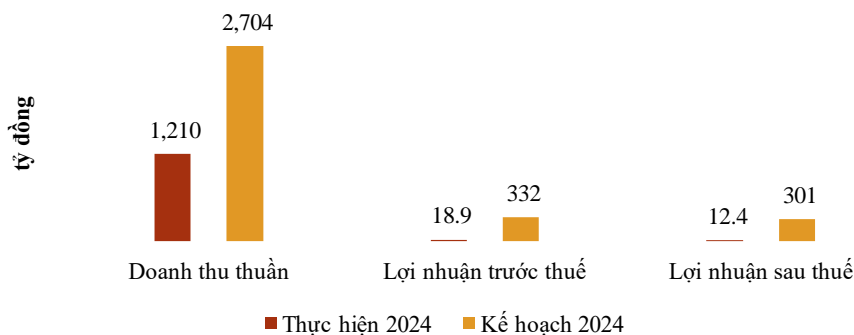
Định hướng chiến lược – kiểm soát/Leading – Supervising

- HĐQT đã xem xét kế hoạch kinh doanh mà Ban điều hành đệ trình và định hướng để Công ty đạt được kế hoạch đã đặt ra.
- Dựa trên bối cảnh kinh doanh và các cuộc họp HĐQT hàng quý, HĐQT cũng chỉ đạo và đưa ra kiến nghị và giải pháp để Ban điều hành xem xét và điều chỉnh phương án kinh doanh, tiết giảm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.
- HĐQT đã chỉ đạo việc đầu tư góp vốn, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và vốn chủ sở hữu, đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty.
- HĐQT cũng cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn về môi trường kinh doanh, yếu tố kinh tế vĩ mô để Ban điều hành có cái nhìn sâu rộng, tăng cường tăng phòng vệ, có thời gian và cơ hội để cải thiện yếu tố bất lợi từ thị trường, đối thủ cạnh tranh.
- Cơ cấu của HĐQT đảm bảo tuân thủ qui định khi có 2/7 thành viên HĐQT độc lập.
- Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã tích cực tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành và đưa ra những góp ý thiết thực cho Ban điều hành và HĐQT trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh, triển khai các kế hoạch kinh doanh và nâng cao chất lượng của hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- Các thành viên HĐQT đã được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời để có thể đưa ra những đánh giá phân tích đúng đắn về tình hình doanh nghiệp và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu trữ theo đúng quy định

8.4.9. Đánh giá của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban điều hành

Đánh giá tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty

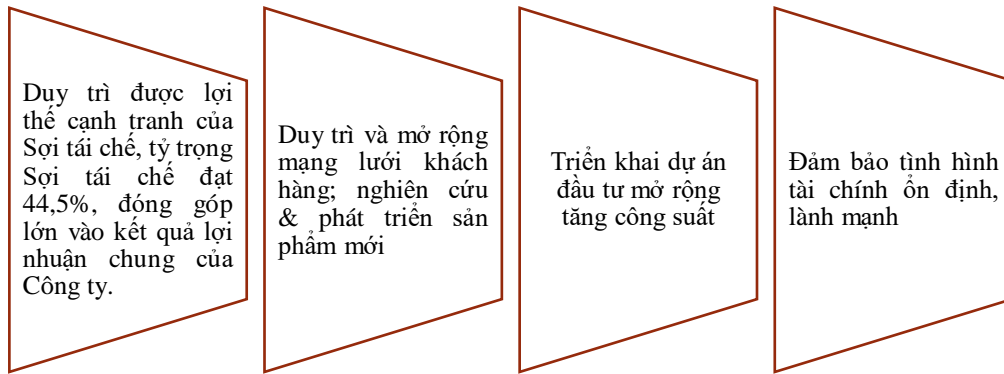
Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2024



Công ty không duy trì được đà tăng trưởng trong năm 2024, cụ thể Doanh thu giảm 15.1% so với cùng kỳ 2023, lợi nhuận trước thuế giảm 79.2% và lợi nhuận sau thuế giảm 85.9% so với năm 2023.

Do điều kiện kinh doanh không thuận lợi cũng như tình hình nhu cầu dẹt máy sput giảm trên thế giới, Công ty cũng không đạt được kế hoạch đặt ra cho năm 2024, cụ thể Doanh thu thuần đạt 44.8% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 5.7% và lợi nhuận sau thuế đạt 4.1% so với kế hoạch.

Tuy nhiên, Công ty cũng đạt được 1 số thành tựu nhất định trong năm 2024:



Bên cạnh đó, Công ty cần phải tập trung nguồn lực để quản lý tốt chất lượng sản xuất và đạt mục tiêu kết quả kinh doanh để duy trì niềm tin với cổ đông, đối tác...; phân bổ nguồn vốn đầu tư hợp lý để đảm bảo khả năng thanh toán, tình hình tài chính ổn định cho Công ty.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

✓ **Phương thức giám sát**

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban điều hành thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp thông qua thư điện tử, về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã thảo luận và phê chuẩn các Nghị quyết của Hội đồng quản trị dựa trên đề xuất của Ban điều hành.

Ban điều hành có trách nhiệm giải thích chi tiết về kết quả kinh doanh quý và năm, dự báo kết quả kinh doanh của quý hoặc năm tiếp theo.

✓ **Kết quả thực hiện**

Ban điều hành đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của và HĐQT.

HĐQT đã đưa ra các giải pháp cải tiến hoạt động, quản trị rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành, từ đó đạt được những thành tựu nhất định trong năm 2024.

Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2024 chưa đạt mục tiêu đã đề ra.

Ban điều hành cần phải nỗ lực hơn trong năm 2025 trước bối cảnh kinh doanh còn nhiều thách thức. Ban điều hành phải đưa ra chiến lược cụ

thể cho hoạt động kinh doanh, tiếp tục phát triển và ổn định thị trường, nâng cao tỉ trọng đóng góp của sợi tái chế, phát triển sản phẩm mới, cân đối tình hình tài chính của Công ty.

Các giám đốc chuyên trách cần phải thực hiện tốt chức năng của mình để hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành và giám sát các hoạt động của các phòng ban, phát hiện những điểm cần cải tiến để ngăn ngừa rủi ro xuất phát từ nội bộ Công ty, từ đó tăng cường nội lực để ứng phó với các rủi ro từ bên ngoài.

8.4.10. Đánh giá của HĐQT về tình hình thực hiện mục tiêu môi trường-lao động-xã hội

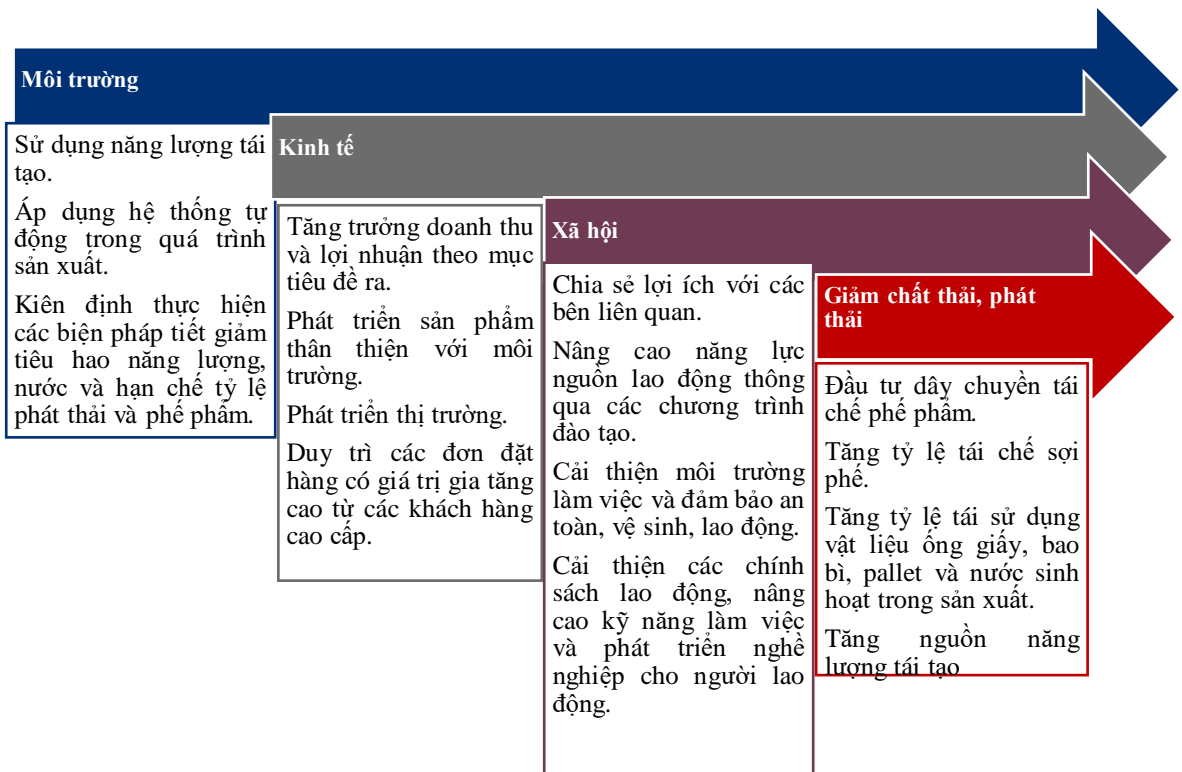
HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác, HĐQT sẽ có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đảm bảo rằng các mục tiêu PTBV đặt ra được triển khai và thực hiện tại doanh nghiệp.

Thông qua việc mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI), Ban điều hành có thể đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng ban theo mục tiêu chung của Công ty.

Định kỳ hàng quý, HĐQT sẽ tiến hành họp để nghe Ban điều hành Công ty báo cáo và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK. Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban điều hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp. Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.

HĐQT giao Ban điều hành và bộ phận Quan hệ cổ đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.

8.4.10.1. Chiến lược PTBV

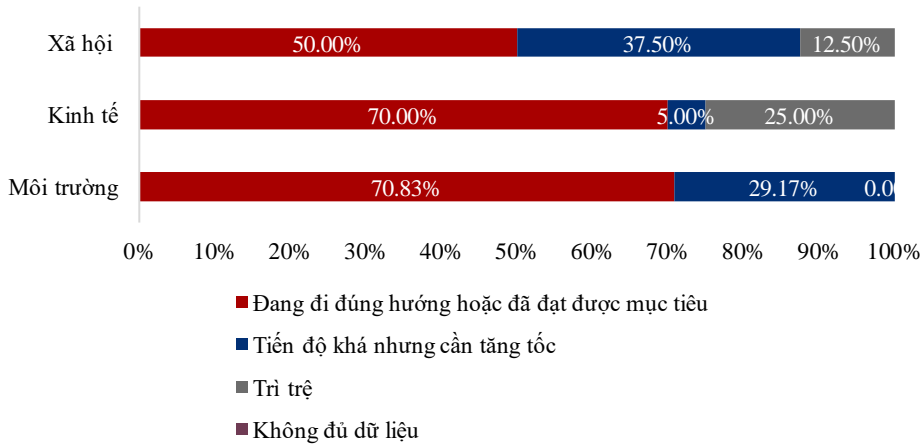


Chiến lược phát triển bền vững của Sợi Thê Ký bao gồm:

- Tập trung vào các sản phẩm thân thiện môi trường: sợi tái chế (Recycle)
- Đầu tư vào công nghệ hiện đại nhằm tiết kiệm điện, giảm phế phẩm, tái chế nguyên liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.
- Đầu tư các nền tảng công nghệ AI phục vụ quản lý, điều hành công việc: Smart Factory tại Trảng Bàng 3, ứng dụng AI để giám sát lỗi sản xuất, giảm hàng lỗi và tiết kiệm nguyên liệu.
- Phát triển bền vững thông qua chế độ đãi ngộ tốt, môi trường làm việc an toàn, minh bạch, tạo cơ hội phát triển cho người lao động.

8.4.10.2. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững

Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK



STK đã chọn năm cơ sở là năm 2021 khi có đầy đủ dữ liệu về kế hoạch thực hiện và thực tế thực hiện các tiêu chí về kinh tế, môi trường và xã hội mà Công ty đã đặt ra. Các chỉ tiêu cụ thể cho từng tiêu chí như sau:

Năm	Mục tiêu	Chỉ tiêu	KPIs	Thực hiện
Năm 2024	Kinh tế	Doanh thu (tỷ VND)	2,703	1,210
		Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	300	12.4
		Mức tăng lương bình quân tối thiểu	-0.60%	9.9%
		Chi trả cổ tức cho cổ đông 15% bằng cổ phiếu	15%	-
		Thưởng cuối năm cho NLD (số tháng lương)	1	1
	Môi trường	Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY	3.00	3.00
		Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng	2%	2.43%
		Nước sử dụng m3/kg sợi	0.00213	0.003415
		Lượng điện năng tiêu thụ/kg sợi (kwh)	1.470	1.988
		Tăng/giảm hệ số phát thải carbon footprint của điện năng	67,116	52,442
		Tỷ lệ sợi recycle	53.3%	44.50%
	Xã hội	Tỷ lệ biến động nhân sự	25.00%	40.99%
		Tỷ lệ tuyển dụng bất thành	20.00%	25.01%
		Đáp ứng nhu cầu nhân sự	95.00%	65.92%
Quản lý ngân sách lương		97.00%	99.02%	
Năm 2021	Kinh tế	Doanh thu (tỷ VND)	2,357	2,042
		Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	248.2	278.4

	Mức tăng lương bình quân tối thiểu	5%	5%
	Chi trả cổ tức cho cổ đông 15% mệnh giá	15%	15%
	Thưởng cuối năm cho NLĐ (số tháng lương)	1	1
Môi trường	Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY	3.7	3.6
	Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng	2.00%	2.00%
	Nước sử dụng m ³ /kg sợi	0.0022	0.0025
	Lượng điện năng tiêu thụ/kg sợi (kwh)	1.49	1.65
	Tăng/giảm hệ số phát thải carbon footprint của điện năng	48,246	44,263
	Tỷ lệ sợi recycle	50%	50%
	Xã hội	Tỷ lệ biến động nhân sự	25.00%
Tỷ lệ tuyển dụng bất thành		20.00%	25.80%
Đáp ứng nhu cầu nhân sự		95.00%	82.60%
Quản lý ngân sách lương		97.00%	95.00%

8.4.10.3. Mục tiêu PTBV ngắn, trung và dài hạn

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG - DÀI HẠN 2026-2028	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2025
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Công ty thực hiện mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex, Liên minh sợi-dệt-may) nhằm đạt lợi thế về qui mô. Đưa vào hoạt động giai đoạn 2 (24,000 tấn/năm) nhà máy Unitex. ✓ Thực hiện dự án năng lượng mặt trời cho nhà máy Unitex (rooftop solar và DPPA). ✓ Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu. ✓ Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu. ✓ Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 44.5% năm 2024 lên 60%-70% vào năm 2026-2027 trên các nhà máy hiện hữu. ✓ Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy và tăng nguồn năng lượng tái tạo. ✓ Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất, đạt chất lượng cao và giảm phế phẩm. ✓ Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói. ✓ Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng. Dự kiến tiết kiệm 3-5% lượng điện tiêu thụ mỗi năm. ✓ Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment (LCA)). 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Đã đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (36,000 tấn/năm) vào chạy thử nghiệm nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất, dự kiến sẽ vận hành chính thức vào Q2.2025. ✓ Nâng cao công suất hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi thông qua việc ký kết hợp đồng DPPA với đơn vị chiến lược cho nhà máy Trảng Bàng. ✓ Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm. ✓ Tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2025 là 60.8% trên tổng doanh thu của cả ba nhà máy Trảng Bàng, Củ Chi và Unitex. ✓ Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA, sợi FDY 08 Mountain Flat Yarn. ✓ Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường. ✓ Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng. ✓ Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

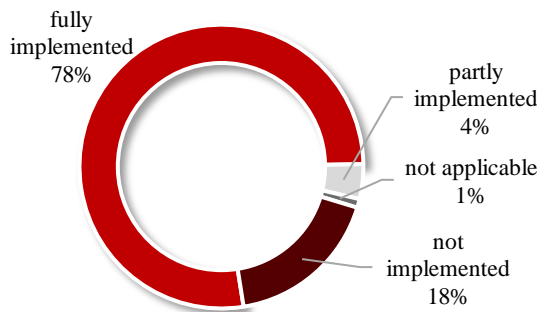
8.4.11. Các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra năm 2025

Duy trì tỉ trọng đóng góp của sợi tái chế cao (44.5%) trong tổng doanh thu	Đạt được mục tiêu đề ra trong kế hoạch kinh doanh năm 2025
Thành công đưa nhà máy Unitex đi vào hoạt động thương mại và vận hành trơn tru	Tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và phát triển sản phẩm mới để thu hút nhiều đơn đặt hàng hơn và khách hàng

8.4.12. Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty năm 2024

Đánh giá theo Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN

Dựa theo chuẩn mực quản trị Công ty của khu vực ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecards), Sợi Thế Kỷ đã thực hiện tốt 114/149 tiêu chí trong Thẻ điểm Quản trị Công ty.



Tiêu chí được thực hiện đầy đủ tại STK:

- (1) Đảm bảo các quyền cơ bản của cổ đông;
- (2) Đảm bảo đối xử công bằng với cổ đông;
- (3) Bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan;
- (4) Đảm bảo công bố thông tin minh bạch;
- (5) Đảm bảo thực hiện trách nhiệm của HĐQT;

Tiêu chí cần cải thiện:

- (6) Cơ cấu HĐQT: chưa thành lập tiểu ban trực thuộc HĐQT

Tình hình thực hiện quản trị Công ty theo pháp luật

Quy định	Lý do chưa thực hiện theo quy định	Hướng khắc phục
Công ty có Tổng giám đốc là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, chưa đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.	Công ty chưa tìm được nhân sự có đủ năng lực và chuyên môn để đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.	Công ty sẽ tiếp tục tìm nhân sự có chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm vị trí này.

8.5. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2025

Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của TGD và Ban điều hành nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong năm 2025.

Song hành với TGD và Ban điều hành trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho STK.

Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.

Giám sát tình hình quản lý chi phí, hiệu quả hoạt động của Ban điều hành.

Lồng ghép các yếu tố PTBV vào trong quản trị Công ty.

Lịch họp dự kiến của HĐQT trong năm 2025

STT	Lịch họp dự kiến	Ngày dự kiến tổ chức
1	Quý 1	25/04/2025
2	Quý 2	25/07/2025
3	Quý 3	24/10/2025
4	Quý 4	27/02/2026

8.6. Kế hoạch nâng cao chất lượng quản trị Công ty năm 2025

Nâng cao năng lực quản trị Công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

Thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT nhằm hoàn thiện chức năng Kiểm toán nội bộ, tăng cường quản trị rủi ro trong bối cảnh điều kiện kinh doanh không thuận lợi.

Xem thêm Mục tình hình đầu tư dự án, trang 105 Báo cáo thường niên năm 2024.

9. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

9.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 (bắt đầu từ ngày 30/03/2023)

	Ông Nguyễn Tự Lực	
	<i>Trưởng Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1952
	Trình độ học vấn	Cử nhân Kế toán
	Quá trình làm việc	2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát tại STK. 2006 - 2021: Trợ lý Tổng Giám đốc tại STK. 2000 - 2006: Kế toán trưởng tại STK. 1984 - 2000: Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á. 1979 - 1984: Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn.
	Bà Hà Kiệt Trân	
	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1986
	Trình độ học vấn	Thạc sĩ
	Quá trình làm việc	2013 – 2015: Chuyên viên Phòng Đầu Tư – Công ty CP Chứng Khoán Đông Á. 2015 – 2017: Trưởng Bộ phận IB Khối Kinh doanh tiền tệ và Đầu tư – Ngân hàng TMCP Phương Đông. 2018 – nay: Trưởng Bộ phận Đầu Tư – Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt.
	Bà Đinh Ngọc Hoa	
	<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>	
	Năm sinh	1979
	Trình độ học vấn	Cử nhân ngành Kinh doanh tiền tệ.
	Quá trình làm việc	2005 - 2024: Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ tại STK. 2002 - 2004: Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp.

Tỷ lệ sở hữu của các thành viên BKS năm 2024 (nhiệm kỳ 2023-2028)

STT	Họ và tên	Chức danh	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ (%)	Chức danh kiêm nhiệm trong BKS của các Công ty khác	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	0	0.00%	Không có	0.00%
2	Hà Kiệt Trân	Thành viên BKS	0	0.00%	Không có	0.00%
3	Đinh Ngọc Hoa	Thành viên BKS	15,009	0.00%	Không có	0.016%

9.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2024 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, trong năm BKS đã họp 4 lần, cụ thể như sau:

- ✓ Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- ✓ Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ
 - ✓ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty
 - ✓ Đánh giá về sự phối hợp của HĐQT với Ban Điều Hành.
 - ✓ Đánh giá về tình hình đầu tư của Công ty, các dự án đã và đang thực hiện theo NQ HĐQT.
- Từ đó đưa ra kiến nghị đối với HĐQT trong các năm tiếp theo.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Kết quả
1	Đánh giá tình hình hoạt động cả năm 2023 và thảo luận kế hoạch năm 2024	28/02/2024	Thông nhất 100%
2	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 1 năm 2024	24/05/2024	Thông nhất 100%
3	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 2 và 6 tháng năm 2024	02/08/2024	Thông nhất 100%
4	Thảo luận, đánh giá tình hình hoạt động Quý 3 và 9 tháng 2024	25/10/2024	Thông nhất 100%

9.3. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

9.3.1. Đánh giá của BKS về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024

- Các phiên họp Hội đồng quản trị có mời trưởng ban Ban kiểm soát tham dự đầy đủ.
- Nhìn chung, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ Công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2023	Thời gian thực hiện
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15%	Công ty đã nộp hồ sơ xin trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tuy nhiên, UBCKNN chưa chấp thuận với lý do Công ty phải hoàn thành đợt phát hành riêng lẻ trước khi tiến hành phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm tài chính 2023 theo trình tự các đợt phát hành đã được ĐHĐCĐ 2024 thông qua. Công ty dự định sẽ tiến hành chia cổ tức của năm tài chính 2023 vào năm 2025, sau khi đã hoàn thành đợt phát hành riêng lẻ.

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2024	So sánh với thực hiện năm 2023	So sánh với kế hoạch năm 2024
Doanh thu thuần	1,210.3	-15.1%	44.8%
Lợi nhuận trước thuế	18.9	-79.2%	5.7%
Lợi nhuận sau thuế	12.4	-85.9%	4.1%

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	2024	2023	So sánh
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0.76	1.49	(0.73)
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.29	0.83	(0.54)
Cơ cấu vốn				

Hệ số tổng nợ/Vốn CSH	Lần	1.23	0.83	0.41
Hệ số tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0.55	0.45	0.10
Hệ số nợ vay/Vốn CSH	Lần	0.97	0.63	0.34
Hệ số nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0.43	0.34	0.09
Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Lần	1.70	2.28	(0.58)
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0.36	0.55	(0.19)
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận từ HĐKD trên doanh thu thuần	%	2.1%	6.2%	(4.1%)
Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	1.0%	6.2%	(5.1%)
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	0.3%	3.0%	(2.6%)
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0.7%	5.4%	(4.7%)

Công bố thông tin

Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định về việc công bố thông tin của Công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

9.3.2. Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT

BKS đã tham gia các phiên họp của HĐQT với vai trò quan sát viên để nắm tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến tại cuộc họp trong trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS đã theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đảm bảo công khai, minh bạch.

BKS đã định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tính tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, tính hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của Công ty.

Trong năm 2024, BKS tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro, thông qua việc rà soát lại quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành, tiến tới đề nghị bổ sung các quy trình, quy chế còn thiếu đảm bảo, để STK hoạt động an toàn và phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn.

Tiến hành các cuộc họp (trực tiếp và bằng văn bản) để thống nhất thông qua về kết quả kinh doanh, các chiến lược và mục tiêu phát triển theo từng quý, bán niên, cả năm của Công ty.

9.3.3. Kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Ban điều hành

Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của nhà nước trong điều hành sản xuất, cụ thể:

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của STK theo kế hoạch kinh doanh đã được thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2024.
- Tuân thủ quy định pháp luật về góp vốn, xây dựng, đầu tư, đăng ký kinh doanh.
- Triển khai các cuộc họp thống nhất chiến lược hành động mục tiêu kinh doanh, giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quản lý và hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro đến từ nội tại Công ty và môi trường bên ngoài.

Dựa trên kết quả kinh doanh năm 2024, BKS đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của mình trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được mục tiêu lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên mục tiêu về doanh thu thuần vẫn chưa đạt.

9.3.4. Giám sát tình hình tài chính của Công ty

- Công ty đã lập Báo cáo tài chính Quý (04 Báo cáo/năm) và công bố theo quy định của pháp luật và nghĩa vụ CBTT của Công ty niêm yết.

- Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất và Báo cáo tài chính năm hợp nhất của CTCP Sợi Thế Kỷ đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại 31/12/2024, phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Số liệu kế toán được công bố không có sự thay đổi đột ngột khi so sánh số liệu không kiểm toán hàng quý và số liệu đã soát xét, kiểm toán bởi EY Việt Nam.

9.3.5. Đánh giá của BKS về sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm 2024

- Sự am hiểu kinh doanh, tầm nhìn chiến lược của HĐQT:
Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong lãnh vực sản xuất sợi, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy Hội đồng quản trị có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo Công ty.
Nhìn chung, Hội đồng quản trị của Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị theo điều lệ Công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có trình độ và kinh nghiệm thời gian làm việc tại các tổ chức khác nhau. Do đó, các thành viên đều thành thạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm soát đã lên kế hoạch cho năm thứ nhất của nhiệm kỳ 2023-2028 và phân công công việc cho mỗi thành viên thực hiện báo cáo BKS trình bày tại Đại hội cổ đông thường niên.

9.3.6. Kết quả giải quyết khiếu nại của Cổ đông đối với Công ty (nếu có)

Trong năm 2024, BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại hay yêu cầu nào cần phải thẩm định hay kiểm tra bất thường trong hoạt động của Công ty.

9.3.7. Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2025

Kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS: tiếp tục thực hiện theo chiến lược định hướng chung của Công ty.

Kiến nghị: Trên cơ sở do STK đang được điều hành phù hợp theo các quy định hiện hành. BKS nhận thấy chưa có các phát sinh bất cập trong quá trình giám sát của mình, và BKS không có ý kiến hay kiến nghị gì.

10. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

10.1. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Các Thành Viên HĐQT, Thành Viên BKS, Tổng Giám Đốc Điều Hành và cán bộ quản lý khác (“Người Quản Lý”) của Công ty tuân thủ các qui định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Cụ thể như sau:

1. Người Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người Quản Lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người Quản Lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Người Quản Lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi

ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị

tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

10.2. Giao dịch trọng yếu của STK với các bên liên quan

- Giao dịch cho vay nội bộ giữa Công ty và Công ty con của Công ty (Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX) đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 02-2024/NQHĐQT ngày 15/01/2024.
- Giao dịch mua bán giữa Công ty và Unitex đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 25-2024/NQHĐQT ngày 23/12/2024.

STT	Tên tổ chức	Giấy CNKD/Ngày cấp	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung	Tổng giá trị đã giao dịch trong thời kỳ (VND)	Số dư cuối kỳ
1	Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	3901206611 cấp ngày 29/06/2015	Công ty con	2024	Cho vay mượn	VND 585,397,796,750	VND 522,423,356,965
2	Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	3901206611 cấp ngày 29/06/2015	Công ty con	2024	Thu hồi cho vay mượn	VND (241,785,089,392)	VND 0
3	Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	3901206611 cấp ngày 29/06/2015	Công ty con	2024	Lãi cho vay	VND 9,051,492,375	VND 11,328,126,471

4	Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	3901206611 cấp ngày 29/06/2015	Công ty con	2024	Bán hàng	VND 38,298,187,366	VND 7,763,279,208
5	Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm UNITEX	3901206611 cấp ngày 29/06/2015	Công ty con	2024	Mua hàng	VND (31,898,383,180)	VND (17,747,869,669)

STK đứng ra bảo lãnh cho Unitex vay dài hạn từ Ngân hàng

	31 tháng 12 năm 202	31 tháng 12 năm 2023
Vay ngân hàn	1,144,963,577,649	577,696,361,334
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả	352,499,748,891	168,560,000,000
Nợ dài hạn	792,463,828,758	409,136,361,334

Chi tiết như sau:

Ngân hàng	31 tháng 12 năm		Kỳ hạn trả gốc
	2024	Giá trị gốc	
	VND	USD	
Ngân hàng TNHH CTBC (*)	1,144,963,577,649	45,343,296,41	Từ ngày 30 tháng 03 năm 2025 đến 17 tháng 01 năm 2028
Trong đó:			
Vay dài hạn đến hạn trả	352,499,748,891	13,959,833.22	
Vay dài hạn	792,463,828,758	31,383,463.18	

(*) Ngân hàng TNHH CTBC là ngân hàng đại lý cho khoản vay hợp vốn của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank, Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Thương mại Entie và Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun.

10.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2024

Vui lòng xem mục “7.4. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết năm 2024”, trang 114 Báo cáo thường niên năm 2024.

10.4. Giao dịch với đối tượng khác

Không có.

10.5. Lương, thưởng và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành**10.5.1. Lương, thưởng và thù lao của HĐQT**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao được nhận (trước thuế)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	150,000,000	01/01/2024-31/12/2024
2	Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	1,492,450,300	01/01/2023-31/12/2023
3	Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT không điều hành	150,000,000	01/01/2024-31/12/2024
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT không điều hành	150,000,000	01/01/2024-31/12/2024
5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT không điều hành	150,000,000	01/01/2024-31/12/2024
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225,000,000	01/01/2024-31/12/2024
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	225,000,000	01/01/2024-31/12/2024
Tổng cộng (VND)			2,542,450,300	

10.5.2. Lương, thưởng và thù lao của BKS

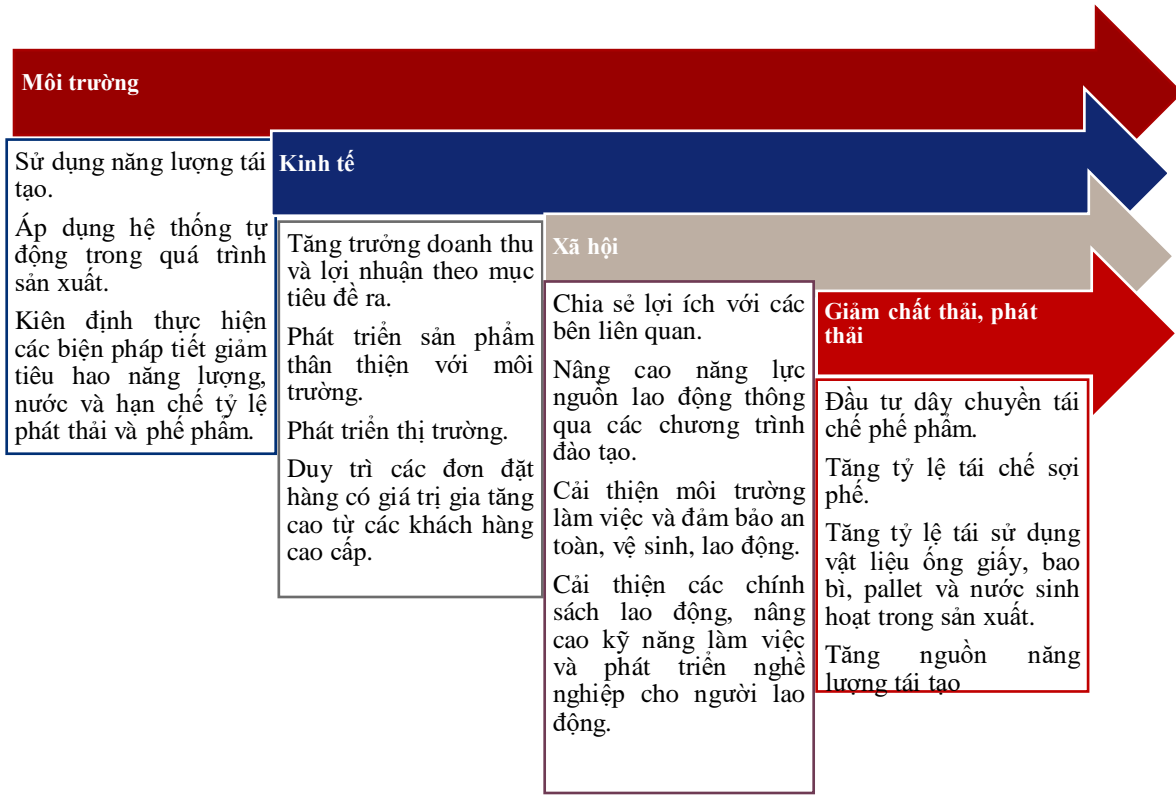
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao được nhận (trước thuế)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	60,000,000	01/01/2024-31/12/2024
2	Hà Kiệt Trần	Thành viên BKS	60,000,000	01/01/2024-31/12/2024
3	Đình Ngọc Hoa	Thành viên BKS	198,714,294	01/01/2024-31/12/2024
Tổng cộng (VND)			318,714,294	

10.5.3. Lương, thưởng và thù lao của Ban Điều Hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao được nhận (trước thuế)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm
1	Đặng Triệu Hòa	TGD	1,492,450,300	01/01/2024-31/12/2024
2	Nguyễn Phương Chi	GD chiến lược	1,472,785,551	01/01/2024-31/12/2024
3	Phan Như Bích	GD tài chính	936,636,843	01/01/2024-31/12/2024
Tổng cộng (VND)			3,901,872,694	

11. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

11.1. Chiến lược phát triển bền vững



Trọng tâm chiến lược phát triển bền vững của Sợi Thế Kỳ là lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường và có tính khả thi cao về mặt kinh tế.

Sản phẩm sợi Recycle là một trong các sản phẩm chủ đạo giúp Công ty có thể phát triển xa hơn trên con đường PTBV của mình với giá trị kinh tế mang lại cao, tái chế chai nhựa góp phần bảo vệ môi trường (sử dụng hạt nhựa tái chế trong quá trình sản xuất giúp giảm khoảng 79%⁷ carbon footprint so với sử dụng hạt nhựa nguyên sinh).

Công ty cũng đang phát triển thêm sản phẩm sợi màu (dope dye) giúp khách hàng tiết giảm tiêu hao nước, nước thải, sản phẩm sợi màu sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng

là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã nghiên cứu và thêm các tính năng đặc biệt cho sản phẩm sợi tái chế (như hút ẩm, co giãn cao, v.v) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sợi tái chế.

Bên cạnh danh mục sản phẩm thân thiện môi trường, Công ty cũng chú trọng chiến lược đầu tư máy móc sử dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu thụ năng lượng điện (e-saving technology), giảm phế phẩm cũng như khuyến khích việc cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, điện, nước, tăng tỷ lệ tái sử

⁷ Theo số liệu từ các nhà cung cấp hạt nhựa của STK, hệ số phát thải của hạt nhựa tái chế và hạt nhựa

nguyên sinh lần lượt là 0.5 tấn CO₂e/tấn chip và 2.36 tấn CO₂e/tấn chip.

dụng nguyên vật liệu, tái chế phế liệu và sử dụng năng lượng tái tạo.

Đầu năm 2024, Công ty đã triển khai Smart Factory cho nhà máy Trảng Bàng 3. Khi áp dụng dự án này, nhà máy kiểm soát theo thời gian thực dòng chảy hàng hóa, từ tính năng giám sát xe hàng đến kiểm soát được tình trạng lỗi phát sinh khi chạy sản phẩm. Trí thông minh nhân tạo (AI) sẽ phân tích học dạng lỗi, qua việc học này AI sẽ biết dạng lỗi là gì mà không cần con người thực hiện, từ đó đưa ra dự báo xu hướng lỗi sắp tới giúp nhà máy can thiệp kịp thời sẽ giảm số lượng hàng lỗi xuống gián tiếp tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.

Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng.

Dự kiến tiết kiệm 3-5% lượng điện tiêu thụ mỗi năm.

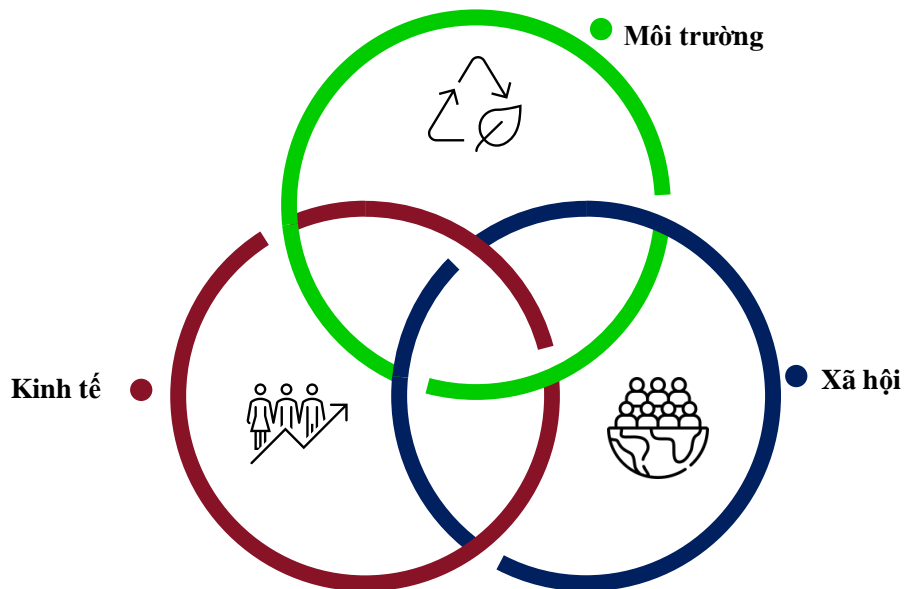
Về mặt lao động và xã hội, với phương châm cùng nhau phát triển, Công ty chủ trương chia sẻ lợi ích với người lao động thông qua việc không ngừng nâng cao chế độ đãi ngộ, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo môi trường làm việc an toàn và thoải mái cho người lao động.

Sợi Thế Kỳ luôn cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển, tạo điều kiện cho người lao động phát triển bản thân và nghề nghiệp.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG - DÀI HẠN 2026- 2028	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2025
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Công ty thực hiện mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới (Unitex, Liên minh sợi-dệt-may) nhằm đạt lợi thế về qui mô. Đưa vào hoạt động giai đoạn 2 (24,000 tấn/năm) nhà máy Unitex. ✓ Thực hiện dự án năng lượng mặt trời cho nhà máy Unitex (rooftop solar và DPPA). ✓ Tập trung phát triển các loại sợi thân thiện với môi trường (Recycle, Dope dye, Recycle Plus...) đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội địa và xuất khẩu. ✓ Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu. ✓ Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 44.5% năm 2023 lên 60%-70% vào năm 2026-2027 trên các nhà máy hiện hữu. ✓ Giảm khí thải carbon footprint thông qua tiết giảm tiêu hao sử dụng năng lượng điện tại nhà máy và tăng nguồn năng lượng tái tạo. ✓ Áp dụng các hệ thống AI trong sản xuất, triển khai sử dụng phần mềm POC-trung tâm điều khiển sản xuất trong nhà máy POY và DTY, giúp tăng hiệu quả sản xuất, đạt chất lượng cao và giảm phế phẩm. ✓ Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong khâu đóng gói. ✓ Nghiên cứu triển khai dự án giám sát năng lượng để giám sát mức độ tiêu thụ điện năng. Dự kiến tiết kiệm 3-5% lượng điện tiêu thụ mỗi năm. ✓ Thực hiện giám sát và đo lường tác động môi trường của sản phẩm (Life Cycle Assessment (LCA)). 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Đã đưa giai đoạn 1 nhà máy Unitex (36,000 tấn/năm) vào chạy thử nghiệm nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất, dự kiến sẽ vận hành chính thức vào Q2.2025. ✓ Nâng cao công suất hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi thông qua việc ký kết hợp đồng DPPA với đơn vị chiến lược cho nhà máy Trảng Bàng. ✓ Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm. ✓ Tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2025 là 60.8% trên tổng doanh thu của cả ba nhà máy Trảng Bàng, Củ Chi và Unitex. ✓ Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA, sợi FDY 08 Mountain Flat Yarn ✓ Phát triển thêm các màu mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường. ✓ Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng. ✓ Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

11.2. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững

Năm 2024 diễn ra trong bối cảnh vĩ mô đầy thách thức, với những xung đột địa chính trị kéo dài và nhiều biến động khó lường. Kết quả kinh doanh của STK chưa đạt như kỳ vọng, chịu tác động từ cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan. Tuy nhiên, Ban điều hành vẫn kiên định theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đồng thời nâng cao quản trị rủi ro nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra và tạo ra giá trị bền vững cho các bên liên quan.



Môi trường

Tăng tỷ trọng sản phẩm thân thiện với môi trường:

- Tỷ trọng doanh thu từ sợi recycle trong tổng doanh thu năm 2024 đạt 44.5%, giảm 5% so với mức 49.5% của năm 2023 do áp lực cạnh tranh gay gắt về giá từ các nhà cung cấp khác. Tuy nhiên, Công ty đang đặt mục tiêu hướng tới tỷ lệ 60-70% đến năm 2026-2027 trên các nhà máy hiện hữu; Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế đến hết 2024, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng 5.01 tỷ chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.

Tỷ trọng sợi màu cũng đã tăng trưởng vượt bậc từ 0.2% doanh thu (2021) lên 0.9% (2022) giảm nhẹ xuống mức 0.83% năm 2023 và tăng lên mức 4.4% doanh thu trong năm 2024.

Tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa, giảm lượng tiêu thụ hạt nhựa từ dầu thô và khí. gián tiếp bảo vệ môi trường.

Tái sử dụng ống giấy POY, số lượng ống giấy tiết giảm được là 2.38 triệu ống trong năm 2024.

Kinh tế

Doanh thu đạt 1,210 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế đạt 12.4 tỷ đồng. Công ty cam kết chi trả cổ tức cho cổ đông tối thiểu 15% mỗi năm (có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu).

Mức tăng lương bình quân tối thiểu: Năm 2024, dù hoạt động kinh doanh chưa đạt kỳ vọng do nhu cầu thị trường suy yếu và áp lực cạnh tranh về giá, dẫn đến đơn hàng sụt giảm, sản lượng sản xuất giảm và doanh thu thấp, công ty vẫn chú trọng đến đời sống nhân viên. Để khích lệ tinh thần làm việc, công ty đã thực hiện chính sách tăng lương cho CBCNV trong năm 2024 với mức tăng bình quân 9.9% so với năm 2023.

Tặng quà tết, xây dựng các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.

Duy trì chính sách thưởng đối với người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xã hội

Hoàn thành nghĩa vụ thuế, nộp 152.14 tỷ đồng thuế vào ngân sách nhà nước trong năm 2024.

Tuân thủ quy định của khu công nghiệp, pháp luật về thuế, các quy định về hoạt động xuất nhập khẩu, quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán...

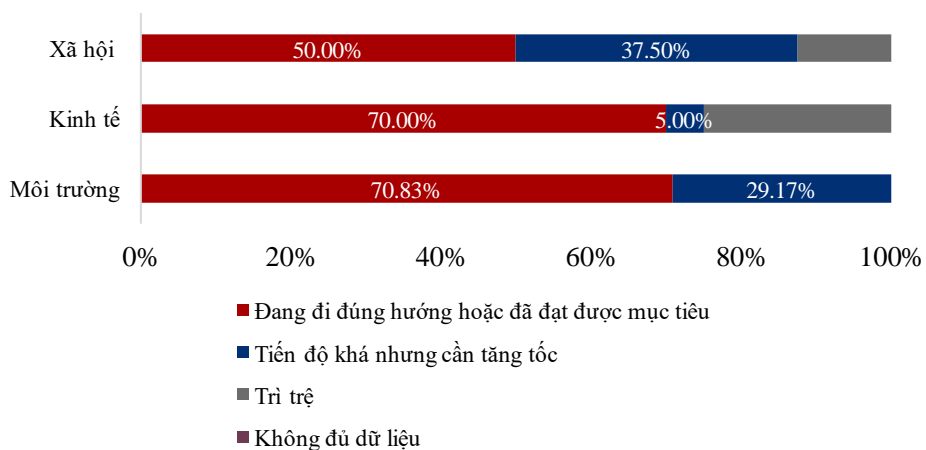
Trực tiếp và gián tiếp tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương, thông qua hoạt động tuyển dụng của Công ty.

STK đã chọn năm cơ sở là năm 2021 khi có đầy đủ dữ liệu về kế hoạch thực hiện và thực tế thực hiện các tiêu chí về kinh tế, môi trường và xã hội mà Công ty đã đặt ra. Các chỉ tiêu cụ thể cho từng tiêu chí như sau:

Environmental-Môi trường	Economic-Kinh tế	Social-Xã hội
Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY.	Doanh thu	Tỷ lệ biến động nhân sự.
Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ lệ tuyển dụng bất thành.
Nước sử dụng m ³ /kg sợi.	Mức tăng lương bình quân tối thiểu.	Đáp ứng nhu cầu nhân sự.
Lượng điện năng tiêu thụ/kg sợi (kwh).	Chi trả cổ tức cho người lao động 15% mệnh giá.	Quản lý ngân sách lương.
Tăng/giảm hệ số phát thải carbon footprint của điện năng.	Thưởng cuối năm cho NLĐ (số tháng lương).	
Tỷ lệ sợi recycle.		

Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK đến năm 2024

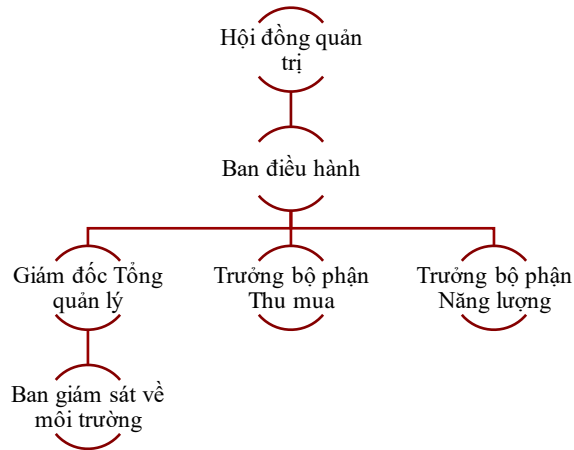
Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK



Tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của STK đến năm 2024, xét theo mức độ “Đang đi đúng hướng hoặc đã đạt được mục tiêu”, cho thấy dấu hiệu suy giảm so với năm trước. Cụ thể, tỷ lệ hoàn thành của ba tiêu chí Môi trường, Kinh tế, và Xã hội lần lượt giảm từ 77.78%, 80%, và 58.33%

trong năm 2023 xuống còn 70.83%, 70%, và 50% vào năm 2024. Đặc biệt, tiến độ thực hiện mục tiêu về Kinh tế có sự sụt giảm đáng kể, chủ yếu do kết quả kinh doanh không đạt kỳ vọng, khiến Công ty không thể hoàn thành kế hoạch đề ra. Điều này phản ánh những thách thức mà STK phải đối mặt trong việc duy trì lộ trình phát triển bền vững trong bối cảnh kinh tế biến động.

11.3. Trách nhiệm đảm bảo thực hiện các chính sách về môi trường



Dưới sự chỉ đạo và định hướng của HĐQT, Ban điều hành đề ra phê duyệt các chính sách và cơ chế kiểm soát việc tuân thủ bảo vệ môi trường.

Quản lý cấp trung (giám đốc/trưởng bộ phận) các phòng ban liên quan có trách nhiệm đảm bảo không vi phạm về môi trường như chất thải, nước thải, phát thải; đảm bảo sản phẩm không chứa hóa chất độc hại; thực thi các sáng kiến bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

Thông tin người chịu trách nhiệm các chính sách, vấn đề liên quan đến môi trường

Tên	Nguyễn Thị Bảo Nhật
Chức vụ	Nhân viên HSE
Email	Nhatnguyen@century.vn

11.4. Báo cáo tác động đến môi trường

Chính sách bảo vệ môi trường

Vấn đề	Biện pháp quản lý chung	Biện pháp quản lý cụ thể	Kết quả đo lường	Hậu quả có thể tác động môi trường (*)
Nồng độ bụi	Thành lập chỉ tiêu – định mức cho từng đơn vị liên quan; có trách nhiệm báo cáo hàng tuần, tháng, quý, bán	Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ.	Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic.	Thấp
Tiếng ồn		Quy trình đo kiểm chất lượng không khí định kỳ, trang bị nút chống	Không xảy ra bệnh nghề nghiệp do tiếng ồn gây ra.	Trung bình

	niên và năm cho Tổng giám đốc điều hành (người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc thực hiện các chính sách về môi trường).	ồn, đóng kín cửa ra vào nhà máy; khám sức khoẻ cho người lao động.	Tiếng ồn vẫn có do đặc thù ngành nghề.	
Phát thải khí nhà kính		Tiết giảm sử dụng dầu DO, có biện pháp tiết kiệm lượng điện tiêu thụ, sử dụng điện mặt trời	Đo lường lượng carbon footprint gián tiếp.	Cao
Nước thải & Chất thải		Kiểm tra hàng ngày hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; phân loại và thu gom chất thải theo quy định; áp dụng biện pháp tiết kiệm nước sạch.	Không xảy ra vi phạm.	Trung bình

11.4.1. Vật liệu sử dụng

Phân loại vật liệu	Chủng loại Nguyên vật liệu	Nguồn gốc
Vật liệu không thể tái tạo	Hạt nhựa	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...
	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức
	Polyester Chip tái chế	Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan
Vật liệu có thể tái tạo	Ống giấy	Việt Nam, Đài Loan
	Pallet	Việt Nam
	Thùng Carton	Việt Nam

Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế từ quá trình sản xuất trực tiếp

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ sợi thứ cấp (kg)}}{\text{Tổng khối lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 4.9\%$$

2019	2020	2021	2022	2023	2024
1.6%	2.55%	6.85%	5.66%	6.5%	4.9%

Công ty tiếp tục tái chế sợi thứ cấp thành hạt nhựa đầu vào trong quá trình sản xuất trong các năm qua. Nhờ vào hệ thống tái chế này, Công ty đã tiết giảm lượng hạt nhựa mua vào tương đương 4.9% lượng sử dụng năm 2024, góp phần làm giảm khí thải CO2 và chất thải nhựa ra môi trường.

Tỷ lệ phần trăm của vật liệu được tái chế (gián tiếp) được sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng hạt nhựa được tái chế từ chai nhựa qua sử dụng (kg)}}{\text{Tổng khối lượng hạt nhựa đầu vào sử dụng (kg)}} \times 100 = 51.4\%$$

2019	2020	2021	2022	2023	2024
33%	35%	42.7%	41%	44.3%	38.8%

Thông qua việc sản xuất sợi tái chế, Công ty đã thay thế hạt nhựa nguyên sinh thành hạt nhựa tái chế từ chai nhựa đã qua sử dụng, góp phần giảm ô nhiễm đến môi trường đất và nước. Năm 2024, Công ty đã sử dụng 38.8% hạt nhựa tái chế trên tổng lượng tiêu thụ.

Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

Trong năm 2024, số lượng ống giấy POY sử dụng là 792,815 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3 lần; do đó, tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2024 là:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\ &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\ &= \frac{792,815 \times 3}{792,815 \times 3 + 6,024,287} = 28\% \end{aligned}$$

2019	2020	2021	2022	2023	2024
23%	21%	22%	20%	16%	28%

Sáng kiến bảo vệ môi trường từ nguyên vật liệu	Kết quả đạt được
Gia tăng sản lượng hạt nhựa tái chế đã góp phần giảm lượng hạt nhựa nguyên sinh sử dụng, đồng thời giảm thiểu rác thải (chai nhựa qua sử dụng) cho Trái Đất.	Số chai nhựa đã qua sử dụng đã gián tiếp tái chế là 5.01 tỷ chai tính đến hết năm 2024.
Tái chế sợi phế thải thành hạt nhựa được tái sử dụng trong quá trình sản xuất.	Tỷ lệ tái chế sợi phế là 74.5% năm 2024.
Thu hồi và tái sử dụng ống giấy POY.	Số lần tái sử dụng ống giấy: 3 lần, nâng tỷ lệ tái sử dụng ống giấy (bao gồm POY, DTY và FDY) là 28%.

Theo bộ phận sản xuất POY, vì POY là bán thành phẩm để sản xuất tiếp sợi DTY và để không chế lỗi cho DTY buộc số lần tái sử dụng ống giấy phải giảm xuống và sẽ giảm về mức 3.0 năm 2024. Vì việc sử dụng ống giấy nhiều lần có thể gây móp hoặc bẩn ống giấy và không đạt tiêu chuẩn cho bộ phận DTY. Việc giảm tỷ lệ sử dụng ống giấy xuống 3 lần để đảm bảo quá trình quấn sợi ống bị lỗi lõm không ảnh hưởng đến khâu sau khi gia công DTY. Năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục duy trì việc tái sử dụng ống giấy tối đa 3 lần, theo khuyến nghị của các chuyên gia STK, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất đồng thời đảm bảo quy trình vận hành ổn định.

11.4.2. Nhiên liệu tiêu thụ

Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Do đặc thù ngành nghề, máy móc vận hành hầu như liên tục 24/7 (ngoại trừ thời gian bảo trì) để đảm bảo hiệu quả sản xuất. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng việc tiết kiệm lượng điện tiêu thụ để giảm phát thải nhà kính ra môi trường.

Dầu DO được sử dụng cho 2 nguồn chính là chạy máy phát điện khi mất điện và một lượng nhỏ là để nạp cho máy bơm PCCC.

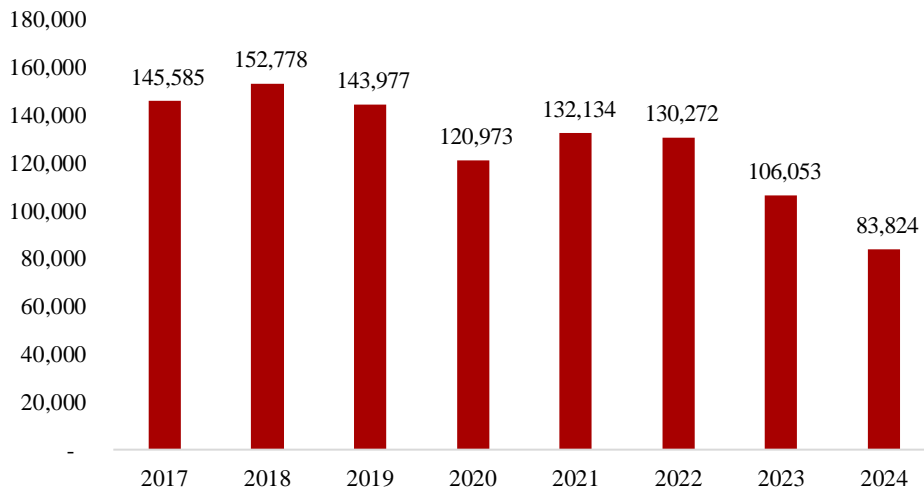
Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:

- (1) Nguồn năng lượng không tái tạo: dầu DO và điện EVN khối lượng dầu do sử dụng trong năm 2024: 10.5 tấn, tương đương 13,150 lít, dầu DO được sử dụng cho 2 nguồn chính là chạy máy phát điện khi mất điện và một lượng nhỏ là để nạp cho máy bơm PCCC. Lượng điện EVN sử dụng trong năm 2024 là 77.5 triệu Kwh.
- (2) Nguồn năng lượng tái tạo: điện mặt trời. Lượng điện mặt trời đã sử dụng trong năm 2024 là 6.3 triệu Kwh.

Khối lượng điện tiêu thụ trong năm 2024

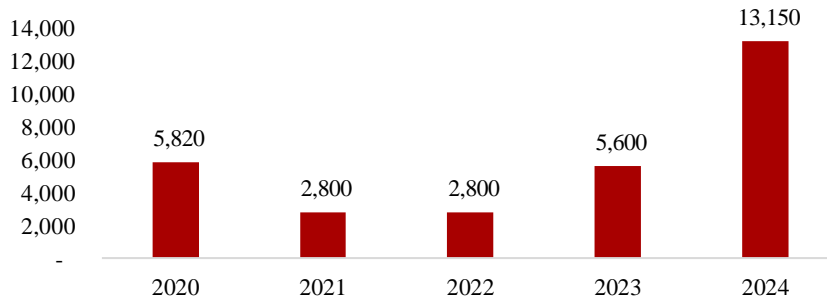
Lượng điện sử dụng (MWh)

LƯỢNG ĐIỆN SỬ DỤNG (Mwh)



Lượng dầu sử dụng qua các năm (Lít)

Lượng dầu do sử dụng qua các năm (lít)

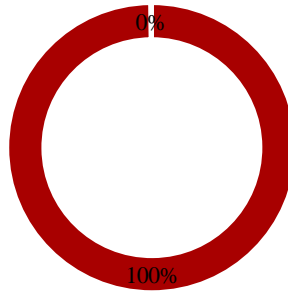


Nguồn năng lượng	Năm 2024	Hệ số quy đổi ra MJ	Mj
Tổng điện tiêu thụ (Solar + EVN) (Kwh)	83,823,562.07	3.6	301,764,823
Dầu DO (Lít)	13,150	36,845	484,512

Tổng lượng năng lượng tiêu thụ			302,249,335
---------------------------------------	--	--	-------------

Tổng lượng năng lượng tiêu thụ trong tổ chức = nhiên liệu không tái tạo đã tiêu thụ + nhiên liệu tái tạo đã tiêu thụ = 302.2 tỷ Kjun.

Cơ cấu tiêu thụ năng lượng của STK trong năm 2024 (đơn vị mj)



- Total electricity consumption (Solar and EVN-Kwh)
- Diesel oil (DO -LITERS)

Chú thích:

<https://convertlive.com/vi/u/chuy%E1%BB%83n%C4%91%E1%BB%95i/kilowattgi%E1%BB%9D/%C4%91%E1%BB%83/megajoules#83815848> (quy đổi 1Kwh sang Mj)

<https://veia.com.vn/he-so-chuyen-doi-don-vi-nang-luong-mj-cua-mot-so-nhien-lieu-pho-bien> (hệ số quy đổi 1 lít dầu DO sang MJ)

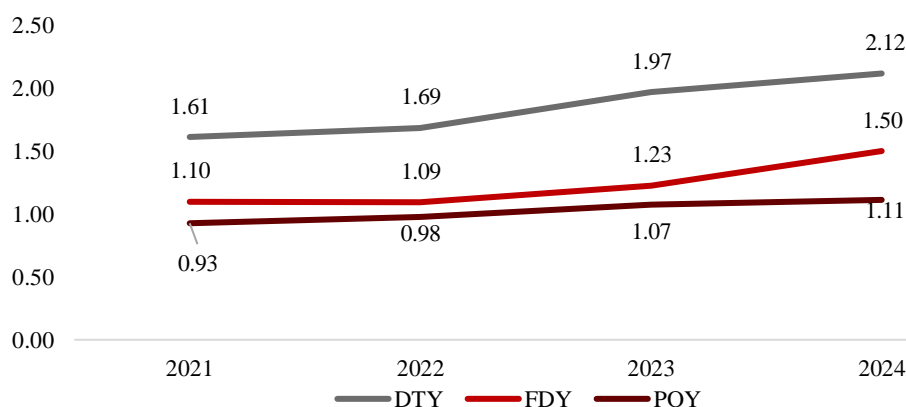
<https://convertlive.com/vi/u/chuy%E1%BB%83n-%C4%91%E1%BB%95i/megajoules/%C4%91%E1%BB%83/kilojoules> (Quy đổi Mj sang Kj)

Cường độ sử dụng năng lượng

- Công ty có 3 loại sợi sản phẩm chính: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY.
- Công ty xây dựng hệ thống giám sát và đo đạt mức tiêu thụ năng lượng (kwh) trên từng đơn vị sản phẩm (kg).

Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm:

Điện tiêu hao trên kg sợi (kwh/kg sợi)



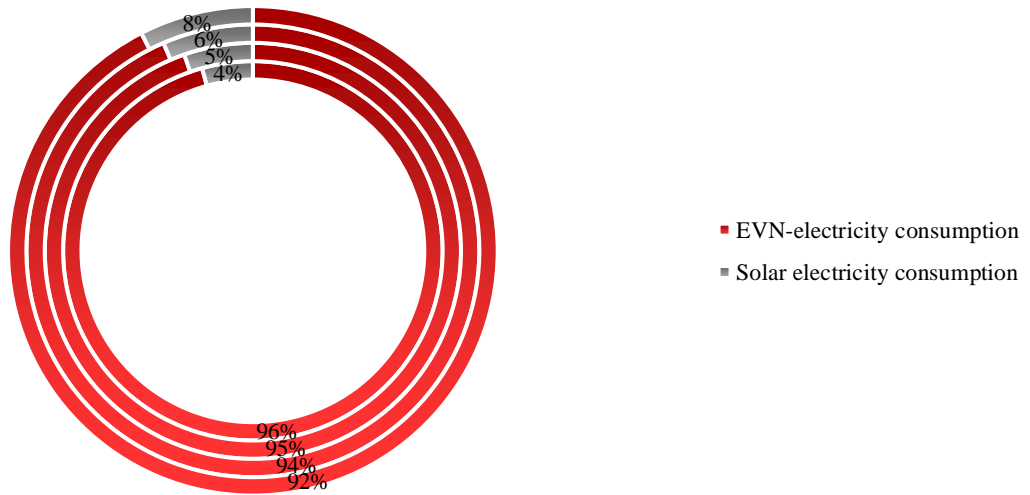
Lưu ý: Sản lượng đã quy đổi theo denier chuẩn của từng loại sợi DTY, FDY và POY

- Tổng lượng điện năng tiêu thụ năm 2024 giảm 21% so với 2023, chủ yếu do Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất tại nhà máy Củ Chi từ Q2.2024 đến hết Q3.2024, dẫn đến lượng điện sử dụng thấp hơn so với năm trước. Bên cạnh đó, công suất thực tế của nhà máy TB và nhà máy CC không đạt mức tối đa, khiến nhiều máy móc không vận hành hết công suất, góp phần làm giảm tổng điện năng tiêu thụ trong năm. Mặc dù vậy lượng điện năng tiêu thụ trên 1kg sợi của DTY, POY và FDY lần lượt tăng 7.5%, 3.7% và 22.4% so với cùng kỳ chủ yếu do việc thu hẹp hoạt động sản xuất dẫn đến sản lượng sản xuất trong năm 2024 giảm 22% so với cùng kỳ năm 2023 trong khi các hệ thống phụ trợ như khí nén, điều không vẫn hoạt động 100% công suất. Bên cạnh đó, Công ty chưa đạt được hiệu quả sản xuất theo KPIs chất lượng đặt ra cùng với việc sản xuất các loại sợi có quy cách đặc biệt, dẫn đến lượng điện tiêu hao sản xuất nhiều hơn.

Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo - năng lượng mặt trời

Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất 7.4 Mwp. Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Trong thời gian tới, Công ty sẽ có kế hoạch nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo thông qua việc ký kết với đối tác chiến lược triển khai các dự án điện mặt trời áp mái ở nhà máy Unitex và các dự án DDPA ở nhà máy Trảng Bàng và Unitex.

Cơ cấu tiêu thụ điện giai đoạn 2021-2024

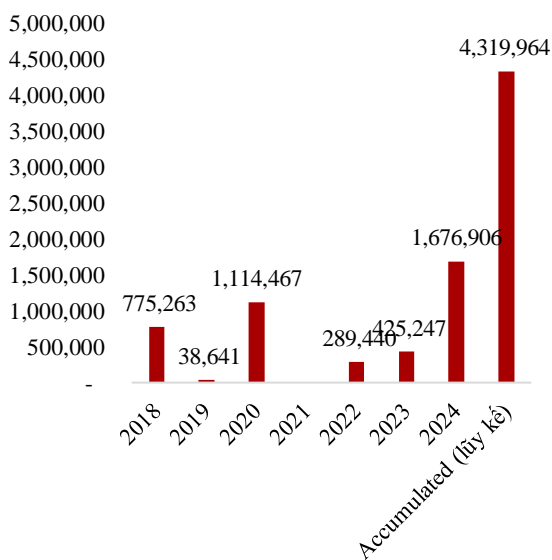


Ghi chú: Từ vòng trong ra ngoài tương ứng với năm 2021-2024

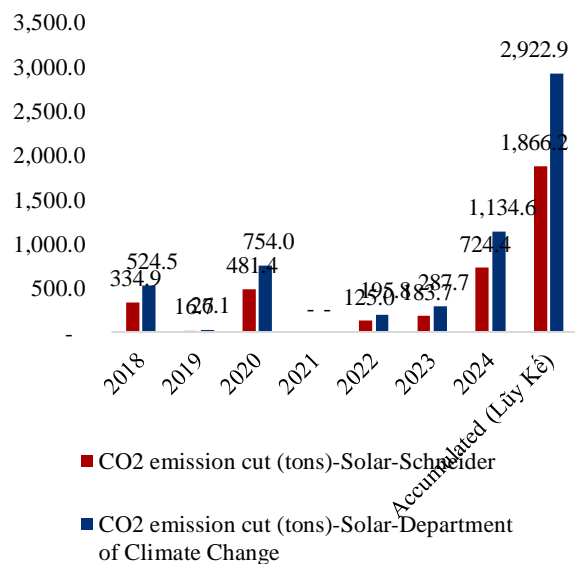
Lượng điện tiết kiệm từ các sáng kiến

Công ty duy trì thực hiện các sáng kiến tiết kiệm điện từ năm 2018 như lắp inverter cho motor dầu thải máy DTY, cho bơm phun sương, cho bơm máy lạnh, khắc phục rò rỉ khí nén, canh chỉnh cánh quạt AC 1,2,3 nhà máy Trảng Bàng... Lũy kế đến năm 2024 nhờ các sáng kiến này Công ty đã tiết kiệm được hơn 4.3 triệu Kwh, tương đương với lượng cắt giảm 1.87 ngàn tấn CO2 tính theo hệ số phát thải của Schneider và 2.92 ngàn tấn CO2 tính theo hệ số phát thải của Cục BĐKH.

Lượng điện tiết kiệm được nhờ các sáng kiến (Kwh)



Carbon footprint cắt giảm nhờ các sáng kiến (tấn)



Ghi chú:

Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric: 0.432 tấn CO2/Mwh.

Hệ số phát thải tính theo Cục Biến Đổi Khí Hậu Việt Nam (Department of Climate Change-DCC): 0.6766 tấn CO2/Mwh.

Giải pháp tiết kiệm điện năm 2025

Trong năm 2025, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

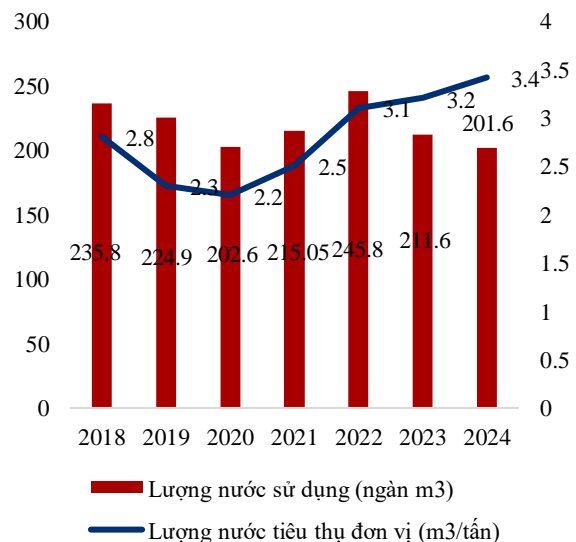
STT	Giải pháp	Hiệu quả
1	○ Lắp inverter 1 quạt hút AC 1.	• Dự kiến tiết kiệm 32,832 kw/năm, tương đương 61.3 triệu VND/năm.
2	• Lắp inverter 2 quạt hút AC 5. • Lắp inverter 2 quạt thổi AC 5.	• Dự kiến tiết kiệm 183,168 kw/năm, tương đương 342 triệu VND/năm • Dự kiến tiết kiệm 81,216 kw/năm, tương đương 151.5 triệu VND/năm.
3	• Lắp đèn năng lượng mặt trời out side (đã thực hiện trong năm 2024, tiếp tục duy trì trong năm 2025)	• Dự kiến tiết kiệm 19,008 kw/năm, tương đương 32.8 triệu VND/năm

11.4.3. Nước tiêu thụ

Tại STK, nước từ hệ thống điều hòa trung tâm sẽ được thu hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng cho hệ thống chiller. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 2,815 m³ nước.

Nguồn nước được sử dụng tại Công ty được cung cấp và đảm bảo chất lượng bởi Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp (KCN).

Trong năm 2024, mức tiêu hao nước sử dụng giảm 4.7% so với năm 2023, mức giảm tiêu hao nước sử dụng nhỏ hơn nhiều so với mức giảm sản lượng (sản lượng sản xuất giảm 22.2% trong năm 2024) nên mức tiêu hao nước trên 1kg sợi của năm 2024 tăng nhẹ 3.4% so với năm 2023 (0.032 m³/kg sợi-2023 và 0.034 m³/kg sợi-2024). Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất như duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ tại các tháp giải nhiệt AC của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, giúp Công ty tiết kiệm chi phí hơn 21.65 triệu đồng trong năm 2024.

**Các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước dự kiến năm 2025**

STT	Giải pháp	Hiệu quả
-----	-----------	----------

1	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì thu hồi nước xả máy nén 3,4 TB3. Duy trì nước ngưng tụ AC 4,5. Thu hồi nước ngưng tụ từ AC6 Củ Chi về hồ gom để tái sử dụng. TB1,2,3. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện tiết kiệm 3m³/ ngày đêm tương đương tiết kiệm 7,560,000 VNĐ/năm. Thực hiện tiết kiệm 2m³/ngày đêm tương đương tiết kiệm 6,534,000 VNĐ/năm.
2	<ul style="list-style-type: none"> Hàng ca duy trì theo dõi số liệu đồng hồ nước khi vượt kiểm tra xử lý nhanh chóng 	<ul style="list-style-type: none"> Tiết kiệm nước

Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng

$$= \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100 = \frac{4,901}{201,569} \times 100 = 2.4\%$$

2019	2020	2021	2022	2023	2024
1.2%	1.2%	2.3%	2.7%	3.1%	2.4%

11.4.4. Phát thải

Trên thực tế, Công ty không phát sinh khí thải từ lò hơi hay than đá, do hoàn toàn không sử dụng hai loại năng lượng này trong quá trình sản xuất.

Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.

Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.

Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:

Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.

Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.

Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.

Giảm phát thải khí nhà kính trong toàn bộ chuỗi giá trị của Công ty

SCOPE 1

TRỰC TIẾP

Khí thải nhà kính từ các nguồn được sở hữu hoặc được kiểm soát bởi Công ty

- Công ty không sở hữu lò hơi và không sử dụng than đá để tạo hơi hay phát thải khí nhà kính. Trong hoạt động sản xuất, công ty chỉ tiêu thụ một lượng nhỏ dầu DO để vận hành máy phát điện dự phòng khi mất điện, cung cấp năng lượng cho máy bơm PCCC, cùng với gas HFC-134A cho hệ thống điều hòa không khí.

SCOPE 2

GIÁN TIẾP

Khí thải nhà kính phát sinh từ điện do Công ty mua

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi Poyester Filament từ hạt nhựa PET, nhà máy của Công ty chỉ sử dụng năng lượng điện là nguồn năng lượng chính để vận hành máy sản xuất.

SCOPE 3

GIÁN TIẾP

Phát thải khí nhà kính từ các nguồn không do Công ty sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp nhưng có liên quan đến hoạt động của Công ty

- Công ty đã gia tăng tỷ trọng trong việc sử dụng hạt nhựa tái chế trong các năm vừa qua.

Trong năm 2024, STK đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Và Phát triển về Tiết kiệm Năng lượng (ENERTEAM) thực hiện kiểm toán năng lượng. Nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng tại hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi, xác định các khu vực có tiềm năng tiết kiệm và đề xuất giải pháp tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng. Thông qua quá trình này, STK có thể giảm chi phí vận hành, cải thiện hiệu suất sản xuất và góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững. Đồng thời, kiểm toán năng lượng giúp Công ty tuân thủ các quy định về sử dụng năng lượng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các khách hàng và đối tác quốc tế. Đây cũng là bước quan trọng trong chiến lược giảm phát thải carbon và hướng tới sản xuất xanh.

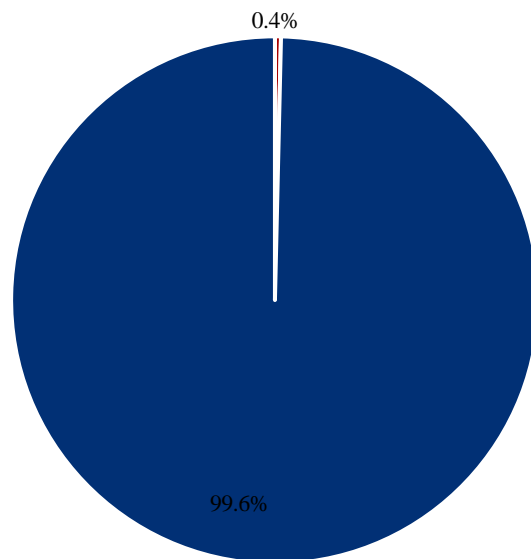
Cuối năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với ENERTEAM, chỉ định đơn vị này làm đơn vị tư vấn thực hiện kiểm kê khí nhà kính cho hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi. Kết quả kiểm kê sẽ được tổng hợp vào báo cáo và nộp cho cơ quan chức năng trước ngày 31/03/2025, đảm bảo tuân thủ quy định của Nghị định 06/2022/NĐ-CP. Đây là bước quan trọng trong cam kết của STK đối với trách nhiệm môi trường và chiến lược phát triển bền vững.

Thông qua việc khảo sát thực tế hiện trường và các số liệu mà Công ty cung cấp theo yêu cầu của **ENERTEAM**.

Lượng phát thải KNK của nhà máy Trảng Bàng năm 2024 như sau:

Hoạt động phát thải	Tổng phát thải (tấn CO ₂ tđ)	Tỷ lệ	Lượng phát thải khí thành phần (tấn)							
			CO ₂	CH ₄	N ₂ O	HFCs	PFCs	SF ₆	NF ₃	
1 Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	163	0.4%	21	2	0	0	-	-	-	
1.1 Phát thải từ nguồn đốt cố định	20	0.0%	20	0	0	-	-	-	-	
1.2 Môi chất lạnh	83	0.2%	-	-	-	0	-	-	-	
1.3 Bình CO ₂	1	0.0%	1	-	-	-	-	-	-	
1.4 Xử lý nước thải sinh hoạt	59	0.1%	-	2	0	-	-	-	-	
2 Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	44,263	99.6%	44,263	-	-	-	-	-	-	
2.1 Điện mua	44,263	99.6%	44,263	-	-	-	-	-	-	
Tổng	44,426	100.0%	44,284	2	0	0	-	-	-	

Nguồn: Báo cáo kiểm kê KNK năm 2024 cho nhà máy Trảng Bàng của ENERTEAM
Cơ cấu phạm vi 1 (Scope 1) và phạm vi 2 (Scope 2) của nhà máy Trảng Bàng năm 2024



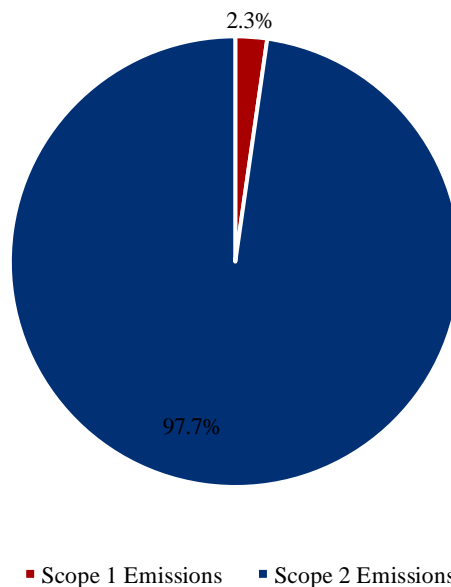
■ Scope 1 Emissions ■ Scope 2 Emissions

Lượng phát thải KNK của nhà máy Củ Chi năm 2024 như sau:

Hoạt động phát thải	Tổng phát thải (tấn CO ₂ tđ)	Tỷ lệ	Lượng phát thải khí thành phần (tấn)							
			CO ₂	CH ₄	N ₂ O	HFCs	PFCs	SF ₆	NF ₃	
3 Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	81	2.3%	1	1	0	0	-	-	-	
3.1 Phát thải từ nguồn đốt cố định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3.2 Phát thải từ nguồn đốt di động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3.3 Môi chất lạnh	47	1.3%	-	-	-	0	-	-	-	
3.4 Môi chất khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3.5 Bình chữa cháy	1	0.0%	1	-	-	-	-	-	-	
3.6 Xử lý nước thải sinh hoạt	33	0.9%	-	1	0	-	-	-	-	
3.7 Xử lý nước thải công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4 Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	3,484	97.7%	3,484	-	-	-	-	-	-	
4.1 Điện mua	3,484	97.7%	3,484	-	-	-	-	-	-	
Tổng	3,565	100%	3,485	1	0	0	-	-	-	

Nguồn: Báo cáo kiểm kê KNK năm 2024 cho nhà máy Củ Chi của ENERTEAM

Cơ cấu phát thải (Scope 1) và phát thải (Scope 2) của nhà máy Củ Chi năm 2024



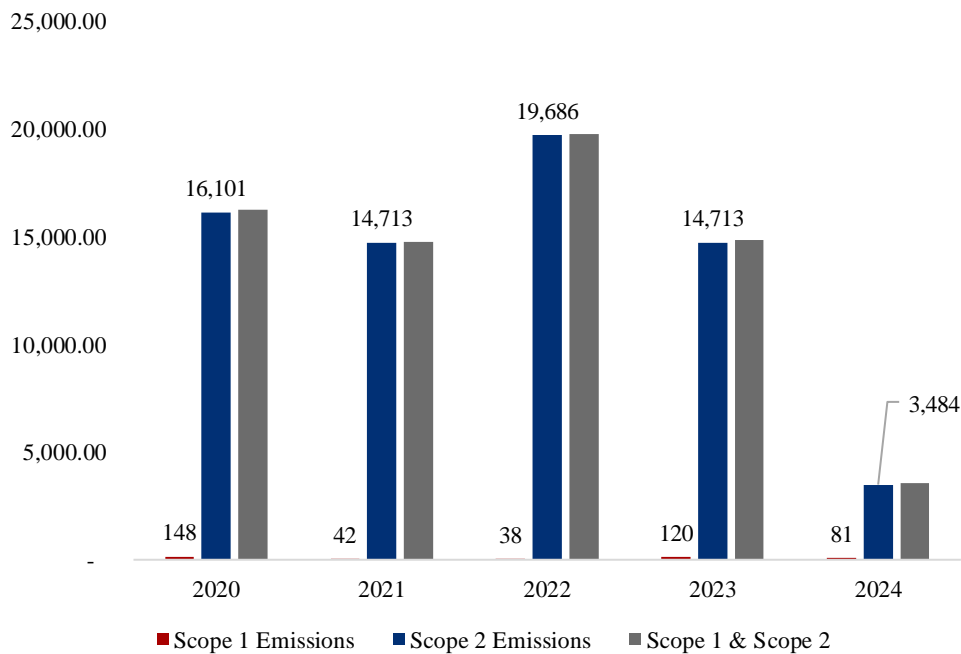
Có thể thấy Phạm vi 2 (Điện năng tiêu thụ) đang chiếm tỷ trọng cao lên đến hơn 99.6% cơ cấu phát thải KNK của nhà máy Trảng Bàng và 97.7% cơ cấu phát thải KNK Củ Chi.

Dựa trên cách tính lượng phát thải khí nhà kính của ENERTEAM cho nhà máy Trảng Bàng năm 2023, 2024. STK đã tính lượng phát thải KNK của nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng cho bốn năm từ 2020 đến 2022.

Lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Củ Chi.

Phát thải nhà máy Củ Chi		Đơn vị: (Tấn CO2 tđ)				
STT	Hoạt động phát thải	2020	2021	2022	2023	2024
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	148.33	42.43	38.03	120.06	81
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định (dầu DO)	1.61	0.00	0.00	1.61	-
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	42.40	42.16	37.76	34.95	33
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	104.04	0	0	83.232	47
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0.27	0.27	0.27	0.27	1
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	16,100.98	14,712.55	19,685.75	14,712.55	3,484
2.1	Lượng phát thải sinh ra từ điện mua	16,100.98	14,712.55	19,685.75	14,712.55	3,484
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2		16,249.31	14,754.98	19,723.78	14,832.62	3,565

Lượng phát thải theo phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Củ Chi

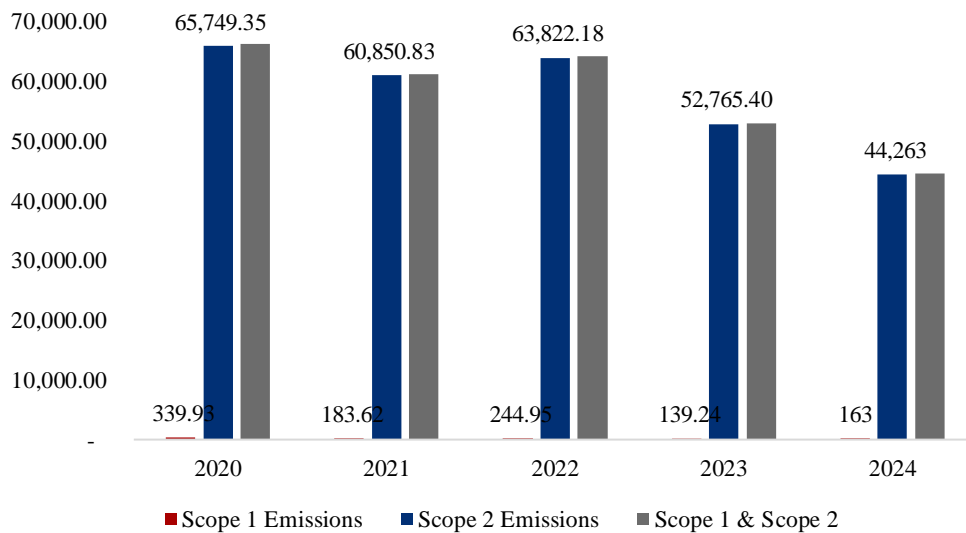


Lưu ý: Phương pháp tính toán căn cứ theo các công thức và phương pháp thu thập dữ liệu của ENERTEAM

Lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Trảng Bàng.

Phát thải nhà máy Trảng Bàng		Đơn vị: (Tấn CO2 tđ)				
STT	Hoạt động phát thải	2020	2021	2022	2023	2024
1	Phạm vi 1: Phát thải KNK trực tiếp	339.93	183.62	244.95	139.24	163
1.1	Phát thải nguồn đốt cố định	14.02	7.52	7.52	13.43	20
1.2	Phát thải từ hệ thống XLNT	75.28	71.12	70.02	62.45	59
1.3	Phát thải từ hệ thống lạnh	249.70	104.04	166.46	62.42	83
1.4	Phát thải từ bình chữa cháy	0.94	0.94	0.94	0.94	1
2	Phạm vi 2: Phát thải KNK gián tiếp	65,749.35	60,850.83	63,822.18	52,765.40	44,263
2.1	Lượng phát thải sinh ra từ điện mua	65,749.35	60,850.83	63,822.18	52,765.40	44,263
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2		66,089.28	61,034.45	64,067.12	52,904.63	44,426

Lượng phát thải theo phạm vi 1 và phạm vi 2 nhà máy Trảng Bàng

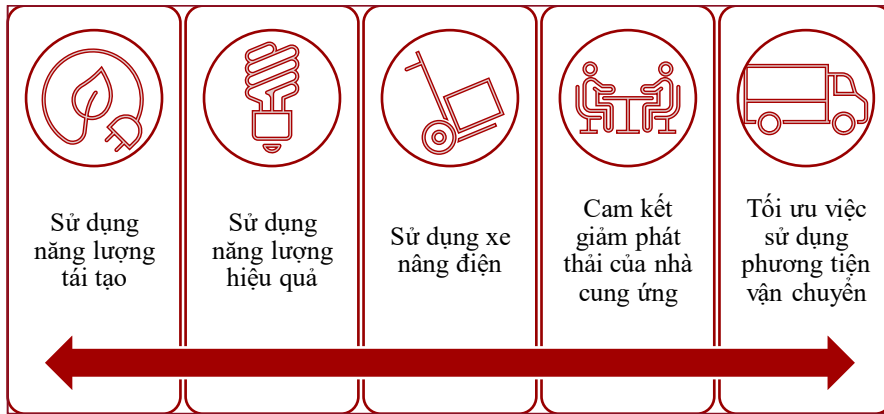


Lưu ý: Phương pháp tính toán căn cứ theo các công thức và phương pháp thu thập dữ liệu của ENERTEAM

Trong năm 2024, lượng phát thải phạm vi 2 giảm đáng kể, đặc biệt là nhà máy Củ Chi giảm từ hơn 14,832 tấn CO2e trong năm 2023 xuống còn 3,565 tấn CO2e. Nguyên nhân chính là việc Công ty thu hẹp hoạt động sản xuất tại nhà máy Củ Chi từ Q2.2024 đến hết Q3.2024, dẫn đến lượng điện sử dụng thấp hơn so với năm trước. Cụ thể điện tiêu thụ ở nhà máy Củ Chi giảm mạnh xuống còn 5,669,345 Kwh trong năm 2024 từ mức 21,757,726 Kwh trong năm 2023. Điện năng tiêu thụ giảm là nguyên nhân làm phát thải phạm vi 2 của nhà máy Củ Chi giảm mạnh.

Tương tự, công suất thực tế của nhà máy Trảng Bàng không đạt mức tối đa, khiến nhiều máy móc không vận hành hết công suất, góp phần làm giảm tổng điện năng tiêu thụ trong năm. Làm phát thải giảm từ hơn 52,904 tấn CO2e trong năm 2023 xuống còn 44,426 tấn CO2e trong năm 2024.

Cách thức thực hiện hướng tới mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính



Hệ số phát thải CO₂ (Schneider Electric)

	Lượng tiêu thụ 2024	Hệ số phát thải CO ₂ (Schneider Electric) ⁸	Phát thải 2020	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Phát thải 2024	Tăng/giảm % 2024/2023
Điện năng- Điện EVN	77,509 MWh/year	0.432 (tCO ₂ e/MWh)	52,260 (tCO ₂ e/year)	54,904 (tCO ₂ e/year)	53,266 (tCO ₂ e/year)	42,853 (tCO ₂ e/year)	33,484 (tCO ₂ e/year)	-22%

Hệ số phát thải CO₂ (Cục BDKH)

	Lượng tiêu thụ 2024	Hệ số phát thải CO ₂ (Cục BDKH)	Phát thải 2020	Phát thải 2021	Phát thải 2022	Phát thải 2023	Phát thải 2024	Tăng/giảm % 2024/2023
Điện năng- Điện EVN	77,509 MWh/year	0.6766 (tCO ₂ e/MWh)	81,851 (tCO ₂ e/year)	85,991 (tCO ₂ e/year)	83,425 (tCO ₂ e/year)	67,116 (tCO ₂ e/year)	52,442 (tCO ₂ e/year)	-22%

Sáng kiến giảm phát thải khí nhà kính carbon footprint

1. Thông qua sử dụng nguồn năng lượng tái tạo- năng lượng mặt trời:

Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020 và bắt đầu đi vào hoạt động trong năm 2021. Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng với công suất thực tế 7.4

⁸ Hệ số phát thải tính theo trung tâm dữ liệu về Carbon Footprint của Schneider Electric. (<https://www.se.com/ww/en/work/solutions/system/s1/data-center-and-network-systems/trade-off-tools/data-center-carbon-footprint-comparison-calculator/>)

Mwp giúp Công ty cắt giảm được 33,716 tấn CO2 tính đến năm 2024. Bên cạnh đó, Công ty đã kí hợp đồng với đối tác để mua thêm năng lượng tái tạo với tổng công suất 75Mwp trong các năm sắp tới.

Từ đầu dự án đến cuối năm 2024	
Lượng CO2 (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar	33,716
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	25,186
Từ năm 2025 đến hết vòng đời dự án	
Lượng CO2 (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar (Trảng Bàng và Củ Chi)	502,440
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	375,319
2025-2026-Nâng tổng công suất hệ thống Solar lên 75Mwp	
Lượng CO2 (tấn) giảm được nhờ hệ thống Solar hết vòng đời dự án.	3,686,760
Điện năng sản sinh ra từ hệ thống Solar (Mwh)	2,753,985

Lưu ý: Hệ số phát thải của Indefol/Aurora là 1.3387 ton CO2e/Mwh

2. Thông qua mục tiêu nâng tỷ trọng Sợi tái chế trong tổng doanh thu đến 2026-2027

Công ty định hướng nâng tỷ lệ sử dụng và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường “sợi Recycle” trong tổng doanh thu từ 44.5% năm 2024 lên 60%-70% vào năm 2026-2027 trên các nhà máy Củ Chi, Trảng Bàng và Unitex.

	2024	2026-2027
Tỷ lệ sợi Recycle trong tổng doanh thu	44.5%	60%-70%
Lượng CO2 (triệu tấn) giảm được do sử dụng vật liệu tái chế - PET chip Recycle từ chai nhựa.	21.04 ngàn tấn	Khoảng 123.05 ngàn tấn

Lưu ý: Hệ số phát thải của hạt nhựa tái chế và hạt nhựa nguyên sinh lần lượt là 0.5 tấn CO2e/tấn chip và 2.36 tấn CO2e/tấn chip từ các nhà cung cấp hạt nhựa của STK.

Cuối năm 2024, STK tiếp tục hợp tác với ENERTEAM, chỉ định đơn vị này làm đơn vị tư vấn thực hiện kiểm kê khí nhà kính cho hai nhà máy Trảng Bàng và Củ Chi. Kết quả kiểm kê sẽ được tổng hợp vào báo cáo và nộp cho cơ quan chức năng trước ngày 31/03/2025, đảm bảo tuân thủ quy định của Nghị định 06/2022/NĐ-CP. Đây là bước quan trọng trong cam kết của STK đối với trách nhiệm môi trường và chiến lược phát triển bền vững. Trong quá trình khảo sát, ENERTEAM nhận thấy công ty đã thực hiện nhiều giải pháp TKNL và một số tập quán tốt đã được công ty thực hiện như: sử dụng đèn LED hiệu quả năng lượng, sử dụng máy nén khí máy nén lạnh có hiệu suất cao, sử dụng điện năng lượng mặt trời, sử dụng biến tần cho động cơ, bơm quạt, sử dụng xe nâng điện, máy móc thiết bị sản xuất tự động hóa cao...Bên cạnh đó, ENERTEAM đã đưa ra các đề xuất nhận dạng các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên và năng lượng nhằm giảm phát thải KNK

11.4.5. Nước thải và Chất thải

❖ Nước thải

Sợi Thế Kỷ xác định nguồn nước thải của Công ty xuất phát từ 2 nguồn: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm).

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những phương pháp sau:

- Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- Thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.

- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đo lượng nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Lượng nước thải của Công ty chủ yếu phát sinh từ hai nguồn chính: nước thải sinh hoạt từ nhân viên và nước thải sản xuất. Năm 2024, tổng lượng nước thải tăng lên 37,347 m³, cao hơn 31.6% so với mức 28,380 m³ của năm 2023, chủ yếu do quá trình vận hành thử nghiệm nhà máy Unitex. Riêng Unitex đã tiêu thụ 29,031 m³ nước, trong đó phát sinh 15,466 m³ nước thải. Giai đoạn thử nghiệm đòi hỏi các thiết bị sản xuất phải chạy thử nhiều lần để hiệu chỉnh thông số kỹ thuật, đảm bảo vận hành ổn định, dẫn đến mức tiêu thụ nước cao hơn so với khi nhà máy đi vào hoạt động chính thức.

Bảng thống kê lượng nước thải:

	Đvt	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Lượng nước thải hàng năm	m ³	26,932	26,617	34,269	28,633	33,092	28,380	37,347

❖ Chất thải

Công ty nhận diện 2 nguồn chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp để xử lý các nguồn chất thải:

- **Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại:**
 1. Thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải;
 2. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
- **Đối với chất thải nguy hại:**
 1. Cảnh báo và dán nhãn chất thải nguy hại;
 2. Thiết lập nơi tập trung chất thải nguy hại riêng biệt;
 3. Chuyển cho các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý
- Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4.0 – waste management.

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
TRẢNG BÀNG:			
Dầu nhiên liệu	170601	15,226	Cty CP Môi Trường Xanh VN
Dầu Diesel thải	170601	2,297	
Chất hấp thụ vật liệu lọc	180201	1,170	
Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	24,995	
Màng khò	070109	0	
Bùn thải	180201	9,950	

Bóng đèn thải	160106	0	
Hộp mực in thải	080204	0	
Tổng số lượng		53,638	
Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
CỦ CHI:			
Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	810	Cty CP Môi Trường Xanh VN
Tổng số lượng		810	

- Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
 - Thu gom, vận Thu gom chuyên và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách **Cty CP Môi Trường Xanh VN.**
 - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH MTV Nguyễn Ngọc Hạnh, Công ty TNHH Môi Trường Xanh Vĩnh Long Việt Nam và Công ty Cổ phần Xử lý Môi trường Tây Ninh.**
- Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- Công ty đăng ký sở chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

11.4.6. Tuân thủ về môi trường

- Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: 0.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0.
- Xây ra vi phạm về ATVSLĐ, PCCC và Môi trường khi đoàn kiểm tra của Cơ quan nhà nước đến kiểm tra Công ty: 0 lần

11.5. Thị trường vốn xanh

Dự án sợi tái chế	Dự án sợi màu	Dự án tái chế sợi phế	Dự án năng lượng mặt trời
STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu tăng mạnh từ 16% năm 2018 lên 54% năm 2022. Trong năm 2023 và 2024, tỷ trọng doanh thu từ sợi tái chế trong tổng doanh thu giảm xuống còn 49.5% và 44.5%, chủ yếu do những khó khăn chung của ngành dệt may và áp lực cạnh tranh gay gắt về giá từ các nhà cung cấp khác. Tuy nhiên, công	Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của	Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1,500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi	Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng từ năm 2020. Trong các năm tới Công ty dự định mở rộng quy mô thông qua các dự án DPPA Trảng Bàng,

<p>ty vẫn giữ vững cam kết phát triển bền vững, kiên định với mục tiêu nâng tỷ trọng này lên 60%-70% trong giai đoạn 2026-2027. Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 5.01 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu.</p>	<p>thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.</p>	<p>phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.</p>	<p>Unitex và rooftop Unitex. Với tổng công suất lên đến 75Mwp (bao gồm công suất các dự án hiện hữu và công suất các dự án mới).</p>
--	---	---	--

12. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

(Ghi chú: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024 có sự sai lệch so với bản đã CBTT tại ngày 10/03/2025 do Công ty phát hiện có sai sót. Công ty sẽ thực hiện đính chính ngay khi có công văn xác nhận sai sót của đơn vị Kiểm toán)

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 35

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302018927 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKDN.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch
Ông Đặng Triệu Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên
Ông Võ Quang Long	Thành viên
Ông Chen Che Jen	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban
Bà Hà Kiệt Trân	Thành viên
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Triệu Hòa
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 7 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Phạm Ninh Tùng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5631-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		997.061.057.465	1.395.936.217.102
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	105.602.398.852	109.476.256.782
111	1. Tiền		5.402.398.852	5.989.452.153
112	2. Các khoản tương đương tiền		100.200.000.000	103.486.804.629
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	54.050.637.373
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	54.050.637.373
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		105.312.984.991	450.138.868.654
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	92.738.753.955	91.305.667.931
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.104.476.750	354.529.855.008
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.471.000.000	3.471.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.998.754.286	832.345.715
140	IV. Hàng tồn kho	9	616.099.132.887	615.023.248.456
141	1. Hàng tồn kho		622.696.170.006	621.333.490.652
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.597.037.119)	(6.310.242.196)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		170.046.540.735	167.247.205.837
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	4.129.693.461	2.793.026.285
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	165.766.676.433	162.695.833.297
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	150.170.841	1.758.346.255

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.814.182.774.472	1.577.922.927.005
220	I. Tài sản cố định		560.684.345.537	642.368.814.999
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	560.684.345.537	642.368.814.999
222	Nguyên giá		2.103.161.115.998	2.092.008.447.857
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.542.476.770.461)	(1.449.639.632.858)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	Nguyên giá		14.385.298.205	14.385.298.205
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.385.298.205)	(14.385.298.205)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		2.111.112.394.294	783.102.433.377
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	2.111.112.394.294	783.102.433.377
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		13.800.000.000	13.800.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13	13.800.000.000	13.800.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		128.586.034.641	138.651.678.629
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	125.692.890.034	135.708.407.488
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	2.893.144.607	2.943.271.141
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.811.243.831.937	2.973.859.144.107

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.103.888.828.129	1.344.969.752.937
310	I. Nợ ngắn hạn		1.311.165.536.034	935.575.186.771
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	377.654.321.523	237.754.934.541
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	22.222.333.339	39.224.518.554
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.894.246.528	2.970.767.020
314	4. Phải trả người lao động		20.388.912.097	25.610.480.880
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	10.426.136.962	7.954.740.536
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	7.623.105.278	5.203.790.319
320	7. Vay ngắn hạn	20	857.624.790.695	609.537.812.760
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.15	8.331.689.612	7.318.142.161
330	II. Nợ dài hạn		792.723.292.095	409.394.566.166
338	1. Vay dài hạn	20	792.463.828.758	409.136.361.334
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.13	259.463.337	258.204.832
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.707.355.003.808	1.628.889.391.170
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	1.707.355.003.808	1.628.889.391.170
411	1. Vốn cổ phần		966.369.240.000	966.369.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		966.369.240.000	966.369.240.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		64.477.297.852	40.824.578.872
413	3. Cổ phiếu quỹ		-	(42.410.550.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		1.219.011.000	1.219.011.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		675.289.454.956	662.887.111.298
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		662.887.111.298	575.087.778.611
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		12.402.343.658	87.799.332.687
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.811.243.831.937	2.973.859.144.107

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	1.210.456.380.134	1.425.624.612.200
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(203.810.405)	(561.587.822)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	1.210.252.569.729	1.425.063.024.378
11	4. Giá vốn hàng bán	27	(1.047.025.681.914)	(1.232.981.228.387)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		163.226.887.815	192.081.795.991
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	12.875.707.062	31.061.416.006
22	7. Chi phí tài chính	23	(85.768.489.169)	(54.057.483.005)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(17.127.583.213)	(17.335.099.901)
25	8. Chi phí bán hàng	24, 27	(12.473.186.828)	(19.663.775.726)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 27	(52.322.172.851)	(60.439.695.454)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.538.746.029	88.982.257.812
31	11. Thu nhập khác		266.173.503	2.074.019.048
32	12. Chi phí khác	26	(6.903.874.485)	(54.346.623)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(6.637.700.982)	2.019.672.425
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.901.045.047	91.001.930.237
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(6.448.574.855)	(2.721.665.639)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(50.126.534)	(480.931.911)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		12.402.343.658	87.799.332.687
61	18. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		12.402.343.658	87.799.332.687
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	130	933
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	130	933

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.901.045.047	91.001.930.237
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	92.837.137.603	91.883.225.860
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		286.794.923	(235.568.532)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		48.816.257.803	805.777.484
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	22.2	(358.462.148)	(10.689.149.403)
06	Chi phí lãi vay	23	17.127.583.213	17.335.099.901
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		177.610.356.441	190.101.315.547
09	Tăng các khoản phải thu		(59.386.129.557)	(95.441.161.606)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.362.679.354)	(148.651.155.668)
11	Tăng các khoản phải trả		178.694.932.888	57.158.656.087
12	Giảm chi phí trả trước		8.678.850.278	914.547.932
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.881.918.686)	(17.710.432.108)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(59.110.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		287.353.412.010	(13.687.340.730)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(935.121.066.461)	(949.806.432.497)
23	Tiền chi gửi tiết kiệm ngân hàng		-	(54.050.637.373)
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng		54.050.637.373	180.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		237.634.370	10.948.211.565
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(880.832.794.718)	(812.908.858.305)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	20	2.120.882.205.187	1.788.770.227.336
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(1.530.306.747.650)	(1.087.984.771.145)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		590.575.457.537	700.785.456.191
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(2.903.925.171)	(125.810.742.844)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		109.476.256.782	235.284.187.347
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(969.932.759)	2.812.279
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	105.602.398.852	109.476.256.782

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302018927 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKDN.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch STK theo Quyết định số 410/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2015.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện tại là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu B1-1, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh Trảng Bàng tại Đường số 8, Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, và một văn phòng đại diện ở địa chỉ 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 998 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 891).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một công ty con như sau:

Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex (“Unitex”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 452033000336 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3901206611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận Đầu tư của Unitex là sản xuất xơ sợi, vải thành phẩm. Unitex có trụ sở chính tọa lạc tại lô A17.1, đường C1, Khu Công Nghiệp Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hiện tại, Unitex đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Unitex.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|-----------------|---|--|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - | giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi vào ngày 3 tháng 7 năm 2000 trong thời hạn 50 năm và Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh vào ngày 21 tháng 7 năm 2009 trong thời hạn 45 năm và vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2053 và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 trong 43 năm.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 liên quan đến việc hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ kế toán năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm hiện hành là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	9.693.533	4.587.230
Tiền gửi ngân hàng	5.392.705.319	5.984.864.923
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	<u>100.200.000.000</u>	<u>103.486.804.629</u>
TỔNG CỘNG	<u>105.602.398.852</u>	<u>109.476.256.782</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất thị trường.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	30.598.767.067	30.329.992.959
Công ty TNHH Unifi Châu Á Thái Bình Dương Hồng Kông	14.389.550.465	1.765.368.864
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vạn Thịnh	11.850.307.007	
Công ty TNHH Chori – Osaka	10.479.688.403	13.683.713.805
XKTC-Unifi Asia Pacific (Hong Kong)	2.185.095.310	15.353.899.789
Công ty TNHH Dệt Nhuộm Nam Phương	83.665.034	17.000.354.250
Khác	<u>23.151.681.669</u>	<u>13.172.338.264</u>
TỔNG CỘNG	<u>92.738.753.955</u>	<u>91.305.667.931</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tăng Nghị Lực	4.509.321.854	-
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Giza Việt Nam	-	298.016.528.971
Multicom Machinery Taiwan LTD	-	50.762.970.184
Khác	<u>2.595.154.896</u>	<u>5.750.355.853</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.104.476.750</u>	<u>354.529.855.008</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	<u>3.471.000.000</u>	<u>3.471.000.000</u>

Số dư thể hiện cho Công ty TNHH Dintsun Việt Nam (“Dintsun”) vay không lãi theo Biên bản Thỏa thuận Góp vốn Đầu tư số DTVN – 2019001 ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 và phụ lục mới nhất ký ngày 28 tháng 6 năm 2024 để bổ sung vốn đầu tư dự án Khu Công nghiệp Sóc Trăng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	147.917.504	504.397.615
Khác	1.850.836.782	327.948.100
TỔNG CỘNG	<u>1.998.754.286</u>	<u>832.345.715</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	412.787.130.094	(2.032.632.169)	447.284.438.381	(2.458.780.034)
Nguyên vật liệu	186.405.176.481	(4.564.404.950)	149.533.927.024	(3.851.462.162)
Hàng mua đang đi trên đường	23.503.863.431	-	24.515.125.247	-
TỔNG CỘNG	<u>622.696.170.006</u>	<u>(6.597.037.119)</u>	<u>621.333.490.652</u>	<u>(6.310.242.196)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.310.242.196	6.545.810.728
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.574.326.845	174.972.119
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm	<u>(4.287.531.922)</u>	<u>(410.540.651)</u>
Số cuối năm	<u>6.597.037.119</u>	<u>6.310.242.196</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	304.608.626.458	1.593.749.105.162	188.858.990.157	4.791.726.080	2.092.008.447.857
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	9.024.991.977	2.127.676.164	-	11.152.668.141
Số cuối năm	<u>304.608.626.458</u>	<u>1.602.774.097.139</u>	<u>190.986.666.321</u>	<u>4.791.726.080</u>	<u>2.103.161.115.998</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>88.291.213.410</i>	<i>594.184.780.150</i>	<i>101.587.466.880</i>	<i>4.791.726.079</i>	<i>788.855.186.519</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	169.194.257.479	1.106.204.118.331	169.449.530.968	4.791.726.080	1.449.639.632.858
Khấu hao trong năm	9.046.843.993	73.099.262.266	10.691.031.244	-	92.837.137.603
Số cuối năm	<u>178.241.101.465</u>	<u>1.179.303.380.697</u>	<u>180.140.562.219</u>	<u>4.791.726.080</u>	<u>1.542.476.770.461</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>135.414.368.979</u>	<u>487.544.986.831</u>	<u>19.409.459.189</u>	<u>-</u>	<u>642.368.814.999</u>
Số cuối năm	<u>126.367.524.993</u>	<u>423.470.716.442</u>	<u>10.846.104.102</u>	<u>-</u>	<u>560.684.345.537</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>14.385.298.205</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<u>14.385.298.205</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>14.385.298.205</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>-</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		<i>VND</i>
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nhà máy Unitex (*)	2.096.119.941.412	757.817.607.354
Máy móc và thiết bị chờ lắp đặt	14.930.784.238	25.223.157.379
Khác	<u>61.668.644</u>	<u>61.668.644</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.111.112.394.294</u>	<u>783.102.433.377</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, dự án nhà máy Unitex thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex đang được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (Thuyết minh số 20).

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá gốc</i>
	<i>sở hữu</i>		<i>sở hữu</i>	
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Dintsun Việt Nam	5	<u>13.800.000.000</u>	5	<u>13.800.000.000</u>

Công ty TNHH Dintsun Việt Nam (“Dintsun”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200764052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 29 tháng 5 năm 2019. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Dintsun là đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng. Dintsun có trụ sở chính đăng ký tại Ấp Xây Đá B, Xã Hồ Đắc Kiện, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.129.693.461	2.793.026.285
Chi phí mua bảo hiểm	1.907.513.717	1.904.838.455
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.827.326.100	489.317.732
Tiền thuê xe trả trước	320.000.000	320.000.000
Khác	74.853.644	78.870.098
Dài hạn	125.692.890.034	135.708.407.488
Tiền thuê đất trả trước (*)	110.463.566.238	111.709.374.794
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.041.658.974	20.748.154.809
Khác	2.187.664.822	3.250.877.885
TỔNG CỘNG	<u>129.822.583.495</u>	<u>138.501.433.773</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một phần tiền thuê đất trả trước với giá trị còn lại là 78.035.144.535 VND của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 69, Khu công nghiệp Thành Thành Công, xã Hòa An, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh với diện tích 100.183,13 m² thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sợi, Dệt Nhuộm Unitex đang được dùng làm khoản thế chấp đi vay ngân hàng (Thuyết minh số 20).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
PT Indorama Polychem Indonesia	113.245.684.800	-
Unifi Textile (Suzhou) Co., Ltd.	109.740.846.000	117.400.338.000
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Giza Việt Nam	60.132.019.964	-
Công ty TNHH Chori – Osaka	29.846.682.000	62.895.417.000
Tainan Spinning Co., Ltd.	6.049.887.090	32.910.848.100
Khác	58.639.201.669	24.548.331.441
TỔNG CỘNG	<u>377.654.321.523</u>	<u>237.754.934.541</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghiệp De Licacy Việt Nam	12.048.401.928	-
Lear Corporation – Kenansville	3.661.809.868	29.140.194.914
Khác	6.512.121.543	10.084.323.640
TỔNG CỘNG	<u>22.222.333.339</u>	<u>39.224.518.554</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.448.574.775	(1.638.337.850)	4.810.236.925
Thuế giá trị gia tăng	2.501.784.369	22.886.933.495	(23.649.734.836)	1.738.983.028
Thuế thu nhập cá nhân	297.680.446	1.753.084.854	(1.705.738.725)	345.026.575
Thuế xuất nhập khẩu	171.302.205	-	(171.302.205)	-
Khác	-	65.292.397	(65.292.397)	-
TỔNG CỘNG	<u>2.970.767.020</u>	<u>31.153.885.521</u>	<u>(27.230.406.013)</u>	<u>6.894.246.528</u>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162.695.833.297	449.159.506.134	(446.088.662.998)	165.766.676.433
Thuế xuất nhập khẩu	114.423.926	3.143.794.698	(3.108.047.783)	150.170.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.642.819.105	-	(1.642.819.105)	-
Khác	1.103.224	68.753.986	(69.857.210)	-
TỔNG CỘNG	<u>164.454.179.552</u>	<u>452.372.054.818</u>	<u>(450.909.387.096)</u>	<u>165.916.847.274</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiện ích	8.006.818.215	6.733.250.971
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.852.441.266	865.656.539
Chi phí lãi vay	566.877.481	355.833.026
TỔNG CỘNG	<u>10.426.136.962</u>	<u>7.954.740.536</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	3.327.930.639	2.326.315.136
Bảo hiểm xã hội	1.815.031.595	458.994.129
Cổ tức	327.500.530	327.500.530
Khác	2.152.642.514	2.090.980.524
TỔNG CỘNG	<u>7.623.105.278</u>	<u>5.203.790.319</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

20. VAY

	VND					
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái	Phân loại lại	Số cuối năm
Ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	440.977.812.760	1.419.216.531.185	(1.362.253.873.583)	7.184.571.442	-	505.125.041.804
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	168.560.000.000	-	(168.052.874.067)	2.956.034.839	349.036.588.119	352.499.748.891
Dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	409.136.361.334	701.665.674.002	-	30.698.381.541	(349.036.588.119)	792.463.828.758
TỔNG CỘNG	1.018.674.174.094	2.120.882.205.187	(1.530.306.747.650)	40.838.987.822	-	1.650.088.619.453

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay từ các ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động và xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex, chịu lãi suất dao động từ 3,5%/năm đến 7,54%/năm (đối với dư nợ ngoại tệ) và dao động từ 2,9%/năm đến 6%/năm (đối với dư nợ VND). Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	239.377.772.863	-	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	118.812.504.857	4.705.259	Từ ngày 8 tháng 2 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	73.695.801.030	2.918.530	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2025 đến ngày 23 tháng 5 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ngân hàng Worri Bank Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	49.466.694.102	1.958.999	Từ ngày 16 tháng 4 năm 2025 đến ngày 26 tháng 6 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Nguyên tệ</i> <i>USD</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TNHH CTBC	15.305.897.545	-	Từ ngày 28 tháng 4 năm 2025 đến ngày 25 tháng 5 năm 2025	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	8.466.371.407	-	Từ ngày 4 tháng 4 năm 2025 đến ngày 5 tháng 6 năm 2025	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>505.125.041.804</u>	<u>9.582.788</u>			

20.2 Vay dài hạn ngân hàng

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Nguyên tệ</i> <i>USD</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TNHH CTBC (*)	<u>1.144.963.577.649</u>	<u>45.343.296</u>	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 đến ngày 17 tháng 1 năm 2028	Xây dựng nhà máy sợi, dệt nhuộm Unitex	Nhà máy và quyền thuê đất
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>352.499.748.891</i>	<i>13.959.833</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>792.463.828.758</i>	<i>31.383.463</i>			

(*) Ngân hàng TNHH CTBC là ngân hàng đại lý cho khoản vay hợp vốn của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank, Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Thương mại Entie và Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun.

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH CTBC của Unitex được sự bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sợi thế kỷ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:						
Số đầu năm	843.638.250.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	697.818.768.611	1.541.090.058.483
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	87.799.332.687	87.799.332.687
Cổ tức công bố	122.730.990.000	-	-	-	(122.730.990.000)	-
Số cuối năm	<u>966.369.240.000</u>	<u>40.824.578.872</u>	<u>(42.410.550.000)</u>	<u>1.219.011.000</u>	<u>662.887.111.298</u>	<u>1.628.889.391.170</u>
Năm nay:						
Số đầu năm	966.369.240.000	40.824.578.872	(42.410.550.000)	1.219.011.000	662.887.111.298	1.628.889.391.170
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	23.652.718.980	42.410.550.000	-	-	66.063.268.980
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	12.402.343.658	12.402.343.658
Số cuối năm	<u>966.369.240.000</u>	<u>64.477.297.852</u>	<u>-</u>	<u>1.219.011.000</u>	<u>675.289.454.956</u>	<u>1.707.355.003.808</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	966.369.240.000	843.638.250.000
Tăng vốn	-	122.730.990.000
Số cuối năm	<u>966.369.240.000</u>	<u>966.369.240.000</u>
Cổ tức đã công bố	-	(122.730.990.000)
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	(122.730.990.000)

21.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	96.636.924	966.369.240.000	96.636.924	966.369.240.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	96.636.924	966.369.240.000	96.636.924	966.369.240.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(2.541.650)	(42.410.550.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	96.636.924	966.369.240.000	94.095.274	923.958.690.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	1.210.456.380.134	1.425.624.612.200
<i>Trừ:</i>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<u>(203.810.405)</u>	<u>(561.587.822)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.210.252.569.729</u>	<u>1.425.063.024.378</u>

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.517.244.914	20.372.266.603
Lãi tiền gửi	<u>358.462.148</u>	<u>10.689.149.403</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.875.707.062</u>	<u>31.061.416.006</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	68.640.905.956	36.722.383.104
Lãi tiền vay	<u>17.127.583.213</u>	<u>17.335.099.901</u>
TỔNG CỘNG	<u>85.768.489.169</u>	<u>54.057.483.005</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí vận chuyển	6.400.763.719	7.986.552.183
Phí phát hành thư tín dụng (L/C), chứng từ xuất khẩu	3.195.497.469	7.574.931.856
Phí hoa hồng bán hàng	1.115.428.363	554.678.691
Chi phí khác	<u>1.761.497.277</u>	<u>3.547.612.996</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.473.186.828</u>	<u>19.663.775.726</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	26.668.773.327	31.195.816.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.504.211.323	12.079.570.434
Chi phí phụ tùng, vật phẩm	9.008.201.335	9.579.378.915
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.480.304.462	1.499.423.578
Chi phí khác	5.660.682.404	6.085.506.397
TỔNG CỘNG	<u>52.322.172.851</u>	<u>60.439.695.454</u>

26. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí khấu hao khi dừng hoạt động	6.790.462.424	-
Chi phí khác	113.412.061	54.346.623
TỔNG CỘNG	<u>6.903.874.485</u>	<u>54.346.623</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	733.217.021.641	855.629.530.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.236.319.565	214.842.272.280
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	92.837.137.603	91.883.225.860
Chi phí nhân công	92.451.098.481	113.563.925.627
Chi phí khác	29.079.464.300	37.165.745.786
TỔNG CỘNG	<u>1.111.821.041.593</u>	<u>1.313.084.699.567</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- Đối với trụ sở Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- Đối với Chi nhánh Trảng Bàng, thuế TNDN áp dụng theo từng loại sản phẩm. Cụ thể:
 - Thu nhập từ sản phẩm Sợi kéo duỗi hoàn toàn (FDY) và Sợi xơ dài (DTY) được miễn thuế TNDN trong bốn năm (2011 - 2014) và được giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2015 - 2023). Thuế suất áp dụng thuế suất là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2011.
 - Thu nhập từ sản phẩm FDY và DTY mở rộng được miễn thuế trong bốn năm (2016 - 2019) và giảm 50% số thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2020 - 2028). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.
 - Thu nhập từ sản phẩm Sợi Polyester (POY) giai đoạn 3 được miễn thuế trong hai năm (2016 - 2017) và giảm 50% số thuế TNDN trong bốn năm tiếp theo (2018 - 2021). Thuế suất áp dụng là 10% trong vòng 15 năm từ năm 2016.

Báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do vậy, việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.481.093.224	5.936.938.896
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	967.481.631	(3.215.273.257)
Tổng cộng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.448.574.855	2.721.665.639
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	50.126.534	480.931.911
TỔNG CỘNG	6.498.701.389	3.202.597.550

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.901.045.047	91.001.930.237
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	3.780.209.011	18.200.386.047
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được trừ	7.252.956.634	1.547.561.822
Ưu đãi thuế ở Chi nhánh Trảng Bàng	(3.649.716.451)	(19.346.270.333)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	967.481.631	(3.215.273.257)
(Lỗ) lợi nhuận chưa thực hiện	(273.240.773)	5.358.258.602
(Sử dụng lỗ thuế) lỗ kết chuyển sang năm sau	(1.578.988.662)	657.934.669
Chi phí thuế TNDN	6.498.701.389	3.202.597.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả	1.587.585.218	2.019.826.977	(432.241.759)	(341.791.400)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	965.286.634	877.123.667	88.162.967	(73.359.524)
Chênh lệch tỷ giá	295.622.864	2.421.631	293.201.233	(64.178.601)
Trợ cấp thôi việc phải trả	44.649.891	43.898.866	751.025	(1.602.386)
TỔNG CỘNG	2.893.144.607	2.943.271.141		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(50.126.534)	(480.931.911)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hưng Lợi	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan do thành viên HĐQT của Công ty đầu tư

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Đặng Mỹ Linh	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Đặng Triệu Hòa	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.492.450.300	1.517.600.000
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Chen Che Jen	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Bà Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT	225.000.000	225.000.000
Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Hà Kiệt Trân	Thành viên BKS từ ngày 30 tháng 3 năm 2023	60.000.000	60.000.000
Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên ban kiểm soát	198.714.294	167.748.325
Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Phát triển Chiến lược	1.472.785.551	1.419.857.942
Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	936.636.843	836.885.835
TỔNG CỘNG		<u>5.270.586.988</u>	<u>5.112.092.102</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	12.402.343.654	87.799.332.687
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	95.741.837	94.095.274
Lãi trên cổ phiếu (<i>mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu</i>)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	130	933
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	130	933

(i) Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh để phản ánh việc bán 1.041.650 cổ phiếu quỹ cho nhân viên vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 và bán 1.500.000 cổ phiếu quỹ ra công chúng vào ngày 5 tháng 6 năm 2024.

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.227.965.559	1.961.680.720
Từ 1 đến 5 năm	2.103.976.448	2.364.405.800
Trên 5 năm	8.896.236.498	8.884.960.020
TỔNG CỘNG	<u>12.228.178.505</u>	<u>13.211.046.540</u>

32. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ chính:		
Đô la Mỹ (USD)	38.844	74.162
Đồng tiền chung Châu Âu (EURO)	25	-
Đồng Yên Nhật (JPY)	418.231	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CHI PHÍ DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu (“các Công ty EY”) phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phí soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty	310.000.000	310.000.000
Phí kiểm toán báo cáo tài chính của công ty con	50.000.000	50.000.000
Phí soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho mục đích đặc biệt của Nhóm Công ty	100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG	<u>460.000.000</u>	<u>460.000.000</u>

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Người lập
Nguyễn Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng
Phan Như Bích

Tổng Giám đốc
Đặng Triệu Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 3 năm 2025